



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 11 - 2022



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 11 - 2022



**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15/7/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch	
3	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch	
4	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực	
5	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc TT ĐTBCTV I	Ủy viên Thường trực	
6	TS. Nguyễn Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên	
7	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên	
8	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên	
9	TS. Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Ủy viên	
10	ThS. Trần Thị Khánh Ly	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên	
11	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng TT. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
12	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Phó trưởng TT. KT&ĐBCLGD Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên	
14	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyển Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên	
15	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
16	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng Phòng Quản lý KHCN&HTQT	Ủy viên	
17	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB - LĐ	Ủy viên	
18	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên	
19	ThS. Trần Vũ Hải	Phụ trách Văn phòng HV	Ủy viên	
20	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Ủy viên	
21	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên	
22	SV. Bùi Việt Hà	Sinh viên Lớp D20CQQT03	Ủy viên	
23	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV TT. KT&ĐBCLGD	Thư ký	

MỤC LỤC

Mục lục.....	1
Danh mục các chữ viết tắt	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT	9
1. Đặt vấn đề.....	9
2. Tổng quan chung	13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	37
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	37
Mở đầu.....	37
Tiêu chí 1.1:.....	37
Tiêu chí 1.2:.....	43
Tiêu chí 1.3:.....	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....</i>	51
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	52
Mở đầu.....	52
Tiêu chí 2.1:.....	52
Tiêu chí 2.2:.....	54
Tiêu chí 2.3:.....	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....</i>	57
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	58
Mở đầu.....	58
Tiêu chí 3.1:.....	58
Tiêu chí 3.2:.....	62
Tiêu chí 3.3:.....	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....</i>	68
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	69

Mở đầu	69
Tiêu chí 4.1:	70
Tiêu chí 4.2:	71
Tiêu chí 4.3:	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	76
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	77
Mở đầu	77
Tiêu chí 5.1:	77
Tiêu chí 5.2:	82
Tiêu chí 5.3	87
Tiêu chí 5.4:	90
Tiêu chí 5.5:	94
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	96
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	97
Mở đầu	97
Tiêu chí 6.1:	97
Tiêu chí 6.2:	100
Tiêu chí 6.3:	104
Tiêu chí 6.4:	106
Tiêu chí 6.5:	108
Tiêu chí 6.6:	111
Tiêu chí 6.7:	114
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	119
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	120
Mở đầu	120
Tiêu chí 7.1:	120
Tiêu chí 7.2:	123

Tiêu chí 7.3:	125
Tiêu chí 7.4:	128
Tiêu chí 7.5:	130
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	133
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	134
Mở đầu	134
Tiêu chí 8.1:	135
Tiêu chí 8.2:	139
Tiêu chí 8.3:	144
Tiêu chí 8.4:	148
Tiêu chí 8.5:	154
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	157
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	158
Mở đầu	158
Tiêu chí 9.1:	158
Tiêu chí 9.2:	160
Tiêu chí 9.3:	164
Tiêu chí 9.4:	168
Tiêu chí 9.5:	171
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	175
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	175
Mở đầu	175
Tiêu chí 10.1:	176
Tiêu chí 10.2:	180
Tiêu chí 10.3:	183
Tiêu chí 10.4:	187
Tiêu chí 10.5:	189

Tiêu chí 10.6:	194
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	198
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	199
Mở đầu	199
Tiêu chí 11.1:	199
Tiêu chí 11.2:	202
Tiêu chí 11.3:	205
Tiêu chí 11.4:	209
Tiêu chí 11.5:	212
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	217
PHẦN III. KẾT LUẬN	218
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	218
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.	225
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	229
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành QTKD	237
PHẦN IV. PHỤ LỤC	240
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành QTKD	240
Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan	265
Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (Kèm theo quyển Danh mục minh chứng)	299

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Ban chấp hành	BCH
2.	Ban Thường vụ	BTV
3.	Bảo hiểm xã hội	BHXH
4.	Bảo hiểm y tế	BHYT
5.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
6.	Cách mạng công nghiệp	CMCN
7.	Cán bộ quản lý	CBQL
8.	Cán bộ viên chức	CBVC
9.	Cán bộ, viên chức, người lao động	CBVCNLD
10.	Cature the Flag (Cuộc thi bảo mật thông tin)	CTF
11.	Câu lạc bộ	CLB
12.	Chính trị và Công tác sinh viên	CT&CTSV
13.	Chuẩn đầu ra	CĐR
14.	Chương trình đào tạo	CTĐT
15.	Chương trình dạy học	CTDH
16.	Chuyển giao công nghệ	CGCN
17.	Cơ sở dữ liệu	CSDL
18.	Cơ sở Học viện	CSHV
19.	Cơ sở vật chất	CSVC
20.	Cổ vấn học tập	CVHT
21.	Chỉ số hoạt động chính	KPI
22.	Công đoàn cơ sở	CĐCS
23.	Công nghệ thông tin	CNTT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
24.	Công tác sinh viên	CTSV
25.	Đại học chính quy	ĐHCQ
26.	Đại học từ xa	ĐHTX
27.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
28.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
29.	Đào tạo và Khoa học công nghệ	ĐT&KHCN
30.	Đề cương chi tiết	ĐCCT
31.	Đề cương học phần	ĐCHP
32.	Điện tử viễn thông	ĐTVT
33.	Đồ án tốt nghiệp	ĐATN
34.	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	ĐAKLTN
35.	Giảng viên	GV
36.	Giảng viên hướng dẫn	GVHD
37.	Giáo dục đại học	GDDH
38.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
39.	Giáo sư	GS
40.	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
41.	Học phần	HP
42.	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Học viện
43.	Institute for Scientific Information	ISI
44.	Kết quả học tập	KQHT
45.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD
46.	Khoa học công nghệ	KHCN
47.	Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế	KHCN-HTQT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
48.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
49.	Kiểm tra đánh giá	KTĐG
50.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	KTĐT-VT
51.	Ký túc xá	KTX
52.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại Hà Nội	BVH
53.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại TP HCM	BVS
54.	Mô tả công việc	MTCV
55.	Ngân hàng câu hỏi thi	NHCHT
56.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
57.	Nghiên cứu sinh	NCS
58.	Nghiên cứu viên	NCV
59.	Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
60.	Nhân viên	NV
61.	Phó Giáo sư	PGS
62.	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
63.	Phục vụ cộng đồng	PVCĐ
64.	Phương pháp dạy học	PPDH
65.	Quản lý đào tạo	QLĐT
66.	Quản lý và Đào tạo phía Bắc	QL&ĐTPB
67.	QTKD	QTKD
68.	Quyết định	QĐ
69.	Sinh viên	SV
70.	Sinh viên tốt nghiệp	SVTN
71.	Thạc sỹ	ThS

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
72.	Thể dục thể thao	TDTT
73.	Thi đua khen thưởng	TĐKT
74.	Thí nghiệm thực hành	TNTH
75.	Thông tin và Truyền thông	TT&TT
76.	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
77.	Tiến sỹ	TS
78.	Tín chỉ	TC
79.	Tổ chức cán bộ - Lao động	TCCB-LĐ
80.	Trung học phổ thông	THPT
81.	Tự đánh giá	TĐG
82.	Ủy ban kiểm tra	UBKT
83.	Vừa học vừa làm	VHVL

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt Báo cáo Tự đánh giá Chương trình đào tạo

Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) thuộc Học viện là đơn vị có lịch sử hình thành và bề dày thành tích, đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Học viện, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng lần thứ tư (CM 4.0) và công cuộc chuyển đổi số của ngành thông tin và truyền thông. Khoa QTKD thường xuyên quan tâm đến việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành và các chuyên ngành thuộc Khoa.

Với những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển, Học viện đã chỉ đạo Khoa QTKD triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành QTKD bao gồm 11 nội dung gồm: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTĐT; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; nâng cao chất lượng; kết quả đầu ra.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QTKD được cấu trúc thành 4 phần, gồm: Phần I- Khái quát; Phần II- Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III- Kết luận; Phần IV- Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD theo các tiêu chí, tiêu chuẩn. Phần này mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan; báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình tự đánh giá, bản báo cáo mô tả hiện trạng, tóm tắt về sứ

mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện và Khoa QTKD .

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT; (2) Bản Mô tả hiện trạng CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (6) Đội ngũ giảng viên; (7) Đội ngũ nhân viên; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra.

Tại từng tiêu chuẩn, tiêu chí, bản báo cáo đều mô tả hiện trạng và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Sau khi mô tả hiện trạng và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bản tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD thuộc Học viện.

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các phụ lục về cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành QTKD, các quyết định và văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ:

[H1.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, đặt ở hộp 10.

b) Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của bản báo cáo TĐG; sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, ...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành QTKD sẽ giúp Học viện và Khoa QTKD đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo Cử nhân ngành QTKD so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Học viện; tự xem xét, đánh giá CTĐT của Học viện để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành QTKD, điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra, hoàn thành sứ mạng của Học viện đối với xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện việc giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa QTKD trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội; Tự đánh giá CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản,

đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch; giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành QTKD theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành QTKD hiệu quả hơn.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

Quy trình Tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKD được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá

Khoa QTKD tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng Học viện, qua các thông tin và hệ thống các minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2017-2022 (từ 01 tháng 7 năm 2017 đến 30 tháng 6 năm 2022).

Công cụ và phương pháp tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Xây dựng kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được thành lập theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Học viện, thành phần gồm: Hội đồng Học viện; Ban Giám đốc Học viện; các cán bộ, giảng viên của Khoa QTKD 1&2; cán bộ, viên chức các Viện, trung tâm và phòng chức năng Học viện. Hội đồng Tự đánh giá CTĐT đại học chính quy ngành QTKD có 23 thành viên; Ban thư ký có 15 thành viên và 9 nhóm công tác chuyên trách.

Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo trực tiếp công tác tự đánh giá; các Viện, trung tâm, phòng chức năng, Ban Thư ký cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của người học, cựu SV và nhà tuyển dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc viết báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác chuyên trách tiếp nhận thông tin, minh chứng để biên soạn báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn được phân công; căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa QTKD là đơn vị chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo tiến hành biên soạn báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD theo các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Học viện

Học viện - Trường đại học công lập trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện sứ mạng nghiên cứu khoa học, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông, với mục tiêu “*Xây dựng Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông trở thành Học viện trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại Việt Nam*”.

Học viện là cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, trong đó tập trung vào lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), đây luôn là thế mạnh

của Học viện với 25 năm kinh nghiệm gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh.

Học viện có hai Cơ sở đào tạo tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, có các viện nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và Trung tâm đào tạo bồi dưỡng; có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học tiên tiến; có đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ. Học viện định hướng phát triển thành đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Học viện hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT về giáo dục và đào tạo, của Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của Chính phủ. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm đào tạo bồi dưỡng thuộc Học viện có quyền tự chủ, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Triết lý giáo dục của Học viện “*Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*”, đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, của đất nước, của nhân loại. Trong đó:

Tri thức: Tri thức là tài sản lớn nhất của một trường đại học trong vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Mỗi cá nhân muốn thành tài tất yếu phải trải qua quá trình tích lũy tri thức. Sáng tạo và chuyển giao tri thức là sứ mệnh của Học viện, vì vậy yêu cầu đầu tiên trong quá trình giáo dục tại Học viện là giúp người học tích lũy đủ về tri thức.

Sáng tạo: Sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới và có ích cho thực tiễn từ những tri thức mà con người tích lũy được. Sáng tạo là cách sử dụng tri thức, vận dụng tri thức để hiểu được, quản lý được và dự báo được những thay đổi đang diễn ra trong xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng khi xã hội đang thay đổi ngày một nhanh chóng như hiện nay.

Đạo đức: Đạo đức là những chuẩn mực tốt đẹp trong tính cách của con người, mang đậm giá trị truyền thống tốt đẹp của con người nói chung và người Việt Nam nói

riêng. Hoạt động đào tạo của Học viện hướng tới tạo ra những con người mang đậm giá trị văn hóa của dân tộc, của ngành trong hoạt động giáo dục của Học viện.

Trách nhiệm: Trách nhiệm là lý trí quan trọng để mỗi cá nhân trở nên có ích cho xã hội. Giáo dục phải giúp con người biết có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với cộng đồng, với đất nước.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục; trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu Châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

Sứ mạng

Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình.

Phương châm hành động

“Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bút phá”

Làm gương là người đứng đầu nêu gương, đi đầu dẫn dắt, tháo gỡ khó khăn.

Kỷ cương là mỗi cá nhân luôn nêu cao tinh thần kỷ luật, giữ nghiêm đạo đức công vụ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trọng tâm là chọn việc quan trọng, có ý nghĩa then chốt mà nếu giải quyết được thì các việc khác sẽ tự giải quyết được.

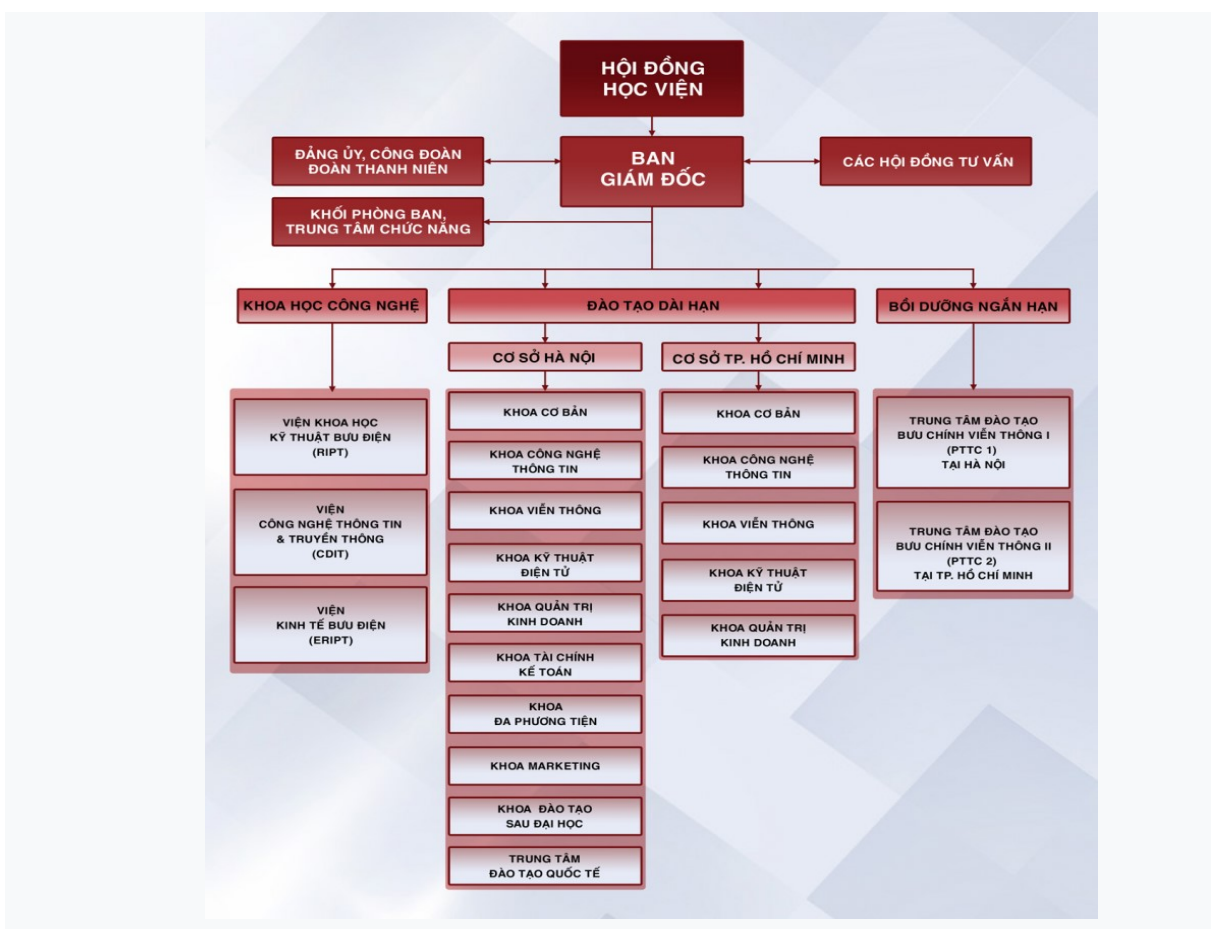
Bút phá là khát vọng lớn, mục tiêu cao, cách tiếp cận mới, lời giải đột phá, độc đáo để biến việc khó thành dễ.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và đứng trước yêu cầu đổi mới của công cuộc chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành thông tin, truyền thông và xã hội, Học viện luôn xác định việc

thường xuyên cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo là yêu cầu quan trọng để xây dựng uy tín, thương hiệu của Học viện trước người học và xã hội.

Học viện có 2 cơ sở đào tạo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô 29.000 người học. Học viện cũng có 03 Viện nghiên cứu chuyên ngành về CNTT, truyền thông, khoa học kỹ thuật Bưu điện, kinh tế với hàng trăm đề tài, nhiệm vụ KHCN hàng năm theo cơ chế đặt hàng từ doanh nghiệp. 02 trung tâm đào tạo bồi dưỡng của Học viện cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn với lưu lượng người học đạt hơn 10.000 người/năm.

2.1.1 Cơ cấu tổ chức Học viện



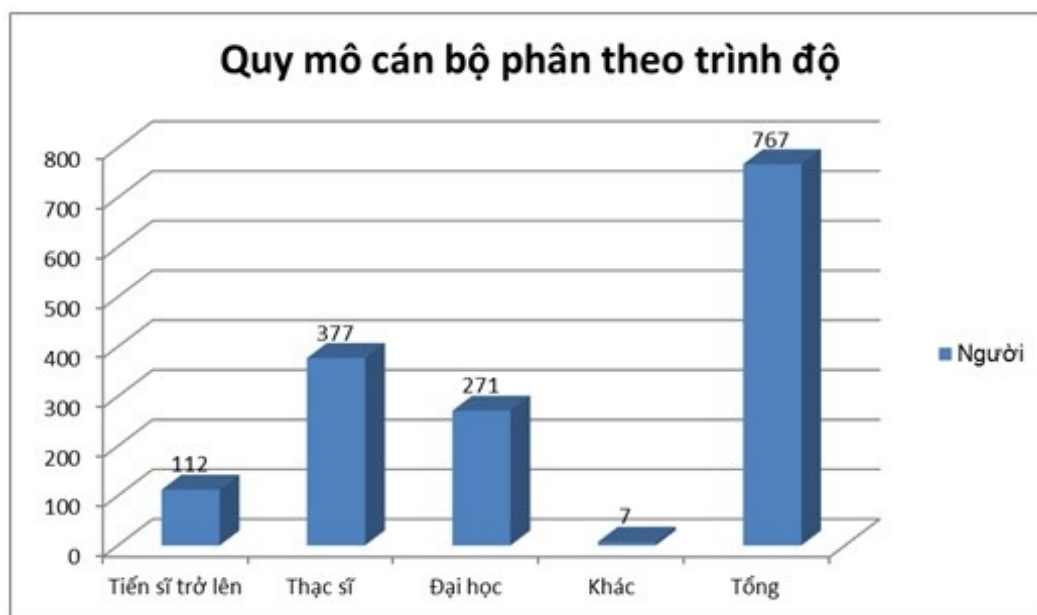
Hình 1. 1: Cơ cấu tổ chức của Học viện

2.1.2 Nguồn nhân lực của Học viện

Xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá, Học viện luôn quan tâm bồi dưỡng và phát triển “*vốn con người*”. Thời gian qua, Học viện đã xây dựng và phát triển cơ cấu nguồn nhân lực một cách bền vững.

Tổng số Cán bộ, giảng viên, Nghiên cứu viên, nhân viên của Học viện tính đến 31 tháng 12 năm 2021 là 720 người; trong đó tổng số Giảng viên của Học viện là 459 GV (63,75%); cơ cấu 459 Giảng viên của Học viện như sau: 4 Giáo sư (0,87%); 28

Phó giáo sư (6,10%), 141 tiến sĩ (30,72%), 257 thạc sĩ (55,99 %), 29 đại học (6,32%); 100% GV đại học đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.



Hình 1. 2: Nguồn nhân lực của Học viện

2.1.3 Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 được ban hành theo quyết định số 156/QĐ-HV ngày 05/3/2020 của Giám đốc Học viện và được điều chỉnh theo Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 của Hội đồng Học viện, nội dung trọng tâm của chiến lược:

a) Mục tiêu chung: Đến năm 2025 Học viện trở thành trung tâm về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông với các Cơ sở giáo dục, Viện nghiên cứu trực thuộc và có hai sản phẩm chính là:

- Sản phẩm giáo dục, đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng đạt chuẩn quốc tế và khu vực.

- Sản phẩm nghiên cứu khoa học được quốc tế công nhận và chuyển giao sử dụng trong doanh nghiệp và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

* Mục tiêu về đào tạo và bồi dưỡng:

- Học viện có cơ sở đào tạo trực thuộc theo mô hình trường thuộc Học viện.

- Học viện có đầy đủ các trình độ đào tạo, với các loại hình đào tạo đa dạng đáp ứng yêu cầu người học.

- Học viện có đủ các ngành đào tạo trong lĩnh vực điện tử viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí và truyền thông, QTKD và quản lý đạt chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là yêu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0.

- Các CTĐT của Học viện được xây dựng và kiểm định theo chuẩn khu vực và quốc tế; liên thông với chương trình đào tạo của các Học viện tiên tiến trên thế giới.

- Học viện có hệ đào tạo bồi dưỡng bám sát các ngành/ngành đào tạo dài hạn, linh hoạt đáp ứng tốt nhu cầu của SV, học viên Học viện, của doanh nghiệp trong ngành thông tin truyền thông và của xã hội.

** Mục tiêu về khoa học và công nghệ*

- Học viện có các nhóm nghiên cứu và các Viện nghiên cứu mạnh với nhiều đề tài, nhiệm vụ các cấp.

- Học viện có số lượng công bố, bài báo quốc tế (ISI/Scopus) và số lượt trích dẫn thuộc nhóm Học viện dẫn đầu ở Việt Nam.

- Học viện sở hữu các phát minh, bằng sáng chế có giá trị.

- Học viện có các sản phẩm khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao, được chuyển giao cho doanh nghiệp và thương mại hóa.

** Mục tiêu về hợp tác quốc tế:*

- Học viện có mạng lưới hợp tác quốc tế rộng về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Học viện có các hoạt động trao đổi chuyên môn, SV, giảng viên thường xuyên với các Học viện, tổ chức nghiên cứu tiên tiến trên thế giới.

- Học viện có môi trường quốc tế hóa cao, thu hút SV nước ngoài theo học.

** Mục tiêu về SV và kết nối cộng đồng:*

- Học viện có hệ thống hỗ trợ hành chính cho người học hiệu quả.

- Học viện có môi trường khuyến khích SV sáng tạo và khởi nghiệp.

- Học viện có các hoạt động hướng nghiệp và kết nối với doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm hiệu quả.

- Học viện duy trì và có hoạt động kết nối cựu SV đạt hiệu quả cao.

** Mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học*

- Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

- Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp.

- Đời sống của công chức, viên chức và người lao động trong Học viện đảm bảo.

- Học viện có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của Học viện.

** Mục tiêu về tài chính và cơ sở vật chất*

- Học viện có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy, được hoàn thiện và nâng cấp hàng năm.

- Học viện có hệ thống phòng Lab thí nghiệm thực hành hiện đại, hàng năm được đầu tư và cập nhật đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập.

- Học viện có doanh thu tăng trưởng ổn định qua các năm, đảm bảo chi phí và tích lũy với cơ cấu nguồn thu hợp lý.

2.1.4 Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Bên cạnh những ngành nghề đào tạo đã có uy tín vững chắc trong nhiều năm qua, Học viện cũng đã năng động, sáng tạo mở thêm nhiều ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu về nguồn nhân lực như ngành Công nghệ Đa phương tiện, Truyền thông Đa phương tiện, Thương mại Điện tử, Công nghệ Tài chính, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, ... Chất lượng đào tạo luôn được Học viện quan tâm, cải tiến không ngừng cùng với sự quyết tâm ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, phương pháp giảng dạy. Các dự án nghiên cứu, dự án hợp tác quốc tế với các tổ chức, tập đoàn lớn như Samsung, Vingroup, Viettel, VNPT, NAVER, FPT... cũng được tăng cường xúc tiến nhằm đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm nghiên cứu, đổi mới chương trình đào tạo.

Hệ thống đào tạo và cấp bằng của Học viện bao gồm nhiều cấp độ tùy thuộc vào thời gian đào tạo và chất lượng đầu vào của các học viên. Học viện thực hiện các khoá đào tạo bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ theo chương trình chuẩn quốc gia và quốc tế theo các hình thức khác nhau như tập trung, phi tập trung, liên thông, đào tạo từ xa...; tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ trong các lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông, CNTT, QTKD, an toàn thông tin, công nghệ đa phương tiện, ...

Các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy tuyển sinh năm 2022: Kế toán; Kỹ thuật Điện tử viễn thông; Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử; QTKD; Thương mại điện tử; Marketing; Công nghệ đa phương tiện; Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Công nghệ tài chính Fintech, Khoa học máy tính, Báo chí, Công nghệ Internet vạn vật.

Năm 2022, Học viện tuyển sinh 05 ngành đào tạo tiến sỹ, 04 ngành đào tạo thạc sỹ, 13 ngành đào tạo hệ đại học chính quy với 3.820 chỉ tiêu, trong đó có 02 ngành đào tạo ưu tiên là CNTT và An toàn thông tin; 03 ngành đào tạo đại học từ xa và vừa làm vừa học, với 1400 chỉ tiêu.

Quy mô đào tạo tính đến 30/6/2022: Tổng số người học trình độ tiến sỹ là 66 người, thạc sỹ là 346 người, SV hệ đại học chính quy là 13.222, SV hệ ĐHTX là 874 người và SV hệ VLVL là 431 người.

2.1.5 Hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Hợp tác quốc tế:

Với vai trò là đơn vị đào tạo chủ lực của ngành Thông tin và truyền thông, Học viện đã xây dựng và thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức nghiên cứu, trường đại học, học viện, nhiều doanh nghiệp lớn trong khu vực và trên thế giới.

Học viện đã thực hiện được 05 dự án nghiên cứu khoa học quốc tế, hợp tác nghiên cứu với 12 tổ chức quốc tế, tập đoàn Đa quốc gia như Samsung, Naver, Qualcomm, Motorola, Erikson, KDDI, Viện nghiên cứu quốc gia Nhật bản NICT, Tổ chức viễn thông Châu Á Thái bình dương APT, Tổ chức Asean-IVO, Cục Công nghiệp CNTT Đài Loan, tổ chức Erasmus+, ICCO của Châu Âu... Năm 2021 tập đoàn Naver Hàn Quốc đã tài trợ cho Học viện dự án hợp tác NCKH gần 6 tỷ VNĐ, trong tháng 06 năm 2021 Học viện cũng đã bắt đầu triển khai cụ thể các hợp tác với Tập đoàn Qualcomm.

b) Hoạt động khoa học công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ của Học viện có chiều hướng tăng trưởng tốt và có sức lan tỏa, tuy nhiên trong thời gian tới cần chiến lược phát triển có chiều sâu và bền vững để hình thành những nhóm nghiên cứu mạnh, thể hiện vai trò của Học viện với ngành Thông tin và Truyền thông trong việc dẫn dắt định hướng, làm chủ và phát triển các giải pháp công nghệ nền tảng trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia.

Với những kết quả về nghiên cứu khoa học giai đoạn 2017-2022, Học viện xếp thứ 11 tại Việt Nam và hạng 773 trên thế giới với điểm chung cuộc theo bảng xếp hạng năm 2020 của tổ chức SCIMAGO (tổ chức xếp hạng các cơ sở nghiên cứu khoa học - Tây Ban Nha). Tuy nhiên, nếu xét riêng từng tiêu chí, thì thứ hạng của Học viện theo ba tiêu chí hiệu suất nghiên cứu, kết quả đổi mới và tác động xã hội lần lượt là

492, 450 và 238. Trong xếp hạng mới nhất của Webometric tháng 5 năm 2021, Học viện hiện đang nằm trong Top 15 các trường đại học của Việt Nam.

Theo số liệu công bố quốc tế trong CSDL WoS, Scopus và WoS & Scopus của Việt Nam nói chung và các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) nói riêng trong giai đoạn 2014-2018, Học viện có 419 số bài báo WoS & Scopus và đứng thứ 16 trong tổng số 30 trường đại học có số bài báo khoa học cao nhất cả nước.

Kết quả cụ thể về hoạt động khoa học công nghệ đạt được giai đoạn 2017-2022:

** Tăng trưởng công bố quốc tế và đăng ký bản quyền sáng chế*

Học viện có 474 bài báo công bố chất lượng quốc tế (năm 2021: Học viện thực hiện 19 nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước, 15 đề tài KH&CN cấp Bộ, có hơn 60 bài báo ISI/Scopus so với 28 bài năm 2017 nhờ cơ chế Hỗ trợ đối với bài báo ISI đối với cán bộ, GV trong Học viện); có 05 bản quyền quốc tế của cán bộ Học viện đăng ký tại Mỹ và Anh; tổ chức thành công hàng năm từ 2 đến 3 Hội nghị hội thảo quốc gia, quốc tế về Khoa học Công nghệ, góp phần phát triển 04 số Tạp chí Khoa học Công nghệ của Học viện; thành lập và phát triển 06 nhóm nghiên cứu khoa học trọng điểm bước đầu có những thành quả nhất định (Vô tuyến di động, 5G; An toàn Thông tin; BlockChain; Học máy Ứng dụng; Toán Ứng dụng; IoT tích hợp Hệ thống; Chuyển đổi số). Đặc biệt, hoạt động của Câu lạc bộ Khoa học Công nghệ trẻ được thúc đẩy và đã có những thành tựu đáng kể đó là cán bộ trẻ đang chủ trì 06 nhiệm vụ Nhà nước và 02 dự án quốc tế.

** Tăng cường Hợp tác quốc tế trong Khoa học Công nghệ*

Học viện đã thực hiện được 05 dự án nghiên cứu khoa học quốc tế, hợp tác nghiên cứu với 12 tổ chức quốc tế, tập đoàn Đa quốc gia như Samsung, Naver, Qualcomm, Motorola, Erikson, KDDI, Viện nghiên cứu quốc gia Nhật bản NICT, Tổ chức viễn thông Châu Á Thái bình dương APT, Tổ chức Asean-IVO, Cục Công nghiệp CNTT Đài Loan, tổ chức Erasmus+, ICCO của Châu Âu... Năm 2021 tập đoàn Naver Hàn Quốc đã tài trợ cho Học viện gói dự án hợp tác NCKH gần 6 tỷ VNĐ, trong tháng 06 năm 2021 Học viện đã triển khai cụ thể các hợp tác với Tập đoàn Qualcomm.

** Thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp và hợp tác với doanh nghiệp, địa phương*

Học viện hiện vẫn duy trì và là đơn vị đứng đầu các Học viện thực hiện các nhiệm vụ và 100% nghiệm thu đúng hạn các chương trình KHCN cấp nhà nước thuộc chương trình Chính phủ điện tử, CMCN 4.0, chương trình cấp thiết địa phương và chương trình vũ trụ, quỹ Nafosted với 20 nhiệm vụ tổng kinh phí tương đương 80 tỷ VNĐ.

Học viện đẩy mạnh hợp tác phát triển các quan hệ với các Tập đoàn, doanh nghiệp, hiệp hội ICT và với các địa phương. Dưới sự hỗ trợ của Bộ Thông tin Truyền thông và các Bộ, Ngành liên quan, Học viện đã duy trì và phát triển các các hợp tác hiệu quả với 06 tập đoàn doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về ICT (Vietel, VNPT, MobiFone, VinGroup, CMC, FPT) và hàng trăm doanh nghiệp ICT tại Việt Nam. Một số các hợp tác hiệu quả như Viettel tài trợ Lab nghiên cứu 4G/5G, hợp tác với VNPT phát triển dịch vụ xác thực EzCheck-VNPTcheck, hệ thống kiểm soát trực thông minh Ezsite của Viện CDIT cho MobiFone. VinGroup tài trợ 01 dự án về nghiên cứu chip siêu dẫn quang 8 tỷ VNĐ, tài trợ nghiên cứu cho 06 Nghiên cứu sinh của Học viện trị giá 900 triệu VNĐ.

Các giải pháp về Sở tay Đảng viên điện tử, sở tay nhà nông điện tử, hệ sinh thái kết nối SV, an sinh điện tử, các giải pháp số hóa tương tác thông minh trong giáo dục đang được triển khai và bước đầu được đánh giá cao tại một số địa phương.

** Công tác nghiên cứu khoa học trong SV*

Học viện luôn chú trọng công tác nghiên cứu khoa học trong SV. Hàng năm SV thực hiện hơn 100 nhiệm vụ khoa học công nghệ và liên tục đạt các giải cao trong các kỳ thi quốc gia quốc tế về khoa học công nghệ như giải nhất Olympic Toán và Tin học (ACM), giải nhì SV nghiên cứu khoa học năm 2019, giải nhì cuộc thi IoT khối Asean. Năm 2019, 2020 Học viện xúc tiến 03 chương trình Khởi nghiệp theo đề án 844 của Nhà nước (kinh phí 3 tỷ VNĐ) và thành lập Trung tâm Khởi nghiệp trong tháng 06 năm 2021.

2.1.6 Công tác chuyển đổi số tại Học viện

Thực hiện “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng chính phủ và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Học viện triển khai chuyển đổi số theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ” vào năm 2025, xây dựng “Học viện Số” đầu tiên ở Việt Nam và làm hình mẫu Đại học chuyển đổi số quốc gia, hướng

đến Đại học số tiêu biểu của khu vực ASEAN và thuộc nhóm 10 Học viện chuyển đổi số hàng đầu Châu Á.

Với định hướng theo mô hình “*Quốc gia số thu nhỏ*”, Học viện xây dựng phương án chuyển đổi số theo 03 trụ cột lớn là (1) Phát triển hệ thống quản trị số, (2) Cung ứng dịch vụ số và (3) Phát triển xã hội số - thu hẹp khoảng cách số. Đồng thời Học viện cũng đặt 05 trọng tâm trong xây dựng “*Học viện Số*” gồm (1) Học liệu số; (2) Nền tảng số; (3) GV số; (4) SV số; (5) Môi trường số. Đồng thời, hoạt động triển khai chuyển đổi số trong Học viện ứng dụng triệt để chủ trương xây dựng và ứng dụng các nền tảng số “*Make in Vietnam*”.

Mục tiêu đến năm 2025, Học viện sẽ tập trung vào phát triển hệ thống quản trị số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; cung ứng các dịch vụ giáo dục và đào tạo 100% trên nền tảng công nghệ giáo dục số, xem xét thành lập “*Trường đào tạo công nghệ số*” đầu tiên ở Việt Nam trực thuộc Học viện; phát triển hệ sinh thái số tương tác giữa SV Học viện với doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng nền tảng phát triển mạng xã hội SV Việt Nam.

Kể từ năm 2021, Học viện lựa chọn các giải pháp trọng tâm và đột phá với việc mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu nền kinh tế số, song song với việc duy trì và cải thiện chất lượng đào tạo. Cách làm mới của Học viện là đặt mục tiêu chủ động tăng trưởng quy mô tuyển sinh và đa dạng hóa ngành nghề, đẩy mạnh kiểm định chất lượng ngay từ khi xác định kế hoạch năm 2021 và để các công tác của Học viện đồng bộ và phấn đấu đáp ứng mục tiêu kể trên. Việc mở rộng quy mô và đa dạng ngành nghề đi đôi với chất lượng giúp tăng cường nguồn thu tương xứng với tiềm lực của Học viện, giúp Học viện chiếm lĩnh thị trường mới, qua đó khẳng định vị thế, nâng cao đời sống cán bộ Học viện. Việc phát triển toàn diện cả về quy mô, nguồn lực, chất lượng sẽ được Học viện tiếp tục thực hiện trong 5 năm tới theo tinh thần chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Quá trình triển khai chuyển đổi số, Học viện đã đạt được những kết quả bước đầu như: Ứng dụng công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo (PTIT-Slink); ứng dụng thực hành ảo, phòng điều hành số và phòng học thông minh. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Edusoft.NET); cổng thông tin quản lý đào tạo, hệ thống quản lý lớp học trực tuyến (LMS) đã đi vào hoạt động hiệu quả.

Trong một Học viện số, con người và thiết bị đều có hiện diện số, tương tác số để thông minh hóa và tối ưu hóa các hoạt động. Với mã định danh, SV có thể kết nối với app (ứng dụng) hoặc nền tảng chung của Học viện để giải quyết các vấn đề ngoài việc học như thanh toán học phí, truy cập thư viện điện tử, đăng ký KTX, mua bán hàng, gửi xe... Qua đó có thể giảm bớt thời gian, căng thẳng không đáng có, tập trung được nhiều năng lượng hơn cho việc học tập. Đồng thời, SV có thể sử dụng các bảng tương tác thông minh, học liệu số, quản trị học tập số để học từ xa, có những trải nghiệm cá nhân hóa... để gia tăng hiệu quả học tập. Đối với GV, công nghệ sẽ giúp giảm thời gian lên lớp trực tiếp, nắm bắt sát sao kết quả học tập của SV để kịp thời cung cấp kiến thức còn thiếu cho SV. Tất cả hoạt động của người học và GV được kết nối giao dịch trên một nền tảng chung có tính mở và liên tục được cập nhật, hoàn thiện. Kết quả đạt được đến thời điểm hiện tại:

- Trong các kỳ tuyển sinh từ năm 2021, hệ thống xét tuyển trực tuyến đã được Học viện triển khai đi vào hoạt động, với hơn 9.000 tài khoản đã được khai báo phục vụ cho việc xét tuyển, thí sinh sẽ được cấp 1 tài khoản duy nhất để sử dụng từ việc đăng ký xét tuyển, xác nhận nhập học, nộp hồ sơ, nhập học và vào học chính thức. Đặc biệt, thí sinh còn được cấp mã định danh đã được liên kết với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) để phục vụ cho việc thanh toán trực tuyến (online) các khoản kinh phí theo quy định. Sau khi nhập học tại Học viện, SV có thể sử dụng mã định danh điện tử để thực hiện đăng ký học phần, kiểm tra lịch học và GV giảng dạy; mượn sách, kiểm tra việc đóng học phí; đặt trước các dịch vụ do Học viện cung cấp và thanh toán online.

- Ngày 09/12/2021, tại Lễ Vinh danh Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2021, Học viện là một trong các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp được bình xét ở hạng mục Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc, với hệ sinh thái PTIT S-Link phục vụ công tác chuyển đổi số giáo dục đại học nhằm tới mục tiêu đặt người học làm trung tâm của mọi nghiệp vụ, quy trình. Ứng dụng đã được triển khai tại Học viện kể từ năm 2020, với số tài khoản người dùng đạt trên 13.000 tài khoản. Đây là giải thưởng danh giá, tôn vinh thành tựu của 53 tổ chức được vinh danh chuyển đổi số xuất sắc tại Việt Nam.

Kết quả của việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học của Học viện có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn cả nước đang phải đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp; trong tương lai sẽ góp phần hình thành và

phát triển được hệ sinh thái số hỗ trợ toàn diện mọi hoạt động cho người học và cho Học viện.

2.1.7 Các hoạt động đảm bảo chất lượng

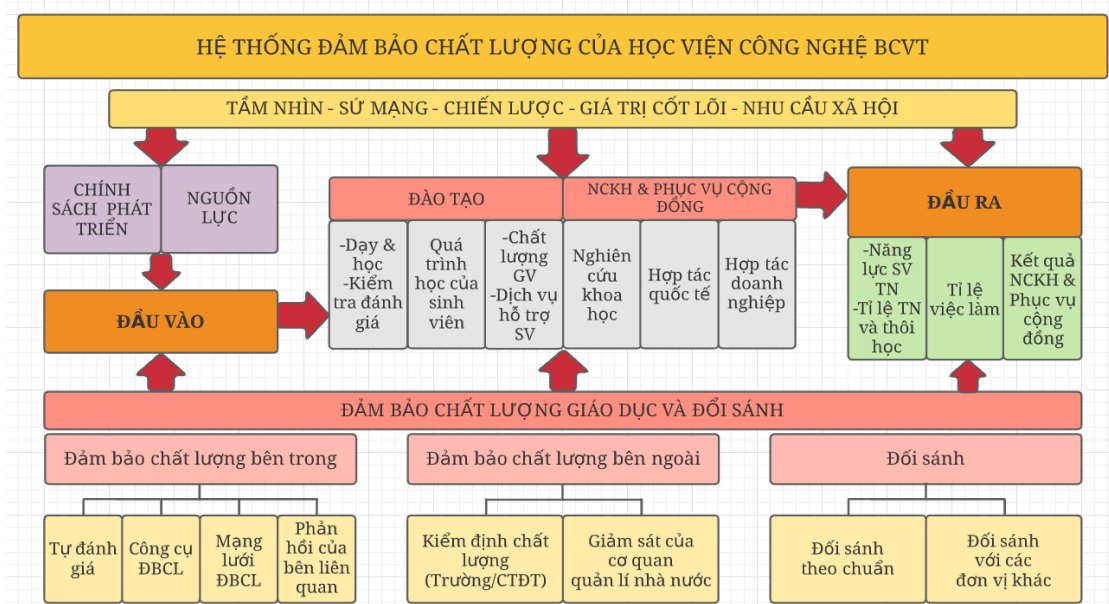
Với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phấn đấu đến năm 2030 Học viện nằm trong nhóm 100 Học viện hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia, hoạt động ĐBCL giáo dục được Học viện xác định là một trong những khâu quan trọng để nâng cao cũng như khẳng định chất lượng đào tạo đối với xã hội.

Ngày 09/01/2018, Học viện được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 03/QĐ-KĐCLGD.

Năm 2022, Học viện xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá để đăng ký kiểm định CLGD với 05 chương trình đào tạo trình độ đại học và cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Học viện

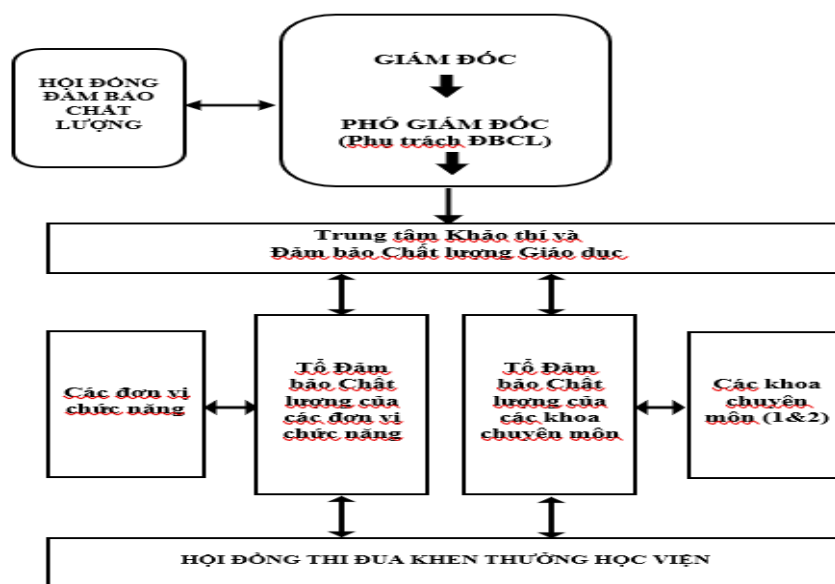
Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Học viện được mô tả trong Hình 1.3 là sơ đồ mô hình bao gồm các chính sách, quy định, quy trình, phân bổ nguồn lực, đào tạo con người, Hoạt động của hệ thống ĐBCL như tự đánh giá cấp chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn MOET, khảo sát ý kiến các bên liên quan (về chất lượng giảng dạy, môi trường làm việc, quản lý và phục vụ cộng đồng, ...) có đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và đào tạo của Học viện.



Hình 1. 3: Sơ đồ mô hình đảm bảo chất lượng bên trong Học viện

b) Hệ thống vận hành đảm bảo chất lượng của Học viện

Mô hình tổ chức mạng lưới Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Học viện với Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục gồm 71 thành viên được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả. Hội đồng Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ tư vấn cho Ban giám đốc Học viện các vấn đề liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng. Trung tâm khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (TTKT&ĐBCLGD) với vai trò điều phối chung, tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác ĐBCL. Các Tổ ĐBCL ở các đơn vị thuộc Học viện có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác ĐBCL tại từng đơn vị theo qui trình PDCA (*Plan-Do-Check-Action*) và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Học viện.



Hình 1. 4: Sơ đồ Mạng lưới Đảm bảo chất lượng của Học viện

2.2 Tổng quan về Khoa QTKD và Chương trình đào tạo ngành QTKD

2.2.1 Tổng quan về Khoa QTKD 1&2

Học viện có hai cơ sở đào tạo đại học tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, do điều kiện khoảng cách về địa lý, Học viện thành lập 02 đơn vị thực hiện chương trình đào tạo ngành QTKD là Khoa QTKD 1 (có văn phòng làm việc tại Cơ sở Hà Đông, Hà Nội) và Khoa QTKD 2 (có văn phòng làm việc tại Quận 9, Thành phố Thủ Đức và Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Các Khoa QTKD 1&2 là đơn vị đào tạo trực thuộc Học viện, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực do Khoa quản lý. Sau đây gọi chung là Khoa QTKD trong các nội dung tiếp theo của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD.

Khoa QTKD có nhiệm vụ quản lý, tổ chức giảng dạy các học phần do Khoa quản lý cho các hệ đào tạo (hình thức và trình độ) của Học viện; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp và quá trình đào tạo của Khoa; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giảng viên và người học thuộc Khoa; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên; ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong khoa; quản lý cán bộ, giảng viên và người học thuộc khoa, tổ chức đánh giá theo quy định của Học viện; tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Học viện; tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định của cấp trên; phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác hoạt động thực hiện tốt điều lệ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt và các nội dung thi đua khác trong Khoa.

- Khoa QTKD đã tuyên truyền, phát động các phong trào thi đua gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ đề ra như: Phong trào thi đua "Đoàn viên thanh niên Học viện tích cực học tập và rèn luyện"; thi đua "Sinh viên Việt Nam rèn đức, luyện tài" chào mừng ngày SV Việt Nam 9/1; thi đua "Đổi mới sáng tạo trong dạy và học"; thi đua "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo"; thi đua chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ... đã có tác dụng tích cực góp phần thúc đẩy các hoạt động về đào tạo.

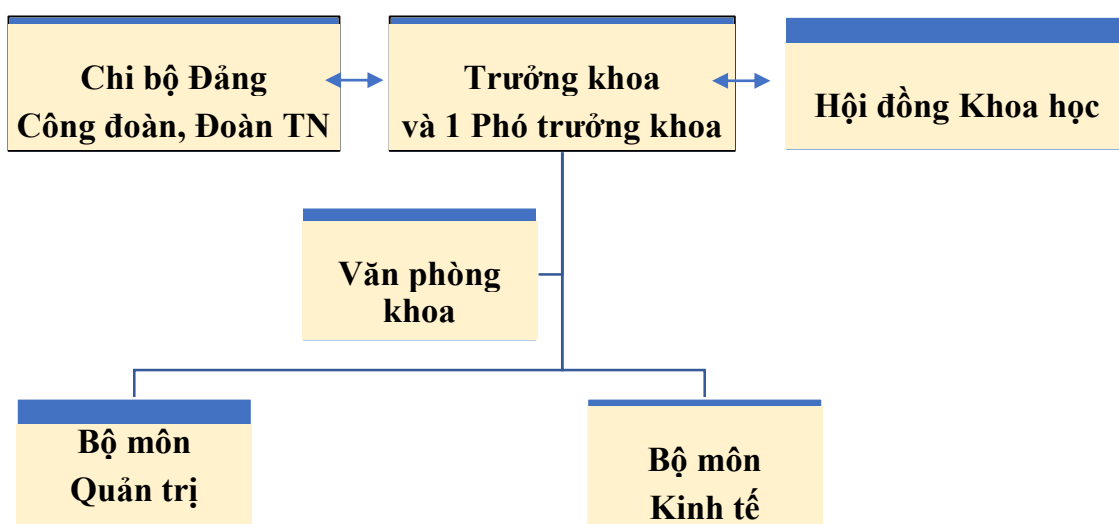
- Nội dung các phong trào thi đua đã bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành, của Học viện, gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ đề ra. Nhờ có thi đua và nhân rộng điển hình tiên tiến mà mọi công tác của từng thời kỳ đã được hoàn thành và hoàn thành trước thời hạn.

Khoa QTKD1 được thành lập năm 1997 trải qua 25 năm, Khoa QTKD2 được thành lập năm 1999 trải qua 23 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đa số giảng viên của Khoa có trình độ tiến sỹ, được đào tạo cơ bản từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước, năng động, sáng tạo, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

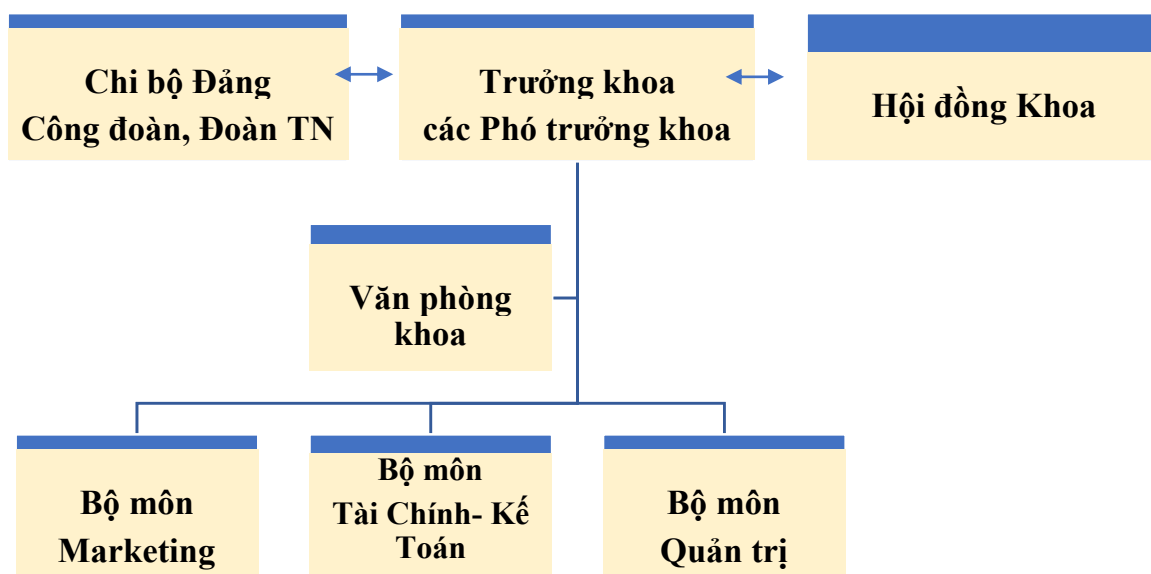
Khoa QTKD tổ chức đào tạo tất cả các trình độ từ đại học, thạc sỹ đến tiến sỹ với các hình thức chính quy, văn bằng 2, vừa làm vừa học và từ xa; các trình độ đào tạo được thiết kế đảm bảo tính kế thừa, liên thông giữa các bậc đào tạo.

a) Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD 1&2 gồm văn phòng Khoa và các Bộ môn: Văn phòng Khoa thực hiện các công việc hành chính và hỗ trợ lãnh đạo Khoa, các bộ môn trong công tác đào tạo, NCKH; các Bộ môn được giao phụ trách giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành về QTKD được cơ cấu theo Sơ đồ tổ chức của Khoa như Hình 1.5 và Hình 1.6.



(1) Hình 1. 5: Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 1



(2) Hình 1. 6: Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 2

b) Đội ngũ cán bộ, GV

Tính đến 30/6/2022, tổng số cán bộ, GV của Khoa 30 người. Trong đó tổng số giảng viên cơ hữu của CTĐT ngành QTKD là 28 người, trong đó có 01 giáo sư (chiếm 3,57%); 07 tiến sĩ (chiếm 25,0%); 20 thạc sĩ (chiếm 71,43%); số GV thỉnh giảng và kiêm giảng là 02 người (GV kiêm giảng là các cán bộ từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại Khoa); độ tuổi trung bình của GV cơ hữu là 45,96 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV: Tổng số SV CTĐT ngành QTKD tính đến 30/6/2022 là 906 SV. Tỷ lệ SV/GV của ngành QTKD trong 5 năm đánh giá là 20,40 SV/GV. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

c) Danh sách lãnh đạo các bộ môn thuộc Khoa QTKD 1&2.

TT	Tên bộ môn	Trưởng bộ môn
Khoa QTKD 1		
	Bộ môn Kinh tế	TS. Vũ Trọng Phong
	Bộ môn Quản trị	TS. Trần Thị Thập
Khoa QTKD 2		
	Bộ môn Quản trị	TS. Hồ Thị Sáng
	Bộ môn Tài chính – QTKD	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh
	Bộ môn Marketing	TS. Nguyễn Văn Phước

d) Nghiên cứu khoa học (NCKH):

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa QTKD đã triển khai thực hiện 106 đề tài cấp Học viện; công bố 22 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có 09 bài thuộc nhóm ISI/Scopus, 84 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước.

e) Các hoạt động hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH: Các chương trình đào tạo của Học viện nói chung và ngành QTKD nói riêng đều được xây dựng với phương châm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh, vì vậy, Khoa QTKD đã xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước như các doanh nghiệp (Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui, Công ty Cổ phần

Công nghệ Sapo, Công ty Cổ phần Fado Việt Nam, Công ty Cổ phần iCheck, Công ty cổ phần MISA, Công ty TNHH MTV TMDT Viettel, Công ty cổ phần Ecom Group, Công ty CP Phát triển TMDT Việt Long, VNPT Fintech, Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ BBT Việt Nam, Công ty TNHH Thang máy Hitachi Việt Nam, Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hà Nội, Công ty Cổ phần Giải pháp và Công nghệ HBS, Công ty Cổ phần Công nghệ Maxbuy, Công Ty Hồng hạc Đại Lải, Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam, Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp, Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh, Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Sông Đáy, Công ty Cổ phần Nhanh.vn ; Trung tâm Kinh Doanh VNPT TP.Hồ Chí Minh, Bưu điện TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần quảng cáo Công Việt Nam, Công ty Truyền thông Click Media&SEO, Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo Song Hành, Công ty TNHH công nghệ Thông tin Khuê Tú, Công ty TNHH công nghệ DiGi, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Miền Đông - TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Misa, Công ty TNHH MeadJohnson Nutrition (VN), Công ty DP EXPRESS, Bưu điện Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trực Tuyến (M-Service), ... Bên cạnh đó Khoa cũng hợp tác đào tạo và NCKH với một số trường đại học như Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Phụ nữ.

e) Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD

**Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD 1*

- Trong năm 2017 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi:

+ “Kiến thức và kỹ năng chuyên môn về Thương mại điện tử (E-Commercer Race)”. Đây là cuộc thi đầu tiên về Thương mại Điện tử do Học viện chủ trì, Khoa triển khai tổ chức với sự tham dự của các đội thi đến từ các trường Đại học tại Hà Nội.

+ Phối hợp tổ chức cuộc thi “P-STARTUP” ý tưởng khởi nghiệp SV Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Nhóm SV của Khoa đã được ban tổ chức trao giải Nhì (không có giải nhất) cho ý tưởng Farm Mall - phân phối nông sản sạch do SV Tống Hương Giang, lớp D15QT3 làm trưởng nhóm và 03 giải Ba thuộc về các ý tưởng: “AZHome - Ứng dụng tìm phòng trọ” do SV Đinh Văn Kinh, lớp D15CQQT2 làm trưởng nhóm.

+ Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2017

- Trong năm 2018 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi “King & Queen” dành cho SV, Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2018.

- Trong năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp Sinh viên – Startup 2019” kết quả SV của Khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề “Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo” do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi Statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức.

Khoa tổ chức thành công “Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2019”

- Trong năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ “Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2020”.

+ Tham gia: cuộc thi “Tài năng trẻ Logictic Việt Nam năm 2020” kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020” kết quả đạt giải Tăng trưởng

+ Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp Sinh viên – Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và Thương mại điện tử.

- Trong năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của Khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021”. Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành Logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thấp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

**Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD 2*

Tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam cho các bạn nữ của Liên chi đoàn (LCD) (20/10/2018); Gặp mặt đầu xuân (08/03/2019); Tổ chức Hội trại Disconnect to Connect cùng LCD khoa Viễn thông (06/04 - 07/04/2019); Giao lưu cùng Sinh viên khóa D19 (01/09/2019); Tổ chức chương trình “Chuyến xe trao trắng” cùng LCD Công nghệ Đa phương tiện xuống Long An (07/09/2019); Tổ chức chương trình gặp

mặt LCD nhằm chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10/2019); Tổ chức chương trình "Sinh hoạt hè" cùng LCD Công nghệ Đa phương tiện (07/2020); Tuyển cộng tác viên (CTV) cho LCD (26/08 - 06/09/2020); Cuộc thi thiết kế logo chào mừng D20 trên fanpage LCD (06/09 - 26/09/2020); Cùng LCD Công nghệ Đa phương tiện tổ chức chương trình "Chuyến xe trao trắng" về Trung tâm dạy nghề người khuyết tật và mồ côi TP.HCM ấp 6, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. HCM (04/10/2020); Tổ chức buổi gặp mặt tân SV D20; Tổ chức chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2020); Tổ chức minigame "Phụ nữ là để yêu thương" (08/03/2021); Tổ chức chương trình "Thay đổi nhỏ tạo hành trình lớn" (05/06 -20/6/2021); Tổ chức chương trình "Minigame trung thu - Minigame liên hoàn" (21-22/09/2021); Tổ chức giao lưu Tân SV khóa D2; Tổ chức chương trình "Khoảnh khắc yêu thương" (17/10 - 19/10/2021); Tổ chức Minigame "Giải đố liền ngay - Phúc Long liền tay" (09/12/2021); Tổ chức Minigame Năm cũ điếu kì - Lì xì năm mới (01/01/2022); Tổ chức Workshop "Học Quản trị ra làm Giám đốc?" (13/03/2022); Tổ chức chương trình 8/3 dành cho các bạn nữ trong LCD (08/03/2022); Tổ chức chương trình "Hoa nở muộn" (04/08 - 11/08/2022), ...

2.2.2 Tổng quan về Chương trình đào tạo ngành QTKD

a) Chương trình đào tạo cử nhân QTKD của Học viện được phép mở mã ngành số 7340101 theo Quyết định số 3401/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 07/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành QTKD trang bị cho SV những hiểu biết cơ bản về các lĩnh vực liên quan đến ngành QTKD; nắm vững các phương pháp, công cụ để phân tích trong kinh doanh; nắm vững kiến thức về QTKD; vận dụng tốt kiến thức về kinh tế quản lý, thương mại trong QTKD của doanh nghiệp, có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp trong thực tế; nắm vững các kiến thức, công cụ phù hợp để triển khai vào các lĩnh vực kinh doanh trong thực tế và các ngành khác nhau.

Chương trình đào tạo trang bị cho SV kiến thức cơ sở cốt lõi và cần thiết về QTKD; kiến thức toàn diện và hiện đại về QTKD; cập nhật xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, môi trường kinh doanh, yêu cầu nhân sự và kiến thức từ các doanh nghiệp. Học viện xây dựng chương trình đào tạo ngành QTKD với 4 chuyên

ngành: Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị Logistics và Quản trị marketing.

Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm đáp ứng sự phát triển khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế, các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của doanh nghiệp; bám sát nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội; hướng đến tính liên ngành nhằm đáp ứng các vị trí công việc trong xu hướng hiện nay và mở rộng khả năng làm việc của SV ngành QTKD trong các lĩnh vực khác nhau; hướng đến các mục tiêu đào tạo ra những con người “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước và lĩnh vực trọng tâm, phù hợp xu thế, có tiềm năng phát triển trong tương lai.

Mục tiêu chung của CTĐT ngành QTKD của Học viện là đào tạo SV có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực QTKD, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực QTKD; tạo lập và phát triển doanh nghiệp.

b) Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành QTKD năm 2021 được hoàn thiện trên cơ sở kế thừa CTĐT đại học ngành QTKD năm 2016, theo hướng dẫn năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học cấp bằng *cử nhân* và yêu cầu đào tạo nhân lực ngành QTKD chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển nhanh của kinh tế, xã hội. Ngoại trừ các học phần ngoại ngữ đào tạo bằng tiếng Anh, tất cả các học phần khác của CTĐT đại học ngành QTKD được giảng dạy bằng tiếng Việt. Chương trình được thiết kế sử dụng phương pháp CDIO nhằm đào tạo SV toàn diện, bao gồm các kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh phát triển khả năng tự học, năng lực thực hành và trách nhiệm xã hội. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Học viện; phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực Thông tin và Truyền thông và nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động, xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, sự hội nhập khu quốc gia và quốc tế. Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng giáo dục quốc gia và quốc tế (*ABET/AUN*); tham khảo và đối sánh với các

chương trình đào tạo đại học ngành QTKD của các trường đại học, học viện khác trong và ngoài nước.

c) Thông tin chung về CTĐT:

- Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business administration
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ yêu cầu: 131 Tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm - 8 học kỳ (tối đa 6 năm).
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration
- Chương trình tham khảo khi xây dựng CTĐT ngành QTKD: Các chương trình đào tạo liên quan lĩnh vực QTKD của các trường đại học như Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học kinh tế TP HCM; Đại học kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội; Đại học giao thông vận tải; Đại học kinh tế Đà Nẵng, cùng một số CTĐT các ngành liên quan QTKD của các Trường Đại học nước ngoài như CTĐT QTKD của ULSA, CTĐT Hamton University, RMIT nước ngoài.

2.3 Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục:

Khoa QTKD luôn chú trọng đến đảm bảo chất lượng giáo dục, do đó khi mở mới CTĐT, Khoa đã thiết kế và xây dựng CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai CTĐT, để nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, sau mỗi học kỳ của năm học, Khoa đã phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của SV đối với GV giảng dạy, kết quả khảo sát từ SV là cơ sở để mỗi giảng viên tự phấn đấu và rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. Để không ngừng nâng cao chất lượng, Khoa QTKD đã triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng của Khoa như: Xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí lại khu vực phòng thực hành; Rà soát các CTĐT, đảm bảo không bị trùng lặp mã học phần, nội dung học phần... giữa các hệ đào tạo; xác định phù hợp tỷ lệ điểm thành phần, có tính đến điểm chuyên cần; số tín chỉ của CTĐT phù hợp với văn bằng; rà soát đề cương chi tiết các học phần, cập nhật tài liệu học tập; Tham gia các buổi tập huấn

về công tác chủ nhiệm lớp, CVHT; Phối hợp với Phòng CT&CTSV, hàng quý tổ chức các buổi họp giao ban công tác SV với thành phần tham gia họp là chủ nhiệm lớp và CVHT;

Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được Khoa và Học viện tiến hành hàng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại để đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo.

Ý thức được việc kiểm định chất lượng CTĐT là việc làm hết sức quan trọng nên Học viện và Khoa đã thực hiện việc tự đánh giá CTĐT ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT. Việc tự đánh giá CTĐT ngành QTKD là cơ sở để Học viện và Khoa QTKD cải tiến chất lượng của CTĐT. Tự đánh giá cũng đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo.

Những nội dung đặc thù khác riêng có của Khoa, bao gồm những thành tích nổi bật của Khoa trong chu kỳ kiểm định:

Giai đoạn 2017 – 2022 là giai đoạn Khoa có nhiều hoạt động hướng tới phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, cụ thể:

Chuyên ngành TMĐT thuộc ngành QTKD được quan tâm chú trọng. Khoa tập trung đổi mới cách tiếp cận tổ chức đào tạo, cập nhật nội dung giảng dạy để sẵn sàng cho việc mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy ngành TMĐT vào năm 2018. Đối với hoạt động đào tạo, một số nội dung đào tạo đã lồng ghép chính thức sự tham gia của các chuyên gia và doanh nghiệp vào ngay trong đề cương học phần (học phần chuyên đề Quản trị Doanh nghiệp và chuyên đề Thương mại Điện tử thuộc ngành QTKD). Trong các chuyên đề này, ngoài việc hướng dẫn từ các chuyên gia và doanh nghiệp thì SV còn được tổ chức tham quan, kiến tập tại các doanh nghiệp về hoạt động quản trị, điều này tạo cơ sở rất tốt cho kỳ thực tập tốt nghiệp của SV. Nói cách khác, thay vì thông thường SV sẽ đi thực tập tại doanh nghiệp vào kỳ thứ bảy của chương trình đào tạo (năm thứ tư) thì đối với SV của Khoa sẽ đi thực tập bán thời gian, kiến tập tại doanh nghiệp từ kỳ học thứ sáu (năm thứ ba).

Khoa rất tích cực trong hoạt động kết nối cho SV với các doanh nghiệp trong tất cả các cơ hội đào tạo kiến thức và kỹ năng, kiến tập, thực tập và tuyển dụng ngay sau

khi ra trường. Với danh sách đối tác đông đảo và phong phú, Khoa đảm bảo các vị trí thực tập phù hợp cho SV với các chủ đề thực tập khác nhau, vì thế SV của khoa được phân công đến các doanh nghiệp có đủ quy mô chuyên môn để thực tập thay vì SV phải tự liên hệ đơn vị thực tập như các khoa và các trường đại học khác. Trong quá trình thực tập, Khoa và các doanh nghiệp có kết nối, trao đổi chặt chẽ để đảm bảo chất lượng chương trình thực tập của SV.

Về phát triển đội ngũ, mặc dù Học viện cũng như các cơ sở đào tạo Đại học khác luôn gặp khó khăn trong tuyển dụng giảng viên, nhưng đối với Khoa QTKD thì giai đoạn 2017 - 2022 là giai đoạn phát triển đội ngũ rất mạnh. Khoa đã thu hút và tuyển dụng được 02 tiến sĩ hiện đang công tác tại các trường Đại học khác về làm việc, và tuyển dụng 03 thạc sĩ đào tạo tại nước ngoài. Bên cạnh đó cũng có 03 giảng viên của Khoa hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ trong giai đoạn này.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chương trình đào tạo ngành QTKD tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật giáo dục. Các mục tiêu và CĐR được xây dựng và định kỳ rà soát điều chỉnh trên cơ sở tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như: sinh viên, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động, GV, các nhà khoa học, chuyên gia. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QTKD được mô tả dễ hiểu, dễ tiếp cận. Mục tiêu và CĐR đã qua nhiều lần cập nhật, thay đổi cho phù hợp với thực tiễn, phát triển khoa học công nghệ và thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Học viện.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình giáo dục đại học ngành QTKD trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 24/06/2016 [H1.01.01.01] đã ghi rõ ràng mục tiêu của CTĐT như sau:

1) Về kiến thức:

Chương trình trang bị cho SV những kiến thức cụ thể sau:

Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho SV các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: trang bị cho SV những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế và quản trị doanh nghiệp như kinh tế học, marketing, sản xuất, tài chính, nhân sự, chiến lược kinh doanh,...

Kiến thức chuyên ngành: Sau khi học phần kiến thức ngành SV sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về QTKD quốc tế; QTKD Bru chính Viễn thông; Quản trị Marketing; Quản trị nguồn nhân lực hoặc thương mại điện tử.

2) Về kỹ năng:

Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có những kỹ năng:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thành lập các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Chuyên ngành Quản trị Marketing

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị Marketing có những kỹ năng:

- Có kỹ năng chuyên sâu về phát triển, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động marketing;
- Nghiên cứu thị trường và môi trường kinh doanh để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các cơ hội kinh doanh;
- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing nhằm khai thác các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp;
- Thực hiện những hoạt động kinh doanh cụ thể trên thị trường trong nước và quốc tế như quản lý bán hàng, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, quản lý thương hiệu;
- Tiếp cận với kiến thức quản trị marketing tiên tiến hiện đại trên thế giới.

Chuyên ngành Thương mại điện tử

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Thương mại điện tử có những kỹ năng:

- Có khả năng nghiên cứu, xây dựng, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng, vận hành website thương mại điện tử;
- Khai thác thông tin và thực hiện quá trình kinh doanh trên mạng internet;

- Có kỹ năng quản trị marketing, giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác.

3) Kỹ năng mềm

Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4) Về năng lực

- Sau khi tốt nghiệp SV có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ quản lý kinh doanh; phát triển thị trường; quản trị marketing; nghiên cứu phân tích thị trường; quản trị nguồn nhân lực; kinh doanh xuất nhập khẩu trong các doanh nghiệp;

- Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;

- Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về QTKD tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo;

- Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở các chuyên ngành Kinh tế và QTKD trong nước và ngoài nước.

5) Về Hành vi đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

6) Về ngoại ngữ

- Sau khi tốt nghiệp, SV có năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

Mục tiêu của CTĐT trong chương trình giáo dục đại học ngành QTKD trình độ đại học hệ chính quy của Học viện được ban hành theo Quyết định số 644/QĐ-HV, ngày 30/07/2021 [H01.01.01.03] đã được đổi mới toàn diện như sau:

Mục tiêu chung (Goals)

Chương trình đào tạo ngành QTKD trình độ đại học của Học viện được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nhân lực trình độ cử nhân bậc đại học trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số. Sinh viên tốt nghiệp đại học QTKD có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực QTKD; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp. Chương trình đào tạo ngành QTKD nằm trong chiến lược phát triển của học viện với nội dung “*Tri Thức – Sáng tạo – Đạo đức – Trách nhiệm*” hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước.

Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

Mục tiêu của CTĐT đã được cụ thể: Về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về thái độ, mục tiêu về trình độ ngoại ngữ và kỹ năng với 11 tiêu chuẩn (POs)

Về kiến thức

PO1: Cử nhân QTKD được trang bị hệ thống kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, pháp luật, tâm lý học và toán học

PO2: Cử nhân QTKD được trang bị các kiến thức về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số.

PO3: Cử nhân QTKD có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học QTKD trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

Về kỹ năng

PO4: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO5: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình

thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO6: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO7: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

Về thái độ

PO8: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO9: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO10: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế

PO11: Thành thạo kỹ năng số, bao gồm kỹ năng về tin học văn phòng, sử dụng khai thác Internet và các phần mềm thông dụng khác trong công việc và học tập

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- 1) Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo);
- 2) Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất;
- 3) Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước;
- 4) Nhà sáng lập doanh nghiệp;
- 5) Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã được rà soát, cập nhật, thống nhất trong các biên bản của hội thảo chương trình khung [H1.01.01.04], trong biên bản họp chuyên môn của Khoa QTKD về việc rà soát CTĐT [H1.01.01.05] và trong biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định [H1.01.01.06]. Mục tiêu CTĐT đã được kết luận đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự và tự

chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, ...đáp ứng được những xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực QTKD.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã được chi tiết đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự và tự chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, ...tuy nhiên mới có các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng được mô tả cho các chuyên ngành, còn chưa phân chia rõ ràng vị trí việc làm cho các chuyên ngành đáp ứng xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực QTKD.

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về QTKD, năng lực và tinh thần, thái độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt các mục tiêu CTĐT năm 2021 đã được đổi mới hướng đến sự phát triển và yêu cầu của kinh tế số là phù hợp với sứ mạng của Học viện trong Quyết định số 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 về công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện [H1.01.01.07], Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/3/2020 [H1.01.01.08] và Nghị quyết số 42/NQ-HĐHV ngày 25/11/2021 về việc Ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, [H1.01.01.09] với sứ mạng của Học viện là: “Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường”.

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực cho người học bám sát yêu cầu doanh nghiệp trong thời đại chuyển đổi số, phù hợp với tầm nhìn của của Học viện trong quyết định công bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện [H1.01.01.06] và phù hợp với Chiến lược phát triển Học viện ban hành năm 2020, 2021 [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], phù hợp với tầm nhìn của Học viện là: “Đến năm 2030, Học viện là Học viện hàng đầu Việt nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục đại học; trở thành Học viện hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 Học viện hàng đầu châu Á, nhóm 5 Học viện hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số”.

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021 được cập nhật đổi mới năm 2021 với các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, tinh thần thái độ, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm, ... hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy

định tại Điều 5 Luật giáo dục đại học năm 2012 [H1.01.01.09] và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật GDDH năm 2018 [H1.01.01.10]: Mục tiêu chung “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và hội nhập quốc tế; đào tạo người có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” và mục tiêu cụ thể “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD được trình bày rõ ràng đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đạo đức, vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 còn chưa phân chia rõ ràng vị trí việc làm cho các chuyên ngành đáp ứng xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực QTKD.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với Khoa QTKD hiệu chỉnh mục tiêu CTĐT ngành QTKD về vị trí việc làm cho các chuyên ngành đào tạo thuộc ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định số 587/QĐ-HV, ngày 16/8/2013 [H1.01.02.01], trong đó xác định rõ ràng CĐR về kiến thức (3 CĐR); về kỹ năng với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp (4 CĐR), với chuyên ngành Quản trị Marketing (5 CĐR), với chuyên ngành Thương mại

điện tử (4 CĐR); về kỹ năng mềm (1 CĐR); về năng lực (4 CĐR); về hành vi đạo đức (3CĐR); về ngoại ngữ (2 CĐR).

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định số 647 /QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H1.01.02.03] về cơ bản kế thừa CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD năm 2016. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD năm 2021 đã được bổ sung thêm chuyên ngành Logistics và chuẩn đầu ra kiến thức chuyên ngành được chi tiết thành 6 CĐR.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành QTKD được xác định cụ thể, rõ ràng, đóng góp vào từng mục tiêu của CTĐT thông qua ma trận mục tiêu - CĐR trong Bản mô tả CTĐT ngành QTKD [H1.01.02.04].

Trong các tài liệu và biên bản hội thảo Chương trình khung CTĐT ngành QTKD đã hoàn toàn đồng ý về CĐR của CTĐT ngành QTKD [H1.01.01.04]. Trong biên bản họp chuyên môn của Khoa về rà soát về CĐR CTĐT kết luận như sau: “CĐR ngành QTKD chi tiết, đầy đủ, rõ ràng và bao hàm các kiến thức, kỹ năng, năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu CTĐT” [H1.01.01.04]. Trong biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định CTĐT ngành QTKD năm 2021 có nhận xét về CĐR của CTĐT hoàn toàn phù hợp với CTĐT ngành QTKD [H1.01.01.05].

Kiến thức

Chương trình đào tạo đại học ngành QTKD trang bị cho SV những kiến thức sau:

Kiến thức chung ngành QTKD gồm:

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học xã hội và khoa học nhân văn vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO3: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý phù hợp với ngành vào thực tiễn;

PLO4: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực nhóm ngành QTKD để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn;

PLO5: Phân tích và đánh giá được cơ chế vận hành của một doanh nghiệp trong thực tế.

Kiến thức theo chuyên ngành gồm:

PLO6a Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp

PLO6.a.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành

hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.a.2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức về đổi mới sáng tạo, phân tích được cơ chế tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp;

PLO6.a.3: Hiểu và vận dụng được các nội dung về hoạch định, tổ chức và kiểm soát hoạt động marketing của doanh nghiệp, tổng hợp và đánh giá được các quyết định phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường và sử dụng các công cụ marketing nhằm tác động vào thị trường;

PLO6.a.4: Sáng tạo được kế hoạch khởi sự kinh doanh, kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO6.a.5: Hiểu và vận dụng được hoạt động kinh doanh quốc tế.

PLO6.b Chuyên ngành Thương mại điện tử (TMĐT)

PLO6.b.1: Phân tích và đánh giá được quy trình và phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp;

PLO6.b.2: Hiểu và vận dụng được những khía cạnh Pháp luật về TMĐT và An toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.b.3: Phân tích và đánh giá được hệ thống TMĐT và phương án phát triển hệ thống TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;

PLO6.b.4: Phân tích và đánh giá được hoạt động bán lẻ trực tuyến thông qua website của doanh nghiệp, qua các sàn TMĐT hoặc qua các nền tảng mạng xã hội khác nhau;

PLO6.b.5: Phân tích và đánh giá được hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và các nhà cung cấp;

PLO6.b.6: Hiểu và vận dụng được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO6.b.7: Hiểu và vận dụng được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;

PLO6.c Chuyên ngành Logistics

PLO6.c.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.c.2: Hiểu rõ các lý thuyết về logistics và quản trị chuỗi cung ứng; nắm bắt được xu hướng phát triển logistics, Phân tích được các nhân tố tác động đến các quyết định liên quan đến tổ chức, triển khai các quyết định quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về giao nhận, vận chuyển hàng hóa, các trung tâm phân phối và vận tải đa phương thức và thanh toán quốc tế;

PLO6.c.4: Hiểu và vận dụng các kiến thức để xây dựng kế hoạch, xác định và

quản lý dự trữ sản xuất và dự trữ bán hàng của doanh nghiệp;

PLO6.c.5: Hiểu và vận dụng các kiến thức về hoạt động mua hàng, quản lý khách hàng quản lý nguồn cung ứng hàng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.6: Hiểu và vận dụng các kiến thức để phát triển hệ thống Logistics và chuỗi cung ứng trong các loại hình doanh nghiệp.

PLO6.d Chuyên ngành Quản trị Marketing

PLO6.d.1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức để hoạch định, tổ chức và kiểm soát các hoạt động marketing của doanh nghiệp như phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường và triển khai các công cụ marketing nhằm tác động vào thị trường;

PLO6.d.2: Hiểu và vận dụng được các hoạt động marketing trong thị trường công nghiệp/thị trường tổ chức (B2B marketing);

PLO6.d.3: Hiểu và vận dụng được chương trình nghiên cứu marketing nhằm mục đích hiểu về nhu cầu khách hàng, thị trường hoặc đo lường phản ứng thị trường trước các tác lực marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.4: Hiểu và vận dụng được các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.5: Hiểu và vận dụng được các công cụ marketing điện tử, sáng tạo được kế hoạch marketing điện tử cho một sản phẩm và thị trường cụ thể.

Kỹ năng

Các kỹ năng chuyên môn ngành QTKD bao gồm:

PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn tổng hợp trong lĩnh vực QTKD (tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề, xác lập mục tiêu khả thi và ra quyết định trong QTKD);

PLO8: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực QTKD (Thực hiện các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát hoạt động kinh doanh; Xử lý những tình huống phát sinh ở cấp độ quản trị viên cấp cơ sở; Thu thập, phân tích, xử lý thông tin một cách chính xác theo các phương pháp định tính, định lượng).

PLO9 Kỹ năng chuyên sâu theo chuyên ngành bao gồm:

PLO9.a *Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực QTKD, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất cơ chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo; lập kế hoạch marketing, triển khai một phần các hoạt động marketing tại doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch khởi sự kinh doanh và kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO9.b *Chuyên ngành Thương mại Điện tử*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực TMĐT, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh điện tử; vận dụng

pháp luật về TMĐT và an toàn thông tin trong kinh doanh; lập bản yêu cầu hệ thống TMĐT, lập kế hoạch phát triển hệ thống TMĐT; quản lý dự án ứng dụng TMĐT; vận hành hệ thống bán lẻ trực tuyến trên website của doanh nghiệp, trên sàn TMĐT và trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến; xây dựng hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử; sử dụng mạng máy tính, sử dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp và phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO9.c *Chuyên ngành Quản trị Logistics*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics như: phân tích và đánh các kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; vận hành đại lý giao nhận và khai báo thủ tục hải quan; thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế; quản trị chuỗi cung ứng; vận tải đa phương thức; quản trị kho hàng và tồn kho; quản trị hệ thống thông tin logistics; khởi nghiệp và thiết kế mô hình Logistics, chuỗi cung ứng; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; điều hành và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị logistics và chuỗi cung ứng.

PLO9.d *Chuyên ngành Quản trị Marketing*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing, cụ thể như: nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược và chương trình marketing, triển khai các quyết định về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

Kỹ năng mềm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

PLO11: Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

PLO12: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;

PLO13: Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

PLO15: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO16: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ, chuyên môn;

PLO17: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Hành vi đạo đức

PLO18: Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;

PLO19: Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kinh tế - kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

PLO20: Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

PLO21: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương;

PLO22: Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với khu vực và quốc tế sau khi ra trường;

PLO23: Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2016 và 2021 của Học viện cho thấy SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ nắm được các kiến thức từ đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và cơ sở chuyên ngành (CĐR 1 đến CĐR 6), đạt được các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp cho chuyên ngành mà SV đã lựa chọn (CĐR 7 đến CĐR 9), cũng như kỹ năng mềm (CĐR 10 đến CĐR 13), năng lực tự chủ và trách nhiệm (CĐR 14 đến CĐR 17), năng lực hành vi đạo đức (CĐR 18 đến CĐR 20), kỹ năng ngoại ngữ (CĐR 21 đến CĐR 23). Các CĐR này bao hàm tất cả các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Các CĐR được mô tả rõ ràng, cụ thể, được sắp xếp theo nhóm về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo khả năng làm việc tại các vị trí việc làm phù hợp cho SV tốt nghiệp.

CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021 đã thiết kế có 4 chuyên ngành, tuy nhiên các CĐR về kỹ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho các chuyên ngành.

Sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD đạt được CĐR là những ứng viên tiềm năng cho các vị trí công việc sau: Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo); Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất; Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước; Nhà sáng lập doanh nghiệp; Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài. Các vị trí việc làm cụ thể mà người học có thể đảm nhận khi tốt nghiệp CTĐT ngành QTKD cũng được nêu rõ trong nội dung về mục tiêu và CĐR [H1.01.02.03].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD có nội dung đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm được trình bày rõ ràng, đáp ứng mục tiêu CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nội dung CĐR của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021, các CĐR về kỹ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho 4 chuyên ngành “ Quản trị doanh nghiệp”, “Thương mại điện tử”, “Quản trị Logistics” và “Quản trị Marketing”.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Phòng Đào tạo chủ trì và QTKD phối hợp hiệu chỉnh CĐR về kỹ năng chuyên sâu cho 4 chuyên ngành trong CTĐT ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và SV tốt nghiệp, SV đang học tại Học viện. Các ý kiến đóng góp của các bên liên quan được thu thập thông qua phiếu khảo sát từ nhà tuyển dụng, chuyên gia, cựu

SV [H1.01.03.01] và thông qua các hội thảo, hội nghị, tổ chức lấy ý kiến về nội dung CTĐT và mục tiêu, CĐR CTĐT [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Quá trình rà soát, đánh giá và cập nhật CĐR CTĐT ngành QTKD được định kỳ thực hiện theo kế hoạch với qui trình gồm các bước như sau:

Bước 1: Các Khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CĐR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, Khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo Ban giám đốc Học viện.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CĐR, CTĐT, tổ chức hội thảo nội bộ Khoa, xin ý kiến của Hội đồng Khoa học đào tạo (KHĐT) của Khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến nhà tuyển dụng, chuyên gia, cựu SV; tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện (nếu cần) và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

Như vậy, quá xây dựng CĐR của CTĐT có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan (Bước 4) và CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan nhờ việc hoàn thiện CĐR, CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên có liên quan.

Năm 2018, CĐR của CTĐT đại học ngành QTKD đã được rà soát theo Kế hoạch số 111/KH-HV ngày 05/3/2018 của Học viện về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H1.01.03.02]. Năm 2021, CĐR của CTĐT ngành QTKD đã được rà soát theo Kế hoạch số 10/KH-HV ngày 09/01/2021 [H1.01.03.03], theo Tờ trình số 28/TTr-QT1 ngày 14/09/2020 [H1.01.03.04] về kế hoạch điều chỉnh CTĐT của Khoa QTKD và được sự đồng ý của Giám đốc Học viện về hiệu chỉnh CTĐT ngành QTKD [H1.01.03.05].

Theo Quyết định số 647 /QĐ-HV ngày 30/07/2021 ban hành CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD, CĐR của CTĐT được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, Bộ GD&ĐT và Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) [H1.01.02.03]. Đồng thời, CĐR của CTĐT đã ban hành được công bố công khai trên website của Học viện và các tài liệu, cổng thông tin điện tử của Khoa QTKD [H1.01.03.06]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được in trong sổ tay SV hàng năm [H1.01.03.07] và được tích hợp trong hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink của Học viện

[H01.03.08]. Tuy nhiên, việc các bên liên quan tiếp cận CĐR còn mang tính thụ động và chưa có các có các phương pháp công bố trực tiếp CĐR cho các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, chuyên gia và SV tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các bên liên quan còn chưa được tiếp cận CĐR dễ dàng và thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022-2023, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với Văn phòng, Phòng CT&CTSV, Khoa QTKD tổ chức công bố CĐR bằng các hình thức đa dạng và trực tiếp cho các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2016 và năm 2021 phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược của Học viện cũng như phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học.

Cấu trúc của chuẩn đầu ra (CĐR) CTĐT trình độ đại học QTKD phù hợp với Điều 5 của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. CĐR của CTĐT ngành QTKD đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học (NH) tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD đã phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp của nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên (GV), cán bộ quản lý (CBQL), cựu sinh viên (SV) và SV năm cuối. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2020, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các bên liên quan về bản Dự thảo CĐR đã được Khoa đề xuất; Đã công bố công khai trên trang Website của Học viện và Khoa, đồng thời phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân và lưu giữ ở các đơn vị chức năng của Học viện để các bên đều có thể tiếp cận thuận lợi.

Học viện và Khoa QTKD đã khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, tuy nhiên mẫu khảo sát của các nhà tuyển dụng chưa đa dạng. Phương thức truyền thông về CĐR của ngành QTKD chưa đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

Hàng năm các phòng chức năng phối hợp với Khoa huy động cựu SV, nhà tuyển dụng tham gia vào việc cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành QTKD, cũng như mức độ phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao đóng góp để xây dựng và điều chỉnh CDR của CTĐT ngành QTKD đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 4,67/7 (2 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7).

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT đại học ngành QTKD được xây dựng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về CTĐT, Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm; CDR của CTĐT; ma trận mục tiêu - chuẩn đầu ra (thể hiện sự đóng góp của các CDR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp kiểm tra đánh giá, mô tả chương trình dạy học bao gồm cấu trúc chương trình dạy học, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR của CTĐT; tóm tắt nội dung các học phần cốt lõi trong CTĐT; phương pháp dạy/học; kiểm tra/đánh giá. ĐCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT được cập nhật định kỳ và công bố công khai trên các phương tiện truyền thông Học viện. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học và học viên có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía SV đang học, cựu SV và các nhà tuyển dụng, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến..

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2021, những thông tin về mô tả CTĐT đại học ngành QTKD được thể hiện trong bản đính với Chương trình khung giáo dục đại học ngành QTKD trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 24/6/2016 [H1.01.01.01];

Năm 2021, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 30 /07/2021 [H1.01.02.04].

Bản mô tả CTĐT được thiết kế bao gồm các nội dung sau: Tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, trình độ ngoại ngữ và tin học; CĐR của CTĐT được chia làm CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; ma trận mục tiêu - chuẩn đầu ra (thể hiện sự đóng góp của các CĐR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp kiểm tra đánh giá, mô tả chương trình dạy học bao gồm cấu trúc chương trình dạy học, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT và mô tả tóm tắt các học phần CTĐT.

Giữa hai đợt rà soát điều chỉnh CTĐT năm 2016 và năm 2021, bản mô tả CTĐT năm 2021 của ngành QTKD đã có những thay đổi đáng kể về nội hàm, cụ thể: Đã được bổ sung các mục như: ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR), ma trận thể hiện quan hệ giữa CĐR và mục tiêu, ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; ma trận phương pháp dạy học so với CĐR, ma trận phương pháp đánh giá SV với CĐR, trình tự thực hiện chương trình; và mô tả tóm tắt các học phần. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 còn có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và khung CTĐT. Mục tiêu đào tạo, CĐR CTĐT đã được xác định cụ thể hơn. Khoa QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với xu thế công nghệ hiện đại như:

Bản mô tả CTĐT cũng đưa các thông tin đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành QTKD đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực; Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Chiến lược giảng dạy và học tập; Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra; Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs); Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các học phần tiên quyết. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT ngành QTKD còn chưa có tóm tắt đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các chương trình đào tạo ngành QTKD của các Trường đại học trong nước và

ngoài nước, mặc dù khi xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT ngành QTKD đã được nghiên cứu và tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021 đã bao hàm các nội dung và thông tin mới nhất về mục tiêu, CDR, cấu trúc và nội dung đào tạo, đề cương các học phần, phản ánh đầy đủ CTĐT ngành QTKD đổi mới và cập nhật mới nhất trên cơ sở khảo sát các bên liên quan, tuy nhiên việc lấy ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT năm 2021 chưa thật sự rộng rãi, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD .

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD đã bao gồm đầy đủ các thông tin và nội dung theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và có so sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với một số CTĐT ngành QTKD của các trường đại học hàng đầu trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan lấy ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT năm 2021 chưa thật sự sâu rộng, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD .

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành QTKD sắp tới, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD cần đưa ra những giải pháp hữu hiệu hơn để liên kết với các cựu SV, các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành QTKD trước khóa học 2019 được ban hành theo Quyết định số 151/QĐ-HV ngày 05 /03 /2020 và Quyết định số 249/QĐ-HV ngày 07/03/2022 về việc Ban hành chương trình chi tiết ngành QTKD trình độ đại học hệ chính quy [H2.02.02.01]. Toàn bộ 91/91 học phần của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021 đều đã được biên soạn đề cương chi tiết.

Tất cả đề cương các học phần đều có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về tiêu chuẩn

đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDDH) bao gồm: tên đơn vị đảm nhận giảng dạy, thông tin giảng viên giảng dạy, tên học phần, số tín chỉ, mục tiêu, CDR của học phần, ma trận chuẩn đầu ra của môn học/học phần, tóm tắt nội dung nội dung học phần, nội dung chi tiết của học phần, cấu trúc học phần, hình thức tổ chức giảng dạy, phương pháp dạy - học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo.

Việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung nội dung ĐCHP được thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch của Học viện [H2.02.02.03], nhằm đảm bảo nội dung kiến thức học phần được liên tục cập nhật kiến thức QTKD, kinh tế quản lý mới, đáp ứng tốt nhu cầu của thực tiễn và của doanh nghiệp sử dụng lao động. Việc triển khai thực hiện được thông báo và phổ biến tới từng giảng viên vào quý I hàng năm, các bộ môn và khoa thống nhất kế hoạch để đăng ký các học phần cần điều chỉnh ĐCHP. Đặc biệt, sau khi ban hành CTĐT ngành QTKD đổi mới năm 2021, với 100% số lượng các học phần được hiệu chỉnh, biên soạn mới đối với 3 chuyên ngành chuyên môn sâu Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị Marketing. Riêng chuyên ngành Quản trị Logistics (mới được đưa vào đào tạo từ khóa 2020) sẽ được hoàn chỉnh ĐCHP, bài giảng vào cuối năm 2022 [H2.02.02.04].

Việc điều chỉnh các ĐCHP được hoàn thành trong năm và được ban hành kịp thời phục vụ giảng dạy [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]. Khoa QTKD đã lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần hiện có và bổ sung thêm học phần mới.

Khoa QTKD đã gấp rút hoàn thành xây dựng toàn bộ ĐCHP cho CTĐT trong năm 2021 [H2.02.02.04]. Việc điều chỉnh các ĐCHP được hoàn thành trong năm và được ban hành kịp thời phục vụ giảng dạy [H2.02.02.05], [H2.02.02.06] trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát còn một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; Việc phân tích kết quả khảo sát chưa đảm bảo tính khoa học, chưa thuận lợi cho việc khai thác các thông tin phục vụ cho việc điều chỉnh và cập nhật các đề cương chi tiết học phần.

2. Điểm mạnh

100% các học phần trong CTĐT đều có ĐCHP và nội dung ĐCHP được cập nhật kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; Việc phân tích kết quả khảo sát chưa đảm bảo tính khoa học, chưa thuận lợi cho việc khai thác các thông tin phục vụ cho việc điều chỉnh và cập nhật các đề cương chi tiết học phần.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp thực hiện rà soát lại các câu hỏi trong các loại phiếu khảo sát và bổ sung/hoàn thiện các câu hỏi theo sát mục tiêu khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng; Đưa ra giải pháp thu hút các nhóm đối tượng được khảo sát nhiệt tình trả lời tất cả các câu hỏi và trong Báo cáo kết quả khảo sát nên có nội dung đề xuất LDHV về việc cập nhật các đề cương chi tiết học phần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD ban hành theo Quyết định số 647A/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H2.01.02.03] đã được gửi tới các đơn vị liên quan trong Học viện, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT cũng được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện và các tài liệu, phương tiện khác [H1.01.03.06], tại Sổ tay SV hàng năm [H1.01.03.07] để cung cấp thông tin về CTĐT cho các đối tượng như các cơ quan quản lý, SV đang theo học, sinh viên mới nhập học, các cá nhân và tổ chức có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT.

Bản mô tả của CTĐT còn được công bố trên ứng dụng PTIT-SLink của Học viện [H1.01.03.08] và được giới thiệu trong tài liệu các khóa bồi dưỡng của Khoa QTKD với các doanh nghiệp [H2.02.03.02].

Tổng số 91/91 đề cương học phần trong CTĐT đều được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau. Trong quá trình đào tạo, sinh viên từ khi nhập học đã được cung cấp thông tin đầy đủ về CTĐT thông qua các tài liệu được phổ biến khi nhập học. Đồng thời sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân trên hệ thống học tập Edusoft và hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink để dễ dàng và thuận tiện truy cập, tìm hiểu nội dung CTĐT, ĐCHP [H1.01.03.08]. Ngoài ra, người học còn được cung cấp ĐCHP

cũng như các tài liệu phục vụ đào tạo thông qua các hình thức khác nhau như thư viện, văn phòng khoa, các phòng chức năng, giảng viên, giới thiệu trên lớp, ... ĐCHP cùng các tài liệu học tập khác được công bố trên cổng thông tin điện tử của Khoa QTKD [H1.01.01.06]. ĐCHP cũng còn được cung cấp cho các chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy khóa đào tạo ngành QTKD tại Học viện [H2.02.03.02]. Tuy nhiên, một số sinh viên và doanh nghiệp chưa được cung cấp kịp thời thông tin về đề cương các môn học/học phần.

Bản mô tả CTĐT đều được thông báo và truyền thông rộng rãi đến các đối tượng khác nhau như người học, xã hội, ... trong quá trình tuyển sinh và tại các sự kiện. Các chuyên gia, nhà tuyển dụng cũng được cung cấp bản mô tả CTĐT trong quá trình tiếp xúc, làm việc, các khóa đào tạo [H2.02.03.02]. Người học có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT thông qua các công cụ hỗ trợ học tập dễ dàng [H1.01.03.07]. Ngoài ra, toàn bộ nội dung CTĐT đều được công bố trên cổng thông tin điện tử và các tài liệu, phương tiện đa dạng để các cơ quan quản lý, người học, sinh viên tốt nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức đều có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD và đề cương các học phần được công bố rộng rãi, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Đề cương học phần trong CTĐT ngành QTKD đôi khi còn chưa được cập nhật nhanh và kịp thời đến người học và các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Phòng Đào tạo chủ trì, Phòng CT&CTSV, Khoa QTKD phối hợp công bố kịp thời ĐCHP đến các bên liên quan bằng các hình thức khác nhau và phương tiện đa dạng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định và có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là CDR và cấu trúc CTĐT. Có 91 đề cương chi tiết học phần với đầy đủ các thông tin theo quy định và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các

đề cương học phần được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương chi tiết học phần.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, đồng thời cũng được các GV giới thiệu cho SV trong giờ học đầu tiên của mỗi học phần. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành QTKD trên website của Học viện.

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2021 của các bên liên quan ngoài Học viện chưa nhiều để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Học viện đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT thường xuyên, gần đây toàn bộ CTĐT ngành QTKD đã được đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển về công nghệ trong lĩnh vực ICT và nhu cầu của thị trường lao động.

Cấu trúc của CTĐT được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Học viện và Bộ GD&ĐT với các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành QTKD, đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành QTKD ngày nay.

Chương trình dạy học (CTDH) có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, ngành, và chuyên ngành. Nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, theo trình tự từ thấp lên cao và đặc biệt nội dung giữa các học phần mang tính kế thừa, liên kết, mở rộng và thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. CTDH của ngành QTKD được thiết kế với các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá nhằm hỗ trợ sinh viên đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành QTKD phiên bản năm 2021 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo đó, định hướng quá trình thiết kế, xây dựng CTDH hoàn toàn dựa trên CĐR đã được xác định ngay từ đầu. Hình 3.1

(Phụ lục 2) mô tả khái quát quy trình thiết kế, xây dựng CTDH đại học ngành QTKD được áp dụng tại Học viện.

Trong quy trình thiết kế CTDH, khung chương trình gồm các khối kiến thức được xây dựng trên cơ sở các CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tiếp theo, các học phần được đề xuất đóng góp vào từng CDR cụ thể, và đề cương chi tiết (ĐCCT) của các học phần được hoàn thành dựa trên mô tả học phần và mục tiêu cần đạt của học phần trong CDR.

Chương trình dạy học gồm 3 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản nhóm ngành), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành), và khối thực tập và học phần tốt nghiệp. Cụ thể theo bảng 3.1 (Phụ lục 2).

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 45 tín chỉ chiếm 34,6% dung lượng của CTĐT ngành QTKD được thể hiện chi tiết tại bảng 3.2 Khối kiến thức chung và Bảng 3.3 Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành (Phụ lục 2).

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 76 tín chỉ, chiếm 57,7% dung lượng của CTĐT ngành QTKD được thể hiện chi tiết tại Bảng 3.4 Khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành (Phụ lục 2), với 58 TC chiếm 44,6% dung lượng của CTĐT thể hiện trong Bảng 3.5 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp; Bảng 3.6 Khối kiến thức chuyên ngành Thương mại điện tử; Bảng 3.7 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Logistics và Bảng 3.8 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Marketing (Phụ lục 2), khối kiến thức chuyên ngành đều gồm 17 TC và chiếm 13,1% dung lượng của CTĐT

Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ cuối tại các doanh nghiệp lĩnh vực hoạt động phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo, sau khi sinh viên hoàn thành xong các học phần trong chương trình đào tạo. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong CTĐT chiếm 10 TC chiếm 7,6% dung lượng của CTĐT.

Từ khối các kiến thức và khung chương trình, Bảng 3.9 (Phụ lục 2) mô tả mối quan hệ giữa các học phần và CDR (ma trận học phần - CDR) của CTĐT năm 2021 [H1.01.01.03].

Mỗi học phần trong CTDH đều có đóng góp khác nhau trong việc đáp ứng các chuẩn đầu ra.

Tất cả các học phần đều có đóng góp vào việc đạt được các CĐR với mức độ khác nhau, từ các học phần đại cương, cơ sở ngành, ngành đến chuyên ngành dựa trên nội dung kiến thức, mục tiêu của học phần. Như vậy, CTDH ngành QTKD được thiết kế dựa trên các yêu cầu cụ thể của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong CTDH ngành QTKD, các phương pháp giảng dạy và học tập được kết hợp sử dụng với nhiều hình thức phong phú, như giảng dạy lý thuyết, đọc tài liệu và báo cáo, bài tập nhóm, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, tiểu luận, bài tập thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, chuyên đề, các bài giảng kết hợp thực tế tại doanh nghiệp,... đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của giảng viên và người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đạt được CĐR của cả CTDH. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH cụ thể tại bảng “Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)”, bảng “Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra” và bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)” CTDH ngành QTKD năm 2016 và năm 2021 [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Phương pháp giảng dạy, học tập được sử dụng phù hợp với nội dung từng học phần, nhằm đạt được CĐR của học phần, đóng góp vào CĐR của CTĐT. Các học phần giáo dục đại cương chủ yếu sử dụng phương pháp giảng lý thuyết kết hợp bài tập, bài tập nhóm. Các học phần cơ sở ngành ngoài giảng lý thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, đề án nghiên cứu,... phù hợp với đặc điểm tính chất của các học phần kinh tế và QTKD. Khối các học phần chuyên ngành được chú trọng hơn trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy lý thuyết với bài tập thảo luận nhóm, đề án nghiên cứu, nghiên cứu tình huống tại các doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Với các học phần chuyên ngành và khối kiến thức thực tập tốt nghiệp, Khoa QTKD đã sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập cơ bản để trang bị kiến thức lý thuyết ở trường kết hợp với các chuyên đề thực tập tại doanh nghiệp do các chuyên gia hướng dẫn giảng dạy, nhằm giúp người học mở rộng kiến thức và kỹ năng gắn với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị Logistics, Quản trị Marketing [H2.02.03.02].

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học cũng được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình, bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, ... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CDR của CTDH [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Hầu hết các học phần được kiểm tra đánh giá theo phương pháp kết hợp giữa đánh giá thái độ, kiểm tra kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành. Phần lý thuyết thường được đánh giá thông qua điểm chuyên cần, thái độ học tập, kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, báo cáo bài tập nhóm, chấm tiểu luận... và thi kết thúc học phần. Khối kiến thức giáo dục đại cương với kiến thức chung và lý thuyết chủ yếu sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài hình thức thi viết tự luận thông thường còn kết hợp sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với ngành QTKD và trình độ chuyên môn như bài tập lớn, tiểu luận, đề án môn học. Với các học phần chuyên ngành phương pháp đánh giá cũng được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, tuy nhiên phương pháp tiểu luận, đề án kết hợp với báo cáo được chú trọng để đánh giá kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng làm việc, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học.

Bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)” CTDH ngành QTKD năm 2021, nhiều phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá được sử dụng linh hoạt tùy vào yêu cầu đầu ra của mỗi học phần [H3.03.01.03]. Mặc dù vậy, việc đánh giá kỹ năng của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đại học ngành QTKD được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp; có sử dụng kết hợp giảng dạy lý thuyết tại Học viện với các chuyên đề từ chuyên gia trong, ngoài nước và thực tập tại doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được xử lý, phân tích và đánh giá một cách khoa học để đưa ra

được những đề xuất, giải pháp phục vụ cho việc giảng viên cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD điều chỉnh quy định: hướng dẫn chung về từng loại công cụ khảo sát, chọn mẫu khảo sát, định lượng thống kê, phân tích các kết quả khảo sát, trong mẫu báo cáo kết quả khảo sát nhất thiết cần có việc đánh giá các thông tin và số liệu đã được phân tích và đưa ra các khuyến nghị hữu ích để phục vụ việc điều chỉnh và cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học đại học ngành QTKD được thiết kế bao gồm các khối kiến thức theo trình tự logic, từ khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp cùng khóa luận tốt nghiệp. Các học phần đại cương, khối kiến thức chung được sắp xếp giảng dạy trong những năm học đầu tiên cung cấp các kiến thức khoa học, xã hội và kỹ năng, năng lực chung, đóng góp vào 22/23 CĐR của CTĐT. Các học kỳ tiếp theo của CTDH tập trung vào các học phần giáo dục chuyên nghiệp kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành QTKD, trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nền tảng của ngành học, đóng góp vào 6 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kỹ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ học kỳ 7, sinh viên được cung cấp kiến thức chuyên ngành chuyên sâu đã chọn, đóng góp vào 3 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kỹ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Học kỳ 8 dành riêng cho thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp và học phần tốt nghiệp (khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp) cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn và thực tiễn, mở khả năng làm việc độc lập và tự chủ, đóng góp vào 23/23 CĐR của CTĐT.

Mục tiêu và yêu cầu đầu ra của mỗi học phần đều được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT của học phần, bao gồm các mức cần đạt được về kiến thức, kỹ năng của người học. Đóng góp cụ thể của từng học phần vào CĐR được liệt kê trong Bảng 3.8 “Mô tả

mối quan hệ giữa các học phần trong các khối kiến thức và CĐR của CTĐT” (*Phụ lục 2*) từ Bản mô tả CTĐT [H1.01.02.03]. Tuy nhiên, mức độ đóng góp cụ thể của từng học phần với từng CĐR của CTĐT chưa được xác định cụ thể.

Đề cương chi tiết (ĐCCT) của mỗi học phần trong CTDH đều liệt kê đầy đủ thời lượng lý thuyết, thực hành, bài tập lớn/tiểu luận, hoạt động nhóm và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá người học. Trên cơ sở đó giảng viên có thể lựa chọn các phương pháp giảng dạy phù hợp, như thuyết trình, thảo luận nhóm bài tập, báo cáo tiểu luận, làm bài tập trực tiếp, câu hỏi lựa chọn, thực tại doanh nghiệp... giúp người học tiếp thu và nắm vững kiến thức. Dựa trên yêu cầu đầu ra và các đầu điểm đánh giá cần thực hiện trong ĐCCT của học phần, các hình thức kiểm tra, đánh giá người học đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo, khoa luận tốt nghiệp... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CĐR của CTĐT [H2.02.02.05]. Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học được lựa chọn có hỗ trợ và bổ sung cho nhau, nhằm đánh giá chính xác từng phần kết quả học tập của mỗi người học.

Các học phần giáo dục đại cương trang bị các kiến thức lý thuyết chung về khoa học, xã hội, sử dụng phương pháp giảng lý thuyết kết hợp bài tập, phù hợp với phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài giảng lý thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn,.. Khối kiến thức chuyên ngành được kết hợp tất cả các phương pháp giảng dạy và học tập, tăng cường các phương pháp phát triển khả năng tự học, sáng tạo, nghiên cứu của người học thông qua đọc tài liệu và báo cáo, đề án môn do vậy phương pháp đánh giá được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận,... Tổ hợp các phương pháp giảng dạy và đánh giá của tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và tương thích để cùng hướng đến CĐR được mô tả chi tiết trong Bảng “Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)”, bảng “Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra” và bảng “Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)” CTDH ngành QTKD năm 2016 [H3.03.01.01] và năm 2021 [H3.03.01.03].

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong CTDH đều xác định rõ ràng mục tiêu về kiến thức và kỹ năng để đóng góp vào việc đạt được CĐR chung của toàn bộ

CTDH [H2.02.02.02]. Đóng góp cụ thể của từng học phần vào CĐR được mô tả trong Ma trận CĐR - học phần tại Bảng 3.8 (*Phụ lục 2*) từ Bản mô tả CTĐT [H1.01.02.03].

Trong quá trình xây dựng, cũng như chỉnh sửa, bổ sung, đổi mới CTDH, ĐCCT các học phần được tập thể các GV trong Khoa QTKD và các chuyên gia biên soạn, định kỳ hiệu chỉnh theo yêu cầu về chuyên môn, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy, yêu cầu thị trường và xu thế phát triển KHCV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

ĐCCT được biên soạn, hiệu chỉnh trên cơ sở lấy ý kiến của người học, các GV trong Khoa QTKD và các bên liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh, thương mại điện tử, logistics, marketing [H2.02.02.04]. Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung học phần chưa thường xuyên và còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá được xây dựng đóng góp vào CĐR của CTĐT ngành QTKD rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung học phần chưa thường xuyên và còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp mở rộng lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung học phần hàng năm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành QTKD ban hành năm 2021 được thiết kế theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học [H3.03.03.01]. Theo đó, CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.02].

Trong CTDH, mỗi khối kiến thức lại gồm một số học phần, trong đó các học phần trong khối có liên kết chặt chẽ, hình thành một khối thống nhất, có kế thừa và bổ sung cho nhau. Trong từng học phần chỉ rõ mục tiêu và nội dung cụ thể, các học phần

tiên quyết và học phần học trước, mối liên kết giữa các học phần bằng “Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các môn học (tiên quyết, trước, sau và song hành)” trong bản mô tả chương trình đào tạo CTĐT [H1.01.02.01]. CTĐT [H1.01.02.02]. CTĐT [H1.01.02.03].

Cụ thể, trong CTDH ban hành năm 2021, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong các năm đầu nhằm trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản, tạo nền tảng để có thể tiếp thu các kiến thức chuyên sâu hơn liên quan đến ngành học. Các học phần cơ bản ngành được giảng dạy vào các năm học thứ 1 và thứ 2 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản của nhóm ngành QTKD, như các học phần Toán cao cấp 1,2, Lý thuyết xác suất và thống kê, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Tâm lý quản lý cơ sở về các. Các học phần Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, quản trị chiến lược, marketing căn bản, Nguyên lý QTKD, Kinh tế lượng, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Logistics căn bản, Luật kinh doanh,..... Các học phần thuộc khối kiến thức ngành QTKD được giảng dạy vào các học kỳ 2,3,4,5,6. Kỳ học thứ 7 được dành cho các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, với 4 lĩnh vực chuyên sâu Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị logistics, Quản trị Marketing. Nhờ việc tiếp thu, tích lũy các kiến thức và kỹ năng qua từng học kỳ với từng khối kiến thức được sắp xếp một cách khoa học trong CTDH, người học có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết đạt CĐR khi tốt nghiệp ra trường.

Tiến trình đào tạo chuẩn toàn khoá được phân bố hợp lý, trong đó khối kiến thức đại cương được giảng dạy trước, tiếp theo đến khối kiến thức cơ sở ngành, tiếp đến khối kiến thức ngành, rồi đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập, tốt nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức, các học phần được sắp xếp hợp lý trong tiến trình đào tạo, từ các học phần có kiến thức - kỹ năng cơ bản đến các học phần chuyên ngành có kiến thức - kỹ năng chuyên sâu nhằm đảm bảo người học có thể tích lũy các kiến thức và kỹ năng đáp ứng CĐR. Song song với trang bị kiến thức các kỹ năng cá nhân, kỹ năng mềm, năng lực và phẩm chất, thái độ của người học cũng được rèn luyện và nâng cao. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, người học có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CĐR [H1.01.02.03].

Tiến trình đào tạo chuẩn toàn khoá được phân bố hợp lý, trong đó khối kiến thức đại cương được giảng dạy trước, tiếp theo đến khối kiến thức cơ sở ngành, tiếp đến khối kiến thức ngành, rồi đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập, tốt nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức, các học phần được sắp xếp hợp lý trong tiến trình đào tạo, từ các học phần có kiến thức - kỹ năng cơ bản đến các học phần chuyên ngành có kiến thức - kỹ năng nâng cao nhằm đảm bảo người học có thể tích lũy các kiến thức và kỹ năng đáp ứng CĐR. Trong CTDH và ĐCCT tất cả các học phần đều chỉ rõ các môn học tiên quyết, các môn học trước. Song song với trang bị kiến thức các kỹ năng cá nhân, kỹ năng mềm, năng lực và phẩm chất, thái độ của người học cũng được rèn luyện và nâng cao. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, người học có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CĐR [H1.01.02.03].

Chương trình dạy học ngành QTKD được rà soát, đánh giá định kỳ để điều chỉnh, cập nhật nhằm đảm bảo cho người học đạt được CĐR với kiến thức, kỹ năng và năng lực sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp, với các vị trí việc làm như trong mục tiêu CTĐT.

Chương trình dạy học ngành QTKD bám sát theo chương trình khung ngành QTKD ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 24/06/2016 [H1.01.01.01], sau đó được đổi mới toàn diện với 100% các học phần cập nhật, thay đổi, biên soạn mới đã được ban hành theo Quyết định số 647A/QĐ-HV, ngày 30/07/2021 [H1.01.01.03] [H1.03.01.03. Các nội dung thay đổi tóm tắt trong bảng “Đối sánh bản mô tả chương trình đào tạo giữa các năm 2017 - 2021” [H1.01.01.03-1]

Hàng năm Khoa QTKD đều thực hiện việc rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT theo kế hoạch của Học viện [H2.02.02.02], quy trình qui định cụ thể: các bộ môn chuyên môn rà soát các học phần được phân công phụ trách đào tạo; Khoa tổ chức hội thảo xem xét, rà soát, lấy ý kiến và lên kế hoạch điều chỉnh ĐCCT trình Học viện phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, Khoa giao các bộ môn thực hiện việc điều chỉnh và chủ trì việc đánh giá nghiệm thu, Giám đốc Học viện ký quyết định ban hành [H2.02.02.03], [H2.02.02.04].

Việc rà soát, hiệu chỉnh ĐCHP được tiến hành hàng năm, cập nhật, kịp thời, tuy nhiên một số nội dung trong CTĐT như mục tiêu, CDR mặc dù được rà soát, xem xét, đánh giá định kì, nhưng việc thay đổi, cập nhật còn chưa được tiến hành thường xuyên

Chương trình dạy học ngành QTKD khi được điều chỉnh đều có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cụ thể:

CTĐT ngành QTKD xây dựng năm 2016 đã tham khảo các Trường đại học trong nước bao gồm: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Trường Đại học kinh tế đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học DL Thăng Long, Đại học giao thông vận tải, Đại Học Thương mại. Các Trường Đại học nước ngoài như: CTĐT QTKD của ULSA, CTĐT Hamton University.

CTDH ngành QTKD đổi mới và ban hành năm 2021 đã tham khảo các CTĐT ngành QTKD của các trường đại học hàng đầu trong nước bao gồm: Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học kinh tế TP HCM; Đại học kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội; Đại học giao thông vận tải; Đại học kinh tế Đà Nẵng, cùng một số CTĐT các ngành liên quan QTKD của các Trường Đại học nước ngoài như CTĐT QTKD của ULSA, CTĐT Hamton University, RMIT (Bảng “Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước”; “Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài”)[H3.03.03.03-2]. Tuy nhiên, Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng học phần, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần.

Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo cho CTĐT ngành QTKD có tính cập nhật, hiện đại, theo kịp xu hướng phát triển khoa học công nghệ hiện nay. Một số học phần chuyên ngành, chuyên sâu được tùy chọn, một số học phần như chuyên đề, đề án có tính mở, cho phép tích hợp và thay đổi các nội dung mới, cập nhật, bám sát xu thế và sự phát triển của kiến thức, nhu cầu thị trường, và được giảng dạy bằng các phương pháp mới, linh hoạt và kết hợp.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành QTKD của Học viện được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic, gắn kết giữa các khối kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các học phần, tên gọi của các học phần, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong

từng học phần, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, khi kết thúc năm học Khoa QTKD tham khảo và đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các CTĐT ngành QTKD của các trường đại học khác, Khoa cần tập trung sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, CDR của từng học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành QTKD được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp. Phiên bản CTDH năm 2021 được thiết kế với 91 học phần/131 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp.

Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CDR của CTĐT ngành QTKD được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi học phần cho CDR của CTĐT, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021.

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự liền mạch và kế thừa giữa các học phần thuộc khối kiến thức đại cương với 45 tín chỉ và được bố trí trong 4 kỳ đầu; khối kiến thức cơ sở khối ngành và chuyên ngành gồm 76 tín chỉ và được đưa vào dần dần từ kỳ thứ 3 cho đến kỳ 8 (kì 3 và kì 4 chỉ đưa 2 đến 3 môn cơ sở khối ngành, sang đến kỳ 5 tăng dần số môn cơ sở và chuyên ngành trong từng kỳ). Các học phần bắt buộc và lựa chọn của ngành được thiết kế để sinh viên có thể học từ kỳ 7 (năm thứ 4). Thực tập và khóa luận tốt nghiệp gồm 10 tín chỉ được cấu trúc trong 1 học kỳ cuối của khóa học giúp sinh viên áp dụng được kiến thức một cách tổng hợp.

Các báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được xử lý, phân tích và đánh giá một cách khoa học để đưa ra được những đề xuất, giải pháp phục vụ cho việc giảng viên cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung học phần chưa thường xuyên và còn hạn chế. Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng học phần, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí: 4,67/7 (2 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7).

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Tổ chức hoạt động dạy và học, trong đó bao gồm phương pháp tiếp cận trong dạy và học là khâu quan trọng, then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo cũng như hoàn thành mục tiêu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa QTKD đã xây dựng tổ hợp các phương pháp sử dụng cho việc giảng dạy và học tập, trong đó kết hợp nhiều hình thức giảng dạy linh hoạt, phù hợp với từng nội dung, từng học phần. Tổ hợp các phương pháp dạy và học nhằm đạt mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như mục tiêu của CTĐT ngành QTKD, trong đó chú trọng giáo dục toàn diện cho người học, trang bị cho người học những khả năng sau:

- Khả năng tự khám phá kiến thức: Người học có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình.

- Khả năng ghi nhớ kiến thức lâu dài: Phương pháp học nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp người học nhớ lâu hơn.

- Khả năng nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới: Chất lượng học tập phụ thuộc vào khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

- Khả năng tạo ra kiến thức mới: Người học học tập có chất lượng biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ.

- Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.

- Khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác: Chất lượng học tập của người học phụ thuộc vào việc người học có khả năng hình thành và diễn đạt những suy nghĩ và hành động độc lập của mình một cách mạch lạc và rõ ràng.

- Tính hiếu học: Người học học tập có chất lượng là người học có tinh thần học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông là Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm, được công bố trong Quyết định trong 967/QĐ-HV ngày 28/10/2021 [H4.04.01.01].

Trước đó, mục tiêu giáo dục của Học viện là bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng cao hơn quy định, theo cam kết được công bố của Học viện; được tiếp cận việc ứng dụng khoa học công nghệ; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức. Mục tiêu này được ban hành trong Quyết định số 222/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được đội ngũ giảng viên thấm nhuần và cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT cũng như chương trình khung giáo dục đại học ngành QTKD [H1.01.02.02]. [H1.01.01.02].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Học viện cũng được phổ biến tới toàn thể SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H4.04.01.03]. Trong tuần sinh hoạt công dân này, SV được giới thiệu về Học viện, truyền thống lịch sử, tầm nhìn sứ mạng, cũng như mục tiêu giáo dục của Học viện để SV hiểu rõ và thực hiện. SV của Khoa QTKD được giới thiệu về ngành đào tạo, các chuyên ngành, cơ hội nghề nghiệp, mục tiêu và CDR của CTĐT trong buổi gặp gỡ và giao lưu với tân SV hàng năm [H4.04.01.04]. Tuy nhiên, Học viện chưa có nhiều những hình thức đa dạng để CB, GV và người học tiếp cận với triết lý giáo dục.

Đối với nhà tuyển dụng, mục tiêu giáo dục của Học viện được trao đổi trong các buổi tọa đàm và định hướng nghề nghiệp, ngày hội việc làm [H4.04.01.05]. Triết lý giáo dục được phổ biến trong các khóa đào tạo với doanh nghiệp được tổ chức tại Khoa [H2.02.03.02]. Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố công khai và phổ biến tới toàn xã hội trên Website của Học viện [H4.04.01.06].

2. Điểm mạnh

Triết lý và mục tiêu giáo dục của Học viện và của Khoa QTKD được xác định rõ ràng và phù hợp, được tuyên bố cụ thể trong các văn bản pháp lý của Học viện. Các

triết lý và mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi tới người học, đội ngũ cán bộ giảng viên và các bên liên quan bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có nhiều những hình thức đa dạng để cán bộ, giảng viên và người học tiếp cận với triết lý giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên (CT&CTSV) tổ chức các hình thức tuyên truyền, đa dạng hóa phương thức tiếp cận của các bên liên quan với triết lý giáo dục của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa QTKD, các bộ môn và các GV đã xây dựng và thực hiện hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra bao gồm: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động/Dự án thực tế, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ. Các hoạt động dạy và học kể trên đã được quy định rõ trong chương trình khung giáo dục đại học ngành QTKD [H1.01.01.02].

Với hoạt động dạy học trên lớp, các phương pháp giảng dạy được sử dụng bao gồm: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ giúp sinh viên nắm chắc kiến thức học phần, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình [H2.02.02.02].

Với hoạt động thực hành, sinh viên ngành QTKD được học tập trên hệ thống trang thiết bị và phần mềm chuyên ngành hiện đại, được cập nhật thường xuyên do các doanh nghiệp tài trợ như phần mềm Quản lý và bán hàng đa kênh Sapo, Phần mềm quản lý bán hàng Nhanh.vn, phần mềm Thiết kế website Thương mại điện tử Webblly [H4.04.02.01]. Học viện cũng xây dựng và cung cấp hướng dẫn thực hành cho nhiều học phần về Thương mại điện tử, Bán lẻ trực tuyến, cho phép sinh viên dễ dàng làm các bài thực hành mọi lúc mọi nơi, chỉ với chiếc máy tính cá nhân có kết nối Internet [H4.04.02.02]. Nhiều học phần thực hành được giảng dạy dựa trên các phần mềm mô

phòng, sinh viên có thể thực hành trên phòng máy tính tại Học viện hoặc tự cài đặt trên máy tính cá nhân theo tài liệu và video hướng dẫn của giảng viên [H4.04.02.03].

Trong học phần Chuyên đề của học kỳ cuối, sinh viên được các chuyên gia, cán bộ tại doanh nghiệp trực tiếp đào tạo, huấn luyện để triển khai các dự án môn học ngay trên môi trường kinh doanh thực tế. Có thể nói việc đưa cán bộ doanh nghiệp tham gia giảng dạy là hoạt động tiên phong, đổi mới của Học viện trong việc đảm bảo thực hiện CĐT của CTĐT [H4.04.02.04].

Đặc biệt, phương pháp dạy học qua dự án triển khai tại doanh nghiệp đã được trú trọng áp dụng. Đây đều là các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực ICT và có ký kết quan hệ hợp tác chính thức với Khoa QTKD. Tại doanh nghiệp, sinh viên không chỉ được đào tạo quy trình nghiệp vụ cho nhân viên thực tập mà còn được trực tiếp tham gia vào các hoạt động kinh doanh thực tế. Điểm đánh giá việc hoàn thành các dự án thực tế tại doanh nghiệp được xác định là một trong những cấu phần điểm đánh giá kết thúc học phần của sinh viên [H4.04.02.05]

Với hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp, tất cả sinh viên năm cuối được tham gia các khóa thực tập toàn thời gian tại doanh nghiệp [H4.04.02.06].

Với các hoạt động ngoại khóa, sinh viên ngành QTKD cũng được tham gia vào các nhóm nghiên cứu, tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trong Khoa QTKD [H4.04.02.07]. Bên cạnh đó, các buổi tham quan thực tế, các hoạt động kiến tập, thực tập, triển khai dự án thực tế thuộc lĩnh vực QTKD tại các doanh nghiệp được Học viện thường xuyên tổ chức cho sinh viên ngành QTKD tham dự [H4.04.02.08].

Trong các buổi gặp mặt sinh viên đầu năm học, Khoa và các Bộ môn cung cấp cho sinh viên bảng thống kê các hoạt động học tập và phương pháp dạy học được sử dụng trong các học phần ngành QTKD [H4.04.01.04].

Trong đề cương chi tiết các môn học và trong các buổi lên lớp, giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp bao gồm: học trên lớp; tự học; thí nghiệm thực hành [H2.02.02.02].

Thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến [H1.01.03.08], sinh viên được hướng dẫn, giải thích về các hoạt động học tập phù hợp, từ đó chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Ngoài ra các cố vấn học tập cũng thường xuyên trao đổi, tư vấn, hướng dẫn sinh viên về các hoạt động học tập theo từng năm học, kỳ học [H4.04.02.09]. Tuy nhiên, việc kiểm tra của giảng viên với các hoạt động tự học của người học chưa được quan tâm đầy đủ.

Trong từng học kỳ, Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc mỗi học phần do giảng viên Khoa QTKD giảng dạy. Trong các nội dung khảo sát có nội dung đánh giá phương pháp dạy học và qua thống kê cho thấy có 96,35% người học hài lòng với các hoạt động dạy học cũng như các phương pháp dạy học được thể hiện trong báo cáo kết quả khảo sát [H4.04.02.10].

Kết thúc năm học, Khoa tiến hành khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT, các ý kiến được các giảng viên trao đổi trong các cuộc họp, sinh hoạt học thuật tại các bộ môn. Các ý kiến trao đổi trong các cuộc họp cho thấy, 100% giảng viên đều hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT [H4.04.02.11].

Nhờ việc sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng và phù hợp nêu trên, phần lớn sinh viên ngành QTKD đã đạt được CĐR của các học phần.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học/phương pháp dạy học được thiết kế và sử dụng một cách đa dạng và phù hợp giúp sinh viên đạt được CĐR. Khoa QTKD tiên phong trong việc đưa các chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp vào giảng dạy các học phần chuyên ngành đòi hỏi tính thực tiễn cao. Phương pháp giảng dạy theo dự án cũng được chú trọng thực hiện giúp sinh viên phát huy toàn bộ kiến thức, kỹ năng trong quá trình học nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa quan tâm đầy đủ tới việc kiểm tra các hoạt động tự học của người học.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2022-2023, Phòng CT&CTSV phối hợp Khoa QTKD tổ chức thảo luận và đề xuất việc bổ sung các giải pháp quản lý, đánh giá hoạt động tự học của người học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

100% đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập được sử dụng phù hợp với học phần như: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động/dự án thực tế, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ [H2.02.02.02]. Đặc biệt trong lịch trình giảng dạy của từng học phần, giảng viên đều gợi ý tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để sinh viên có sự chuẩn bị tốt nhất, khuyến khích vai trò tự nghiên cứu, tự học của sinh viên. Thông qua các bài tập lớn, thuyết trình, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và kỹ năng thuyết trình.

100% đề cương chi tiết các học phần ghi rõ số tiết tự học của sinh viên và những tài liệu tham khảo, tự nghiên cứu thêm [H2.02.02.02]. Trong quá trình giảng dạy, sinh viên được yêu cầu tự đọc và tìm hiểu một số nội dung mở rộng theo yêu cầu của giảng viên. Các hoạt động dạy và học giúp hình thành khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm cho SV được thể hiện qua việc thực hiện các bài tập lớn và tiểu luận học phần. Giảng viên sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đa dạng được giảng viên sử dụng một cách phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Dạy học trên giảng đường: hỗ trợ kỹ năng nghe, hiểu và tóm lược các kiến thức, thông tin.

Nhằm trang bị cho SV khả năng tự học, tự nghiên cứu, GV đã triển khai đào tạo cho SV ngành QTKD các kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, v.v. SV được tham gia các buổi tranh luận để nâng cao kỹ năng phản biện. Đối với các học phần chuyên ngành, SV được yêu cầu thực hiện báo cáo bài tập lớn/tiểu luận dưới dạng báo cáo khoa học nhằm giúp SV vận dụng kiến thức học phần để giải quyết một vấn đề thực tế.

Hàng năm, Khoa lập kế hoạch và tổ chức triển khai nhiều hoạt động để khuyến khích SV NCKH, trau dồi kiến thức học thuật, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho việc học tập suốt đời. Sinh viên được tham gia các đề tài NCKH với GV, được tham gia các đề tài NCKH của SV, tham gia các Hội nghị NCKH ở cấp Học viện hàng năm [H4.04.02.07] [H4.04.03.01]. Học viện và Khoa tổ chức và khuyến khích SV tham gia các cuộc thi SV NCKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, như cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Học sinh – Sinh viên Việt nam”. Sản phẩm dự thi các do nhóm sinh viên ngành QTKD của Học viện luôn đạt giải cao ở cuộc thi này ở cả cấp Học viện [H4.04.03.02] và cấp quốc gia. Năm 2019, nhóm SV của Khoa QTKD được vào vòng chung kết cấp quốc gia của cuộc thi này [H4.04.03.03].

Học viện và Khoa cũng đã chủ động tổ chức các cuộc thi chuyên môn có quy mô lớn với sự tham gia của các trường đại học hàng đầu về đào tạo Kinh tế và Quản lý như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại thương, như cuộc thi ECR năm 2017, PTIT Yes năm 2020 [H4.04.03.04].

SV năm thứ 3 và năm thứ 4 được tham gia các hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế thuộc lĩnh vực QTKD tại các công ty, doanh nghiệp để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, tham gia các hoạt động liên quan đến chương trình hợp tác giữa Học viện và các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam để SV tiếp cận với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp [H4.04.02.08].

Để hỗ trợ sinh viên về khả năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức từ các nguồn sách, tạp chí chuyên ngành chất lượng cao ở Việt Nam và trên thế giới, GV của Khoa QTKD đã biên soạn “Tài liệu hỗ trợ sinh viên phương pháp tìm kiếm, tra cứu tài liệu khoa học trên Internet” và hướng dẫn SV sử dụng, đây là tài liệu rất hữu ích đối với sinh viên và được sinh viên sử dụng trong suốt quá trình học tại Học viện và cả sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.05]

Qua các đợt thực tập tại các doanh nghiệp, SV Khoa QTKD được các công ty, doanh nghiệp đánh giá có trình độ chuyên môn và kỹ năng giao tiếp tốt [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng thúc đẩy NH rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, đặc biệt là các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm liên quan đến thiết

kế, xây dựng và vận hành dự án thực tế về kinh doanh và quản trị tại các doanh nghiệp hoặc các dự án khởi nghiệp của SV ngay trong và sau quá trình học tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Trong các đề cương học phần, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của học phần.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022-2023, Khoa QTKD thực hiện việc hiệu chỉnh đề cương học phần, bổ sung mục tiêu của hoạt động tự học trong nội dung của từng chương nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Từ triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan nhằm giúp các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Các phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành QTKD là phù hợp và có một số phương pháp dạy học mang tính sáng tạo, tiên phong. Các hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV là đa dạng, linh hoạt, giúp người học thuận lợi trong việc đạt CDR của CTĐT. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, kiến tập, thực tập nghề nghiệp, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm giúp SV có năng lực học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học và đặc biệt là có sự tham gia của các doanh nghiệp, các chuyên gia, các “giảng viên – doanh nhân” trong môi trường học tập cởi mở và thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ người học một cách tích cực. Bên cạnh đó có những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là chưa có nhiều những hình thức đa dạng để cán bộ, giảng viên và người học tiếp cận với triết lý giáo dục, một số giảng viên chưa quan tâm đầy đủ tới việc kiểm tra các hoạt động tự học của người học và các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học còn chưa cụ thể.

Khoa đã đặt ra các kế hoạch hành động trong thời gian tới nhằm không ngừng hoàn thiện phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những khâu quan trọng trong công tác tổ chức đào tạo. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng quan trọng đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học, đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa QTKD các thông tin giá trị về chất lượng dạy - học và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành QTKD, quá trình đánh giá được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và thực hiện xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp.

Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng học phần trong CTĐT ngành QTKD. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CĐR và nội dung của chương trình đào tạo. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành QTKD được công bố công khai tới người học và các bên liên quan trước khi bắt đầu triển khai CTĐT. Trong tiết học đầu tiên của các học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng học phần.

Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, người học cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về việc đánh giá KQHT của GV trong quá trình học tập tại Học viện. Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo, thi, kiểm tra đánh giá KQHT do Học viện ban hành và được thông báo công khai tới SV qua nhiều hình thức.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Kể từ năm 2012, khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định để triển khai tổ chức đào tạo, tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung như: đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình đánh giá, các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CĐR của từng học phần. Cụ thể:

Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]. Trong quy định này đã dành toàn bộ chương V để quy định về việc đánh giá kết quả và thi kết thúc học phần. Trong đó: điều 23 quy định tiêu chí đánh giá kết quả học tập; điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

Quy định đào tạo cao đẳng, đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02]: Tại điều 29 quy định công tác tổ chức thi kết thúc học phần gồm các nội dung về tiêu chí đánh giá kết quả học tập, các hình thức đánh giá kết quả học phần và thang điểm đánh giá, trong đó có nội dung *“Các quy định chi tiết khác liên quan thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Học viện”*.

Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03]. Trong đó bao gồm các nội dung về đánh giá kết quả học tập của NH được quy định như quy định tương tự như quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành năm 2012 và 2018: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá kết quả học tập; điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

Trong giai đoạn 2017-2021, Học viện đã ban hành 3 bản quy định đào tạo theo tín chỉ và kết cấu bản quy định năm 2021 giữ nguyên như năm 2018, được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT.

Trong suốt quá trình học tập tại Học viện, người học phải trải qua các khâu đánh giá, bao gồm đánh giá học phần, thực tập tốt nghiệp, thi tốt nghiệp/làm ĐAKLTN và được quy định tại các văn bản cụ thể:

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013

[H5.05.01.04]. Trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần; áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Đồng thời, sau khi Học viện chỉnh sửa, ban hành mới quy định đào tạo theo tín chỉ, TTKT&ĐBCLGD kịp thời hiệu chỉnh các nội dung về thi kết thúc học phần cho phù hợp với quy định đào tạo mới theo Quyết định số 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.05] và Quy định thi kết thúc học phần và các học phần thay thế tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06].

Dựa vào các quy định nêu trên, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình tổ chức các kỳ thi nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm. Quy trình này có sự tham gia của nhiều đơn vị trong Học viện như: Phòng Giáo vụ là đơn vị lập Kế hoạch thi; TTKT&ĐBCLGD là đơn vị phụ trách in sao, lưu trữ đề thi và tổ chức thi, lưu trữ bài thi, bảng điểm, các biên bản; các Bộ môn phụ trách việc phân công GV chấm thi/chấm phúc tra; Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát việc bốc thăm, in sao đề thi, giám sát công tác coi thi, chấm thi/chấm phúc tra; Trung tâm Thí nghiệm Thực hành quản lý các phòng máy thi thực hành; Trung tâm Dịch vụ là đơn vị chuẩn bị, quản lý phòng thi, Văn phòng Học viện bố trí cán bộ bảo vệ trực giữ trật tự tại khu vực tổ chức thi. Tuy nhiên, Học viện và Khoa QTKD chưa tham khảo ý kiến các bên liên quan để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện kịp thời ban hành các văn bản triển khai công tác tổ chức thi trực tuyến như Hướng dẫn tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HV ngày 09/6/2021 [H5.05.01.07] và bổ sung hình thức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 654/QĐ-HV ngày 04/8/2021 [H5.05.01.08].

Để đánh giá kết quả thực tập của SV, Học viện ban hành Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011 [H5.05.01.09].

Để đánh giá kết quả tốt nghiệp của SV, Học viện ban hành Quy định về việc đánh giá và tổ chức bảo vệ ĐA/KLTN theo Quyết định số 924/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 15/11/2011 [H5.05.01.09] và trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện ban hành Quy định về việc tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19 theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021 [H5.05.01.11].

Căn cứ Đề cương chi tiết học phần, hàng năm, Học viện ban hành văn bản hướng dẫn các khoa, bộ môn xây dựng và hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi thi kết thúc các học phần trong CTĐT ngành QTKD [H5.05.01.12]. Theo văn bản hướng dẫn, khi thiết kế ngân hàng câu hỏi thi các học phần, dựa trên cơ sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: Nhớ, biết; Bậc 2: Hiểu, áp dụng; Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá). Đối với những học phần chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Học viện xây dựng kế hoạch biên soạn đề thi để hướng dẫn GV biên soạn đề thi, với yêu cầu đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của người học, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của người học và đủ thời gian quy định cho mỗi học phần.

Kết quả học tập của NH được đánh giá thông qua các hoạt động học tập trên giảng đường (lớp học và phòng thí nghiệm thực hành (TNTH) và tại các cơ sở SV đến thực tập, với các phương pháp đánh giá cụ thể:

Căn cứ Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Kết thúc thời gian thực tập theo yêu cầu của đề cương và hướng dẫn của GVHD, SV phải hoàn thành báo cáo thực tập cho GVHD theo đúng thời hạn quy định; các Khoa chuyên môn/Đơn vị nghiên cứu tổ chức đánh giá, chấm điểm (có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của CBHD/GVHD) dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...) trong thời hạn đã được phê duyệt theo đề cương thực tập, công bố điểm cho SV.

Quy trình tổ chức thực hiện Đồ án tốt nghiệp (ĐATN) ban hành theo quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]: Hướng dẫn đánh giá ĐATN với các

phiếu nhận xét của người phản biện và phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng chi tiết đến 0,25 điểm.

- Việc đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]: Trong đó điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4; đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, tùy theo tính chất của học phần, điểm học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá thành phần; đối với các học phần thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định cho mỗi học phần. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần thông qua bài thi kết thúc học phần với hình thi có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Trong đó điểm TTTN do Khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

- Việc đánh giá ĐATN thực hiện theo quy trình tổ chức thực hiện ĐATN ban hành theo quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó điểm đánh giá ĐATN là trung bình cộng điểm đánh giá của người phản biện và các thành viên hội đồng. Để có đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp, SV cần đạt điểm trung bình chung tích lũy từ khá trở lên, trường hợp SV không đủ điều kiện làm ĐATN sẽ học và thi các học phần thay thế ĐATN do Khoa đề xuất và được giám đốc Học viện phê duyệt theo Quy định thi các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06].

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung như: đánh giá, phân loại đánh giá,

quy trình đánh giá, các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CĐR của từng học phần.

Trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD tại Mục 3. CĐR ban hành kèm theo Quyết định số 647A/QĐ-HV ngày 30/07/2021 và Quyết định bổ sung số 1061/QĐ-HV ngày 12/08/2022 [H1.01.02.04] có xây dựng ma trận liên kết giữa học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp đánh giá của CTĐT phong phú, đa dạng (chuyên cần, bài tập, thuyết trình, hoạt động, viết, làm việc nhóm, thí nghiệm, thực hành trắc nghiệm tự luận, vấn đáp, báo cáo), phù hợp với CĐR của CTĐT ngành QTKD. Phương pháp đánh giá của từng học phần cụ thể đã được tổ chức hội thảo và thông qua ở cấp bộ môn và cấp khoa trước khi trình Giám đốc Học viện phê duyệt theo đề cương chi tiết học phần. Thông qua nội dung nêu trên, các hoạt động và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR thông qua: đánh giá học phần với đề thi có đáp án, thang điểm đánh giá và các mức độ đạt được của từng SV từ không đạt đến khá, giỏi để đo mức độ đạt được của CĐR từng học phần; Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) được giao cho SV khá giỏi thực hiện và do Hội đồng đánh giá để đo CĐR theo thang điểm cụ thể.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống quy định, quy trình, tài liệu hướng dẫn đầy đủ và tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị, giảng viên, sinh viên trong quá trình thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tham khảo ý kiến các bên liên quan để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức hội thảo xin ý kiến nhận xét, góp ý của các bên liên quan đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng tại Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2012 [H5.05.01.01], năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03]. Tại Quy chế đào tạo năm 2021, quy định cụ thể như sau:

- Thời gian: Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần (gọi là kỳ thi chính) và một kỳ thi phụ dành cho SV chưa dự thi kỳ thi chính có lý do chính đáng và đã được chấp nhận (nếu có). Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

- Hình thức thi kết thúc học phần: bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, được quy định trong Đề cương chi tiết học phần và được Giám đốc Học viện phê duyệt.

- Hình thức đánh giá trực tuyến: Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan; Trọng số của điểm đánh giá bằng hình thức trực tuyến không được quá 50%.

- Cách tính điểm thành phần và điểm học phần: Điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm thành phần) nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm liệt quy định cho các thành phần của học phần là 0 điểm.

- Đánh giá lớp học phần

(1) Đánh giá lớp học phần là một trong những biện pháp quan trọng trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục. Việc đánh giá lớp học phần được tiến hành thông qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về nội dung học phần, tổ chức lớp học phần, các hoạt động dạy và học của mỗi lớp học. Từ đó đưa ra đánh giá kết luận để có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nguồn thông tin có thể bao gồm:

- + Ý kiến phản hồi từ cán bộ phụ trách lớp học phần và các cán bộ khác;
- + Ý kiến phản hồi từ phía SV của lớp học phần;
- + Thông tin kiểm tra giảng dạy từ Tổ công tác dự giờ;
- + Thống kê điểm đánh giá học phần của lớp học phần.

(2) Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD) phối hợp với các đơn vị tổ chức việc đánh giá lớp học phần thường xuyên cuối mỗi học kỳ, năm học. Các kết quả đánh giá lớp học phần được báo cáo trực tiếp với Giám đốc Học viện. Giám đốc Học viện quyết định hình thức sử dụng các kết quả đánh giá lớp học phần và chỉ đạo thực hiện biện pháp điều chỉnh cần thiết.

Tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành QTKD năm 2021 [H1.01.01.03], [H2.02.02.01] đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần.

Tại quy định về tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính qui theo học chế tín chỉ đã quy định cụ thể thời gian, hình thức thi và phúc khảo kết quả thi [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]. Nội dung và phương pháp đánh giá được các GV thay đổi cho phù hợp với nội dung của học phần theo đề cương chi tiết của các học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề... tùy theo tính chất từng học phần. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá kết quả học tập của SV sau khi hoàn thành một phần chương trình của học phần. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần). Đánh giá kết quả học tập một học phần trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Cụ thể, Điều 8 trình bày kết cấu điểm thành phần, thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần đối với học phần. Các thông tin về cơ chế phản hồi, khiếu nại phúc tra được trình bày rõ tại Điều 10. Khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết thúc học phần. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo và Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]. Thời gian

thực tập cuối khóa hàng năm, Học viện xét cho SV đủ điều kiện đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập cuối khóa theo 02 đợt: Tháng 01 và tháng 07; thời gian thực tập cuối khóa tại cơ sở là từ 05 đến 06 tuần; việc đánh giá học phần TTTN diễn ra vào tuần cuối của đợt thực tập, SV nộp quyền có xác nhận của cơ sở thực tập cho GV hướng dẫn để chấm điểm TTTN; điểm TTTN do Khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá KLTN thực hiện theo quy trình tổ chức thực hiện ĐAKLTN ban hành theo quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó quy định cụ thể về thời gian giao ĐA/KLTN; hình thức đánh giá thông qua hội đồng chấm ĐA/KLTN; ĐA/KLTN được đánh giá bởi ba loại điểm: Điểm đánh giá của Người hướng dẫn; điểm đánh giá của Người phản biện và điểm do các thành viên Hội đồng chấm; Điểm đánh giá ĐA/KLTN là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

Trước mỗi năm học, Học viện đều gửi Kế hoạch đào tạo năm học đến khoa và các đơn vị quản lý để thông báo cho SV, GV. Trong văn bản nêu rõ thời gian học và thi của từng học phần, chấm ĐA/KLTN và thi tốt nghiệp [H5.05.02.01].

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV quy chế đào tạo có nội dung kiểm tra đánh giá và Quy định thi, kiểm tra trong quá trình học tập tại Học viện [H5.05.02.02]. Cuốn Sổ tay sinh viên được phát cho SV trong “Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học”, các mốc thời gian học, nghỉ lễ tết, học bù, ôn và thi cuối kỳ được trình bày cụ thể trong cuốn hướng dẫn này, mục kế hoạch đào tạo toàn Học viện theo từng năm học [H5.05.02.03].

Trước mỗi học kỳ, Phòng Giáo vụ thông báo thời khóa biểu của từng học phần trên website Học viện và SV đăng ký học online trên hệ thống QLĐT: <http://qldt.ptit.edu.vn> [H5.05.02.04].

Trong tiết học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy học phần có trách nhiệm thông báo tới SV nội dung về tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần, đảm bảo 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của học phần qua Đề cương chi tiết học phần được Học viện phê duyệt [H2.02.02.01].

Các hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học được phổ biến rộng rãi và công khai tại kế hoạch thi kết thúc học phần, thi lại, thi cải thiện điểm trong từng học kỳ [H5.05.02.05], kế hoạch thi và bảo vệ đồ án tốt nghiệp cuối khóa [H5.05.02.06]. Đồng thời SV có tra cứu thông tin về các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập trên website Học viện hoặc Fanpage của TTKT&ĐBCLGD có đăng tải các thông tin liên quan về đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.02.07].

Mặc dù có hệ thống văn bản về đánh giá KQHT của người học tương đối đầy đủ, nhưng các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm rải rác ở nhiều văn bản, cần tích hợp để đưa thông tin lên website Học viện và để Trung tâm KT&ĐBCLGD hướng dẫn SV thực hiện.

Thực hiện chương trình chuyển đổi số, mỗi SV Học viện được cấp mã định danh để truy cập phần mềm PTIT-Slink khai thác các thông tin liên qua đến SV trong quá trình học tại Học viện chỉ thông qua điện thoại di động ở mọi lúc, mọi nơi [H5.05.02.08].

Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được chỉ rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và thi các học phần thay thế ĐA/KLTN trình độ đại học, trong quyển Sổ tay SV, được phổ biến và phát cho SV trong đầu năm học, khóa học thông qua Tuần sinh hoạt công dân. Bên cạnh đó, các quy định, quy chế thi, quy định về đăng ký thi lại, nâng điểm cũng được công khai cho SV trên website của Học viện. Ngoài ra, trong lịch thi cá nhân của từng SV trên hệ thống đăng ký học, SV cũng được thông báo các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Các quy định liên quan đến đánh giá kết quả học tập được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh khác nhau.

2. Điểm mạnh

Phần mềm PTIT-SLink giúp SV có thể truy cập khai thác thông tin đầy đủ, mọi lúc, mọi nơi trong thời gian học tập tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm ở nhiều văn bản và trong các năm ban hành khác nhau, cần tích hợp để đưa thông tin lên website.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD tổng hợp các nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá KQHT của SV đăng tải trên website Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập được trình bày trong Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện năm 2021 [H5.05.01.03] và Quy định hình thức thi kết thúc học phần [H5.05.01.04], [H5.05.01.06]: Bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, được quy định tại Mẫu đề cương chi tiết theo quy định của Học viện [H2.02.02.03] và tại Đề cương chi tiết học phần ngành QTKD được Giám đốc Học viện phê duyệt [H2.02.02.06]. Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi học phần.

Quy định hình thức thi kết thúc học phần [H5.05.01.06] nêu rõ hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần, đồng thời được quy định trong Đề cương chi tiết học phần và được Giám đốc Học viện phê duyệt tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR học phần. Khoa QTKD tiến hành đánh giá kết quả các học phần được thực hiện ở cả hai loại hình là đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Phương pháp đánh giá đánh giá kết quả học tập của NH cũng từng bước được đa dạng hóa gồm: tự luận, thực hành, trắc nghiệm khách quan và thực hành, tiểu luận, báo cáo thực tập; tất cả các phương thức kiểm tra đánh giá này đều có kèm theo mẫu biểu đánh giá với các tiêu chí phù hợp cho từng hình thức thi.

Trong đó, mỗi học phần đều đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có quy định về trọng số điểm, điểm thi kết thúc học phần có trọng số từ 50-70%.

Trước mỗi kỳ thi, Khoa QTKD, Bộ môn muốn điều chỉnh phương pháp đánh giá kết quả học tập phải có văn bản gửi Phòng Giáo vụ để đưa vào kế hoạch thi trong từng học kỳ [H5.05.03.01]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của người học. Vì vậy, đội ngũ GV của Khoa QTKD luôn chú trọng đến phương pháp đánh giá, nhằm đảm bảo sự đa dạng, có độ tin cậy, giá trị công bằng cao. Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và đối với CDR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CDR học phần.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, cụ thể:

- Về độ giá trị, Học viện đã ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần theo Quyết định số 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.03.02] và đảm bảo mỗi học phần đều có ngân hàng câu hỏi thi [H5.05.03.03], hoặc bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 [H2.02.01.02] và Đề cương chi tiết học phần năm 2021 [H2.02.02.06].

- Về độ tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.03.04]. Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (đánh số phách, rọc phách, hai GV cùng chấm, lập bảng điểm thi theo số phách...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Bắt đầu từ năm học 2020-2021, Học viện có sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần để GV chủ động nhập điểm [H5.05.03.05] và điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai trên portal SV [H5.05.03.06]. Việc kiểm tra đánh giá được tách khỏi giảng dạy và học tập

và bài thi tự luận được tổ chức thi riêng đề chắn, lẻ, rọc phách và chấm chéo đối với chấm phúc khảo [H5.05.03.07], đối với bài thi thực hành và báo cáo: Chấm chung, chấm chéo giữa các GV cùng tham gia giảng dạy một học phần [H5.05.03.08].

Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành chủ yếu kiểm tra bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, nhằm hướng tới mục tiêu trang bị kiến thức cho người học và sự vận dụng kiến thức của người học. Đối với nhóm học phần lý thuyết, tập trung cho SV đạt những chuẩn kiến thức chung, kiến thức chuyên môn được thực hiện một trong những hình thức thi: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn. Đối với nhóm những học phần: thực tập kỹ năng tại các doanh nghiệp và nghiên cứu, thực tập tốt nghiệp thì thường đánh giá qua kết quả thu được trong thực tế thông qua sản phẩm học tập được báo cáo bằng hình thức thuyết trình, seminar. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV như tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập dự án, thực hành thí nghiệm, báo cáo... được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Với Khóa luận tốt nghiệp, căn cứ vào Quy định về thực hiện ĐAKL tốt nghiệp trong đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H5.05.01.10]. Tại buổi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV bảo vệ, trả lời câu hỏi; các thành viên hội đồng thảo luận và cho điểm vào phiếu kín theo thang điểm 10, được làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Kết quả được công bố sau khi có ý kiến phê duyệt của chủ tịch hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Khoa QTKD và Trung tâm KT&ĐBCLGD chưa xác định được độ tin cậy, giá trị qua việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần.

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CĐR ngành QTKD. Nhiều học phần trong CTĐT ngành QTKD áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đảm bảo độ tin cậy được sử dụng cho một số học phần chuyên ngành của khoa.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Học viện chưa xác định được độ tin cậy, giá trị qua việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD tổ chức việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng học phần và mời chuyên gia đến tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá và điều chỉnh NHCHT các học phần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2021 [H5.05.01.03]: Tại Điều 30. Khiếu nại điểm và sửa điểm (1) Đối với điểm đánh giá quá trình, SV có thể khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần khi công bố điểm. (2). Đối với điểm thi kết thúc học phần, khi khiếu nại điểm SV phải làm đơn xin phúc tra, đóng lệ phí theo quy định và nộp cho Trung tâm KT&ĐBCLGD. (3) Thời hạn khiếu nại điểm là chậm nhất 10 ngày kể từ ngày công bố điểm. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu khiếu nại điểm đều không được chấp nhận. (4) Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn phúc tra điểm của SV, Trung tâm KT&ĐBCLGD phải tổ chức chấm phúc tra và công bố kết quả phúc tra cho SV. Đồng thời, quy chế có quy định về học lại, thi lại, thi nâng điểm để NH đạt kết quả học tập tốt nhất, đây là cơ sở để NH đăng ký học cải thiện điểm để đạt kết quả tốt nghiệp loại khá, giỏi.

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.01.04] và [H5.05.01.06]: Tại Điều 17, Giải quyết thắc mắc, khiếu nại về điểm thi.

- Nguyên tắc: Chỉ tiếp nhận và giải quyết những khiếu nại về điểm thi đối với các học phần áp dụng hình thức thi viết. Không giải quyết các khiếu nại về điểm thành phần, điểm thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy, thực hành ...

- Khi phát hiện có sự khác biệt giữa điểm thi đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, SV có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm KT&ĐBCLGD để được xem xét, giải quyết.

- Tiếp nhận đơn của SV: Trong thời hạn không quá năm (5) ngày sau khi công bố điểm học phần, SV có khiếu nại về điểm thi làm đơn đề nghị xem xét điểm thi kết thúc học phần; Ban cán sự lớp tập hợp đơn của toàn bộ SV trong lớp, lập danh sách SV đề nghị xem xét điểm thi kết thúc học phần và nộp về Trung tâm KT&ĐBCLGD. Không tiếp nhận đơn của SV nộp sau thời hạn nêu trên; Hết thời hạn nhận đơn, Trung tâm KT&ĐBCLGD lập bảng tổng hợp các khiếu nại của SV và những thông tin cần thiết cho giải quyết khiếu nại.

- Giải quyết khiếu nại: Trung tâm KT&ĐBCLGD tra cứu bài thi và kiểm tra tình trạng bài thi để phát hiện các trường hợp sai sót trong công tác thư ký chấm thi; Nếu phát hiện có sai sót, Trung tâm lập bảng điểm phúc khảo và ghi rõ lý do sai sót. Nếu không có sai sót, Trung tâm KT&ĐBCLGD sẽ thông báo cho Bộ môn quản lý học phần để chấm phúc khảo.

- Điều chỉnh và công bố điểm phúc khảo: Trung tâm KT&ĐBCLGD đối chiếu điểm đã công bố với điểm chấm phúc khảo: Nếu điểm chấm phúc khảo bằng điểm đã công bố thì giữ nguyên điểm đã công bố; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau 1 điểm thì lấy điểm chấm phúc khảo làm điểm chính thức; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau lớn hơn 1 điểm, Trung tâm KT&ĐBCLGD có văn bản đề nghị Bộ môn tổ chức đối thoại trực tiếp giữa GV chấm thi lần đầu và GV chấm phúc khảo (có ghi biên bản) để thống nhất điểm. Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Giám đốc Học viện giải quyết.

- Mỗi điểm thi sau khi sửa chữa phải lập biên bản, kèm hồ sơ có liên quan, có chữ ký xác nhận của Trưởng bộ môn quản lý học phần và đồng thời phải lưu lại tên người sửa, thời gian sửa. Sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn, Trung tâm KT&ĐBCLGD công bố kết quả phúc khảo điểm cho SV và tiến hành điều chỉnh điểm (nếu có).

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân [H5.05.04.02], GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập của NH. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> và trong quyển Sổ tay sinh viên được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03]; được Phòng Giáo vụ đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu/> và Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo, hướng dẫn SV trong từng kỳ thi trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/ttk/>.

Năm 2021, thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo, Học viện đã triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hệ thống PTIT-SLink, phần mềm này giúp Học viện quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện trên mọi thiết bị di động [H5.05.04.03]. Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu trên PM QLĐT EduSoft [H5.05.04.04].

Một tuần trước thời gian thi của học phần theo kế hoạch thi, GV nhập điểm thành phần trên hệ thống quản lý đào tạo và hoàn thiện danh sách SV đủ điều kiện dự thi gửi cho TTKT&ĐBCLGD và lưu bản photocopy tại Khoa [H5.05.04.05] và trong buổi học cuối của học phần, SV được GV công bố điều kiện dự thi kết thúc học phần theo quy định. Khi kiểm tra giữa kỳ để xác định điểm thành phần của môn học, GV có chữa bài kiểm tra, phân tích kết quả để định hướng SV, chỉ rõ điểm mạnh và điểm yếu của SV theo từng môn học, giúp SV có phương pháp và ý thức học tập tốt hơn. Tuy nhiên, Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý

Mười ngày (10) sau khi thi kết thúc học phần đối với hình thức thi tự luận, SV được TTKT&ĐBCLGD công bố kết quả thi và điểm học phần trên website Học viện [H5.05.04.06] và SV có thể xem điểm học phần của mình để biết KQHT của từng học phần.

Bên cạnh việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học trong đánh giá quá trình và sau các kỳ thi kết thúc học phần, việc phản hồi về kết quả đánh giá người học còn được thể hiện qua việc thông báo kết quả học tập của SV thông qua việc cảnh báo học vụ của Phòng Giáo vụ khi tổng hợp kết quả học tập của người học vào mỗi học kỳ [H5.05.04.07]. Đồng thời, cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng CT&CTSV gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình đối với những trường hợp tạm dừng học do nghỉ học không có lý do và trường hợp buộc thôi học do học kém để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của NH; Từ đó, có những điều chỉnh phù hợp nhằm cải thiện kết quả học tập của NH [H5.05.04.08].

Học viện ban hành Quy định về công tác CVHT theo Quyết định số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 nhằm nắm tình hình học tập cũng như hỗ trợ NH trong suốt thời gian học tập tại Học viện [H5.05.04.09]. Căn cứ quy định, Khoa QTKD phối hợp với

Phòng CT&CTSV yêu cầu các CVHT giải đáp đầy đủ các thắc mắc cũng như hỗ trợ SV đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết, lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo để có sự tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Các cuộc họp giữa CVHT và SV được thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ và có biên bản họp nộp về Phòng CT&CTSV để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ban giám đốc Học viện [H5.05.04.10]. Biên bản họp lớp của SV ngành QTKD cho thấy không có sự phàn nàn về vấn đề công bố, phản hồi kết quả học tập.

Nhờ việc thông tin kịp thời, nhanh chóng tới SV, SV có thể lập kế hoạch đăng ký học, đăng ký thi lại phù hợp với tiến độ học tập. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kì, căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ theo học kỳ để SV lập phương án học tập phù hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp.

Trong giai đoạn 2017-2021, SV được phản hồi kết quả kịp thời, tuy nhiên vẫn có một vài trường hợp công bố kết quả chậm do GV bận công việc riêng, không trả điểm thi đúng thời hạn. Đồng thời việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

Qua Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021 và Kết quả khảo sát, đánh giá học phần và đánh giá chất lượng khóa học của Học viện đối với SV năm cuối [H5.05.04.11] cho thấy trên 90% SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng.

Toàn bộ hồ sơ phúc khảo thi, hồ sơ đánh giá kết quả học tập của người học trong toàn khóa học được lưu giữ đầy đủ tại TTKT&ĐBCLGD theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu [H5.05.04.12]

2. Điểm mạnh

Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo đã giúp NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD quy định GV phải thông báo điểm kiểm tra/thi giữa kỳ sớm hơn (ngay vào tuần tiếp theo sau khi thi/kiểm tra giữa kỳ) để SV có thể điều chỉnh lại phương pháp học tập nhằm nâng cao kết quả học tập của bản thân.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. *Mô tả hiện trạng*

Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 và Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Tất cả các văn bản này đều được Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, khóa học [H5.05.05.02]. Đồng thời, sinh viên còn được phổ biến quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước khóa học tại Sổ tay Sinh viên được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03]. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu> và trước mỗi học kỳ, cố vấn học tập có phổ biến quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập tại các cuộc họp với lớp SV [H5.05.04.07]. Hiện tại, phần mềm quản lý đào tạo chưa có chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

Trong từng học kỳ, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong đợt thi, toàn bộ điểm sẽ được đồng bộ vào tài khoản cá nhân của SV tại phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và phần mềm ứng dụng PTIT-Slink; đồng thời thông báo trên website của Học viện về thời gian nhận đơn phúc tra. Sau khi kết thúc thời gian nhận đơn phúc tra, TTKT&ĐBCLGD tập hợp đơn, lập danh sách và rút bài phúc khảo của SV và bàn giao cho các Khoa/bộ môn có SV đề nghị phúc khảo bài thi. Bộ môn sẽ nhận bài và phân công 02 GV chấm thi thực hiện. Trong 02 GV chấm phúc khảo, phải có ít nhất 01 GV không chấm thi học phần đó lần đầu. Điểm chấm phúc khảo được ghi vào Phiếu chấm điểm phúc khảo bài thi (theo mẫu). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực sẽ xử lý theo quy định. Địa điểm chấm phúc khảo tại phòng chấm thi tập trung. Sau 08 ngày kể từ ngày

kết thúc nhận đơn phúc khảo, Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo kết quả tới SV có đơn phúc khảo và thông báo công khai trên website của Học viện (Điều 10 của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần) [H5.05.05.01].

Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây (từ năm học 2017-2021) [H5.05.05.02] cho thấy tỷ lệ khiếu nại về kết quả học tập của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1,5% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Cụ thể, năm học 2016-2017 có 26 bài phúc khảo; năm học 2018-2019 có 22 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi điểm do khi chấm điểm (bài thi trắc nghiệm trên giấy), cán bộ chấm thi nhầm mã đề của sinh viên; năm học 2020-2021 có 61 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi 0,5 điểm do giáo viên chấm lần thứ nhất chấm sót ý. Các năm khác không có trường hợp nào phúc khảo. Tất cả các bài thay đổi điểm do lỗi kỹ thuật như chấm sót, cộng nhầm điểm thành phần, hoặc chấm sai mã đề thi trắc nghiệm. Hồ sơ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học các năm học (Đơn đăng ký phúc khảo điểm, hóa đơn nộp tiền, bảng điểm phúc khảo, biên bản đối thoại,...) được lưu tại Trung tâm KT&ĐBCLGD để thuận lợi trong việc tra cứu [H5.05.05.03].

Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ cho thấy có trên 90% SV được hỏi hài lòng với việc đánh giá kết quả học tập của Học viện.

2. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2017-2021, Học viện không có đơn từ khiếu nại về công tác chấm thi sau các kỳ thi.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft chưa có chức năng cho phép SV phúc khảo bài thi.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Phòng Giáo vụ nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần) áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV một cách công khai trên các trang website Học viện, khoa. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay sinh viên.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến SV nhằm giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với kết quả học tập của mình sẽ được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và có thể phúc khảo bài thi thông qua một quy trình phúc khảo bài thi quy định chặt chẽ và khoa học.

Khoa QTKD chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CĐR và chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề

thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CDR của học phần. Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý. Phần mềm quản lý đào tạo của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của sinh viên vào phần mềm.

Mặc dù còn một số tồn tại, nhưng nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT ngành QTKD được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của CTĐT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 4,60/7 (3 tiêu chí đạt 5/7; 2 tiêu chí đạt 4/7)

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Để thực hiện được sứ mạng và mục tiêu đã đề ra thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu chính là phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cũng như thương xuyên quan tâm để việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của Học viện đạt chuẩn chất lượng cả về giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Học viện và Khoa QTKD luôn quan tâm và có kế hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực tham gia công tác giảng dạy, NCKH và đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, năm 2020, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.09], nội dung bản chiến lược đã được chỉnh sửa và ban hành vào năm 2021, sau khi Học viện thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Trong bản chiến lược đã nhấn mạnh: Mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học là Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả và có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp.

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ Học viện được nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02]. Nghị quyết nêu rõ tổng số lao động đến năm 2025 là 750 người; phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

Thực hiện hướng dẫn của Ban cán sự Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn một cách nghiêm túc, đúng trình tự, gửi báo cáo Bộ TT&TT tại công văn số 275-QĐ/BCSD ngày 20/3/2017 [H6.06.01.03]. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt và Quy chế bổ nhiệm cán bộ năm 2019, 2021 của Học viện ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-TCCB ngày 23/01/2009 [H6.06.01.04], số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Học viện chỉ đạo Khoa QTKD thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo khoa, bộ môn theo đúng quy trình, quy định tại các quy chế Học viện đã ban hành và quy định của Nhà nước.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch lao động, trong đó có kế hoạch phát triển đội ngũ GV các Khoa [H6.06.01.06]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cần tuyển cho Khoa QTKD. Việc chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với GV được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược; căn cứ Luật Giáo dục đại học, Luật Viên chức, năm 2018, Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng của Học viện theo Quyết định số 1166/QĐ- HV ngày 24/12/2018 [H6.06.01.07].

Căn cứ Kế hoạch lao động của Học viện hàng năm, Khoa QTKD xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới và số lượng GV cần thực hiện bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động của Khoa hàng năm báo cáo Học viện phê duyệt [H6.06.01.08].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Học viện thực hiện nghiêm túc và đầy đủ theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.09], trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ GV, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi

dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi; GV học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản và được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và Nhà nước.

Nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực ngành QTKD theo hướng hội nhập quốc tế rất cao, thời gian qua có rất nhiều đơn vị trong lĩnh vực QTKD được thành lập và nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, nên Học viện khó thu hút được GV chất lượng cao cho ngành QTKD. Học viện đã có chính sách đào tạo bồi dưỡng GV cho ngành QTKD từ nguồn lực nội bộ và khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh sau khi được tuyển dụng. Trong 5 năm, Học viện đã cử đi học 6 NCS và có 06 người đã hoàn thành chương trình NCS và tiếp tục công tác tại Khoa QTKD [H6.06.01.10].

Trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của Học viện hàng năm [H6.06.01.11], Học viện hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thăng hạng chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.12]. Trong giai đoạn 5 năm của chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã cử 104 lượt giảng viên của ngành QTKD đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 371,0%); 100% GV của Khoa QTKD có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và đạt chuẩn chức danh giảng viên theo quy định. Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD trong toàn Học viện là 6,228 tỷ đồng (chiếm 0,5% tổng nguồn chi).

Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện có chính sách hỗ trợ kinh phí cho GV hoàn thành chương trình NCS và các GV phấn đấu đăng ký đạt học hàm PGS, GS [H6.06.01.13]. Trong giai đoạn 2017-2021, Giám đốc Học viện đã ký các quyết định bổ nhiệm 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa thuộc Khoa QTKD [H6.06.01.14]. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ tiến sĩ.

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện nghiêm túc theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể tại hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động về Hợp đồng lao động [H6.06.01.15]; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động Học viện [H6.06.01.16].

Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành. Trong 5 năm qua, Khoa QTKD có 01 GV đến tuổi nghỉ hưu nhưng được Học viện kéo dài thời gian công tác theo quy định [H6.06.01.17].

Từ kết quả tuyển dụng, bố trí công việc, cũng như công tác giải quyết chế độ nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động, có thể khẳng định số lượng đội ngũ GV, nghiên cứu viên ngành QTKD đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ của Khoa QTKD đạt trên 96,43% và 1 giảng viên có học hàm Phó giáo sư.

3. Điểm tồn tại

Học viện còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ cao về làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ xây dựng cơ chế chính sách thiết thực nhằm thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động giảng dạy tại Khoa QTKD bao gồm GV cơ hữu của khoa, các cán bộ quản lý và nghiên cứu viên của Viện Kinh tế Bưu điện, đơn vị có con dấu trực thuộc Học viện.

Tính đến 30/6/2022, tổng số cán bộ, GV cơ hữu của Khoa QTKD là 30 người (bao gồm cả GV kiêm giảng từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại Khoa), GV thỉnh giảng là 02 người (01 tiến sĩ và 01 thạc sĩ); độ tuổi trung bình của GV cơ hữu là 45,96 tuổi; số GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số GV cơ hữu là 07, chiếm tỷ lệ 25,0%; số GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu là 20, chiếm tỷ lệ 71,43%. GV quy đổi của chương trình đào tạo ngành QTKD là 37,0 người.

Tỷ lệ GV/SV: Tổng số SV hệ đại học chính quy đang học tập tại Khoa tính đến 30/6/2022 là 906 SV.

Tỷ lệ bình quân GV / SV chính quy quy đổi của CTĐT trong giai đoạn 5 năm là 20,40. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Học viện tiến hành mời các GV thỉnh giảng ngành QTKD là 02 người (01 tiến sĩ và 01 thạc sĩ). Đội ngũ GV thỉnh giảng đáp ứng đủ yêu cầu và có uy tín trong cộng đồng QTKD nhằm làm đa dạng hóa và mở rộng quan hệ trong việc trao đổi học thuật. Hơn nữa, Khoa QTKD cũng mời nhiều doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy nhằm tạo nhiều cơ hội nhất có thể để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện hành từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp khi tốt nghiệp tại Học viện [H6.06.02.01].

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV [H6.06.02.02], năm 2015, Học viện ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện [H6.06.02.03], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý) [H6.06.02.04] và quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Học viện là 270 giờ/năm.

Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc của GV trong các cơ sở giáo dục đại học [H6.06.02.05]. Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.06]. Tổng hợp giờ giảng của GV cụ thể giảng dạy 270 giờ chuẩn và NCKH 590 giờ thường. Tuy nhiên, Học viện chưa có quy định về số giờ giảng, loại hình và số lượng hoạt động NCKH (đề tài, bài báo quốc tế) cho từng hạng GV, cũng như cho các GV có học hàm GS, PGS.

Trong từng học kỳ, căn cứ bản mô tả công việc của GV, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV theo Bộ môn [H6.06.02.07]. Sau khi GV thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Học viện thống kê khối lượng công việc của GV và thực hiện quy đổi theo giờ chuẩn [H6.06.02.08]; đối với giờ NCKH, Học viện tiến hành rà soát thống kê giờ NCKH và giảng dạy để có căn cứ thực hiện theo quy định về NCKH đối với GV [H6.06.02.09], trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ

giảng theo quy định. Đối với nghiên cứu viên của Viện Kinh tế Bưu điện và các đơn vị chức năng Học viện phải thực hiện giờ giảng theo quy chế kiêm giảng của Học viện và chủ yếu tập trung vào công tác NCKH, hướng dẫn SV thực tập, làm đồ án tốt nghiệp [H6.06.02.10].

Việc giám sát, đánh giá khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc [H6.06.02.11] và Quy định về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện [H6.06.02.12], trong đó xác định cụ thể các tiêu chí phân loại GV theo mức A, B, C với mục tiêu khuyến khích GV chủ động đăng ký học tập để đạt trình độ tiến sỹ và tiếng Anh đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu châu Âu, việc này góp phần quan trọng để giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH của GV Học viện.

Phòng Giáo vụ tổ chức việc giám sát thời gian lên lớp của GV thông qua việc ghi Sổ nhật ký giảng dạy của GV trong từng tiết học, đảm bảo GV lên lớp đúng giờ và sổ được lưu trữ tại phòng giáo vụ [H6.06.02.13]; Tổ Thanh tra thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm vụ thanh tra định kỳ việc chấp hành nội quy đối với GV trên giảng đường [H6.06.02.14]; kết thúc học kỳ, Trung tâm KT&ĐBCLGD tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học phần, phân tích số liệu, viết báo cáo khảo sát và gửi về các Khoa, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động dạy và học tại Khoa [H3.03.02.01].

Cuối năm, phòng Giáo vụ tổng hợp khối lượng giờ giảng gửi về khoa để đối soát, thống nhất xác nhận khối lượng giờ giảng của GV [H6.06.02.15]; Phòng Quản lý KHCN-HTQT tính giờ NCKH theo các nội dung GV thực hiện (đề tài, bài báo, hội thảo, hội nghị, ...) để xác nhận việc hoàn thành giờ NCKH của từng GV, trong trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được bù từ giờ giảng sau theo quy định của Học viện khi quy đổi [H6.06.02.16].

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV Khoa QTKD còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng: Tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng ngắn hạn [H6.06.02.17]; bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi, ...[H6.06.02.18]; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ... Tuy nhiên, hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi.

Căn cứ thực tế thực hiện khối lượng công việc được Học viện giao về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc; sau đó bộ môn và khoa đánh giá; cuối cùng, Học viện đánh giá căn cứ vào kết quả đánh giá của Khoa để có kết quả đánh giá, xếp loại cuối cùng của toàn Học viện [H6.06.02.18]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV của Khoa QTKD đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, 100% GV khoa đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

Thông qua hội nghị cán bộ viên chức và các báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện và Khoa QTKD, GV không có phàn nàn, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của Khoa và Học viện về các công việc GV đã thực hiện [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của Khoa QTKD trong 5 năm giai đoạn 2017-2021: 34,67% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 40,70% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 24,63% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV Khoa QTKD đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Kết quả đánh giá giai đoạn 2017-2021 cho thấy tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá loại A dao động từ 90% - 96%.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa QTKD đều đảm bảo số giờ chuẩn giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học, 100% GV hoàn thành nhiệm vụ, có 34,67% GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với Khoa QTKD nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng giảng viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy trình tuyển dụng và các tiêu chí tuyển dụng các vị trí công việc cho các chức danh viên chức, người lao động được quy định cụ thể tại Quy chế tuyển dụng của Học viện ban hành theo Quyết định số 1166/QĐ- HV ngày 24/12/2018 [H6.06.01.07], đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được cụ thể trên cơ sở Bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và triển khai tại Khoa QTKD từ năm 2016.

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt là tuyển dụng đội ngũ GV, Khoa đề xuất kỹ năng, năng lực của ứng viên gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp và xây dựng tiêu chí đối với ứng viên dự tuyển chức danh GV ngành QTKD. Thông báo tuyển dụng GV các năm từ 2017 đến 2022 [H6.06.03.02] đều nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng GV ngành QTKD với các tiêu chí cơ bản: có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện. Trong đó, các điều kiện ưu tiên chung đối với các ứng viên vào vị trí GV: Có trình độ tiến sĩ; được đào tạo ở nước ngoài; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương trở lên; đang là GV hoặc có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục, nghiên cứu khoa học; có kết quả biên soạn tài liệu, bài giảng, công trình nghiên cứu khoa học đã công bố; tuổi dưới 40 (đối với tiến sĩ tuổi dưới 45). Để nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển các nhà giáo dục xuất sắc, Học viện ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ và cho phép các khoa đề xuất tuyển dụng đột xuất các cá nhân có trình độ cao. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các GV được bố trí sinh hoạt chuyên môn tại một tổ bộ môn của Khoa và sẽ được một GV hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ cho GV mới được tuyển dụng.

Thông báo tuyển dụng GV bao gồm các thông tin về vị trí tuyển dụng; số lượng cần tuyển; tiêu chuẩn, yêu cầu GV có trình độ Thạc sĩ trở lên ngành QTKD và Trợ giảng có trình độ đại học, ngành QTKD, tuổi dưới 30; các điều kiện ưu tiên chung đối với các ứng viên vào vị trí GV: Có trình độ tiến sĩ; được đào tạo ở nước ngoài; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương trở lên; đang là GV hoặc có kinh

nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục, nghiên cứu khoa học; có kết quả biên soạn tài liệu, bài giảng, công trình nghiên cứu khoa học đã công bố; tuổi dưới 40 (đối với tiến sĩ tuổi dưới 45); chế độ đãi ngộ: Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, có cơ hội thăng tiến; được tạo điều kiện ra nước ngoài hợp tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tối đa năng lực của bản thân và phát triển nghệ nghiệp; được hưởng thu nhập theo vị trí việc làm, tương xứng với năng lực và kết quả công tác; được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước.

Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng GV cho từng Khoa để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy ứng viên và sự phù hợp với ngành học, ngành đào tạo. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, khả năng sư phạm, giảng thử [H6.06.03.03].

Thông báo tuyển dụng GV được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.04].

Trong giai đoạn 2017-2022, toàn Học viện tuyển dụng được 134 Giảng viên, trong đó tuyển dụng được 17 GV ngành QTKD, đều có trình độ từ Thạc sỹ trở lên, trong đó có 1 GV có trình độ Tiến sỹ [H6.06.03.05], tuy nhiên số GV được tuyển dụng chỉ đáp ứng được 74% so với chỉ tiêu cần tuyển, điều này thể hiện Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao cao (PGS, GS) về làm GV cơ hữu của Học viện.

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa QTKD có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm, Học viện thường tuyển không đủ chỉ tiêu so với kế hoạch, đặc biệt là khó khăn trong việc tuyển được giảng viên có trình độ tiến sỹ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được

nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện, đặc biệt là GV ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ GV được xác định tại Đề án vị trí việc làm Học viện. Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể về yêu cầu năng lực của GV, lãnh đạo khoa, bộ môn. Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2020 ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] đã được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014 [H6.06.04.01] và có bổ sung các tiêu chí về năng lực đội ngũ GV về trình độ chuyên môn từ Thạc sĩ trở lên và tiếng Anh trình độ B1; có yêu cầu về năng lực đối với Lãnh đạo khoa, đối với Trưởng khoa bên cạnh học vị tiến sĩ trở lên cần phải có kỹ năng về quản lý thông qua lớp bồi dưỡng có chứng chỉ chuyên viên chính trở lên. Trong cả hai bản Đề án vị trí việc làm, chức danh GV chỉ quy định năng lực chung của GV, chưa mô tả cụ thể vị trí việc làm của GV có học hàm GS, PGS và trình độ TS.

Căn cứ đề án việc làm, Học viện xây dựng Bản mô tả công việc của các vị trí công việc trong Khoa (Trưởng, phó khoa; trưởng/phó BM; GV) [H6.06.04.02]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể, có 6 hình thức đánh giá:

- Đánh giá hàng tháng: Cuối mỗi tháng, Khoa họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng GV và gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng cán bộ, GV [H6.06.04.03].

- Đánh giá theo quý: GV được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để Báo cáo về Bộ TT&TT [H6.06.04.04]. GV tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó Khoa, Bộ môn tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng

GV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các Phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của Trưởng khoa được lưu tại đơn vị [H6.06.04.05].

- Đánh giá theo học kỳ: Việc đánh giá giảng dạy các học phần của GV được thực hiện thông qua việc Trung tâm KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với mỗi học phần thông qua Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV tại Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên ban hành theo Quyết định số 816/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H6.06.04.06]. Qua báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H3.03.02.01] cho thấy đa số các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, trên 90% SV đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của GV Khoa QTKD .

- Đánh giá cuối năm:

+ Xác nhận khối lượng giảng dạy: Phòng Giáo vụ tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng GV, gửi khoa để đối chiếu, xác nhận việc hoàn thành giờ giảng của GV [H6.06.04.07].

+ Xác nhận giờ NCKH: Phòng QL KHCN-HTQT xác nhận giờ NCKH của từng GV căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH từng GV trong năm [H6.06.04.08].

- Đánh giá theo đăng ký của GV trong từng năm học: Để nâng cao năng lực của đội ngũ GV Học viện, đặc biệt là năng lực NCKH và trình độ ngoại ngữ, Học viện ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện ban hành theo Quyết định số 370/QĐ-TCCB ngày 27/6/2012 [H6.06.04.09]. Vào đầu năm học, GV đăng ký mức chất lượng A, B, C với Học viện, trong đó tập trung vào các tiêu chí như hoàn thành khối lượng giảng dạy, tham gia NCKH và đạt chuẩn trình độ tiếng Anh; cuối năm, căn cứ kết quả công việc, Học viện xem xét đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV để xếp loại mức khuyến khích GV làm cơ sở thi đua khen thưởng cuối năm [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá giai đoạn 2017-2022, tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá mức A dao động từ 90% - 96%.

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng: Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện

[H6.06.04.11]. Sau đó, Lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

Kết quả trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD cho thấy: Đa số các GV của Khoa QTKD có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao với điểm đạt từ 90 đến 96%, 100% các GV ngành QTKD được Khoa, Học viện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ xếp loại A [H6.06.04.12]; Giảng viên Khoa QTKD đạt thành tích được tặng thưởng 07 Giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông, 13 Giấy khen của Giám đốc Học viện, 01 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ và 19 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa QTKD đều hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Một số GV có thành tích xuất sắc trong NCKH, trung bình hàng năm có từ 2-3 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

Các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện là cơ sở và động lực để khuyến khích GV nâng cao năng lực NCKH và trình độ ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động xây dựng bản mô tả công việc bổ sung yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Để chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ, giảng viên, năm 2017, Học viện ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.09], với các quy trình thực hiện xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Ngoài ra, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí viên chức, người lao động trong HV được cử đi

đào tạo tiên sĩ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 513/QĐ-HV, ngày 18/06/2021 [H6.06.05.01]

Vào đầu năm, Học viện có văn bản gửi các đơn vị, trong đó có Khoa QTKD và Viện Kinh tế Bưu điện, đây là các đơn vị trực tiếp tham gia giảng dạy cho CTĐT ngành QTKD (sau đây gọi tắt là đơn vị), hướng dẫn việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm với các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, NCKH, ... [H6.06.05.02]; căn cứ hướng dẫn của Học viện về xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, các đơn vị rà soát, đề xuất nhu cầu bồi dưỡng, đào tạo GV của đơn vị hàng năm gửi Học viện [H6.06.05.03] với Mục tiêu thực hiện chiến lược phát triển Học viện về nguồn nhân lực: *“Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường”*; trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV hàng năm Học viện ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV để các đơn vị tổ chức thực hiện [H6.06.01.11].

Các chương trình đào tạo bồi dưỡng đối với GV chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, chuẩn chức danh GV (hạng I, II và III), trình độ tiếng Anh và các kỹ năng phục vụ việc giảng dạy trực tuyến và tăng cường ứng dụng CNTT cho GV trong giảng dạy, ... dựa trên yêu cầu của CTĐT, thông qua Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và danh sách đội ngũ GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm (QLNN ngạch CV, CVC; kiến thức ANQP; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II, III; nghiệp vụ Sư phạm; Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT; đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT từ 2017-2021) [H6.06.05.04]. Ngoài ra, Học viện còn cử GV đi đào tạo tiên sĩ trong nước và Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp [H6.06.05.05].

Trong giai đoạn 5 năm của chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã cử 6 GV của Khoa QTKD đi học tập nghiên cứu sinh, có 06 người đã hoàn thành khóa học và đang công tác. Các GV đi học ở nước ngoài hàng năm đều nộp báo cáo kết quả học tập theo quy định [H6.06.05.06]. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện ban hành năm 2017 đã quy định cụ thể về các loại hình, tiêu chuẩn cử đi đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, GV Học viện, trong đó quy định về việc

báo cáo kết quả học tập hàng năm đối với NCS tại nước ngoài để làm cơ sở trả lương, đóng BHXH cho các đối tượng này trong thời gian học tập.

Với những cán bộ được bổ nhiệm và cán bộ quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử 5 cán bộ tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H6.06.05.07]. Đến thời điểm hiện tại, 100% GV của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và đạt chuẩn chức danh GV theo quy định.

Học viện phân bổ kinh phí cho GV đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.13]. Trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ GV, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2022, Học viện đã cử 104 lượt GV của Khoa QTKD đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 371,0%). Trong đó có 05 lượt đi bồi dưỡng Lý luận chính trị, 06 lượt đi đào tạo nghiên cứu sinh, 85 lượt đi bồi dưỡng, tập huấn và 13 lượt đi học tập kinh nghiệm, tham gia các hội nghị, hội thảo.

Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD trong toàn Học viện là 6,228 tỷ đồng (chiếm 0,5% tổng nguồn chi). Số lượng và nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong giai đoạn này được thể hiện trong Bảng tổng hợp kinh phí dành cho đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ GV của Khoa QTKD từ năm 2017 đến năm 2022 [H6.06.05.08]. Ngoài ra, để phát triển năng lực nguồn nhân lực, Học viện và Khoa đã tích cực hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng và triển khai một số chương trình hợp tác đào tạo.

Đối với GV được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do Giám đốc Trung tâm ban hành [H6.06.05.09]. Kết thúc khóa học, Trung tâm tổ chức cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học

và gửi Báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.10]. Định kỳ ngày 23 hàng tháng, Phòng TCCB-LĐ có báo cáo tổng hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng gửi Văn phòng để tổng hợp báo cáo Bộ TT&TT [H6.06.05.11].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm, Học viện đã cử 104 lượt GV Khoa QTKD tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, đạt tỷ lệ 62,65% và quy trình giám sát tổ chức đào tạo bồi dưỡng được chuẩn hóa.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa cử được GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2023, Khoa QTKD làm việc với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý trong ngành TT&TT để hợp tác tìm kiếm nguồn tài trợ của các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia đào tạo NCS nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Vào đầu mỗi năm học, Phòng Giáo vụ trình Lãnh đạo Học viện ban hành Kế hoạch đào tạo của Học viện theo năm học đối với các hình thức và trình độ đào tạo [H6.06.06.01].

Căn cứ kế hoạch của Học viện; Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện ban hành năm 2009 [H6.06.6.02] và quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện năm 2020 [H6.06.06.03], Khoa QTKD xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cho GV tham gia công tác giảng dạy tại khoa [H6.06.6.04], với nội dung về giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác (CVHT, GVCN, phụ trách phong trào SV, ...). Kế hoạch tổng thể của Khoa hàng năm chi tiết đến từng GV và được gửi Phòng Giáo vụ để phân công giảng dạy; Phòng QLKH - HTQT để giao nhiệm vụ NCKH và thực hiện việc quy đổi ra giờ NCKH và việc bù trừ giữa giờ NCKH và giờ giảng được thực hiện theo quy định về quy đổi giờ NCKH của Học viện [H6.06.6.05].

Vào đầu năm học, Khoa QTKD tổ chức cho GV đăng ký mức khuyến khích GV theo Quy định về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện với các mức khuyến khích A, B và C báo cáo Học viện để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ GV hàng năm [H6.06.06.06]. Đồng thời, Khoa tổ chức cho GV đăng ký các danh hiệu thi đua năm học theo hướng dẫn của Học viện [H6.06.06.07].

Trên cơ sở kế hoạch của Khoa hàng năm, Học viện quản trị theo các bước sau:

- Đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy:

+ GV lên lớp hàng ngày đều kê khai thông tin trên sổ theo dõi nhật ký giảng dạy do Phòng Giáo vụ quản lý [H6.06.06.08]; cuối học kỳ, Phòng Giáo vụ thống kê khối lượng giảng dạy của từng GV gửi Khoa xác nhận.

+ Cuối học kỳ: Trung tâm KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với mỗi học phần căn cứ theo Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H6.06.04.06] và tổng hợp thành Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2022 [H3.03.02.01].

- Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ NCKH: Phòng QLKHCN-HTQT quản trị tiến độ thực hiện đề tài theo quy định hoạt động KHCN đối với cán bộ, GV Học viện [H6.06.06.09]: Đầu năm học, Phòng tổ chức cho GV đăng ký, xét duyệt và trình Lãnh đạo Học viện phê duyệt giao đề tài KHCN cho GV; GV thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện giữa kỳ; khi hoàn thành Phòng tổ chức nghiệm thu, đánh giá mức độ đạt của đề tài. Cuối năm, từng GV kê khai giờ NCKH, gửi Phòng QLKHCN-HTQT để xác định giờ NCKH.

- Ngoài ra để quản trị tổng thể, hàng quý GV được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để Báo cáo về Bộ TT&TT [H6.06.06.10].

- Hoạt động khác: Công tác phục vụ cộng đồng của GV và NCV cũng được Học viện và Khoa quan tâm và được coi là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại lao động của cán bộ viên chức. Cán bộ GV khoa QTKD thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường, ... [H6.06.06.11].

- Tổng kết thi đua khen thưởng qua đánh giá viên chức; bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng, Học viện có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các

danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.12]. Quy trình như sau:

- Vào cuối năm học, GV sẽ tự đánh giá thành tích cá nhân, sau đó đồng nghiệp tham gia góp ý. Riêng đối với các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, khoa tiến hành bỏ phiếu GV; sau khi có kết quả, hồ sơ được tổng hợp và gửi phòng TCCB-LĐ để Hội đồng thi đua khen thưởng họp xét thi đua và công nhận các danh hiệu.

- GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được Khoa và Học viện phân công.

- Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBGV và quyết định phê duyệt công nhận mức khuyến khích GV của năm được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.06.13].

Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa QTKD cụ thể theo Bảng 6.1 (*Phụ lục 2*). Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức: 16,67% hoàn thành nhiệm vụ, 40,7% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 34,67% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá thi đua của Khoa QTKD trong 5 năm của chu kỳ đánh giá: có 98 lượt giảng viên đạt LĐTT; 19 lượt GV đạt CSTĐ cấp cơ sở. Kết quả đánh giá, phân loại và danh sách GV, NCV được khen thưởng hàng năm được gửi tới các đơn vị và công khai cho tất cả CBVC Học viện [H6.06.06.14].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khảo sát về mức độ hài lòng của GV về điều kiện, môi trường làm việc và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy 93,75% CBGV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; cũng như chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện được triển khai thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn 6,52% CBGV còn phân vân với nội dung công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ GV/NCV trong giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động cộng đồng. Tại các Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD và Hội nghị CBVC hàng năm đều không nhận được thông tin về việc khiếu nại của cán bộ, GV [H6.06.06.16].

Việc ghi nhận đúng thành tích cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, 100% cán bộ, GV hài lòng về kết quả thi đua, khen thưởng, không có đơn phản ánh hoặc khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Giám đốc Học viện và có xu hướng tăng lên từng năm.

Hệ thống quản trị của Học viện được quản trị dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều hình thức quản trị kết quả công việc và sự tham gia của các bên liên quan trong Học viện.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 6,52% CBGV còn phân vân với nội dung công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ GV/NCV trong giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Đầu năm học 2023-2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với Khoa QTKD có kế hoạch tìm hiểu nguyên nhân của sự không hài lòng để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện phải thực hiện được quy định tại các văn bản, bao gồm: Quy định về hoạt động KHCN Học viện ban hành theo Quyết định số 1630/QĐ-TCCB-QLNCKH&TTTL ngày 18/12/1999 [H6.06.07.01]; Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 316/QĐ-HV ngày 18/5/2020 [H6.06.07.02]; Quy định về hoạt động NCKH của SV Học viện ban hành theo Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 25/06/2020 [H6.06.07.03]; Quy định quản lý thực hiện báo cáo chuyên đề khoa học cấp Học viện năm 2014 ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HV ngày 30/6/2014 [H6.06.07.04]; Quy chế Quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2020 ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.07.05]; Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện

năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2015 [H6.06.06.03]; Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus ban hành theo Quyết định số 951/QĐ-HV ngày 23/10/2019 [H6.06.07.06].

Các loại hình sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện phải thực hiện được nêu trong các quy định bao gồm: Thực hiện các chương trình, đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02]; NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo mới, bồi dưỡng ngắn hạn, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học [H6.06.07.05]; công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật [H6.06.07.06]; Viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Hướng dẫn SV NCKH, học viên cao học viết luận văn Thạc sĩ, nghiên cứu sinh viết Luận án tiến sĩ; Tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các công trình, đề tài NCKH các cấp; Thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện [H6.06.07.04] và các nhiệm vụ NCKH khác được Giám đốc Học viện giao.

Học viện quy định số lượng sản phẩm NCKH thông qua định mức giờ NCKH hàng năm, đối với NCV thì gộp chung nhiệm vụ đào tạo và NCKH là 1.454 giờ, đối với GV là 590 giờ NCKH [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Để đạt được định mức giờ NCKH theo quy định, GV, NCV Học viện tự xác định số lượng sản phẩm NCKH cần thực hiện hàng năm.

Đề định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-HV ngày 11/8/2017 [H6.06.07.07], với mục tiêu xác định các loại hình KHCN đến năm 2022: Hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của Học viện và hỗ trợ cho việc đổi mới chương trình đào tạo để đáp ứng các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Phát triển các bài báo khoa học trong nước và quốc tế cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus; Hình thành một số sản phẩm, dịch vụ KHCN thương mại hóa, chiếm lĩnh được thị trường, tạo sự phát triển bền vững. Hàng năm, có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia nghiên cứu khoa học có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế.

Đề định hướng cho sự phát triển của Học viện, Giám đốc Học viện ký Quyết định số 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09] và Hội đồng Học viện ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10]. Nội dung chiến lược xác định cụ thể các hoạt động KHCCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV Học viện cần thực hiện: Học viện có các nhóm nghiên cứu và các Viện nghiên cứu mạnh với nhiều đề tài, nhiệm vụ các cấp; có số lượng công bố, bài báo quốc tế (ISI, Scopus) và số lượt trích dẫn thuộc nhóm trường đại học dẫn đầu ở Việt Nam; sở hữu các phát minh, bằng sáng chế có giá trị và có các sản phẩm khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao, được chuyển giao cho doanh nghiệp và thương mại hóa.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch kinh phí do Học viện phân bổ cho hoạt động NCKH, Phòng QLKHCCN&HTQT tổ chức cho GV, NCV đăng ký đề tài, nhiệm vụ NCKH và tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt kế hoạch giao nhiệm vụ, đề tài NCKH cho CB, GV [H6.06.07.08]. Đề tài cấp Học viện được chia thành 04 loại, bao gồm: Đề tài nhóm A là đề tài hỗ trợ NCKH với mục đích tạo môi trường nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động NCKH cho GV Học viện nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học và xây dựng báo cáo tổng luận khoa học về sản phẩm nghiên cứu của đề tài KHCCN. Kết quả đề tài nhóm A phải có áp dụng hiệu quả phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho các Khoa, Bộ môn đào tạo của Học viện; Đề tài nhóm B là đề tài hỗ trợ học thuật có nội dung nghiên cứu mang tính học thuật cao, kết quả của đề tài có tối thiểu là một bài báo đăng tải công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học được tính điểm công trình khoa học theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước hoặc đăng tải trên Tạp chí KHCCN Thông tin và Truyền thông của Học viện theo yêu cầu của Học viện; Đề tài nhóm C là đề tài có mục đích tạo ra hoặc hình thành các sản phẩm ứng dụng, dịch vụ KHCCN có công nghệ tiên tiến và mang thương hiệu Học viện. Đề tài nhóm C phải có kết quả được ứng dụng trong Học viện hay phát triển thành sản phẩm thương mại hóa; Đề tài nhóm D là đề tài có mục đích nghiên cứu hình thành các sản phẩm KHCCN áp dụng cho công tác quản lý điều hành của Học viện, các nghiên cứu đổi mới công tác quản lý, xác định luận điểm khoa học cho xây dựng phương hướng, chiến lược, cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của Học viện [H6.06.07.09].

Học viện đã có sự phân công, ủy quyền cho các đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề tài cấp Học viện theo từng loại như sau [H6.06.07.10]:

- Đối với các đề tài nhóm A và nhóm B: Học viện ủy quyền cho các Trường khoa đào tạo đại học (và các trường đơn vị đào tạo tương đương), Viện trưởng Viện nghiên cứu và các Trường đơn vị đào tạo tương đương khác có trách nhiệm tổ chức, quản lý thực hiện kế hoạch đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN với chủ trì đề tài KHCN, nghiệm thu kết quả đề tài KHCN và ký duyệt các thủ tục thực hiện đề tài KHCN đã được giao. Các đơn vị được ủy quyền có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Học viện đã phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

- Đối với các đề tài nhóm C, nhóm D: Học viện quản lý thực hiện đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN, nghiệm thu kết quả và các thủ tục khác trong quá trình thực hiện đề tài KHCN thông qua đầu mối Phòng QLKHCN&HTQT. Đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm triển khai và báo cáo thực hiện nghiên cứu, hội thảo khoa học và hội nghị đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

- Đối với các đề tài KHCN do Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện: Giám đốc Học viện giao Phó Giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức quản lý, ký duyệt đề cương, ký kết hợp đồng KHCN, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, ký kết các văn bản liên quan đến thực hiện và thanh quyết toán các đề tài. Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Quyết định giao đề tài KHCN của Học viện, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan. Trong quá trình thực hiện, Phòng QLKHCN&HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ [H6.06.07.11].

Bên cạnh đó, Học viện thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV thông qua việc hoàn thành định mức giờ NCKH hàng năm của GV, NCV và được đối sánh hàng năm [H6.06.07.12]. Để cải tiến, đẩy mạnh hoạt động NCKH, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông [H6.06.04.09] và Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc

tế thuộc danh mục ISI/Scopus để thúc đẩy cả số lượng và chất lượng các bài báo khoa học công bố quốc tế [H6.06.07.06].

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý và đánh giá các hoạt động NCKH của GV, NCV: Khoa QTKD được giao nhiệm vụ tổ chức cho GV của Khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện và được quy định cụ thể tại Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa QTKD [H6.06.07.13]. Phòng QLKHCN&HTQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ [H6.06.07.14] xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với GV, NCV trong toàn Học viện;

Trong quá trình thực hiện, Phòng QLKHCN&HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ thông qua các báo cáo tiến độ thực hiện đề tài các cấp của Khoa QTKD [H6.06.07.15].

Hàng năm, có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia NCKH có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu KHCN chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn 2017-2021, Khoa QTKD đã thực hiện 106 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 22 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế; trong đó có 9 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc nhóm ISI/Scopus và đăng 84 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước. Kết quả thực hiện đề tài NCKH của GV Khoa QTKD giai đoạn 2017-2021 cụ thể theo các Bảng 6.2, Bảng 6.3 và Bảng 6.4 (*Phụ lục 2*).

Định mức chi cho hoạt động NCKH của GV trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện chưa đạt đến mức hấp dẫn cao, do đó Khoa QTKD có thể liên hệ với các doanh nghiệp kinh tế và quản lý trong ngành để có thể bổ sung tăng định mức chi cho hoạt động NCKH của GV nhằm đạt được mức hấp dẫn cao hơn để các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao và hình thành nhóm nghiên cứu chuyên sâu của Khoa QTKD .

2. Điểm mạnh

Giai đoạn 2017-2022, GV Khoa QTKD đã chủ trì thực hiện 106 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 22 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế; trong đó có 9 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc nhóm ISI/Scopus và đăng 84 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng QLKHCN&HTQT nghiên cứu, đề xuất ban hành Quy định hoạt động KHCN để tổng hợp các nội dung NCKH của GV, NCV tại các văn bản khác nhau, bao gồm các loại hình KHCN đối với CBGV trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Qua phân tích, đánh giá có thể nhận thấy Khoa QTKD nói riêng và Học viện nói chung trong những năm qua đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV và NCV cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Học viện đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ GV trong Học viện. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Học viện xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Học viện, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi. Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao (PGS, GS) chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học

hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện. Tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên tham gia phục vụ cộng đồng chưa rõ ràng.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Học viện luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ nhân viên để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ qua việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật đối với đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn.

Đội ngũ nhân viên Học viện bao gồm các nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, các bộ phận hỗ trợ SV khác và được bố trí tại các đơn vị chức năng Học viện gồm Phòng TCCB-LĐ, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng QLKHCN&HTQT, Văn phòng, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Thí nghiệm thực hành, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCLGD và Trợ lý Khoa QTKD. Đồng thời, đội ngũ nhân viên còn được bố trí tại các Viện nghiên cứu trực thuộc Học viện và các đơn vị quản lý tại Cơ sở Học viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2014, khi chuyển từ Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam về trực thuộc Bộ TT&TT, căn cứ yêu cầu phát triển của Ngành TT&TT giai đoạn 2015-2020, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và để phục vụ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, Học viện xây dựng Đề án vị trí việc làm [H6.06.03.01], trong đó xác định rõ số lượng đội ngũ nhân viên quản lý, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, các khoa thuộc Học viện. Đồng thời, trong Đề án vị trí việc làm xác định cụ thể các vị trí lao động gồm vị trí kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại Trung tâm thí nghiệm - thực hành, hệ thống Data center, Tổ ứng dụng CNTT, nhân viên thư viện và hỗ trợ SV, GV trong công tác đào tạo, NCKH tại các đơn vị chức năng và Văn phòng Giao dịch một

cửa của Học viện. Năm 2020, căn cứ yêu cầu phát triển của Học viện và yêu cầu chuyển đổi số trong ngành giáo dục, Học viện thực hiện điều chỉnh đề án vị trí việc làm và ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020, quy định các vị trí nhân viên hỗ trợ với số lượng người cụ thể cho từng đơn vị chức năng của Học viện [H6.06.03.02].

Để xác định định biên lao động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH của CBGV và NH, Học viện xây dựng bản mô tả công việc, xác định danh mục vị trí công việc tại các trung tâm, phòng chức năng thuộc Khối QL&ĐTPB [H6.06.02.04] và Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối Quản lý và Đào tạo thuộc Học viện [H6.06.01.03].

Việc phân tích, dự báo, xác định nhu cầu của đội ngũ nhân viên được nêu trong Chiến lược phát triển của Học viện ban hành năm 2020 [H1.01.01.09] và được điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh năm 2021 sau khi thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Trong bản chiến lược năm 2021 có nội dung phân tích bối cảnh trong nước, khu vực, quốc tế; thực trạng Học viện trong các lĩnh vực hoạt động, trong đó có nội dung xác định “*Cơ cấu lao động của Học viện cần tiếp tục điều chỉnh, tỷ lệ lao động gián tiếp còn cao...*”, đồng thời xác định mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học “*Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả; có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp*”.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch lao động, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.06]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên của các đơn vị như Trợ lý Khoa QTKD .

Tính đến 30/6/2022, tổng số cán bộ chuyên viên và nhân viên của Học viện là 271 người. Trong đó có 5 nhân sự làm việc tại thư viện, 5 nhân sự làm việc tại phòng thực hành, thí nghiệm, Khoa QTKD có 2 nhân sự làm Trợ lý khoa, bộ môn, Tổ ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng có nhiệm vụ quản lý hệ thống ứng dụng CNTT toàn Học viện có 2 nhân sự, Văn phòng Giao dịch một cửa hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục hành chính trong quá trình học tập có 5 nhân sự. Có danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên của từng bộ phận [H7.07.01.01]. Đến thời điểm hiện tại, số lượng nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là

đủ để hoàn thành công việc và không có sự phàn nàn của đội ngũ nhân viên này về những vướng mắc, khó khăn trong quá trình làm việc.

Trong giai đoạn 2017-2021, Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng năm 2014 và chỉnh sửa ban hành chính thức năm 2020 theo Quyết định số 1166/QĐ-HV ngày 24/12/2018 [H6.06.01.07], trong đó quy định chính sách và các tiêu chuẩn tuyển dụng được xác định theo từng vị trí việc làm tại Học viện.

Hàng năm, trước khi xây dựng kế hoạch lao động, phòng TCCB-LĐ gửi văn bản hướng dẫn các đơn vị để xác định nhu cầu tuyển dụng và điều chuyển cán bộ giữa các vị trí công việc; các đơn vị có tờ trình đề nghị và Học viện tổ chức tuyển dụng lao động cho các vị trí cần tuyển (hồ sơ tuyển dụng, quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển giữa các đơn vị). Trong giai đoạn 2017 - 2022, Học viện đã tuyển dụng 37 nhân viên, trong đó có 2 tiến sĩ và được bố trí làm việc theo các vị trí công việc cụ thể, điều này được cụ thể tại danh mục hồ sơ tuyển dụng, quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị Học viện trong giai đoạn 2017-2022 [H7.07.01.02].

Danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo khác có 75 người [H7.07.01.03] và được bố trí tại các bộ phận chi tiết theo Bảng 7.1 (*Phụ lục 2*).

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và GV về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ người học theo Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H7.07.01.04]. Qua Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về mức độ hài lòng đối với các bộ phận hỗ trợ CTĐT ngành QTKD trong chu kỳ KĐCL [H7.07.01.05] cho thấy tỷ lệ sinh viên cơ bản đồng ý (hài lòng) và hoàn toàn đồng ý (hoàn toàn hài lòng) chiếm tỷ lệ 87,56%. Đây chính là cơ sở để Khoa, Học viện có giải pháp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự, đề án vị trí việc làm và từng bước xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được tốt hơn.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,36%

sinh viên chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm TN-TH.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên và giảng viên rất hài lòng về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát có tỷ lệ 5,36% sinh viên chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm TN-TH.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Trung tâm TN-TH lập phương án và đề xuất các giải pháp thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc để phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy trình tuyển dụng và các tiêu chí tuyển dụng các vị trí nhân viên được quy định cụ thể tại Quy chế tuyển dụng của Học viện [H6.06.01.07], đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được cụ thể trên cơ sở Bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm được triển khai tại Khoa QTKD từ năm 2014 [H6.06.03.01] và điều chỉnh năm 2020 [H6.06.03.02].

Để thực hiện tuyển dụng nhân viên, các đơn vị đề xuất kỹ năng, năng lực của nhân viên gửi Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp và xây dựng tiêu chí tuyển dụng nhân viên hỗ trợ cụ thể tại văn bản phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện theo văn bản số 275-QĐ/BCSD ngày 20/03/2017 của Bộ TT&TT [H6.06.01.03] và Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp Phòng, ban và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 theo Kế hoạch số 830/KH-HV ngày 02/11/2018 [H7.07.02.01].

Thông báo tuyển dụng lao động của Học viện các năm từ 2017 đến 2021 [H6.06.03.03] đều nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng về: trình độ chuyên môn, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách

nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các nhân viên được bố trí làm việc tại các đơn vị chức năng theo vị trí tuyển dụng. Thông báo tuyển dụng lao động bao gồm các thông tin về vị trí tuyển dụng; số lượng cần tuyển; tiêu chuẩn tuyển dụng và cơ hội việc làm, thăng tiến, ... Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng để xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học [H6.06.03.04].

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Hội đồng Học viện và Quy chế tuyển dụng của Học viện, Khoa QTKD và các đơn vị căn cứ kế hoạch phát triển của đơn vị và năng lực đội ngũ nhân viên hiện có để cân đối, đề xuất nhu cầu và các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với thực tiễn triển khai công việc gửi về Phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.02]. Phòng TCCB-LĐ căn cứ định hướng phát triển chung của toàn Học viện, nhu cầu cán bộ của các đơn vị, kế hoạch lao động, khả năng tài chính của Học viện để thống nhất chỉ tiêu cần tuyển, báo cáo lãnh đạo Học viện để thực hiện các quy trình tuyển dụng [H7.07.02.03]. Các thông tin tuyển dụng về chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; ngoại hình cân đối, không có dị tật, có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc theo quy định, có bằng tốt nghiệp phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đăng ký dự tuyển; đáp ứng yêu cầu theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm do Học viện và cơ quan cấp trên quy định và được nêu cụ thể trong thông báo tuyển dụng và được công khai gửi tới các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Học viện theo quy định.

Thông báo tuyển dụng nhân viên được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.03]. Tuy nhiên, Thông báo tuyển dụng của Học viện trong một số thời điểm chưa được phổ biến rộng rãi nên ứng viên có trình độ cao, chất lượng tốt chưa tiếp cận được với thông tin tuyển dụng. Tuy nhiên, nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã tuyển dụng 37 nhân viên, trong đó có 2 tiến sĩ và được bố trí làm việc theo các vị trí công việc cụ thể, điều này được cụ thể tại

danh mục hồ sơ tuyển dụng, quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị Học viện trong giai đoạn 2017-2022 [H7.07.01.02].

Định kỳ Học viện có kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp Phòng và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H7.07.02.01] theo chỉ đạo của Bộ TT&TT và yêu cầu chung về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý trong giáo dục, các đơn vị giới thiệu đưa vào danh sách quy hoạch để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý [H7.07.02.04]. Danh sách và Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý được Học viện gửi đến các đơn vị thông qua hệ thống văn bản của Học viện để phổ biến cho toàn thể các cán bộ, viên chức của các đơn vị [H6.06.01.05].

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã thực hiện bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại 92 lượt cán bộ vào các vị trí quản lý từ cấp bộ môn trở lên và luân chuyển 13 cán bộ vào các vị trí quản lý trong Học viện [H7.07.02.05]. Kết quả bổ nhiệm giai đoạn 2017-2022 được thể hiện trên hồ sơ của đội ngũ nhân viên gồm các hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên và được lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ Học viện [H7.07.02.06].

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa QTKD có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ và các đơn vị liên quan cần nghiên cứu phương thức thông báo tuyển dụng phổ biến và rộng rãi hơn để nguồn ứng viên có thể dễ dàng tiếp cận thông tin tuyển dụng của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Học viện dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ

năng nghề nghiệp, CNTT, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.... và được thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]; Hướng dẫn hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng lao động, phân loại cán bộ, viên chức và bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng cuối năm [H7.07.03.01]; Quy định về đánh giá kết quả thực hiện hàng tháng [H7.07.03.02], với quy trình: Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá nhiệm vụ được giao theo mẫu của Học viện với từng vị trí đánh giá theo mô tả công việc và thang điểm 10, có nhận xét của trưởng phòng để xác định mức độ khen thưởng và trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp đơn vị để mọi người đóng góp ý kiến; các đơn vị thông qua phân loại xét thi đua và thông qua kết quả và trình Học viện; Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá và báo cáo Giám đốc Học viện phê duyệt quyết định phân loại, xét danh hiệu thi đua; các cá nhân phản hồi về kết quả thi đua (nếu có); Học viện chuẩn y danh sách phân loại thi đua, khen thưởng.

Việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể tại Quy định danh mục vị trí công việc tại các phòng/trung tâm chức năng thuộc Khối QL&ĐTPB, Học viện và Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QL&ĐTPB Học viện [H6.06.01.03], [H6.06.02.04]. Cụ thể:

- Đánh giá hàng tháng: Cuối mỗi tháng, các đơn vị họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng nhân viên và gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho cán bộ, viên chức [H6.06.04.04].

- Đánh giá theo quý: Nhân viên được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để Báo cáo về Bộ TT&TT [H6.06.04.05]. Cá nhân tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó khoa, bộ môn tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng nhân viên, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các Phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của Trưởng đơn vị được lưu tại đơn vị [H6.06.04.06].

- Đánh giá viên chức để bình xét thi đua khen thưởng: Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện

[H6.06.04.12]. Sau đó, trường đơn vị đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá 5 năm qua cho thấy đa số các nhân viên của có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao điểm đạt từ 90% đến 96%, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, 100% các nhân viên được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.13].

Ngoài việc thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá. Học viện còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và GV về tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ của nhân viên các phòng, khoa, trung tâm căn cứ theo Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện [H7.07.01.04] và Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH về Tiêu chuẩn Y tế, Môi trường theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H7.07.03.03]. Kết quả đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao trên 90% Việc đánh giá hàng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV. Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và năm 2020.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên của Học viện được thực hiện qua 2 bộ tiêu chí đánh giá và qua khảo sát CBGV, SV. Tỷ lệ khảo sát hài lòng cao chiếm hơn 90%.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và năm 2020.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Văn phòng Học viện và Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV và SV định kỳ (1 năm/1 lần) trực tuyến để kịp thời có phân tích, đánh giá cụ thể nhằm cải tiến các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT cần lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự hoặc kế hoạch làm việc để đáp ứng được nhu cầu của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Để chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ, viên chức, năm 2017 Học viện đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017, trong đó có quy trình thực hiện xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng nhân viên [H6.06.01.07].

Vào đầu năm, Học viện có văn bản gửi các đơn vị hướng dẫn việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm với các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, NCKH, ... [H6.06.01.09]; căn cứ hướng dẫn của Học viện về xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, các đơn vị đã rà soát, đề xuất nhu cầu bồi dưỡng, đào tạo nhân viên của đơn vị hàng năm gửi Học viện [H6.06.05.03]; trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên hàng năm Học viện ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức để các đơn vị tổ chức thực hiện [H6.06.01.01].

Loại hình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên gồm đào tạo dài hạn và ngắn hạn và các CTĐT bồi dưỡng đối với cán bộ, nhân viên chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chuẩn chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, tiếng Anh và các kỹ năng phục vụ công việc, tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH, ... dựa trên yêu cầu của từng vị trí công việc thông qua Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm và danh sách đội ngũ cán bộ, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm [H6.06.05.04].

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hàng năm, các đơn vị đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng nhân viên (Thí nghiệm thực hành, Thư viện, Tổ công nghệ thông tin) [H7.07.04.01] và Học viện phân bổ kinh phí cho nhân viên đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019, trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để chuyển sang chức danh GV. Nhân viên học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật [H6.06.01.13]

Trên cơ sở các kế hoạch được giao, các đơn vị lựa chọn và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc, lập danh sách gửi Phòng TCCB-LĐ Học viện để trình giám đốc ký quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.02].

Hầu hết, các nhân viên đều có cơ hội tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, điều này được thể hiện qua danh sách các khóa đào tạo, bồi dưỡng có sự tham gia của nhân viên các bộ phận TNTH, Thư viện, Tổ Ứng dụng CNTT giai đoạn 2017 - 2022 [H7.07.04.03]. Một số cán bộ hỗ trợ có thể theo học các mức độ cao hơn với sự hỗ trợ của Học viện, của Bộ TT&TT cũng như từ các nguồn học bổng khác.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Học viện đã tổ chức khoảng 43 khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, với khoảng 1.066 lượt người tham gia, trong đó có đội ngũ cán bộ chuyên viên và nhân viên của đơn vị Thí nghiệm thực hành, Thư viện, tổ công nghệ thông tin [H7.07.04.04]. Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn 5 năm toàn Học viện là 6,228 tỷ đồng (chiếm 0,5% tổng nguồn chi) [H7.07.04.05]. Với những cán bộ được bổ nhiệm và cán bộ quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử 76 cán bộ tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H7.07.04.06].

Tuy nhiên, các khóa bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập.

2. Điểm mạnh

Học viện luôn quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc

các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với Phòng Giáo vụ, Phòng CT&CTSV tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2020 [H6.06.03.02] được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014 [H6.06.03.01] được bổ sung các tiêu chí về năng lực đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; có yêu cầu về năng lực đối với Lãnh đạo các đơn vị về trình độ chuyên môn Thạc sỹ trở lên và có trình độ tiếng Anh B1. Căn cứ Đề án vị trí việc làm, Học viện xây dựng Bản mô tả công việc các vị trí công việc của nhân viên trong từng đơn vị năm 2014 và 20218 [H6.06.07.01], [H6.06.02.04], đây là cơ sở để quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên.

Khối lượng công việc của nhân viên được mô tả cụ thể theo từng vị trí tại Đề án việc làm, trên cơ sở đó các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác cụ thể hàng năm, trong đó Khoa QTKD có kế hoạch phân công cụ thể cho từng cá nhân về khối lượng công việc cần thực hiện trong năm [H7.07.05.01].

Học viện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm và đơn vị trực thuộc Học viện để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân làm căn cứ theo dõi, giám sát quá trình thực thi công việc [H7.07.05.02].

Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện theo quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QL&ĐTPB [H6.06.02.11], trong đó quy định Phòng TCCB-LĐ trực tiếp theo dõi và đề nghị đơn vị, cá nhân có đánh giá hàng tháng, sau đó họp Hội đồng lương đánh giá hàng tháng và có đề nghị khen thưởng cá nhân hoàn

thành tốt công việc, thể hiện thông qua Hồ sơ bình xét đánh giá chất lượng lao động hàng tháng đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên [H7.07.05.03].

Học viện đã ban hành Nội quy lao động để quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc buổi sáng từ 08h00-17h00 và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện [H7.07.05.04]; Quy chế làm việc Học viện tại Quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.05]; Nội quy tiếp công dân của Học viện tại Quyết định số 529/QĐ-HV ngày 14/06/2017 [H7.07.05.06]. Các văn bản đều quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc là một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá chất lượng lao động hàng tháng của CBVC khối hành chính thông qua Hội đồng bình xét đánh giá chất lượng lao động và Hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng lao động. Kết quả bình xét chính là căn cứ để Học viện chi trả thu nhập trong tháng cho cán bộ, viên chức.

Học viện quy định công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua văn bản hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.07]. Ngoài ra, Học viện còn khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất đối với các thành tích của tập thể và cá nhân trong từng thời điểm. Vào tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức đánh giá, phân loại viên chức theo quy định của Bộ TT&TT và bình xét danh hiệu TĐKT theo quy chế TĐKT với các danh hiệu cụ thể [H6.06.06.09].

Trong 5 năm đội ngũ nhân viên hỗ trợ có 22 lượt người được nhận Bằng khen Bộ GD&ĐT; 93 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 04 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ GD&ĐT; 01 người được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá thi đua nhân viên toàn Học viện giai đoạn 2017-2021 có 1.106 lượt Lao động tiên tiến và 88 lượt Chiến sĩ thi đua cấp Học viện.

Trên cơ sở các quy định nêu trên, Học viện triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên theo từng tháng, quý và tổng kết năm, cụ thể: Đánh giá hàng tháng để chi trả lương theo vị trí công việc; đánh giá viên chức hàng quý theo Phiếu đánh giá của Bộ TT&TT [H7.07.05.07]; đánh giá phân loại viên chức, bình xét TĐKT cuối năm [H7.07.05.08].

Trên cơ sở bản mô tả công việc đối với từng vị trí làm việc, mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ theo từng chức danh cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH, đây là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên [H7.07.05.09].

Hàng năm, Học viện căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc. Theo báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Học viện thì kết quả đánh giá 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD cho thấy đa số các nhân viên của Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao; 100% các nhân viên được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Đây là động lực lớn góp phần khuyến khích đội ngũ này tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Học viện [H7.07.05.10].

Hội đồng Học viện đã ban hành Quy chế dân chủ theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021, trong đó quy định cụ thể các văn bản cần phải xin ý kiến CBVC-NLĐ trước khi ban hành [H7.07.05.11], vì vậy khi soạn thảo và ban hành quy định đánh giá hiệu quả công việc đối với CBVC (Quy chế trả lương, quy chế TĐKT, quy chế chi tiêu nội bộ, tiêu chí đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí đánh giá phân loại và bình xét thi đua năm học...) đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của CBVC: Để ban hành quy định, Học viện giao cho Phòng TCCB-LĐ chủ trì, dự thảo văn bản, hoặc đề xuất thành lập các tổ/ nhóm soạn thảo, xây dựng quy định bao gồm đại diện cán bộ một số phòng, khoa, trung tâm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản dự thảo quy định gửi tới các đơn vị trong toàn Học viện xin ý kiến; Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức cho CBVC tham gia góp ý và gửi báo cáo về thường trực hội đồng để tổng hợp, hoàn thiện quy định và báo cáo lãnh đạo Học viện xem xét, phê duyệt ban hành. Qua đó, giúp đội ngũ cán bộ, nhân viên cải thiện hiệu quả công việc, đồng thời khi được tham gia góp ý xây dựng các quy định sẽ giúp họ hài lòng hơn về việc đánh giá hiệu quả công việc và công tác thi đua khen thưởng của Học viện. Các văn bản xin ý kiến và ý kiến đóng góp của các đơn vị được phòng TCCB-LĐ lưu tại đơn vị tại hồ sơ tổng hợp ý kiến trình giám đốc Học viện ban hành.

Thông qua các Hội nghị CBVC và Hội nghị tổng kết công tác hàng năm của Khoa và Học viện đều không nhận được khiếu nại, phàn nàn về công việc, đặc biệt là

công tác thi đua khen thưởng của Khoa và Học viện [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Hàng năm, Văn phòng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của CBVC-NLĐ về điều kiện, môi trường làm việc [H7.07.01.04], tại Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH giai đoạn 2017-2022, có các nội dung về sự hài lòng của người đánh giá về vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách [H7.07.05.12]. Kết quả khảo sát có tỷ lệ 94,56% nhân viên hài lòng về chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc được giao cho cá nhân. Tuy nhiên, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng vẫn còn khoảng 4,47% nhân viên chưa hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ GV/NCV trong giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Hiệu quả công việc của từng nhân viên được định lượng, đánh giá hàng tháng bằng các tiêu chí cụ thể và đa số đội ngũ nhân viên hài lòng về mức độ đáp ứng của Học viện đối với công việc hiện tại.

3. Điểm tồn tại

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng vẫn còn khoảng 4,47% nhân viên chưa hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ GV/NCV trong giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Phòng TCCB-LĐ khảo sát và đề xuất các khóa đào tạo bồi dưỡng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Học viện phê duyệt. Đội ngũ nhân viên của Học viện và của Khoa QTKD đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Học viện, có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm về lĩnh vực công tác của mình đảm nhận. Chất lượng đội ngũ cán

bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Học viện.

Việc tuyển dụng, điều chuyển nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của nhân viên. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai,

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng thông qua quy chế thi đua khen thưởng phù hợp đã khuyến khích, động viên kịp thời tinh thần làm việc của đội ngũ nhân viên.

Mặc dù Học viện đã có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên nhưng tính phân loại chưa cao của các tiêu chí đánh giá năng lực giữa các nhóm KTV, chuyên viên và nhân viên có đặc thù công việc khác nhau dẫn đến khó khăn nhất định trong việc đối sánh năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả công tác và công nhận các mức thi đua khen thưởng đạt được.

Một số nhân viên của Học viện chưa đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định; một số nhân viên phòng thí nghiệm, thực hành chưa chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy.

Trong những năm tiếp theo, Học viện sẽ hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển, tạo uy tín cho Học viện và Khoa QTKD.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện và Khoa QTKD đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin hữu ích lựa chọn ngành học. Tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Người học ngành QTKD tại Học viện được học tập và rèn luyện trong một môi trường năng động, sáng tạo và thân thiện và được tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu các học phần dựa trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian, được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống kiểm soát phù hợp từ phần mềm đến hệ thống GV, GVCN, CVHT, trợ lý khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị chức năng quản lý trực tiếp như Phòng CT&CTSV, Phòng Giáo vụ và các hoạt động hỗ trợ người học được hầu hết các đơn vị chức năng như Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm Dịch vụ, Văn phòng Giao dịch một cửa đều phối hợp hỗ trợ hiệu quả cho người học.

Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, các phương tiện hỗ trợ tiện ích, từ đó nâng cao ý thức người học và chất lượng đào tạo ngành QTKD.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Học viện đã xây dựng Đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của CTĐT ngành QTKD.

Trong chu kỳ kiểm định 2017-2022, Học viện có 6 đề án tuyển sinh và các phương án điều chỉnh đề án tuyển sinh (Đề án tuyển sinh năm 2017, ngày 09/2/2017; Đề án tuyển sinh năm 2018, ngày 05/7/2018; Đề án tuyển sinh năm 2019, ngày 22/3/2019; Đề án tuyển sinh năm 2020, ngày 04/9/2020; Đề án tuyển sinh năm 2021, ngày 27/8/2021; Đề án tuyển sinh năm 2022, ngày 22/6/2022) [H8.08.01.01], với các chính sách và quy định về tuyển sinh được mô tả rõ và đảm bảo đúng quy định Bộ GD&ĐT [H8.08.01.02]. Nội dung đề án đầy đủ thông tin chi tiết cho từng ngành tuyển

sinh, đối tượng tuyển sinh và được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo quy mô đào tạo của Học viện.

Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (*thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó theo mã vùng tuyển sinh là BVH hoặc BVS*) và quốc tế.

Đối tượng:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Chính sách ưu tiên:

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;

- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (*có Thông báo riêng*) [H8.08.01.03].

- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) từ 27,0 điểm (chỉ tính điểm bài thi) trở lên; thí sinh tuyển thẳng được miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh cho các hệ đại học chính quy, VLVH, từ xa, chất lượng cao [H8.08.01.04], nhằm công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên) trên website của Học viện (<https://ptit.edu.vn>), cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (<https://tuyensinh.ptit.edu.vn>), của Bộ GD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>), các trang thông tin điện tử fanpage, facebook của Học viện [H8.08.01.05], trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT của Học viện tham

gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do Bộ GD&ĐT, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức [H8.08.01.06]. Trong mỗi năm tuyển sinh, Học viện đều thành lập Hội đồng tư vấn tuyển sinh và tổ chức báo cáo kết quả tuyển sinh, cũng như điều hành các công việc liên quan [H8.08.01.07].

Trong các năm từ 2016 đến 2019, Học viện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Bắt đầu từ năm 2020, Học viện mở rộng phương án tuyển sinh với 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với khoảng 85% chỉ tiêu theo ngưỡng đảm bảo chất lượng Học viện công bố, xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành; (3) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố. Năm 2022, Học viện có 4 phương thức tuyển sinh và bổ sung thêm (4) Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Các chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên, ...) được Học viện công bố công khai [H8.08.01.08]. Để thông tin được đến gần hơn với thí sinh cả nước, Học viện cũng chú trọng công tác truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Học viện đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: thông tin tuyển sinh, ngày hội tư vấn, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp thông qua các hình thức như đến các trường THPT tư vấn hướng nghiệp, trao học bổng và tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh [H8.08.01.09].

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50%

học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Minh chứng của Học viện cho thấy từ năm 2017 đến năm 2021, Học viện cấp 411 suất học bổng toàn phần và 1.395 suất học bổng bán phần cho các thí sinh đáp ứng yêu cầu nhận học bổng đầu vào các ngành đào tạo của Học viện.

Từ năm 2022, Học viện bổ sung chính sách học bổng đặc biệt với số lượng dự kiến tối đa là 30 suất học bổng có tổng trị giá học bổng khoảng 3 tỷ đồng. Đối tượng để được xét cấp học bổng đặc biệt này là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học. Với học bổng đặc biệt này, thí sinh sẽ được miễn học phí trong toàn bộ thời gian học tập với điều kiện phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên. Học viện tiếp tục duy trì chính sách học bổng cho các thí sinh đạt thành tích cao; Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho các thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Học sinh Giỏi cấp tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT; Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (các thí sinh chưa đạt điều kiện để được xét cấp học bổng 100%). Thí sinh chỉ được xét và cấp một loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên. Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các suất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như: Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR... cụ thể tại Thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2022 [H8.08.01.03].

Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành QTKD luôn được theo dõi và phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế tại các cuộc họp thống nhất xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [H1.01.01.10], [H8.08.01.11]. Bên cạnh đó, Học viện và Khoa cũng tham khảo ý kiến một số bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.12]. Tuy nhiên, việc tham khảo góp ý của các bên liên quan để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

Các thông tin tuyển sinh của Khoa về ngành QTKD liên tục được cập nhật trên website và fanpage tuyển sinh của Học viện. Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh [H8.08.01.13]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi hoặc các đợt tập huấn với giáo viên phổ thông, Khoa QTKD cũng được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của Khoa, Học viện đến với xã hội. Với chính sách tuyển sinh của Học viện đối với ngành QTKD, chương trình đào tạo ngành QTKD được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực QTKD trên toàn quốc.

Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hàng năm, Học viện tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.14]. Tuy nhiên, việc tham khảo góp ý của các bên liên quan để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Học viện được xác định rõ ràng, công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo quy định mới hàng năm của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo góp ý của các bên liên quan để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Quý IV hàng năm, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD thực hiện việc khảo sát ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của ngành QTKD được quy định trong các Đề án tuyển sinh hàng năm với những nội dung cụ thể, rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và phương thức tuyển sinh [H8.08.02.01].

Trong các năm từ 2016 đến 2019, Học viện chỉ sử dụng duy nhất kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia để thực hiện xét tuyển thí sinh vào đại học. Từ năm 2020, Học viện mở rộng phương án tuyển sinh với 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với khoảng 85% chỉ tiêu theo ngưỡng đảm bảo chất lượng Học viện công bố, xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành; (3) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với Chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Học viện thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021: Học viện dành khoảng 85% chỉ tiêu cho xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021; ngưỡng đảm bảo chất lượng được Học viện công bố sau khi có kết quả thi THPT; xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành.

Phương thức 3 - Xét tuyển kết hợp: Năm 2021, Học viện xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với Chứng chỉ quốc tế *hoặc* Thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi *hoặc* Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên. Cụ thể:

a. *Đối tượng 1:* Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên *hoặc* ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc* học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

b. *Đối tượng 2:* Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (*tính đến ngày xét tuyển*) đạt IELTS 5.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT 65 trở lên *hoặc* TOEFL ITP

513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c. *Đối tượng 3*: Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

d. *Đối tượng 4*: Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Năm 2022, Học viện có 4 phương thức tuyển sinh và bổ sung thêm (4) Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Đối với đại học từ xa và đại học VLVH: Học viện sử dụng kết quả kỳ thi THPT hai năm liên tiếp hoặc kết quả 03 năm học THPT với các môn tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển để thực hiện xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh Nhóm ngành Kinh tế:

- Thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy của Học viện ở các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế, gồm ngành: QTKD, Kế toán, Marketing, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ tài chính.

- Có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ TOEFL iBT 30 điểm hoặc TOEFL ITP 360 điểm hoặc IELTS 4,0 điểm trở lên (tương đương với trình độ Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) hoặc tương đương. Các thí sinh chưa đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh sẽ phải học khóa học tiếng Anh tăng cường trong học kỳ đầu tiên.

- Tự nguyện tham gia học và cam kết đóng học phí theo quy định của Học viện đối với chương trình chất lượng cao.

Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01
2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
3	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
5	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
6	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
8	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
9	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01
10	Marketing	7340115	A00, A01, D01
11	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
12	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa;
- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình, quy định và quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển chọn được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các vấn đề bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh [H8.08.02.02], đặc biệt là công tác giám sát, kiểm dò thông tin ưu tiên của các thí sinh trúng tuyển đại học được rà soát hệ thống [H8.08.02.03]. Trước khi Đề án tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Học viện, đề án được các đơn vị trong Học viện góp ý, đặc biệt là ý kiến của các Khoa đề xuất những chỉ tiêu phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, năng lực của Học viện và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điểm trúng tuyển được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Học viện.

Kết quả tuyển sinh ngành QTKD hàng năm của Học viện đều được công bố công khai trên website của Học viện. Các số liệu về số thí sinh đăng ký xét tuyển, trúng tuyển, số thí sinh trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào và số thí sinh nhập học thực tế được thống kê chi tiết tại Bảng 8.1 (*Phụ lục 2*) nhằm phục vụ đánh giá công tác tuyển sinh và đưa ra những phương án cải tiến hoạt động này cho những năm tiếp theo.

Qua kết quả thống kê cho thấy số thí sinh đăng ký vào CTĐT ngành QTKD giảm theo xu thế có chọn lọc hiệu quả phù hợp với năng lực thí sinh khi lựa chọn ngành học. Số thí sinh trúng tuyển có chiều hướng ổn định theo chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ với điểm đầu vào luôn nằm trong top đầu các trường đại học có cùng ngành tuyển sinh.

Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển: Học viện và Khoa có nhiều cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện về thông tin tuyển sinh, chính sách tuyển sinh đến các học sinh phổ thông [H8.08.01.13].

Tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức hội nghị tổng kết có sự tham gia của các đơn vị trong Học viện để rà soát lại nhu cầu nhân lực và nghiên cứu nội dung điều chỉnh phương thức tuyển sinh [H8.08.02.07]. Trên cơ sở các ý kiến rà soát về công tác tuyển sinh, Học viện có sự điều chỉnh, thay đổi về tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển sinh, cụ thể tăng từ 01 phương thức xét tuyển năm 2016 - 2019 lên 03 phương thức xét tuyển vào năm 2020 và 2021 và tăng lên thành 04 phương thức từ năm 2022; Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng hơn, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển; thông tin về tuyển sinh của Học viện còn được thông báo rộng rãi đến học sinh các trường THPT thông qua việc kết nối với các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện.

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện đều tổ chức buổi tổ chức buổi tổng kết công tác tuyển sinh, gửi Báo cáo Bộ GD&ĐT và đề nghị khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác tuyển sinh [H8.08.01.14].

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn KĐCLGD ngành QTKD mới tuyển thẳng được rất ít thí sinh.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được rà soát, đánh giá trong suốt quá trình tuyển sinh hàng năm để kịp thời điều chỉnh phương thức tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn KĐCLGD ngành QTKD mới tuyển thẳng được rất ít thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ khóa tuyển sinh năm 2023, Phòng CT&CTSV phối hợp với các Khoa đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông đa dạng hơn về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút nhiều hơn thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành QTKD của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, TTKT&ĐBCLGD, Phòng CT&CTSV, Khoa chuyên môn, CVHT. Cụ thể: Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ xây dựng khung kế hoạch đào tạo hàng năm; kế hoạch đào tạo cho các lớp, khóa, các hệ đào tạo theo chương trình, quy chế đào tạo; xử lý lên lớp, ngừng học, buộc thôi học, cảnh báo học vụ theo kết quả học tập; xét cấp học bổng khuyến khích học tập; xét điều kiện dự thi tốt nghiệp...; Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xét điều kiện tốt nghiệp và làm thủ tục cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho SV; Phòng CT&CTSV có trách nhiệm tổ chức thực các hiện chế độ, chính sách có liên quan đối với SV, hỗ trợ và chăm sóc SV, phối hợp với các đơn vị, CVHT trong công tác sinh viên [H8.08.03.01]...; TTKT&ĐBCLGD tổ chức thực hiện công tác khảo thí, xây dựng kế hoạch, tổ chức thi [H8.08.03.02]; CVHT có trách nhiệm hướng dẫn SV tìm hiểu Quy chế, Quy định đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Học viện [H8.08.03.03]; tư vấn cho SV đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn khoá học [H8.08.03.04], chủ trì đánh

giá kết quả rèn luyện của lớp SV theo đúng thời gian và đúng quy định của Học viện [H8.08.03.05].

Học viện ban hành Quy định tạm thời về công tác CVHT tại Học viện theo Quyết định số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H8.08.03.06]. Đối với mỗi lớp SV, Học viện quy định cử 01 cán bộ là CVHT và một CVHT có thể phụ trách một hoặc nhiều lớp học cùng một khóa học hoặc các khóa học khác nhau. CVHT do Giám đốc Học viện ký quyết định phân công theo đề nghị của Phòng CT&CTSV [H8.08.03.07]. Hàng năm, các Khoa căn cứ trên năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa để đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT, Phòng CT&CTSV tổng hợp danh sách và trình Giám đốc ban hành Quyết định cử CVHT (Các QĐ: số 497/QĐ-HV ngày 10/10/2017; số 705/QĐ-HV ngày 06/08/2017; số 794/QĐ-HV ngày 01/10/2019; số 1053/QĐ-HV ngày 30/11/2020.) và các Quyết định thay đổi CVHT (Các QĐ: số 265/QĐ-HV ngày 04/4/2017; số 752/QĐ-HV ngày 29/8/2017; số 716/QĐ-HV ngày 11/3/2018; số 230/QĐ-HV ngày 02/4/2018; số 168/QĐ-HV ngày 22/3/2019.). Ví dụ, theo QĐ số 1053/QĐ-HV ngày 30/11/2020, Học viện cử 48 GV đảm nhiệm chức danh CVHT.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định:

Quy định về đào tạo tín chỉ [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], trong đó, tại điều 12, Quy chế đào tạo đã quy định rõ khối lượng học tập của người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ căn cứ kết quả học tập: Đối với học kỳ chính, người học được đăng ký tối thiểu không thấp hơn 15 tín chỉ (CTĐT cử nhân) và 16 tín chỉ (CTĐT kỹ sư), tối đa không vượt quá 25 tín chỉ; Điều 14 Quy định về học lại và học cải thiện điểm; Điều 18. Đánh giá lớp học phần; Điều 23. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập; Điều 24. Đánh giá kết quả học phần. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ hợp lý theo từng học kỳ để người học đăng ký học tập.

Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV kèm theo Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện với các mức điểm chi tiết để đánh giá sự tiến bộ của người học về rèn luyện 2 lần/năm [H8.08.03.08]. Việc đánh giá điểm rèn luyện do cá nhân người học tự đánh giá và sau đó được đánh giá lại với sự tham gia của CVHT, Ban cán sự lớp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thông qua việc họp, bình xét. Kết quả rèn luyện của SV là căn cứ để xét học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng trong năm học cho SV theo quy định.

Thành lập các Hội đồng đánh giá và ban hành các quyết định về công tác rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật SV [H8.08.03.09].

CTĐT ngành QTKD được xây dựng dựa trên sự đánh giá, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và luôn cập nhật những kiến thức mới để đảm bảo người học khi ra trường có năng lực, trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Khối lượng học tập được phân bổ hợp lý nhằm đảm bảo người học có học lực trung bình hoàn thành được CTĐT đúng hạn. CTĐT ngành QTKD có tổng cộng 131 tín chỉ chưa tính các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, kỹ năng mềm. Khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được phân bổ theo từng học kỳ để người học đăng ký học tập theo tiến trình học tập chuẩn theo Quy trình đăng ký môn học theo tín chỉ [H8.08.03.10]. Để đảm bảo người học hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép người học được đăng ký học lại, học cải thiện vào các kỳ học chính, kỳ học phụ [H5.05.01.03]. Đồng thời, những SV có kết quả học tập yếu, kém sẽ bị cảnh báo học vụ theo các mức 1, 2, 3 [H8.08.03.11].

Đề cương chi tiết các học phần của ngành QTKD quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng học phần như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học vào tiết học đầu tiên của học phần [H8.08.03.12]. Bên cạnh đó, GV phụ trách học phần cũng tham gia giám sát quá trình học tập của người học thông qua điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên [H8.08.03.13] và kết quả học tập của SV được quản lý và lưu trữ trên Hệ thống quản lý đào tạo Edusoft [H8.08.03.14].

Đầu mỗi học kỳ, nhằm giúp SV có kết quả học tập kém biết thông tin và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian tối đa cho phép được theo học chương trình, các CVHT phê duyệt đăng ký học phần của SV trong học kỳ tiếp theo của SV căn cứ theo Tờ trình và Danh sách các lớp môn học tổ chức đào tạo theo học kỳ, từng năm học [H8.08.03.15]. Hệ thống Quản lý đào tạo cho phép từng CVHT có thể xem và cập nhật được kết quả học tập theo từng học kỳ của SV, giúp CVHT có những cảnh báo hoặc khuyến nghị, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H8.08.03.16]. Đồng thời, Học viện ban hành Quy định về việc cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) của sinh viên theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H8.08.03.17] để có thể gửi các thông báo cảnh báo kết quả học tập của SV kịp thời theo đúng Quy chế đào tạo.

Thực hiện nhiệm vụ của CVHT theo quy định của Học viện, hàng tháng CVHT phải họp với các lớp SV để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của SV và kịp thời giám sát, nhắc nhở. Kết quả các cuộc họp lớp đều được gửi về Phòng CT&CTSV để phối hợp với Khoa QTKD giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.03.18].

Việc đánh giá điểm rèn luyện do SV tự đánh giá và được xác nhận thông qua cuộc họp với sự tham gia của CVHT, Ban cán sự lớp, Đoàn thanh niên CSHCM thông qua việc họp, bình xét [H8.08.03.19]. Đây cũng là căn cứ để đề nghị xét học bổng theo Quy định về tạo lập, quản lý và sử dụng Quỹ học bổng sinh viên tại Học viện ban hành theo Quyết định số 540/QĐ-HV ngày 20/06/2017 [H8.08.03.20] và triển khai công tác khen thưởng cho SV theo từng năm học [H8.08.03.21].

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện, Phòng CT&CTSV lập danh sách SV bị cảnh báo kết quả học tập gửi tới Khoa QTKD để phối hợp liên hệ với SV và gia đình bằng thư hoặc gọi điện thoại trực tiếp nhằm giúp SV tập trung học tập, cải thiện kết quả học tập [H1.01.02.22]. Kết quả rèn luyện hàng năm được Học viện tổ chức đánh giá công khai tại các lớp, hầu hết các SV ngành QTKD đều có kết quả rèn luyện loại tốt, xuất sắc.

Kết quả trong 5 năm 2017-2021, Học viện đã tổ chức cho 308 lượt SV ngành QTKD học lại, học cải thiện điểm cùng các kỳ học chính, kỳ học phụ. [H8.08.03.24].

Học viện có hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo tín chỉ, công thông tin quản lý đào tạo, các trang mạng xã hội: Để triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ, từ năm 2012, Học viện đã đầu tư phần mềm Quản lý đào tạo (có bản quyền) quản lý toàn bộ SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, gồm quản lý điểm học tập, rèn luyện, thôi học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, quản lý thi đua, chế độ chính sách... Hệ thống này cho phép Học viện giám sát được kết quả học tập, tiến độ học tập của người học [H8.08.03.13], [H8.08.03.16]. Phòng Giáo vụ được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý cơ sở dữ liệu sự tiến bộ của NH trong học tập và tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; Phòng CT&CTSV được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý kết quả rèn luyện của người học.

Cơ sở dữ liệu về đăng ký học phần của SV, kết quả học tập của SV được cập nhật theo từng học kỳ vào phần mềm Quản lý đào tạo [H8.08.03.13]. Cơ sở dữ liệu kết

quả học tập của SV sẽ được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.16].

Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ cơ sở dữ liệu kết quả học tập trên phần mềm quản lý đào tạo, Học viện theo dõi và nắm bắt được tình hình học tập của SV. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để Phòng Giáo vụ, Phòng CT&CTSV và Khoa QTKD theo dõi, đánh giá sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV ngành QTKD [H8.08.03.13]. Đồng thời, CVHT được cấp tài khoản riêng để theo dõi tiến độ học tập của lớp SV do CVHT quản lý; SV được cấp tài khoản riêng để theo dõi tiến độ học tập của bản thân.

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo đã được phân quyền cho các đơn vị chức năng liên quan chủ động quản lý, giám sát và theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, cũng như theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và thôi học.

Tất cả CVHT và SV đều được cấp một tài khoản riêng để truy cập phần mềm theo đúng phân quyền.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo chưa có hệ thống cảnh báo học vụ tự động khi người học thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV

4. Kế hoạch hành động

Quý I năm 2023, Phòng Giáo vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm để bổ sung tính năng tự động đưa ra cảnh báo cho các SV thuộc diện bị cảnh báo học vụ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học, trong đó có phòng CT&CTSV tại cơ sở đào tạo ở Hà Nội và Phòng Công tác Sinh viên tại Học viện cơ sở Thành phố HCM [H8.08.04.01]. Sau đây được

gọi chung là Phòng CT&CTSV được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong công tác tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học, Cụ thể:

- Phòng CT&CTSV phối hợp với phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính – Kế toán để tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV về học bổng hỗ trợ không thuộc quỹ học bổng khuyến khích học tập; học phí; khen thưởng, kỷ luật, trợ cấp xã hội; bảo hiểm; tín dụng đào tạo và các chế độ ưu tiên, hỗ trợ cho với SV tàn tật, khuyết tật, SV diện chính sách, SV gặp hoàn cảnh khó khăn theo quy định và phân cấp của Học viện [H8.08.04.02].

- Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa QTKD trong việc bố trí CVHT cho các lớp SV, tư vấn việc làm, đào tạo kỹ năng mềm, ... Căn cứ Quy định tạm thời về công tác CVHT [H8.08.03.06], Khoa QTKD đề xuất danh sách CVHT trong từng năm học gửi Phòng CT&CTSV để tổng hợp, trình Giám đốc Học viện ký Quyết định phân công nhiệm vụ CVHT cho GV Khoa QTKD [H8.08.04.03]. Hàng năm, Học viện cử khoảng 70-80 cán bộ tham gia CVHT là các GV từ các Trung tâm, Viện nghiên cứu, phòng chức năng và Khoa QTKD làm CVHT cho các lớp SV ngành QTKD từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 (đội ngũ CVHT sẽ có sự thay đổi ở thời điểm năm thứ 3 khi các lớp được tách theo chuyên ngành đào tạo).

- Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện và các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động phong trào: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện, giao lưu và các hình thức khuyến khích học tập khác; theo dõi công tác phát triển Đảng trong SV; quản lý các Đội, Câu lạc bộ và Diễn đàn SV để tạo điều kiện cho người học có môi trường học tập, rèn luyện, phấn đấu. Học viện cũng có Website kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ cho SV trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp [H8.08.04.04] tại địa chỉ <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit>. Ngoài các hoạt động ngoại khóa do Học viện tổ chức, Khoa QTKD cũng có những hoạt động riêng hỗ trợ cho SV trong lĩnh vực tìm kiếm việc làm, thực tập, thực tế, ... thông qua việc hợp tác với các doanh nghiệp để cử SV đi thực tập, thực tế và tổ chức tư vấn kỹ năng cho SV ngành QTKD.

Tại cơ sở Hà Nội, Học viện đã thành lập Văn phòng Giao dịch một cửa do Phòng CT&CTSV quản lý về hành chính và các phòng chức năng quản lý về chuyên môn, bố

trí cán bộ làm việc tại Văn phòng Giao dịch một cửa để tiếp, tư vấn giải đáp thắc mắc, cũng như cung cấp các dịch vụ hành chính cho SV [H8.08.04.05].

Phòng CT&CTSV là đơn vị chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Phòng bố trí các cán bộ chuyên trách có kinh nghiệm và tâm huyết để giúp đỡ tư vấn việc làm cho SV. Bản mô tả công việc của chuyên viên phụ trách công tác SV - mục số 4 “tư vấn hỗ trợ SV” [H8.08.04.06].

Học viện thiết lập Website kết nối các doanh nghiệp và đào tạo kỹ năng cho SV trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp tại địa chỉ <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit> và trang việc làm cho SV tại địa chỉ <https://jobs.ptit.edu.vn/> [H8.08.04.07].

Từ năm 2015 - 2018, Học viện triển khai dự án “Tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” (gọi tắt là dự án VOYAGE”). Theo đó, Dự án Voyage cung cấp cho SV của 3 trường Đại học tại Việt Nam, trong đó có Học viện hệ thống khảo sát SV nhằm: (1) Tạo CV trực tuyến và giúp các doanh nghiệp lựa chọn ứng viên, đánh giá và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao trong cơ sở dữ liệu SV và cựu SV của các trường Đại học tại Việt Nam; (2) Đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện sau khi kết thúc khóa học (đây cũng là yêu cầu bắt buộc của Bộ GD&ĐT đối với các trường Đại học); (3) Tiếp cận các cơ hội việc làm được các doanh nghiệp đăng tải thông tin tuyển dụng trên hệ thống [H8.08.04.08].

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch tổng thể của Học viện, Phòng CT&CTSV xây dựng kế hoạch các hoạt động liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị, theo đó các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ học tập SV như các cuộc thi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, lấy ý kiến người học được lên kế hoạch khung từ đầu năm, có sự phân công trách nhiệm chủ trì/phối hợp và kèm dự toán kinh phí [H8.08.04.08].

Vào đầu học kỳ thứ 2 của mỗi khóa học, Phòng Giáo vụ sẽ có buổi tập trung SV trên hội trường để hướng dẫn SV cách thức đăng ký học phần theo tín chỉ bằng hình thức online trên hệ thống của Học viện. Đến thời điểm các lớp chuẩn bị tách chuyên ngành đào tạo, các SV lại được thông báo, hướng dẫn từ Khoa QTKD, Phòng Giáo vụ để việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo để phù hợp với bản thân mỗi SV. Năm thứ 4 của khóa học, các SV sẽ được tư vấn và hỗ trợ liên hệ các công ty, đơn vị phù hợp để đi thực tập cuối khóa [H8.08.04.09].

Đoàn Thanh niên chủ động tổ chức Đội cờ đỏ Sinh viên Học viện hàng năm để quản lý giờ lên lớp của SV tại các giảng đường [H8.08.04.10].

Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức các lớp ngoại khóa: tọa đàm để nâng cao kỹ năng mềm cho SV, các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, ... giúp SV có thêm sân chơi bổ ích, như tham gia “Tổ chức hội thảo hướng nghiệp cùng doanh nghiệp”, kế hoạch hành động hàng năm của Đoàn Thanh niên từ 2017-2021 [H8.08.04.11], Báo cáo kết quả công tác hàng năm của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.12], Chương trình hành động và Báo cáo kết quả hàng năm của Đoàn TN Học viện [H8.08.04.13].

Trong quá trình học tập, SV được khuyến khích tham gia các hội, nhóm, câu lạc bộ NCKH, tham gia thực hiện các đề tài khoa học, tham gia các cuộc thi chuyên học phần thuật bổ ích thiết thực cho SV [H8.08.04.14].

Học viện có chính sách học bổng đãi ngộ cho SV ngoài học bổng khuyến khích học tập, cụ thể:

- Học bổng miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách xã hội của Nhà nước được Nhà nước cấp bù kinh phí. Tuy nhiên là trường đại học tự chủ tài chính, Học viện trích từ nguồn thu học phí cho Quỹ hỗ trợ SV để cấp bù thêm cho SV phần chênh lệch giữa học phí theo quy định của Nhà nước dành cho các trường đại học công lập chưa tự chủ và mức học phí của các trường đại học tự chủ tài chính. (*Bảng 8. 2, Phụ lục 2*)

- Học viện cũng kêu gọi từ các nguồn học bổng hỗ trợ từ các doanh nghiệp như Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam Agribank, Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV, công ty Nastech, ... dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn và trích từ quỹ hỗ trợ SV để trợ cấp khó khăn cho SV các dịp khai giảng năm học mới hoặc Tết nguyên đán [H8.08.04.10]. Đặc biệt trong năm 2020 và 2021, Học viện trích 6 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ SV để hỗ trợ khó khăn đột xuất cho 12.000 SV Học viện gặp khó khăn do Covid, lũ lụt, hỗ trợ cước dữ liệu Internet cho SV trong năm 2020, hỗ trợ khó khăn cho SV ở Ký túc xá trong thời gian giãn cách dịch bệnh Covid-19 năm 2021 [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

- Bên cạnh đó, Học viện cũng tiếp tục tăng cường huy động các học bổng từ doanh nghiệp dành cho các SV có kết quả học tập, nghiên cứu xuất sắc như học bổng Honda, học bổng Panasonic, ... [H8.08.04.17].

Kết quả khen thưởng SV ngành QTKD giai đoạn 2017-2021: số SV khen thưởng trong các cuộc thi và khen thưởng học tập loại xuất sắc, giỏi được thống kê cụ thể như trong Bảng 8.3 (*Phụ lục 2*).

Thực hiện các quy định về công tác học sinh, SV của Bộ GD&ĐT, Học viện cũng hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các SV có nhu cầu đủ điều kiện, thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ việc học tập [H8.08.04.18].

Hoạt động ngoại khóa:

Đối với các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Phòng CT&CTSV cũng phối hợp trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động của Đoàn trong từng quý và giám sát các hoạt động phong trào của SV [H8.08.04.19]. Hàng năm, Đoàn Thanh niên Học viện phối hợp với Khoa Cơ bản 1 tổ chức cuộc thi tiếng hát SV trong toàn Học viện, trong đó SV ngành QTKD cũng nhiệt tình hưởng ứng và tham gia [H8.08.04.20].

Thời gian qua, Học viện luôn quan tâm đến các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV, nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm để phục vụ cho việc đáp ứng nhu cầu tìm việc làm phù hợp sau khi ra trường. Học viện thường xuyên liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động để cung cấp thông tin tuyển dụng trên website và fanpage của Học viện và của Khoa QTKD. Một năm 02 lần (thường vào tháng 4 và tháng 11), Học viện có tổ chức Ngày hội tuyển dụng và cơ hội việc làm PTIT tại cơ sở đào tạo Hà Đông, trong những dịp này Học viện mời nhiều công ty, doanh nghiệp (Công ty VNPT, Mobifone, Samsung Việt Nam, FPT, Viettel,...) có nhu cầu tuyển dụng lao động cùng tham gia giới thiệu với SV về nhu cầu tuyển dụng các vị trí lao động, các yêu cầu cần có khi làm việc tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho SV từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường [H8.08.04.21], [H8.08.04.22].

Ngoài 2 đợt tổ chức Ngày hội tuyển dụng hàng năm, còn có các buổi hội thảo của từng doanh nghiệp cụ thể như: Hội thảo tuyển dụng Samsung; Hội thảo tuyển dụng Luvina; Hội thảo tuyển dụng Sun Asterisk. Các Khoa chuyên môn cũng tham gia vào quá trình hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm bằng cách giới thiệu SV thực tập, tập sự tại các công ty, doanh nghiệp đối tác, ... [H8.08.04.23].

Bên cạnh đó, Học viện thường xuyên phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp khi được đề xuất để tổ chức các buổi kiến tập tại doanh nghiệp, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn dành cho SV để trang bị hành trang cho SV khi bắt đầu

tìm việc (các Website, đường link đăng thông tin tuyển dụng của Học viện cho doanh nghiệp: <https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung/>, đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại địa chỉ link <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit,...>).

Khoa QTKD cũng có quan hệ chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp để liên hệ cử SV thực tập, tổ chức các buổi tọa đàm về chuyên môn và nghề nghiệp cho SV năm thứ 3 và năm thứ 4 phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng nhân sự [H8.08.04.24].

Năm 2020, Học viện tổ chức Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động [H8.08.04.25], thông qua hội nghị, có rất nhiều nội dung được đưa ra thảo luận để đưa ra kết quả tốt nhất có lợi ích cho SV. Phát huy kết quả này, trong những năm tới, Phòng CT&CTSV sẽ là đầu mối, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức nhiều buổi hội thảo tuyển dụng, buổi đào tạo trang bị kỹ năng mềm dành cho SV sắp tốt nghiệp.

Giai đoạn 2017 - 2021, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm như: Tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên ... [H8.08.04.26].

Với những hoạt động kể trên, tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành QTKD qua khảo sát việc làm của SV đã tốt nghiệp trong những năm vừa qua thể hiện tại Bảng 8. 4 (*Phụ lục 2*). Đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện sau khi kết thúc khóa học là yêu cầu bắt buộc của Bộ GD&ĐT đối với các trường đại học, do vậy Học viện cũng đã nghiên cứu, tổng hợp đánh giá chất lượng đào tạo với 91% SV được hỏi đã đánh giá mức độ “hoàn toàn đồng ý” và sự hỗ trợ của Học viện trong quá trình thực tập của SV. Số liệu cụ thể theo Hình 8.1 (*Phụ lục 2*)

Sự đánh giá về mức độ hài lòng của SV cho công tác hỗ trợ học tập của Học viện đối với SV cũng đạt ở mức cao như trong biểu theo Hình 8.1 (*Phụ lục 2*)

Học viện đã có bộ phận chuyên trách là Phòng CT&CTSV và các đơn vị phối hợp như Đoàn Thanh niên HV, các khoa đào tạo đảm nhận nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ việc làm cho sinh viên, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng cho sinh viên. Tỷ lệ sinh viên hài lòng về công tác hỗ trợ thực tập, việc làm ở mức khoảng 91%.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023 - 2024, Phòng CT&CTSV lập kế hoạch tổ chức khóa tập huấn kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, phục vụ để nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện ban hành Quy chế làm việc của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông theo quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H8.08.05.01] và Nội quy lao động để CBGV thực hiện theo đúng quy định của ngành giáo dục [H8.08.05.02]. Các giảng đường đều treo Nội quy giảng đường để SV thực hiện theo quy định [H8.08.05.03]. Ký túc xá của SV có nội quy Ký túc xá được treo tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong ký túc xá. Ký túc xá B5 có bản nội quy treo ở sảnh các tầng [H8.08.05.04].

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện định kỳ tổ chức Chủ nhật xanh tại ký túc xá và khuôn viên Học viện để chỉnh trang và tạo lập môi trường sống lành mạnh cho SV. Năm 2019, Phòng CT&CTSV đã phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức cuộc thi “PTIT- Ký túc xá của tôi 2019” [H8.08.05.05] và tổ chức các chương trình tuyên truyền tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho SV các trường đại học, cao đẳng, tổ chức lớp tập huấn về kiến thức kỹ năng và mô hình thực hành lối sống xanh cho SV, tổ chức triển lãm Bảo vệ động vật hoang dã, ... [H8.08.04.06].

Chi bộ Phòng CT&CTSV tổ chức các chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Năm 2018 tổ chức cho các đảng viên đi thăm khu di tích lịch sử K9; Năm 2019 đi về Ninh Bình; Năm 2020 viếng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; năm 2021 do dịch Covid 19 nên không tổ chức tham quan các di tích lịch sử, nhưng vẫn tổ chức được các buổi họp chuyên đề [H8.08.04.07].

Các hoạt động giải trí lành mạnh khác để tạo tâm lý và không khí thoải mái cho SV: vào các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm như 20/11; 8/3... Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, thi ảnh

[H8.08.04.08]. Vào các ngày lễ lớn trong năm như 20/11; 8/3; 20/10, Công Đoàn Học viện thường tổ chức các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi kéo co, thi cắm hoa, ... giữa các đơn vị để tạo không khí và tâm lý thoải mái cho CB, GV và nhân viên.

Khuôn viên Học viện được cải tạo và trồng nhiều cây xanh, vườn hoa tạo bóng mát làm đẹp cảnh quan môi trường sư phạm, cũng như bố trí nhiều ghế đá để SV, khách đến liên hệ công tác nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, Học viện cũng đã cải tạo sân bóng chuyền, xây dựng mới sân bóng đá mini để SV có thể sinh hoạt câu lạc bộ sau những giờ học tập căng thẳng. Đoàn Thanh niên Học viện thường xuyên tổ chức các hoạt động tình nguyện giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường trong Học viện như: tình nguyện dọn dẹp vệ sinh khuôn viên Học viện, quét vôi góc cây hoặc tổ chức cuộc thi “Ký túc xá trong tôi” để tuyên truyền ý thức văn minh ký túc xá và môi trường học đường. Đồng thời, tổ chức các hoạt động văn hóa lành mạnh định kỳ dành cho người học tạo môi trường tâm lý thoải mái sau những giờ học căng thẳng [H8.08.04.09].

Để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường, bên cạnh việc treo các quy định, nội quy học đường tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường, Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học.

Để quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, NCKH, Học viện giao cho Văn phòng, các Trung tâm cơ sở vật chất và dịch vụ phối hợp quản lý [H8.08.05.10].

Để có được cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc và học tập trong trường, Học viện đã và đang thực hiện tốt những nội dung cụ thể sau:

Học viện có sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể; bố trí phòng làm việc của Hội đồng, Ban giám đốc Học viện; Sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá; để hướng dẫn mọi người đến làm việc và học tập tại Học viện và khách đến liên hệ công tác [H8.08.05.11]. Học viện cũng dành riêng một khu vực ngay cạnh cổng ra vào để thành lập Văn phòng Giao dịch một cửa để tiếp nhận yêu cầu về hành chính, tư vấn giải đáp các thắc mắc của SV. Khu vực này được bố trí khoa học để SV dễ dàng tiếp cận thông tin cần tư vấn trong quá trình học tập tại Học viện [H8.08.05.12].

Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an ninh, an toàn, Học viện đã thuê công ty dịch vụ bảo vệ, vệ sinh đảm bảo điều kiện vệ sinh và an ninh trong khuôn viên Học viện [H8.08.05.13]. Hàng ngày, các phòng học, giảng đường đều được vệ sinh 2 lần trước và sau mỗi kíp học; khuôn viên Học viện được chỉnh trang vệ sinh hàng ngày [H8.08.05.14].

Học viện bố trí Trạm Y tế tại Ký túc xá SV, giúp cho việc chăm sóc sức khỏe cho SV và cán bộ của Học viện kịp thời, nhất là trong mùa dịch của 2 năm gần đây [H8.08.05.15].

Công tác phòng chống cháy nổ, an toàn học đường luôn được Học viện quan tâm. Để đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, hàng năm Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn công tác nghiệp vụ, hệ thống phòng chống cháy nổ được đặt đúng vị trí theo yêu cầu và Học viện thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại, công an phường, thành phố để bảo vệ ANTT trong Học viện [H8.08.05.16].

Học viện cũng đã xây dựng mới nhiều khu vực làm việc, nghiên cứu, học tập dành cho cán bộ, GV như Lab Viettel, Lab Trí tuệ nhân tạo (bên cạnh các lab đã được xây dựng trước đây, khu vực sánh sinh hoạt chung tại khu học tập của SV chất lượng cao [H8.08.05.17].

Để có thông tin về thực trạng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, Học viện tổ chức khảo sát SV về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ người học. Qua thống kê có 27.406 lượt SV tham gia khảo sát với các nội dung khảo sát về thư viện, thiết bị dạy học, phương tiện và công cụ Tin học, Ký túc xá, Nhà ăn, căng tin; Trạm Y tế với tỷ lệ hài lòng đạt 86,67% [H8.08.05.18]; Định kỳ hàng năm, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại đây về tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H8.08.05.19]. Kết quả khảo sát cho thấy:

Về điều kiện cơ sở vật chất: có 96,7% là các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định: Thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu.

Về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn: có 93% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh: có 76,6% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ: có 93,3% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong CTĐT: có 89,7% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các bên liên quan đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện có khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng giao dịch một cửa.

2. Điểm mạnh

Học viện có nhiều hoạt động để tạo tâm lý và môi trường thân thiện cho SV và CBGV, nhân viên của Học viện. Khuôn viên của Học viện an toàn, sạch sẽ và thân thiện, tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng giao dịch một cửa.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Phòng CT&CTSV ban hành quy tắc giao tiếp, ứng xử văn minh với sinh viên tại Văn phòng giao dịch một cửa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế của Học viện. Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao.

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, TTKT&ĐBCLGD và CVHT. Học viện sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao. Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí: 4,80/7 (4 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7).

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trong nhiều năm qua, Học viện đã rất chú trọng đến việc trang bị trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu học tập và NCKH của SV và GV của CTĐT ngành QTKD. Ngoài việc trang bị đầy đủ thiết bị các phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc, phòng máy tính, thư viện... hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Học viện. Học viện cũng quan tâm đến sức khỏe, an toàn vệ sinh học đường, và công tác phòng cháy, chữa cháy.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có cơ sở đào tạo tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông,

Thành phố Hà Nội và Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90 m² (miền Bắc là 63.464,70m², miền Nam là 64.230,20 m²) phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m², diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 6,337m²/sinh viên, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Học viện có 118 phòng làm việc với tổng diện tích là 3.977 m², trong đó Cơ sở Hà Nội có 68 phòng và Cơ sở Thành phố HCM có 50 phòng. Phòng làm việc của Khoa QTKD1 đặt tại tầng 9 nhà A2, Cơ sở Hà Đông với diện tích 164,7m², phòng làm việc Khoa QTKD2 đặt tại phòng 2B17 khu nhà B với diện tích 90 m² [H9.09.01.03]. Tại các khu vực làm việc của Học viện có bố trí phòng làm việc của Hội đồng Học viện, Ban giám đốc, các đơn vị chức năng Học viện, lãnh đạo Khoa và các phòng hội họp chung của CBGV từng Khoa.

Học viện có 122 phòng học với tổng diện tích là 11.991m², trong đó Cơ sở Hà Nội có 65 phòng học, Cơ sở Thành phố HCM có 57 phòng học. Các phòng học lý thuyết được sử dụng chung cho tất cả các ngành đào tạo của Học viện, trong đó có ngành QTKD [H9.09.01.04].

Học viện có 09 phòng hội trường, hội thảo phục vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo với phòng hội trường A2 có diện tích 1.200 m² đáp ứng tối đa 700 chỗ ngồi, 44 phòng học từ 100-200 chỗ ngồi, 38 phòng học từ 50-100 chỗ ngồi, 21 phòng học dưới 50 chỗ ngồi [H9.09.01.05].

Diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của Học viện luôn đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ diện tích trên người học theo quy định. Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên SV chính quy 3,723 m²/SV (46.640/12.526).

Toàn bộ phòng làm việc của Học viện đều được trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ GV, máy photocopy, máy scan phục vụ cho công tác quản lý đào tạo, bàn ghế làm việc và các tủ tài liệu được trang bị đầy đủ theo quy chuẩn làm việc, các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt trần, quạt treo tường đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm cho sức khoẻ của CBGV. Phòng làm việc của Khoa được trang bị các tủ để chứa tài liệu, hồ sơ hoạt động của Khoa với tủ đựng tư liệu, máy tính, bàn làm việc, dãy bàn dành cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa [H9.09.01.06].

Toàn bộ phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi, máy tính), các hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng (102 trang thiết bị) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế phòng học theo quy định của Nhà nước. 100% phòng học đều được trang bị điều hoà không khí và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo [H9.09.01.07]. Tuy nhiên, vẫn còn một số phòng học ở cơ sở phía Nam chưa được trang bị điều hoà không khí.

Hàng năm, các đơn vị thực hiện rà soát nhu cầu về trang thiết bị cơ sở vật chất, đề xuất thay thế các trang thiết bị cũ đáp ứng cho nhu cầu nghiên cứu và đào tạo gửi Phòng Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Học viện giao kế hoạch kinh phí đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ [H9.09.01.08].

Nhằm tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH, Học viện làm việc với các doanh nghiệp như Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Viettel, Samsung, VNPT, Mobifone... để thu hút nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp trong việc xây dựng các phòng Lab và tài trợ phòng máy tính [H9.09.01.09].

2. Điểm mạnh

Học viện có mối quan hệ truyền thống, gắn bó chặt chẽ với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong lĩnh vực CNTT, nên thường xuyên nhận được sự hỗ trợ trong việc tăng cường các nguồn lực về trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học ở cơ sở phía Nam chưa được trang bị điều hoà không khí.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng Kế hoạch - Đầu tư triển khai bổ sung đủ các trang thiết bị cho phòng học, đặc biệt là trang bị điều hoà không khí cho cơ sở phía Nam.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hai thư viện tại Cơ sở đào tạo Hà Đông và Cơ sở đào tạo Quận 9 - Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Thư viện Học viện cơ sở) phục vụ CBGV, SV trong toàn Học viện [H9.09.02.01]. Hai Thư viện có kết nối với nhau qua phần mềm Thư viện điện tử Libol 6.0 và phần mềm Thư viện số Dspace [H9.09.02.02].

Thư viện Cơ sở đào tạo Hà Đông đặt tại tầng 1 nhà A3 có tổng diện tích 500 m², có một phòng đọc, một phòng mượn, các khu vực của Thư viện được bố trí liên hoàn nhau; phòng đọc, kho sách tổ chức theo chuẩn thư viện và có phòng đọc, phòng mượn dành cho GV, SV riêng biệt [H9.09.02.03], được phân chia cụ thể:

+ Khu vực sảnh với diện tích 66,5 m² có chứa 02 máy tra cứu và khu vực chờ, có các tủ gửi đồ để bạn đọc đến gửi đồ trước khi vào phòng đọc, mượn; có khu vực quầy thủ thư dành cho 2 phòng đọc và mượn có diện tích 21 m².

+ Kho sách Mở diện tích 56 m², là nơi bạn đọc vào tự chọn sách tại các giá sách; kho mượn diện tích 56,5 m² được tổ chức kho đóng, bạn đọc mượn sách về nhà qua thủ thư.

+ Khu vực học nhóm của bạn đọc có diện tích 22 m² được bố trí riêng để thuận tiện cho việc học nhóm.

+ Khu vực đọc sách có diện tích 189,5 m² được bố trí các bàn, ghế ngồi và khu vực đa phương tiện với 24 máy tính để bàn dành cho bạn đọc tra cứu và sử dụng các tài liệu trên mạng. Tuy nhiên, so với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích Thư viện chưa được đầu tư đúng mức, phòng đọc chật, thiếu chỗ ngồi vào thời điểm trước các kỳ thi khi SV có nhu cầu mượn sách cao.

Thư viện Cơ sở đào tạo Hà Đông hiện có 5 cán bộ đều có trình độ đại học phù hợp với nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả cho cán bộ, GV, nghiên cứu viên và SV

Thư viện Học viện cơ sở có diện tích 710 m², được tổ chức đủ hai bộ phận riêng biệt là bộ phận nghiệp vụ và bộ phận phục vụ. Bộ phận phục vụ với hai hệ thống phòng: phòng đọc mở và phòng mượn. Phòng đọc mở có sức chứa khoảng 150 SV trong cùng một thời điểm, phòng mượn mỗi ngày có thể phục vụ khoảng 200 SV, ngày cao điểm khoảng 300 SV cùng lúc. Thư viện Học viện Cơ sở hiện có 2 cán bộ đều có trình độ đại học phù hợp với nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả cho CBGV, NCV và SV. Ngoài ra, Thư viện còn có kho lưu và Phòng xử lý nghiệp vụ với tổng diện tích 50m² để cán bộ thu nhận tài liệu, xử lý và lưu kho.

Học viện ban hành văn bản hướng dẫn về việc mượn và trả sách đối với SV, quy định về quản lý và cung cấp học liệu, các quy định này được thông báo tới các lớp SV trong Tuần lễ công dân đầu khóa học và trong Sổ tay SV hàng năm của Học viện [H9.09.02.04]; Nội quy sử dụng thư viện, qui định giờ phục vụ thư viện được treo tại

sánh lõi vào thư viện [H9.09.02.05], [H9.09.02.06]; quy định về tổ chức kho tài liệu và qui định về qui trình xử lý tài liệu [H9.09.02.07].

Trang thiết bị phục vụ triển khai nghiệp vụ công tác thư viện (bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, photocopy, ...) được Học viện đầu tư đồng bộ [H9.09.02.08] và được định kỳ bảo dưỡng, bổ sung, thay thế hàng năm, cụ thể theo danh mục các trang thiết bị Học viện đầu tư cho Thư viện hàng năm [H9.09.02.09].

Nguồn tài nguyên thông tin của thư viện bao gồm cả tài liệu in ấn, cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu điện tử (E-book) và các bộ sưu tập số; có nhiều tài liệu chuyên ngành đặc thù về ngành thông tin và truyền thông, đặc biệt là các loại tài liệu sách, tạp chí ngoại văn chuyên ngành; tài liệu trong diện bổ sung của thư viện đều dựa trên danh mục các tài liệu được đề cập trong đề cương học phần trong CTĐT ngành QTKD đã được ban hành và cập nhật thường xuyên [H9.09.02.10]. Tổng số tài liệu về bản giấy là 11.406 nhan đề tài liệu với 93.725 bản, (TV CSHĐ có 6.882 nhan đề tài liệu, 57.901 bản sách; TVHVCS có 4.524 nhan đề sách; 35.824 bản sách). Trong đó sách tiếng Việt chiếm tỷ lệ 98%; còn lại là sách tiếng nước ngoài (Tiếng Anh, Pháp, Nga) để bổ sung thêm nguồn tài liệu cho CTĐT ngành QTKD.

Giáo trình, bài giảng do GV Học viện biên soạn đáp ứng các học phần trong chương trình đào tạo ngành QTKD [H9.09.02.11]. Học viện đặc biệt chú trọng đến việc phát triển tài liệu nội sinh bao gồm các giáo trình, bài giảng, đề tài NCKH, luận văn, luận án, ... của các GV, cán bộ, học viên trong Học viện [H9.09.02.12]. Toàn bộ bài giảng, giáo trình của Học viện sau khi nghiệm thu được xuất bản dưới dạng bản giấy và học liệu điện tử để đưa lên Thư viện số, đảm bảo phục vụ đầy đủ cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, trong đó có học liệu điện tử ngành QTKD [H9.09.02.13]. Tính đến thời điểm này, nguồn tài liệu không công bố của Học viện gồm có 5.560 luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, đề án, khóa luận tốt nghiệp đại học đã được cập nhật, đồng thời tiếp nhận một số đề tài NCKH đã được tổ chức nghiệm thu [H9.09.02.14]. Về tài liệu điện tử, hiện thư viện có 2.119 E-book, 01 Cơ sở dữ liệu Ebrary Academic Complete với 130.000 đầu sách thuộc các chủ đề KH-CN - kỹ thuật - tự nhiên và xã hội [H9.09.02.15]. Về bộ sưu tập số, Thư viện đã xây dựng các bộ sưu tập nội sinh bao gồm 1.921 giáo trình, bài giảng, tóm tắt các luận văn, luận án, đề tài NCKH, ... [H9.09.02.16].

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định công tác học liệu của Học viện tại quyết định số 249/QĐ-HV ngày 30/3/2017 [H9.09.02.17].

Thư viện đã tham gia các tổ chức, liên hiệp trong và ngoài nước để thiết lập các chính sách trao đổi, nhận biếu tặng tài liệu. Học viện là thành viên chính thức của Quỹ Châu Á, thành viên CLB các trường đại học kỹ thuật, Thư viện Học viện đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và NCKH [H9.09.02.18]. Hàng năm, thư viện được nhận tài trợ là các sách ngoại văn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Học viện. Ngoài ra thư viện còn nhận tài trợ từ các cơ quan trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ, các cá nhân [H9.09.02.19].

Học viện quan tâm đến chất lượng phục vụ bạn đọc, định kỳ hàng năm, thư viện tổ chức lấy ý kiến của bạn đọc qua hộp thư góp ý, phiếu điều tra thăm dò ý kiến độc giả về nhu cầu đọc, mức độ đáp ứng về tài liệu, phong cách làm việc của cán bộ thư viện để từ đó nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện [H9.09.02.20].

Hệ thống quản lý thư viện thực hiện bằng phần mềm, nguồn thông tin tư liệu được tổ chức phân loại theo chuẩn quốc tế, việc quản lý lưu hành (mượn, trả tài liệu), hồ sơ độc giả được cập nhật thường xuyên và quản lý bằng mã vạch. Thư viện CSHĐ được đầu tư phần mềm quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và phần mềm mã nguồn mở Dspace để tổ chức quản lý nguồn tài nguyên thông tin tư liệu và đưa vào khai thác sử dụng. TV HVCS sử dụng phần mềm quản trị thư viện Hilib 6.0 để xử lý và quản lý tài liệu. Hiện nay, các cơ sở dữ liệu của thư viện với 8.096 biểu ghi đã được đưa lên mạng Lan và mạng Internet để người học tra cứu và sử dụng tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/tttv/>.

Theo thống kê lượt bạn đọc hàng năm, qua các kênh như phần mềm thư viện điện tử, thông báo của nhà cung cấp CSDL điện tử, sổ nhật ký theo dõi tại thư viện cho thấy số lượng bạn đọc sử dụng thư viện trung bình là 2.481 lượt người/tháng [H9.09.02.20]. Trong giai đoạn 2017-2021 có 148.860 lượt bạn đọc sử dụng thư viện điện tử

Hệ thống thư viện của Học viện từng bước được đầu tư hiện đại, tiếp cận với các tiêu chuẩn nghiệp vụ tiên tiến, phù hợp với lộ trình phát triển chung của hệ thống thư

viện đại học trong nước và khu vực, đồng thời đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và người học.

2. Điểm mạnh

Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và người học.

3. Điểm tồn tại

So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích phòng đọc của thư viện nhỏ, thiếu chỗ ngồi cho sinh viên vào thời điểm trước mỗi kỳ thi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Kế hoạch- Đầu tư nghiên cứu, đề xuất phương án để mở rộng diện tích Thư viện của cả hai cơ sở đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành, Học viện đã đầu tư xây dựng 55 phòng thí nghiệm, thực hành với tổng diện tích là 4.819 m², trong đó Cơ sở Hà Nội có 32 phòng với diện tích là 2.096 m², Cơ sở Thành phố HCM có 33 phòng với 2.723 m². Trong đó có 5 phòng thí nghiệm vật lý, 21 Phòng thực hành điện tử viễn thông, 25 phòng thực hành CNTT và 04 phòng thực hành đa phương tiện [H9.09.03.01]. Ngoài ra, Học viện có các phòng Lab bao gồm: Phòng LAB học máy và ứng dụng, phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán, phòng LAB Hệ thống vô tuyến và ứng dụng, phòng LAB viễn thông, phòng LAB thông tin vô tuyến, phòng LAB Samung, phòng LAB Block Chain, phòng LAB 4G Viettel, phòng LAB Naver, phòng LAB Viễn thông FPT và hệ thống các phòng LAB An toàn thông tin (ATTT) [H9.09.03.02].

Ngoài các phòng thực hành truyền thống, năm 2020, nền tảng thực hành thông minh PTIT-DLab được Học viện triển khai, áp dụng cho các môn học thực hành của CTĐT khối ngành kỹ thuật và hệ thống có thể đáp ứng lưu lượng cho 15.000 SV tham gia thực hành trong cùng thời điểm [H9.09.03.04].

Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị CNTT như máy tính, wifi, máy chiếu, máy in, màn chiếu, thiết bị điện tử, phần mềm mô phỏng, ... phục vụ đào tạo và NCKH, cụ thể:

- Phòng thí nghiệm vật lý được trang bị các thiết bị thí nghiệm vật lý về khảo sát điện trường biến thiên; hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính; hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính; chuyển động của điện tử trong điện từ trường; hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính; ...

- Phòng thực hành An toàn thông tin được trang bị: Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; Hệ thống cáp mạng LAN, Thiết bị Web Application Firewall Fortinet FortiWeb 400C (USA); Thiết bị Firewall Fortinet Fortigate 500D; Phần mềm ảo hóa máy chủ VMware vSphere 6; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL); Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2; Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D; Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security, Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM); Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE.

- Phòng thực hành công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo được trang bị máy tính, các thiết bị nhúng, các phần mềm để giảng viên xây dựng các bài thí nghiệm thực hành đào tạo công nghệ, an toàn thông tin.

Ngoài các trang thiết bị CNTT, các phòng LAB được trang bị đồng bộ về các hệ thống nguồn, PCCC, chiếu sáng, điều hoà, bàn ghế, ... để phục vụ các quy mô từ 20 đến 50 người sử dụng trong cùng thời điểm [H9.09.03.05]:

- Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); McAfee

Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL).

- Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2, Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D, Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE,

- Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security; Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM; Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; ...

Với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành và các phòng Lab được trang bị đủ các trang thiết bị, phần mềm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH của GV, người học các CTĐT tại Học viện, trong đó có ngành QTKD.

Tình trạng của các trang thiết bị phục vụ TNTH như: đang hoạt động/đang sử dụng, đang hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng, ... được ghi nhận, đánh dấu vào biên bản kiểm kê tài sản làm cơ sở cho việc đề nghị thanh lý tài sản, hay lập kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, bổ sung dụng cụ, sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc/hệ thống kỹ thuật, trong biên bản xác định cụ thể nguyên giá, giá trị còn lại của từng trang thiết bị tại Trung tâm TN-TH [H9.09.03.06].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Học viện, Trung tâm TN-TH phối hợp với các Khoa tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng các trang thiết bị, đề xuất các biện pháp cải tạo nâng cấp, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị theo yêu cầu của CTĐT gửi Phòng Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp nhu cầu trang thiết bị toàn Học viện. Căn cứ đề xuất của các đơn vị, Học viện ban hành kế hoạch và giao kinh phí để các đơn vị thực hiện việc bảo trì, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các máy móc, trang thiết bị được giao quản lý sử dụng [H9.09.03.07]. Kinh phí dành cho các hoạt động duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, sửa chữa nhỏ của các phòng TN-TH được trích từ nguồn kinh phí thường xuyên do Học viện phân bổ hàng năm và tổng kinh phí đầu tư cho các trang thiết bị của các phòng TN-TH trong chu kỳ KĐCL là hơn 1,89 tỷ đồng và chi sửa chữa cho các phòng TN-TH là 1,29 tỷ VNĐ.

Để nâng cao chất lượng hướng dẫn TN-TH, năm 2018 Học viện đã bổ sung các phòng LAB An toàn thông tin; năm 2020, dự án tài trợ của Tập đoàn Công nghiệp và

Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng LAB 4G với giá trị trên 5 tỷ đồng [H9.09.03.08]; năm 2021, dự án tài trợ LAB AI của Tập đoàn NAVER trị giá 3 tỷ đồng [H9.09.03.09].

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện luôn quan tâm đến việc huy động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Ngành TT&TT trong việc đầu tư các phòng Lab, các trang thiết bị phục vụ công tác TNTH. Tuy các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hàng năm, nhưng vẫn còn 267 máy tính tại các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm có dung lượng lớn.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các trang thiết bị TN-TH, Học viện thành lập Trung tâm TN-TH tại Cơ sở Hà Đông [H9.09.03.10] và ban hành Quy định quản lý và hướng dẫn TNTH theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 của Giám đốc Học viện [H9.09.03.11]. Trung tâm TN-TH được bố trí 7 cán bộ, có 02 cán bộ là GV giảng dạy thực hành và 5 kỹ thuật viên có chuyên môn được đào tạo phù hợp để quản lý, vận hành các máy móc, thiết bị [H9.09.03.12].

Tại các Phòng TNTH, các máy móc, thiết bị đều được dán mã quản lý; có bảng hướng dẫn sử dụng và các nguyên tắc an toàn, xử lý sự cố trong thực hành, thí nghiệm; sổ sách mượn - trả, theo dõi, ghi nhận hiện trạng cũng như tần suất sử dụng; nhật ký ra vào phòng TN-TH. GV và SV phải tuân thủ các quy định của Trung tâm TN-TH khi vào học tập hay NCKH, đồng thời phải ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng [H9.09.03.13]. Để đánh giá hiệu quả sử dụng, hàng năm Học viện có báo cáo công tác rà soát thực trạng CSVC của Học viện. Qua nhật ký sử dụng phòng TNTH cho thấy các phòng TNTH được khai thác và sử dụng có hiệu quả.

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức khảo sát sinh viên về CSVC phục vụ hoạt động dạy và học, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH trong giai đoạn 2017-2022 cho thấy có 95% ý kiến đánh giá hài lòng về các trang thiết bị, máy móc, nội quy, quy định và trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động của phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ và được cập nhật [H9.09.03.14].

2. Điểm mạnh

Ngành QTKD có đủ các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp, được cập nhật thường xuyên để đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính trong phòng thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không còn đáp ứng tốt việc sử dụng các chương trình phần mềm có dung lượng lớn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Trung tâm TN-TH đề xuất lập kế hoạch bổ sung máy tính chuyên dụng để Học viện đầu tư, nâng cấp thay thế máy tính đã cũ trong các phòng thí nghiệm, thực hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2011, Học viện thành lập Trung tâm tích hợp dữ liệu Datacenter theo Quyết định số 90/QĐ-TTTV ngày 24/02/2011 [H9.09.04.01] để thống nhất quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện. Đồng thời, Học viện thành lập Tổ Ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng Học viện nhằm thống nhất quản lý một có hiệu quả hệ thống CNTT hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ đảm bảo hệ thống mạng của Học viện hoạt động thông suốt [H9.09.04.02]. Hệ thống công nghệ thông tin với hơn 20 máy chủ chuyên dụng, hiện đại cùng mạng nội bộ (LAN), đường truyền Internet tốc độ cao, điểm truy cập wifi và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Học viện tin học hóa hầu hết các hoạt động đào tạo, quản lý và NCKH [H9.09.04.03].

Hệ thống wifi của Học viện phủ sóng tại giảng đường, thư viện, văn phòng các bộ môn... Cán bộ, GV, SV Học viện được cấp tài khoản email theo tên mền (@ptit.edu.vn) và miễn phí khi sử dụng Internet thông qua hệ thống kết nối không dây (wifi), hệ thống mạng nội bộ để truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Học viện, để chia sẻ dữ liệu. SV Học viện được truy cập mạng (wifi) miễn phí tại các Hội trường lớn, khu giảng đường. Một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Học viện ban hành Quy định về hoạt động quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của Học viện [H9.09.04.04] và tổ chức cung cấp các ứng dụng CNTT trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> để cung cấp mọi thông tin cần thiết cho GV và NH về các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu và khả năng liên kết trang web với Khoa QTKD và các đơn vị trực thuộc Học viện.

Để đảm bảo an toàn thông tin người dùng trên hệ thống mạng, Học viện ban hành Quy định khai thác và sử dụng thư điện tử của cán bộ và sinh viên trong Học viện ban hành theo Quyết định số 231/QĐ ngày 12/4/2013 [H9.09.04.05]; Quy định quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin cán bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 652/QĐ-TH ngày 30/9/2014 [H9.09.04.06], cùng với việc triển khai chuyển đổi hệ thống thư điện tử toàn Học viện; Quy định về Nội quy diễn đàn Sinh viên theo Quyết định số 264/QĐ-GV&CTSV ngày 29/4/2010 [H9.09.04.07].

Tổng số máy tính của Học viện là 1.317 máy, trong đó số máy sử dụng cho học tập và nghiên cứu là 840 máy, số máy được dùng cho quản lý là 297 máy [H9.09.04.08], tỷ lệ bình quân tính theo NH hệ đại học chính quy là 0,09 máy tính/NH. Tất cả các máy tính được kết nối mạng tới các đơn vị và hệ thống wifi miễn phí phủ sóng toàn Học viện. Các máy tính được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Học viện sử dụng nhiều kênh thuê riêng có băng thông từ 2 Mbps (quốc tế) đến 30 Mbps (trong nước) để kết nối Internet và đào tạo, hội thảo khoa học, tổ chức các cuộc họp và đào tạo trực tuyến. Phòng Hội thảo của Học viện (03 phòng họp trực tuyến, 02 hội trường họp trực tuyến) đều được trang bị hệ thống CNTT hiện đại, hệ thống máy chiếu, cầu truyền hình đảm bảo tổ chức được các hoạt động khoa học chất lượng.

Học viện triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT vào công tác quản lý các hoạt động đào tạo, đặc biệt là quản lý thống nhất dữ liệu về SV (tuyển sinh, kết quả học tập, thi học, tốt nghiệp, ...), dữ liệu về CTĐT, ĐCCT... đối với tất cả cơ sở đào tạo của Học viện tại phần mềm tuyển sinh, do Phòng Đào tạo quản lý; phần mềm quản lý học phí, do Phòng Tài chính - Kế toán quản lý; phần mềm thi trắc nghiệm; phần mềm quản lý SV Edusoft; phần mềm quản lý truy nhập internet; phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến Trans; phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm quản trị thư viện Libol 6.0; phần mềm tra cứu xác thực phát hiện văn bằng chứng chỉ giả; ... [H9.09.04.09].

Học viện có các phòng Lab an toàn thông tin được trang bị các thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo trực tuyến, thi trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn các ứng dụng CNTT cho GV và NH [H9.09.03.05].

Hệ thống ứng dụng CNTT của Học viện trong những năm qua luôn được duy trì, bảo dưỡng định kỳ, hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, GV, NCV và SV [H9.09.04.10].

Triển khai chuyển đổi số theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ”, Học viện đã nghiên cứu, tham khảo các định hướng, chính sách của quốc gia trong hoạt động chuyển đổi số và xây dựng phương án chuyển đổi số bám theo 3 trục của Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Học viện cũng xây dựng các mục tiêu chuyển đổi số theo 3 trục là Quản trị số - Dịch vụ số - Xã hội số, Sau gần 1 năm từ khi quyết liệt triển khai nhiệm vụ do Bộ trưởng giao, các ứng dụng như nền tảng như PTIT-SLink; Hệ thống thực hành ảo D-Lab; Mô hình lớp học thông minh, Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4, mạng xã hội cựu SV đã được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái ban đầu ở Học viện số [H9.09.04.11]. Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển và SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT-Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu,... trên tất cả các thiết bị di động [H9.09.04.12].

Từ năm 2020, trước tình hình dịch Covid bùng phát, Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến được thực hiện qua phần mềm TranS và hệ thống hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS [H9.09.04.13]. Đồng thời, Học viện triển khai nền tảng thực hành thông minh PTIT-DLab giúp SV có thể thực hành trực tuyến qua mạng [H9.09.04.14]. Do mới đưa vào sử dụng nên trong một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Các phần mềm quản lý, hệ thống mạng, máy tính được nâng cấp, cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Học viện. Trong chu kỳ KĐCL, Học viện dành một khoản ngân sách nhất định đầu tư và bảo trì cho hệ thống CNTT của Học viện với tổng đầu tư trong giai đoạn 2017-2021 là 682 triệu VNĐ [H9.09.04.15].

Thực hiện Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH, định kỳ hàng năm Học viện lấy ý kiến phản hồi của CBGV, SV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT, theo Báo cáo kết quả khảo sát về tiêu chí đánh giá “hệ thống CNTT phù hợp và hiện đại để hỗ trợ các hoạt động học tập và NCKH, có 97,16% ý kiến SV tham gia khảo sát hài lòng và 95% ý kiến CBGV tham gia khảo sát hài lòng [H9.09.04.16].

2. Điểm mạnh

Học viện là trường đại học đầu tiên trong cả nước đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số, đây là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu thông qua ứng dụng phần mềm PTIT-Slink, nhằm tạo ra một cơ sở dữ liệu dùng chung, làm tiền đề phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ CBGV, SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của CBGV và SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng Giáo vụ sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký học phần, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy định của pháp luật: Luật an toàn vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật PCCC (số 27/2001/QH10; số 40/2013/QH13); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014); Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục (Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011); Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp

chuyên nghiệp (Thông tư số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (Công văn số 3946/BGDĐTGDTC ngày 31/8/2018); Quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn (CV số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Quy định về công tác y tế trường học (Thông tư liên tịch Số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Bộ giáo dục và Đào tạo); Hướng dẫn khám sức khỏe (TT số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013) [H9.09.05.01], Học viện đã ban hành các quy định, nội quy thể hiện rõ các yêu cầu, tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người học tại Học viện như: Quy chế làm việc Học viện (QĐ số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015) [H9.09.05.02]; Nội quy lao động (QĐ số 550/QĐ-TCCB ngày 12/8/2009) [H9.09.05.03]; Nội Quy Giảng đường, lớp học (QĐ số 353/QĐ-TTr ngày 07/08/2009) [H9.09.05.04]; Quy định về việc đeo thẻ đối với CB và GV [H9.09.05.05]; Nội quy Ký túc xá [H9.09.05.06]; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng TN-TH (QĐ số 233/QĐ-HV ngày 02/04/2018) [H9.09.05.07]; ... Các quy định, nội quy được tóm tắt thành bảng và treo ở các khu nhà trong khuôn viên Học viện để toàn thể CBGV, NV, SV biết và thực hiện.

Học viện đầu tư sân bãi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, cụ thể có 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá, 02 sân bóng rổ tại các cơ sở đào tạo Hà Nội và Thành phố HCM [H9.09.05.09]. Học viện có căng-tin và hoạt động theo các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đã được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ quan y tế địa phương [H9.09.05.10].

Học viện đã ký các hợp đồng và phụ lục gia hạn hợp đồng về dịch vụ dọn dẹp vệ sinh cơ sở vật chất của Học viện (các Hợp đồng số 08/PTIT-THM ngày 29/4/2016, số 12/PTIT-P&C ngày 12/7/2017 ngày 01/1/2017, số 466/HV-KHĐT ngày 29/6/2017, số 01/PTIT-P&C ngày 02/1/2019, số 03/2020/PLHĐ-PTIT-P&C ngày 21/9/2020, số 02/2020/PLHĐ-PTIT-P&C ngày 27/3/2020) theo đó bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh các khu vực của Học viện [H9.09.05.11]. Cơ sở Học viện tại Tp. HCM có bố trí nhân viên làm nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh khuôn viên hàng ngày.

Học viện đã ký hợp đồng với công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Yên Việt để bảo đảm công tác an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện [H9.09.05.12] (Các hợp đồng số 30062017/PTIT-YV ngày 30/6/2017, số 27122018/PTIT-YV ngày 27/12/2018) và Phụ lục gia hạn hợp đồng (số 01/27122018/PTIT-YV ngày 24/12/2020). Căn cứ theo hợp đồng, công tác bảo vệ an ninh trật tự của Học viện đã được triển khai thực hiện,

lực lượng bảo vệ túc trực ở các địa điểm của Học viện 24//24 để đảm bảo an ninh cho các khu vực của Học viện. Học viện ký hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ khu công nghệ cao Hoà Lạc (HHSSC): hợp đồng số 29103/18/HĐKT/PTIT-HHSSC ngày 29/3/2018; phụ lục gia hạn hợp đồng số 01-29/03/18/HĐKT/PTIT-HHSSC ngày 28/9/2018; phụ lục gia hạn hợp đồng số 01-29/03/18/HĐKT/PTIT-HHSSC ngày 30/12/2018... Cơ sở ở TP. HCM có nhân viên làm nhiệm vụ bảo vệ.

Học viện có lực lượng tự vệ, việc thành lập kiện toàn bộ máy của Trung đội tự vệ được thực hiện thông qua các quyết định kiện toàn nhân sự hàng năm (QĐ số 441/QĐ-QS ngày 04/5/2016, QĐ số 453/QĐ-QS ngày 11/5/2017, QĐ số 152/QĐ-QS ngày 18/3/2019, QĐ số 621/QĐ-HV ngày 22/7/2021) [H9.09.05.13].

Học viện luôn quan tâm đến công tác phòng cháy chữa cháy với việc thành lập Ban chỉ huy PCCC hàng năm theo quy định (QĐ số 582/QĐHCBV/HV ngày 16/8/2013, QĐ số 427/QĐ-HV ngày 05/6/2019), Đội PCCC (QĐ số 584/QĐ-HCBV/HV ngày 16/8/2013, QĐ số QĐ số 428/QĐ-HV ngày 05/6/2019) với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC (QĐ số 430/QĐHV, ngày 05/6/2019), theo văn bản này Học viện đã phân cấp trách nhiệm của Ban chỉ PCCC, trách nhiệm của Đội PCCC, trách nhiệm của Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc cũng như trách nhiệm của CB, GV, SV về công tác PCCC. Học viện đã ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy (QĐ số 463/NQ-PCCC/HV ngày 13/6/2019). Phương án PCCC cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Học viện có hệ thống PCCC được bố trí ở các toà nhà. Đội PCCC được tập huấn theo thông báo của Phòng cảnh sát PCCC địa phương; đã phối hợp với Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội triển khai tập huấn cho CB, GV, NV và SV tại Trường, diễn tập các phương án chữa cháy. Hằng năm, cơ quan PCCC địa phương đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC tại Học viện. Các biên bản về kiểm tra PCCC cho thấy Học viện đã thực hiện đúng quy định về công tác PCCC và Học viện đã thực hiện nghiêm túc công tác PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không có hiện tượng mất an toàn, an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện [H9.09.05.14].

Trong giai đoạn 2020 - 2021 khi dịch bệnh COVID diễn ra, Học viện đã nhanh chóng thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ TT&TT, kịp thời ra các văn bản để phòng chống đại dịch, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị để

cùng bảo vệ sức khỏe của CB, GV, NV và SV. Học viện có nhiều hoạt động phòng chống Covid-19 [H9.09.05.15], ví dụ: Năm 2020 Học viện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới vi rút Corona (nCoV) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (QĐ số 26/QĐ-HV ngày 31/01/2020); đã có Thông báo về việc thực hiện chỉ thị 17/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn Thành phố (số 646/TB-HV ngày 24/7/2021), ...

Khi thiết kế xây dựng khu giảng đường, Học viện đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật trong việc bố trí xếp phòng học ở tầng 1 [H9.09.05.16], đồng thời đã thiết kế lối đi, thang máy dành cho người khuyết tật thuộc dãy nhà A2 [H9.09.05.17]. Học viện quan tâm tới môi trường học tập, làm việc, điều kiện đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật, nhưng chưa thể hiện rõ tiêu chuẩn, quy định qua các văn bản hiện hành.

Học viện đã lấy ý kiến phản hồi từ người học về một số nội dung liên quan đến các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn và lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.18]. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát SV giai đoạn 2017-2021 cho thấy có 69,9% số người được khảo sát trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý cho câu hỏi “Dịch vụ y tế đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của sinh viên” và 79,2% trả lời là đồng ý và hoàn toàn đồng ý cho câu hỏi “Công tác đảm bảo, an ninh trật tự trong trường học được thực hiện tốt”.

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai thực hiện công tác đảm bảo về môi trường, an toàn, sức khỏe cho CBGV và SV trên nhiều phương diện, có kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng CT&CTSV phối hợp với Văn phòng đề xuất các giải pháp quan tâm nhiều hơn nữa đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật và thể hiện rõ trong các văn bản có liên quan.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Các điểm mạnh về tiêu chuẩn này bao gồm: 1) Diện tích khuôn viên và diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của Học viện đáp ứng tốt yêu cầu về tỷ lệ diện tích trên người học. Phòng học cơ sở phía Bắc đều được trang bị điều hoà không khí đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo; 2) Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và người học; 3) Hệ thống phòng Lab chuyên sâu về CNTT được đầu tư tốt, trang thiết bị hiện đại (phòng Lab ATTT, phòng Lab Samsung, Lab NAVER...); 4) Học viện liên tục đầu tư tập trung vào CSVC, hạ tầng cho CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng Lab... được đảm bảo, hoạt động liên tục cho SV trong toàn trường nói chung và SV ngành QTKD nói riêng; 5) Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy ký túc xá; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như: cơ sở vật chất chưa được đầu tư đồng bộ giữa 2 cơ sở tại Hà Nội và TP. HCM; So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích và trang thiết bị của 2 Thư viện đều chưa được đầu tư phù hợp, diện tích phòng đọc còn hạn chế, thiếu chỗ ngồi; nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH; các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện rõ trong các văn bản cụ thể.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí: 4,80 /7. (4 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong GDĐH gắn liền với việc cải tiến các yếu tố bao gồm: Kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của người học; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng đào tạo của Học viện hoặc đơn vị thực hiện CTĐT ngành QTKD. Nâng cao chất lượng đào tạo là việc triển khai các sáng kiến một cách có kế hoạch

nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng. Đây là quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt.

Sự tin tưởng của người học cũng như các bên liên quan khác đối với Học viện được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động này giúp đảm bảo chương trình được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình bao gồm các nội dung sau: Xây dựng các CDR; quy trình thiết kế và phát triển CTĐT; cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá người học; các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ; việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu; cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

Học viện và Khoa QTKD luôn xác định nâng cao chất lượng trong GDĐH là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo. Khoa QTKD luôn cải tiến các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ, năng lực của người học; môi trường và các cơ hội học tập cũng như chất lượng của CTĐT. Đây là một quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt từ các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, tạo sự tin tưởng của người học cũng như các bên liên quan, CTĐT ngành QTKD được thường xuyên định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp. Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình luôn chú trọng đến các vấn đề sau: xây dựng CDR, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá người học, các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu, xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan một cách hiệu quả.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy định về thiết kế CTDH năm 2015, Hướng dẫn về xây dựng chương trình dạy học theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT năm 2016 [H10.10.01.01], [H10.10.01.02] và hướng dẫn của Học viện năm 2017 [H10.10.01.03], Khoa QTKD đã triển khai việc thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH; rà soát, cập nhật định kỳ CTDH cho phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

Để thiết kế CTDH ngành QTKD, Khoa và Học viện đã tổ chức hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan bao gồm:

- Hệ thống chỉ đạo, bao gồm: Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo, giao đơn vị đầu mối là TTKT&ĐBCLGD, các đơn vị phối hợp gồm các Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng QLKHCN&HTQT, Khoa QTKD.

- Hệ thống đảm bảo chất lượng và mạng lưới đảm bảo chất lượng Học viện: Do Giám đốc Học viện thành lập, thành viên bao gồm Lãnh đạo Học viện; lãnh đạo các phòng, khoa, Học viện và các cán bộ làm công tác ĐBCLGD tại các đơn vị [H10.10.01.04].

- Hệ thống văn bản gồm:

- + Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan ban hành theo Quyết định 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.05], với các đối tượng bao gồm SV, cựu SV, CBGV, NV, doanh nghiệp,...

- + Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV năm 2015 [H10.10.01.06].

- + Quy định khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV năm 2018 [H10.10.01.07].

- + Quy định lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV năm 2019 [H10.10.01.08].

- + Hướng dẫn xây dựng CDR, CTĐT...

- + Các văn bản về khảo sát liên quan đến thiết kế phát triển CTDH

- Các văn bản trên đã quy định, phân công rõ vai trò, chức năng của TTKT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV và Khoa QTKD; Có quy định chung việc sử dụng bộ công cụ và hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan; khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng khảo sát (dùng bảng hỏi, khảo sát trực tuyến, phỏng vấn...), thông qua các cuộc họp của Khoa, Bộ môn; hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế/điều chỉnh CTDH từ các bên liên quan qua các văn bản: Xây dựng CDR, rà soát CDR, Rà soát CTDH, Xây dựng CTDH. Cụ thể:

- + TTKT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì, lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên, CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT đối với SV;

+ Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan đến thiết kế phát triển CTDH, CDR, CTĐT, ...;

+ Phòng CT&CTSV lấy ý kiến khảo sát liên quan về việc làm SV đối với cựu SV và doanh nghiệp;

+ Văn phòng Học viện lấy ý kiến khảo sát liên quan về CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT đối với CBGVNV;

+ Khoa phối hợp lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về việc điều chỉnh mục tiêu, CDR CTĐT và xây dựng, phát triển CTDH, ... đối với cựu SV, doanh nghiệp, chuyên gia.

- Hệ thống mẫu phiếu khảo sát bao gồm mẫu ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp sử dụng SV sau khi tốt nghiệp; mẫu ý kiến phản hồi từ giảng viên; mẫu ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên; [H10.10.01.09].

Để thiết kế CTDH ngành QTKD, Khoa QTKD đã tổ chức hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm Cán bộ quản lý, giảng viên, người học và đơn vị sử dụng lao động) thông qua việc thiết kế Mẫu khảo sát lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.10]. Trước khi tiến hành khảo sát, Khoa đã tổ chức hội thảo giữa Lãnh đạo Khoa, các Trưởng bộ môn để góp ý, hiệu chỉnh phiếu khảo sát [H10.10.01.10]. Sau khi hoàn thiện, Khoa tiến hành gửi phiếu khảo sát đến cho các đối tượng liên quan như: Công ty/doanh nghiệp, GV, cựu SV, SV để lấy ý kiến về CTDH và triển khai công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan theo định kỳ, với một quy trình cụ thể kể từ khi dự thảo mục tiêu, yêu cầu của CTĐT, CDR.

Trước năm 2022, Hệ thống thu thập thông tin phản hồi đã có, nhưng còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau, do đó TTKT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm phối hợp các Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, Phòng Giáo vụ, Khoa QTKD để thống nhất có quy định chung việc sử dụng bộ công cụ và hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan... và khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng khảo sát (dùng bảng hỏi, khảo sát trực tuyến, phỏng vấn...) để hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Học viện chưa có văn bản của quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng và NH về CTDH.

Từ năm 2022, việc xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT, CTDH đã được thống nhất, tập trung triển khai theo quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 [H10.10.01.15]. Các hoạt động thiết kế phiếu điều tra, hội thảo chuyên môn, khảo sát

các bên liên quan đối với CTĐT và CTDH... được tiến hành đúng quy trình, đúng đối tượng, đúng nội dung.

Khoa QTKD và Học viện trong quá trình điều chỉnh CTĐT các năm 2017 và năm 2021 đã triển khai thu thập thông tin phản hồi trong quá trình thiết kế/phát triển CTDH, cụ thể: khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QTKD trong vòng 5 năm của Việt Nam [H1.01.01.05]; khảo sát và Báo cáo tổng hợp lấy ý kiến các bên liên quan về Mục tiêu và CĐR của CTĐT, trong đó có phiếu khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng về CTĐT ngành QTKD (Mục tiêu đào tạo, CĐR. Thời gian và Khung CTĐT); Phiếu khảo sát lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học về CTĐT ngành QTKD (Mục tiêu đào tạo, CĐR. Thời gian và Khung CTĐT); Phiếu khảo sát lấy ý kiến Cựu SV về CTĐT ngành QTKD (Mục tiêu đào tạo, CĐR. Thời gian và Khung CTĐT) với khoảng 60 phiếu của hơn 15 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực.

Thông tin phản hồi của các đối tượng khảo sát đã được sử dụng trong đợt hiệu chỉnh năm 2021 bao gồm: Ý kiến của các bên liên quan về Mục tiêu, CĐR, Khung chương trình đào tạo [H10.10.01.10]; ý kiến phản biện của chuyên gia về xây dựng CĐR, CTĐT [H10.10.01.11]; ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần [H10.10.01.12].

Căn cứ thông tin phản hồi, Khoa QTKD tiến hành tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát với việc phân loại, xử lý, phân tích, đánh giá và lập báo cáo tổng hợp các ý kiến của các bên liên quan về CTDH, làm căn cứ để xây dựng, hiệu chỉnh và phát triển CTDH [H10.10.01.13]. Khoa tiến hành họp với các tổ xây dựng CTDH và các giảng viên liên quan để thảo luận, xem xét các nhu cầu thực tế của xã hội, ý kiến phản hồi của GV, NH về CTDH; ý kiến nhà tuyển dụng về các chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa cũng thường xuyên tổ chức Hội thảo hướng nghiệp, liên kết đào tạo với doanh nghiệp, khảo sát nhà tuyển dụng về sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng cử nhân QTKD về kiến thức, kỹ năng, thái độ; đánh giá về sự phù hợp của CĐR để điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.14].

Căn cứ các thông tin phản hồi, Khoa QTKD tiến hành tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát với việc phân loại, xử lý, phân tích, đánh giá và lập bảng đối sánh của các trường tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Thông qua các báo cáo khảo sát, góp phần đảm bảo thu thập được nguồn thông tin, dữ liệu có giá trị, làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động như tăng thêm

kiến thức thực tế, tăng khối kiến thức về QTKD, kinh tế và quản lý; tổ hợp một số học phần, phương pháp giảng dạy các học phần cũng được điều chỉnh theo hướng tăng cường tính chủ động của người học; tăng hình thức trao đổi thảo luận, thay đổi hình thức thi cuối kỳ với một số học phần trong CTDH.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy trình thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều kênh phản hồi khác nhau và là cơ sở quan trọng để khoa sử dụng hiệu chỉnh mục tiêu, CĐR, CTDH của CTĐT ngành QTKD.

Từ năm 2022, Học viện đã ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT. Việc xây dựng, cải tiến và phát triển CTDH cũng sẽ được thực hiện đồng bộ, đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH trong giai đoạn kiểm định chưa được thực hiện đúng định kỳ 2 năm/ lần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH đúng định kỳ 2 năm/ lần

Năm 2022-2025 Khoa QTKD và Phòng CT&CTSV phối hợp thiết lập mạng lưới nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thiết kế và phát triển CTĐT (CTDH) được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT (Thông tư 07 ngày 16/5/2015), trên cơ sở đó, Học viện đã ban hành quy định hướng dẫn qui trình xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT theo chu kỳ sau 2 năm, Hội đồng KH&ĐT Học viện có trách nhiệm đánh giá CTĐT hiện có của Khoa, điều chỉnh bổ sung CTĐT nhằm mở rộng qui mô hoặc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội [H10.10.02.01]. Đồng thời, Học viện có văn bản hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.02]; hướng dẫn về xây dựng đề cương chi tiết học phần [H10.10.02.03]; ban hành quy định về điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.04].

Phòng Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD rà soát, cải tiến quy trình thiết kế CTDH trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT và hai đơn vị thống nhất trình Lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt kế hoạch điều chỉnh CTDH [H10.10.02.05]. Kế hoạch này giúp Khoa thực hiện đúng nội dung và qui định theo các thông tư hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Các quyết định, văn bản hướng dẫn nêu trên đã quy định các bước trong quá trình rà soát, đánh giá và cập nhật CDR CTĐT, CTDH:

Bước 1: Các Khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CDR, CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, Khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CDR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo Ban giám đốc Học viện.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CDR, CTĐT, tổ chức hội thảo nội bộ Khoa, xin ý kiến của Hội đồng KH&ĐT của Khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CDR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CDR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng KH&ĐT Học viện (nếu cần) và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

CTDH ngành QTKD được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội trong khi không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Định kỳ, khi tổ chức xây dựng và phát triển CTDH, Học viện đều tiến hành rà soát, đánh giá và xem xét lại quy trình thực hiện các công việc này. Thông qua ý kiến đóng góp của lãnh đạo các Khoa và các bộ môn của Khoa QTKD, Học viện bổ sung, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với điều kiện thực tế của năm học, nội dung này được cụ thể tại biên bản họp rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của Học viện các năm 2016 và năm 2021 [H10.10.02.06].

Hoạt động rà soát và đánh giá được thực hiện bằng nhiều hình thức như:

- Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Thông tin phản hồi của các đối tượng khảo sát đã được sử dụng trong đợt hiệu chỉnh năm 2021 bao gồm: Ý kiến của các bên liên quan về Mục tiêu, CDR, Khung chương trình đào tạo; ý kiến phản biện của chuyên gia về xây dựng CDR,

CTĐT; ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần.

- Các báo cáo, biên bản thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra,... phản hồi về CTDH và môn học/học phần [H10.10.02.07].

+ Các biên bản đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH: Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát và đánh giá với sự chủ trì của Phòng Đào tạo thông qua việc ban hành văn bản hướng dẫn và các biên bản họp Hội đồng để thẩm định, phê duyệt nội dung CTDH [H10.10.02.08].

Năm 2016, Học viện điều chỉnh chương trình đại học ngành QTKD với việc phân thành 02 chuyên ngành quản trị doanh nghiệp, thương mại điện tử [H10.10.02.09]. CTĐT được bổ sung nhiều môn mới phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là mảng kiến thức về công nghệ. Bên cạnh đó, CTĐT đã cập nhật CĐR mới cho sinh viên đáp ứng kịp thời với tình hình thực tiễn theo hướng dựa trên thực tiễn của doanh nghiệp, liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo. Hơn thế nữa có phân bổ hợp lý nhóm các học phần nhằm trang bị kỹ năng mềm cho SV như: giao tiếp, làm việc nhóm, trình bày báo cáo, tự nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu.

CTĐT và CTDH ngành QTKD đã điều chỉnh 2 lần vào năm 2016 và 2021. Kết quả việc điều chỉnh này là các phiên bản về CTDH [H10.10.02.10]. Mỗi lần điều chỉnh đều dựa trên các quy định, các chương trình chung của Học viện, đó là Chương trình khung GDĐH CQ ngành QTKD [H10.10.02.11], Chương trình khung đào tạo môn tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế cho CTĐT ĐHCQ [H10.10.02.12], Đề cương chi tiết các học phần ngành QTKD năm 2021 [H10.10.02.13], Kế hoạch điều chỉnh, hoàn thiện bài giảng, giáo trình các học phần sau khi chương trình dạy học được phê duyệt [H10.10.02.14]. Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT ĐHCQ ngành QTKD có sự đối chiếu từ các CTĐT chuyên ngành QTKD của các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế [H10.10.02.15]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đều thực hiện theo đúng quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKD được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Học viện. Trong quá trình rà soát CTĐT, Khoa QTKD đã tổ chức các cuộc họp để xem xét, thực hiện việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH và sẽ đề xuất với Học viện trong thời gian tới xem

xét cải tiến để ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH thay cho các văn bản hướng dẫn trước mỗi lần điều chỉnh CTĐT.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT và theo hướng dẫn thống nhất của Học viện. CTDH được cập nhật, điều chỉnh một cách chủ động, tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát của các bên liên quan kéo dài liên miên, nhiều bộ phận tham gia gây chông chéo thông tin, lãng phí nguồn lực.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, TT KT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa thống nhất, tập trung hoạt động khảo sát các bên liên quan do Trung tâm kiểm soát nội bộ hoặc Tổ đảm bảo chất lượng trực thuộc TTKT&ĐBCLGD thực hiện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2017-2021, Học viện đã ban hành 3 bản quy định đào tạo theo tín chỉ và quy định năm 2021 được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH. Học viện đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống quy trình, các văn bản về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH:

- Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01], [H5.05.01.02] và [H5.05.01.03]: Trong đó các nội dung về đánh giá kết quả học tập của NH được quy định như quy định tương tự như quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành năm 2012: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá kết quả học tập; điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

- Quy trình về xây dựng và quản lý kế hoạch giảng dạy - học tập [H10.10.03.01]; Hướng dẫn việc thay đổi giờ giảng [H10.10.03.02].

- Quy định về thi kiểm tra kết thúc học phần [H5.05.01.04], hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của NH với các nội dung gồm các hình thức đánh giá và tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

- Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.05] hướng dẫn đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên.

- Quy trình Tổ chức thực hiện Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.06]: Hàng năm tính đến cuối học kì thứ 8, Khoa căn cứ vào thông báo của Học viện để tổ chức cho sinh viên thực tập tốt nghiệp và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp. Sau đó, căn cứ mức điểm Học viện đưa ra, Khoa tổ chức cho sinh viên làm Đồ án tốt nghiệp. Mức điểm cụ thể căn cứ theo từng năm học trên cơ sở kết luận của Hội đồng xét thi, giao Đồ án tốt nghiệp.

Trong các văn bản trên có quy định rõ ràng về việc đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. Cụ thể:

- Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ được giao cho GV giảng dạy học phần; việc thi kết thúc học phần giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc đánh giá rèn luyện của người học được giao cho CVHT và Phòng CT&CTSV; việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc giám sát quá trình thực hành, thực tập của người học tại các doanh nghiệp được giao cho các Bộ môn thuộc Khoa phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện.

- Việc tổ chức thực tập tốt nghiệp được giao cho Phòng Giáo vụ và Khoa.

- Việc hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN được giao cho các Hội đồng do Giám đốc Học viện thành lập trên cơ sở đề nghị của Khoa, Bộ môn, trong đó việc rà soát, kiểm tra các điều kiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp do Bộ môn đảm nhận.

- Quá trình SV học tập trên giảng đường, GV giảng dạy học phần có trách nhiệm điểm danh SV và ghi chép vào sổ theo dõi học tập, ghi chép các học phần thuộc CTĐT ngành QTKD [H10.10.03.06].

- Các Khoa, Bộ môn thực hiện dự giờ của GV, trong đó quan tâm tới các GV trẻ hoặc GV được phân công giảng dạy học phần mới trong CTĐT, việc này được thực hiện theo Quy định dự giờ của Học viện đã ban hành [H10.10.03.07].

Quá trình dạy - học và tổ chức thi đồng thời được giám sát bởi Tổ Thanh tra pháp chế thuộc Văn phòng Học viện [H10.10.03.08]. Đồng thời, việc đánh giá quá trình giảng dạy và kiểm tra đánh giá còn được thực hiện qua công tác đánh giá phân loại và thi đua khen thưởng hàng năm [H10.10.03.09].

Để đảm bảo tương thích với CĐR, Học viện có quy định về ma trận CĐR CTDH và CĐR học phần [H10.10.03.10].

Để nâng cao chất lượng CTĐT, Học viện và Khoa đã chú trọng triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc rà soát, đánh giá được thực hiện bằng các hình thức đa dạng khác nhau như: tiến hành khảo sát lấy ý kiến định kỳ từ các bên liên quan, thu thập thông tin trực tiếp từ hoạt động thực tế, hay qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề.

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, CTDH có ma trận giữa CĐR với các học phần; Đề cương của học phần có ma trận liên kết giữa CĐR của học phần và nội dung của học phần [H10.10.03.10]. Trong đề cương có các nội dung về phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.03.11].

Vào đầu năm học, Văn phòng Học viện xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, trong đó có kế hoạch thanh tra các kỳ thi được tổ chức trong từng học kỳ, năm học [H10.10.03.12].

Để đánh giá quá trình dạy và học, Khoa/Bộ môn định kỳ mỗi năm 1 lần tổ chức hội thảo, sinh hoạt học thuật tại Bộ môn hoặc thông tin khoa học bàn về đổi mới phương pháp giảng dạy, bàn về quy trình đánh giá kết quả học tập, kết quả đầu ra của SV. Trong mỗi buổi hội thảo đều có sự tham gia của các Phòng/Trung tâm/Viện nghiên cứu của Học viện, cựu SV và đại diện doanh nghiệp. Các kết quả đánh giá của cựu SV, của các doanh nghiệp về SV đầu ra được Khoa tổng hợp, tiếp thu và sử dụng để hiệu chỉnh CTĐT, phương pháp giảng dạy [H10.10.03.13].

Hàng năm, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa thực hiện lấy ý kiến người học, định kỳ (mỗi năm 2 lần) về hoạt động của GV, trong đó đặc biệt chú trọng đến quá trình dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, trong đó 100% các học phần trong

CTĐT ngành QTKD đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được SV đánh giá cao. Kết quả đánh giá trên được Học viện gửi về cho các Bộ môn để xem xét và tiến hành các điều chỉnh khi cần thiết. Ngoài ra, Học viện thực hiện khảo sát các bên liên quan: lấy ý kiến SV năm cuối và cựu SV, ý kiến người sử dụng lao động, ý kiến của GV và quản lý CTĐT; đội ngũ hỗ trợ hoạt động quản lý. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được tích hợp vào Phiếu khảo sát về chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội, các câu hỏi khảo sát tập trung vào nội dung đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV.

Quá trình đánh giá SV được thực hiện trong suốt quá trình học. Theo quy chế đào tạo, GV chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra công tác đánh giá người học bao gồm: điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, coi và chấm thi hết các học phần do Khoa đảm nhận giảng dạy.

Quy trình đảm bảo chất lượng của kiểm tra đánh giá được thực hiện ngay từ đầu vào của mỗi kỳ thi, thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ, CVHT tuyên truyền hướng dẫn, quán triệt SV quy định về học tập, thi cuối khóa và làm báo cáo thực tế, khóa luận (đối với SV năm cuối). Cũng tại buổi sinh hoạt lớp, CVHT lắng nghe các ý kiến phản hồi của SV về công tác dạy và học, công tác kiểm tra đánh giá, trên cơ sở tổng hợp ý kiến SV, Khoa cùng các phòng chức năng thực hiện điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu và thực tế đặt ra [H10.10.03.14]. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát trực tiếp bằng cơ chế cho phép SV có quyền khiếu nại điểm thi kết thúc học phần [H5.05.01.04].

Trong năm học, các bộ môn đã thảo luận đánh giá quá trình dạy và học của từng học phần, yêu cầu SV và GV thực hiện nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, thực hiện chuyên đề của học phần.

Các hoạt động đánh giá quá trình dạy, học khác cũng được tiến hành thường xuyên như chấm điểm thi đua hàng năm đối với GV.

Việc rà soát các phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập của SV còn được tiến hành thông qua một số hoạt động như định kỳ tổ chức gặp mặt SV đầu năm học và sinh hoạt của tổ chức Đoàn Thanh viên Học viện [H10.10.03.15].

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và đề cương học phần theo định kỳ (năm 2016 và năm 2021), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu trúc các học phần,

Khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được sử dụng. Các kết quả làm việc trên được thể hiện trong các biên bản họp Khoa, Bộ môn về CTĐT và phương pháp giảng dạy [H10.10.03.16]; Biên bản họp CVHT và sinh hoạt lớp theo học kỳ [H10.10.03.17]; Tổ chức gặp mặt SV đầu năm học và sinh hoạt của tổ chức Đoàn TNCS HCM Học viện [H10.10.03.18]; Biên bản họp của Khoa, Bộ môn về CTDH và phương pháp giảng dạy/ Bảng thống kê phương pháp dạy học của Khoa QTKD [H10.10.03.19].

Trong việc thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, Học viện có nhiều giải pháp đánh giá chất lượng thi, kiểm tra, nhưng công tác này chưa được triển khai bài bản do Học viện chưa tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp đánh giá, thiết kế đề thi.

2. Điểm mạnh

- Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được Học viện rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT.

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp đánh giá, thiết kế đề thi.

Quá trình dạy và học chưa được rà soát và đánh giá thường xuyên, dẫn đến việc ban hành kế hoạch dự giờ định kỳ chưa đều.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD mời chuyên gia tổ chức tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của Bộ môn và của từng cá nhân; Ban hành kế hoạch dự giờ theo định kỳ 1 lần/kỳ hoặc 1 lần/năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2017-2021, Khoa QTKD đã thực hiện 106 đề tài NCKH cấp

Học viện [H10.10.04.01]; đã công bố 22 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế [H10.10.04.02]; trong đó có 9 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc nhóm ISI/Scopus và đăng 84 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước [H10.10.04.03].

Kết quả nghiên cứu là những kiến thức/kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực QTKD, kinh tế và quản lý, là cơ sở để nâng cao chất lượng dạy và học ngành QTKD. Kết quả nghiên cứu được chuyển tải vào nội dung giảng dạy, vừa nâng cao năng lực NCKH của GV, vừa giúp SV có thêm những bài học, kiến thức chuyên sâu và góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học. Trong số các đề tài NCKH mà GV của Khoa chủ trì thực hiện có 70 đề tài được chuyển thành nội dung trong CTDH [H10.10.04.04], cụ thể được liệt kê trong Bảng 10.3 (*Phụ lục 2*).

Kết quả NCKH của sinh viên và giảng viên được đăng tải tại kỷ yếu các Hội nghị khọc học sinh viên hàng năm và báo cáo kết quả nổi bật về NCKH của GV và SV Khoa QTKD [H10.10.04.03], [H10.10.04.04]. Trong liên tục nhiều năm, Khoa QTKD có các nhóm sinh viên đạt giải cao trong chương trình giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm do Bộ GD&ĐT tổ chức [H10.10.04.05].

Quá trình triển khai hoạt động KHCN tại Học viện, sự kết nối giữa các nhóm nghiên cứu còn hạn chế, do đó chưa có nhiều sản phẩm/ ấn phẩm NCKH được xuất bản trong Hội nghị hoặc tạp chí có thứ hạng cao. Mặt khác, kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở và SV còn rất hạn chế, nên còn rất khó khăn trong việc mua/thuê các tài nguyên phục vụ cho NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH cấp Học viện đều có các kết quả được áp dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như học phần thực tập, thực tế của SV. Đồng thời đóng góp trực tiếp nâng cao trình độ của các giảng viên chủ nhiệm và tham gia đề tài NCKH, cũng như nâng cao kiến thức cập nhật đối với giảng viên và sinh viên. Hơn thế nữa, các kết quả NCKH cũng góp phần đáng kể cho việc nâng cao chất lượng các đồ án khóa luận của SV.

3. Điểm tồn tại

Đề tài NCKH cấp cơ sở và đề tài SV còn hạn chế về kinh phí cho mỗi đề tài. Hầu hết các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học còn khó khăn trong việc mua/thuê các tài nguyên phục vụ cho NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2023, Khoa QTKD nghiên cứu đề xuất với Học viện chính sách đa dạng hóa để huy động kinh phí NCKH từ các doanh nghiệp trong ngành và các quỹ nghiên cứu trong và ngoài nước để hỗ trợ công tác NCKH của GV và NH.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn về việc đánh giá chất lượng giáo dục từ các bên liên quan, bao gồm các nội dung liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác:

Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (QĐ số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H10.10.01.03] và Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện (QĐ số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019) [H10.10.01.06].

Các quy định nêu trên phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện việc khảo sát ý kiến các bên liên quan, cụ thể:

- Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, về chất lượng phục vụ của Học viện;
- Phòng CT&CTSV chịu trách nhiệm khảo sát SVTN sau 3 tháng về chất lượng khóa học và khảo sát SVTN sau 12 tháng về tình hình việc làm; khảo sát các doanh nghiệp về chất lượng SVTN;
- Phòng CTSV cơ sở Học viện tại Thành phố HCM có nhiệm vụ khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ của Học viện; khảo sát SVTN sau 3 tháng về chất lượng đào tạo toàn khóa và SVTN sau 12 tháng về tình hình việc làm; khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng SVTN;
- Văn phòng Học viện (Phòng Tổ chức hành chính ở cơ sở phía Nam) có nhiệm vụ khảo sát GV về môi trường làm việc; Khoa Sau Đại học (Phòng ĐT&KH-CN ở cơ sở phía Nam) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện;
- Phòng Đào tạo khảo sát các bên liên quan về CTĐT;

- Phòng Quản lý KH&HTQT khảo sát các bên liên quan về chất lượng thư viện; Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá;

- Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm khảo sát các bên liên quan về công tác thực hành - thí nghiệm.

Quy định cũng nêu rõ quy trình thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi được thực hiện theo các bước: (1) Xây dựng kế hoạch, hiệu chỉnh mẫu khảo sát, trình lãnh đạo Học viện phê duyệt; (2) Thu thập và xử lý thông tin các bên liên quan (Gửi phiếu khảo sát; thu thập thông tin từ đối tượng khảo sát; xử lý và phân tích số liệu; báo cáo kết quả..); (3) Chuyển báo cáo kết quả khảo sát đến lãnh đạo Học viện; Trung tâm KT&ĐBCLGD và các đơn vị liên quan; (4) Đề xuất, triển khai và phê duyệt các biện pháp cải tiến (Các đơn vị liên quan phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp cải tiến; Ban Giám đốc xem xét, phê duyệt các biện pháp cải tiến và chỉ đạo thực hiện; các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện biện pháp cải tiến và báo cáo kết quả theo yêu cầu của Lãnh đạo Học viện).

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Phòng CT&CTSV, Phòng CTSV, Văn phòng, Khoa và các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, nhân viên và các bên liên quan khác về chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ (Các báo cáo: ngày 28/4/2022; 21/12/2021; ngày 29/12/2020; ngày 27/9/2019; ...). Cụ thể:

- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện của Trung tâm KT&ĐBCLGD các năm từ 2017-2021 [H10.10.05.01]: Thực hiện kế hoạch năm học 2017-2018, Trung tâm KT&ĐBCLGD đã tiến hành lấy ý kiến của 1200 SV về các (i) Mức độ đáp ứng của Thư viện (3 tiêu chí); (ii) Mức độ đáp ứng yêu cầu của thiết bị dạy và học (3 tiêu chí); (iii) Về phương tiện và công cụ tin học; (iv) Về mức hướng dẫn các SV quy chế, quy chế, quy định và quy trình và thời gian giải quyết các công việc liên quan đến người học được quy định rõ ràng; (v) Trạm y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; (vi) Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát cho thấy: 90,67% SV đồng ý “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo”; 93,42% SV hài lòng về “Thái độ phục vụ của CB, NV thư viện”; 92,50% SV hài lòng về “CVC của Thư viện, phòng đọc”; 82,24% SV hài lòng về “Giảng đường, phòng học”; 87,75% SV hài lòng về “Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm”;

90,25% SV hài lòng về “Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên”; 86,50% SV hài lòng về “Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập”; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về “Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định”; 90,25% SV hài lòng về “Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu”; 92,50% SV hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá”.

- Báo cáo kết quả khảo sát CBGVNV về điều kiện môi trường làm việc của Văn phòng và Phòng TCHC-CSHV các năm từ 2017-2021 [H10.10.05.02]. Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính cũng tiến hành khảo sát CBGV về điều kiện môi trường làm việc trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (Các báo cáo: số 266/BC-VP ngày 25/11/2017; số 239/BC-VP ngày 28/11/2018; số 293/BC-VP ngày 05/12/2019; số 286/Bc-VP ngày 10/12/2020...). Ví dụ, năm 2018, Văn phòng đã khảo sát 372 CB, GV (có 320 CBGV phản hồi). Kết quả 81% CB, GV hài lòng về “Hệ thống CNTT (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 84% CBGV hài lòng về “Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 82% CBGV hài lòng về “Thư viện điện tử và các phần mềm quản lý sách, tài liệu, học liệu đáp ứng nhu cầu của người sử dụng”; 78% CBGV hài lòng về “Chất lượng các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 80% CBGV hài lòng về “Các trang thiết bị, máy móc, nội quy, quy định và trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ và được cập nhật”; 76% CBGV hài lòng về “Trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời”.

- Để thu thập được đầy đủ thông tin và có kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ bạn đọc kịp thời, Phòng QLKHCN và HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về chất lượng phục vụ của Thư viện [H10.10.05.03]. (Các báo cáo: số 25/BC-ĐT&KHCN ngày 07/9/2018; số 20/BC-ĐT&KHCN ngày 05/8/2018; số 22/BC-ĐT&KHCN ngày 04/8/2020; số 18/BC-ĐT&KHCN này 09/8/2021).

- Hàng năm, Khoa QTKD tổ chức lấy ý kiến của người học chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện [H10.10.05.04], trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống CNTT, hoạt động tư vấn học tập/việc làm, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đoàn thể. Ví dụ: Kết quả khảo sát SV ngành QTKD về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác năm học khóa SV tốt nghiệp năm 2022 cho thấy: 21,71% SV không hài lòng về “Thư viện đảm bảo đủ số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi”; 30,43% SV không hài lòng về “Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập”; 39,13% SV không hài lòng về “Cơ sở vật chất của học viện (Giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu”; 15,95% SV không hài lòng về “Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV”; 20,29% không hài lòng về “Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu”; Ngoài ra, cuối mỗi năm học, Khoa sẽ tổ chức cuộc họp tổng kết để đánh giá toàn diện các hoạt động của Khoa trong đó có đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.05].

- Các đơn vị hỗ trợ SV như Trung tâm TNTH, Thư viện cũng chủ động tổ chức thiết kế phiếu và tổ chức khảo sát SV về mức độ đáp ứng các dịch vụ TNTH, thư viện [H10.10.05.06], [H10.10.05.07]. Kết quả khảo sát cho thấy có trung bình 94,61% SV hài lòng với các hoạt động của Thư viện, Trung tâm TNTH.

- Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.08]. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các nội dung: có 96,7%; về thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an ninh có 93%; số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, canteen Học viện sạch sẽ có 93,3%; về phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong chương trình đào tạo có 89,7%.

Trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và CBGV, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ như:

- Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến để cung cấp các dịch vụ học tập, nghiên cứu của người học 24/7 [H10.10.05.09]

- Học viện là trường Đại học đầu tiên trong cả nước đi đầu trong công cuộc Chuyển đổi số, PTIT-SLink là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu đối trong Học viện với mục đích phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV/SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, hỗ trợ [H10.10.05.10]. Với quá trình chuyển đổi số của Học viện, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng hoạt động cho đội ngũ cố vấn học tập, do đó hiệu quả hoạt động của đa số các CVHT chưa được đổi mới và nâng cao hiệu quả.

- Thiết lập quan hệ với các đối tác bổ sung thêm các phòng TNTH, phòng Lab phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về CNTT như Phòng Thí nghiệm trí tuệ nhân tạo; Phòng Lab 4G Viettel; Phòng Lab Samsung, có máy tính và phần mềm chuyên dụng được mô tả cụ thể tại Đề án tuyển sinh Học viện năm 2021 [H10.10.05.11]. Học viện đầu tư 2545 triệu đồng mua sắm trang thiết bị mới phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thư viện và đầu tư mua sắm các tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy/học tập [H10.10.05.12], trong đó có việc số hóa các học liệu cung cấp cho thư viện điện tử để SV có thể truy cập sử dụng mọi lúc, mọi nơi; giai đoạn 2017 - 2022, Thư viện Học viện được bổ sung 502 đầu sách/2878 bản, trong đó CTĐT ngành QTKD được bổ sung 15 đầu sách/32bản; Thư viện tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ 8 lên 12 giờ/ngày.

- Phòng CT&CTSV, Khoa QTKD tăng cường kết nối kết nối với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng thông qua hội chợ việc làm, kết nối tuyển sinh và hội thảo với doanh nghiệp [H10.10.05.13].

- Hoạt động của tổ chức đoàn thể và ngoại khoá giúp SV nâng cao kỹ năng mềm và tham gia hoạt động cộng đồng được tổng kết đánh giá hàng năm và có những cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động ... [H10.10.05.14].

Kết quả nghiên cứu các báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Học viện giai đoạn 2017-2022 và của các đơn vị tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho thấy việc đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được triển khai hàng năm.

2. Điểm mạnh

Công tác chuyển đổi số tại Học viện đã đạt được những kết quả nhất định, hỗ trợ có hiệu quả cho Học viện thông qua môi trường mạng.

3. Điểm tồn tại

Với quá trình chuyển đổi số của Học viện, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng hoạt động cho đội ngũ cố vấn học tập, do đó hiệu quả hoạt động của đa số các CVHT chưa được đổi mới và nâng cao hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022-2023, phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa QTKD tổ chức tập huấn cho đội ngũ cố vấn học tập trong môi trường chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan như: Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (QĐ số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H10.10.06.03]; Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV tại Học viện CNBCVT ban hành theo Quyết định số 816/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.04]; Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện CNBCVT ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.05]; Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (QĐ số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015) [H10.10.01.06]; Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện Công nghệ Bru chính viển thông (QĐ số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018) [H10.10.06.07]; Quy định về công tác khảo sát cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Học viện CNBCVT (QĐ số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2018) [H10.10.06.08]; Khảo sát SV năm

cuối về CDR, mục tiêu CTĐT, CTDH, chất lượng và các hoạt động hỗ trợ đào tạo trong thời gian SV học tập tại Học viện của Khoa QTKD [H10.10.01.07]; Khảo sát lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan (DN, chuyên gia, các nhà khoa học, giảng viên, SV tốt nghiệp) về Dự thảo mục tiêu, yêu cầu của CTĐT, CDR, Nội dung chương trình đào tạo, CTDH, vị trí việc làm sau tốt nghiệp [H10.10.01.08].

Các văn bản này quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: (i) TTKT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì khảo sát có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát; thiết kế, hiệu chỉnh nội dung phiếu khảo sát được phân công; quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ gốc liên quan đến nhiệm vụ khảo sát được phân công; lập báo cáo kết quả khảo sát gửi lãnh đạo Học viện (ii) TTKT&ĐBCLGD có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì khảo sát để thiết kế, điều chỉnh, bổ sung định kỳ nội dung các Phiếu khảo sát phù hợp với tình hình hoạt động của Học viện về yêu cầu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan; làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp các kết quả khảo sát tại các đơn vị để báo cáo Ban Giám đốc Học viện; (iii) Trưởng đơn vị thuộc Học viện có trách nhiệm nhắc nhở cán bộ, viên chức thuộc đơn vị tham gia khảo sát đầy đủ và nghiêm túc theo thông báo của Học viện; lập kế hoạch cải tiến các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao qua kết quả, số liệu khảo sát có tỷ lệ hài lòng thấp.

Các văn bản trên cũng quy định các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: (i) Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì, lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng thực hành/thí nghiệm; (ii) Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan để thiết kế phát triển CTDH, CDR, CTĐT, ... Phòng Chính trị và Công tác SV (Phòng CTSV) lấy ý kiến khảo sát cựu SV, nhà tuyển dụng về việc làm SV; (iii) Văn phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính) lấy ý CB, GV về điều kiện CSVC, môi trường làm việc; (iv) Khoa Sau ĐH (Phòng ĐT&KHCCN) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện; (v) Phòng Đào tạo khảo sát các bên liên quan khi điều chỉnh mục tiêu, CDR CTĐT và xây dựng, phát triển CTDH; (vi) Phòng QLKHCCN&HTQT khảo sát các bên liên quan về chất lượng phục vụ của Thư viện; Trung tâm khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá; (vii) Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng phòng thí nghiệm - thực hành.

Hàng năm, Học viện đã tiến hành các hoạt động khảo sát để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan: (i) Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ [H10.10.03.05]; (ii) Khảo sát SV, HV về chất lượng phục vụ của Học viện [H10.10.06.06]; (iii) Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chất lượng khóa học [H10.10.05.04]; (iv) Khảo sát SVTN về tình hình việc làm và chất lượng khóa học [H8.08.04.26]; (v) Khảo sát CB, GV về môi trường làm việc [H7.07.01.05]; (vi) Khảo sát doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động sinh viên tốt nghiệp [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]; (vii) Khảo sát các bên liên quan khi rà soát thiết kế CTĐT [H10.10.06.03]; (viii) Các khảo sát khác (Khảo sát các bên liên quan trong công tác xây dựng, bổ sung, hiệu chỉnh CTDH [H10.10.06.04]; về chất lượng Thư viện [H10.10.05.07]; Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ tại Văn phòng giao dịch một cửa 3 năm (2017, 2019 và 2021) [H10.10.05.08]; công tác phục vụ tại KTX) do các đơn vị thực hiện theo yêu cầu công việc của các đơn vị, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ của đơn vị mình (Phòng Đào tạo, Phòng QLKHCN&HTQT ; Trung tâm dịch vụ...).

Hệ thống mẫu phiếu khảo sát của từng khảo sát được thiết kế theo mục tiêu của từng loại khảo sát và được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng [H10.10.06.05]. Tùy từng trường hợp cụ thể, Học viện đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Việc thu thập ý kiến phản hồi có thể thực hiện bằng các phương pháp khác nhau: phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại; tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi, đối thoại; thông qua các cuộc họp của bộ môn, tổng kết hàng năm của Khoa và Học viện ...

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo quy trình 4 bước: (i) Lập kế hoạch trình lãnh đạo Học viện phê duyệt; (ii) Phổ biến, tổ chức triển khai khảo sát theo kế hoạch; (iii) Tổng hợp, xử lý số liệu, gửi báo cáo Lãnh đạo Học viện và các bên liên quan theo yêu cầu của Giám đốc Học viện; (iv) Các đơn vị/cá nhân có liên quan triển khai hoạt động cải tiến chất lượng [H10.10.01.03].

Năm 2017, các khảo sát của Học viện chủ yếu dừng lại ở tờ trình xin chủ trương và tổ chức khảo sát, mà chưa có quy định để thống nhất thực hiện. Năm 2018, Học viện, đã cải tiến các nội dung, tiêu chí, mẫu phiếu khảo sát SV tốt nghiệp và ban hành quy định khảo sát SV tốt nghiệp [H10.10.06.07]. Năm 2021, Học viện ban hành quy

định về khảo sát các bên liên quan để thống nhất thực hiện trong toàn Học viện [H10.10.01.03]. Phương pháp khảo sát chuyển dần từ khảo sát trực tiếp (phát phiếu) sang hình thức khảo sát trực tuyến qua hệ thống webstie các đơn vị và phần mềm khảo sát PtitS'link [H10.10.05.10]. Đồng thời, chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát cũng được điều chỉnh phù hợp với cơ cấu tổ chức của Học viện. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện đã phân công cho văn phòng tổ chức khảo sát các điều kiện về CSVC, đồng thời, khuyến khích các đơn vị chủ động đề xuất và tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Học viện đang thực hiện một số giải pháp cải tiến có hiệu quả như: Điều chỉnh CTĐT để nâng cao chất lượng giảng dạy; tăng cường cơ sở vật chất cho công tác đào tạo, cải tạo giảng đường lớp học, hệ thống CNTT...; bổ sung giáo trình, tài liệu cho Thư viện điện tử trên cơ sở số hóa các học liệu của thư viện.

Đối với Khoa QTKD, sau khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát từ các đơn vị chủ trì khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát chuyên sâu do Khoa thực hiện, Khoa đã tiến hành họp với các bộ môn/ giảng viên liên quan phân tích nguyên nhân, dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá sự hài lòng thấp, từ đó xây dựng kế hoạch để khắc phục, cải tiến chất lượng [H10.10.06.02]: Bổ sung thêm đối tượng Nhà tuyển dụng, cựu SV vào đối tượng lấy ý kiến khảo sát; bổ sung hình thức lấy ý kiến phản hồi trực tuyến trên nhiều kênh: email, mạng xã hội, S-Link; bổ sung thêm các câu hỏi về cơ sở vật chất, hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV, kỹ năng mềm trong phiếu khảo sát [H3.03.01.01-03].

Trong việc khảo sát các bên liên quan, việc khảo sát cựu SV vẫn còn hạn chế do dữ liệu về mạng lưới cựu SV đang được triển khai và hoạt động thu thập thông tin phản hồi do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Qui định/Quy trình công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và hàng năm Học viện chủ động bố trí kinh phí cho hoạt động khảo sát.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng CT&CTSV và các khoa xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào một đầu mối để điều hành và tổ chức chung.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan trong các lần rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT, xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan; các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐ; các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ người học thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT học phần; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dạy học; kết quả nghiên cứu 70 đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các học phần của CTDH ngành QTKD trình độ đại học.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành QTKD, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài Học viện (Nhà sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia, ...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế; việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đều đặn hàng năm cả ở cấp Học viện và cấp Khoa; việc rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan thực hiện chưa bài bản.

Mặc dù có nhiều bên tham gia khảo sát, nhưng trong nhiều trường hợp chất lượng khảo sát có thể chưa tốt. Chẳng hạn, trong quá trình đưa ra các ý kiến phản hồi, vẫn còn một số lượng nhỏ các SV chưa thật sự nghiêm túc hoặc các ý kiến còn mang tính cá nhân, cảm tính và chưa khách quan. Quá trình lấy ý kiến khảo sát SV, GV còn thiếu đồng bộ giữa Văn phòng Học viện, Thư viện, Trung tâm TN-TH và

TTKT&ĐBCLGD do các đơn vị thực hiện theo kế hoạch riêng, chưa thống nhất. Các quy trình thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa được tổng hợp đầy đủ trong hệ thống tài liệu quản lý chất lượng của Học viện.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí: 4,83/7 (5 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Khi đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng, Học viện không chỉ đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo, mà còn cần đánh giá chất lượng đầu ra và người học tốt nghiệp. Để đánh giá chất lượng người học tốt nghiệp, cần thiết phải giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Nghiên cứu khoa học cũng là một chuẩn đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo và các thể loại nghiên cứu khoa học của người học phải đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Kết quả đầu ra của CTĐT nhằm phản ánh chất lượng người học. Kết quả CDR của ngành QTKD được xác lập qua tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Với chất lượng đầu vào tương đối cao và quá trình đào tạo chất lượng đào tạo của ngành QTKD, Học viện đảm bảo CDR. Các tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan được đối sánh với các CTĐT khối ngành khác trong Học viện và một số trường khác để có những biện pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của người học.

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra, Học viện cần phân tích sự hài lòng của các bên liên quan và thiết lập một hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của các bên liên quan. Các thông tin thu thập cần được phân tích và đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến CTĐT thông qua hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Học viện.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Điều 2, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.01.01], Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đối với SV hệ đại học chính quy theo Bản mô tả công việc các vị trí công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng Giáo vụ [H11.11.01.02].

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012; số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018; số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021)) [H5.05.01.01-03], trong đó quy định về việc đăng ký học phần, hủy/rút đăng ký học phần (Điều 12, 13), đăng ký lại, học cải thiện điểm (Điều 14), nghỉ học tạm thời (Điều 15), cảnh báo kết quả học tập (Điều 33), buộc thôi học (Điều 32). Ngoài ra, Học viện còn ban hành Quy trình quản lý và cập nhật CSDL SV (Số 01/GV ngày 02/01/2015) [H11.11.01.03], đồng thời, dữ liệu SV ngừng học, thôi học, tốt nghiệp được xử lý trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo và được phân quyền theo nhiệm vụ của các đơn vị/ cá nhân để có thể theo dõi và lập danh sách SV thôi học, tốt nghiệp theo học kỳ, năm học [H11.11.01.04].

Khi SV trúng tuyển đến nhập học, Phòng Giáo vụ lập và cung cấp cho mỗi SV một tài khoản cá nhân, sau khi đã hoàn thành đầy đủ cơ sở dữ liệu, để đăng nhập vào vào phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi thông tin học tập; lịch trình thời khóa biểu học tập, học phí các kỳ học [H11.11.01.05]. Đồng thời đây cũng là cơ sở để Học viện xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của SV ngành QTKD và kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp SV theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng mốc thời gian cụ thể. Danh sách SV thôi học được cập nhật theo năm học và được lưu tại Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.07].

Hàng năm, Học viện tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.08].

Học viện thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống CVHT, trợ lý Khoa và cán bộ Phòng Đào tạo, Giáo vụ. Theo kết quả thống kê của các khóa học: khóa 2013-2017, khóa 2014-2018, khóa 2015-2019,

khóa 2016-2020, khóa 2017-2021. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Bảng 11.1 và Bảng 11.2 (*Phụ lục 2*).

Số liệu ở Bảng 11.1 cho thấy: Tỷ lệ SV ngành QTKD thôi học các khóa dao động từ 1%-3,5% và số liệu thống kê ở Bảng 11.2 tỉ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào của Học viện giữ mức ổn định từ 91% đến 98% và tỷ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp đúng hạn dao động từ 82%-85% và có xu hướng tăng.

Theo báo cáo tổng kết năm học của Học viện cho thấy số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do SV thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu CĐR về ngoại ngữ. Hàng năm, tỷ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ.

Phòng Giáo vụ đã thống kê nguyên nhân nghỉ học. Thông qua số liệu thống kê cho thấy, các nguyên nhân thôi học bao gồm: (i) SV thôi học vì lý do cá nhân (Đi du học, thi lại vào trường khác, do sức khỏe, điều kiện kinh tế.); (ii) Bị buộc thôi học do kết quả học tập [H11.11.01.09].

Để giảm tỷ lệ thôi học của SV, Học viện đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng SV và liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp SV cải thiện kết quả học tập, rèn luyện [H11.11.01.10].

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2017-2022 của ngành QTKD với các CTĐT khác của Học viện được trình bày ở các Bảng 11.3 (*Phụ lục 2*). Kết quả đối sánh cho thấy: Tỷ lệ thôi học của SV ngành QTKD các khóa dao động từ 9% - 11%, cao hơn khối ngành kỹ thuật và tương đương với các ngành kinh tế.

Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành QTKD với cùng ngành QTKD của các trường đại học khác được trình bày ở Bảng 11.4 (*Phụ lục 2*).

Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Khoa QTKD và CVHT, Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện các biện pháp hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể: (i) Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho người học [H8.08.04.14] (ii) Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt [H8.08.04.15-18]; (iii) Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp người học xác định đúng đắn động

cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H4.04.01.08]; (iv) CVHT hỗ trợ SV về phương pháp học tập, giúp SV trong việc lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý...) [H4.04.02.12].

Học viện là trường tiên phong trong việc triển khai chuyển đổi số, với việc triển khai các ứng dụng CNTT: Mỗi SV đều được cấp tài khoản phần mềm Quản lý đào tạo, trên các ứng dụng của Học viện dễ dàng theo dõi các thông báo từ Học viện/Khoa QTKD /phòng Giáo vụ để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập.

2. Điểm mạnh

Danh sách SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Học viện, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học/gián đoạn học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Phòng Giáo vụ phối hợp với Bộ môn Ngoại ngữ, Khoa Cơ bản nghiên cứu triển khai thực giải pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có SV tốt nghiệp sớm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2012 - 2013, Học viện đã chính thức thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ của Học viện. Theo Mục 2, Chương trình giáo dục đại học ngành QTKD năm 2016 (QĐ số 457/QĐ-HV ngày 12/05/2016) [H1.01.01.01] và Chương trình khung giáo dục đại học ngành QTKD năm 2021 (QĐ số 222/QĐ-HV ngày 24/02/2022) [H1.01.01.03], CTĐT ngành QTKD trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện có thời gian học chuẩn là 4 năm và tối đa là 8 năm. CTĐT ngành QTKD có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng và nguyện vọng tốt nghiệp sớm trước thời hạn, tuy nhiên việc triển khai chưa

được thực hiện. Kể từ năm 2014, Học viện áp dụng CĐR tiếng Anh cho SV khoá 2014 [H11.11.02.01].

Theo Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo QĐ số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.01.01], Phòng Giáo vụ phối hợp cùng Phòng Đào tạo có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD được trình bày Bảng 11.5 (*Phụ lục 2*). Số liệu đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD là 4,13 năm, so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế CTĐT [H1.01.01.03]. Kết quả đối sánh cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD của Học viện thấp hơn so với các ngành kinh tế khác..

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD các khóa dao động từ 4,0 - 4,21 năm và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD ở cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng dài hơn cơ sở tại Hà Nội. Trên cơ sở thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD, Học viện tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các ngành khối Kinh tế trong Học viện và với ngành QTKD các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.6 và 11.7 (*Phụ lục 2*).

Trên cơ sở các số liệu theo dõi thống kê về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, khi SV bị chậm tiến độ, nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học, Phòng Giáo vụ có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV: các môn nợ SV nợ theo CTĐT; các nguyên nhân khác: chuẩn đầu ra, chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ học phí để thông báo kịp thời cho SV [H11.11.01.09].

Hàng năm, Học viện tổ chức họp giữa các đơn vị để phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp để từ đó đánh giá, đề xuất biện pháp hỗ trợ người học giảm thời gian học tập [H11.11.02.02]. Năm 2022, Học viện đã tổ chức hội nghị đánh giá chất lượng đào tạo các khóa nhập học từ năm 2012 đến năm 2017. Nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn chủ yếu là: SV còn chưa trả nợ xong các môn học; nợ học phí, nợ chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ CĐR tiếng Anh (theo báo cáo của Phòng Giáo vụ tỷ lệ nợ Tiếng Anh của SV Học viện 29,2% (Cơ sở Hà Nội là 36,8%, Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh là 14,7%), trong đó ngành QTKD là 8,3% (Cơ sở Hà Nội là 3,1%, Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh là 5,2%).

Để giúp SV rút ngắn thời gian học tập, Học viện đã triển khai các biện pháp:

- Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Học viện và nhu cầu của SV mà Học viện tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ 3), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV (Các kế hoạch: số 203/KH-HV ngày 11/4/2018; số 209/KH-HV ngày 08/4/2019; 337/KH-HV ngày 20/05/2020; số 285/KH-HV ngày 22/4/2021...); [H11.11.02.03]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu khắp SV các khoa, các ngành đào tạo trong Học viện.

- Mỗi năm học, Học viện tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1: tháng 12); kì 2: tháng 8 hàng năm và 02 kỳ tốt nghiệp phụ [H11.11.02.04]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của SV, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT.

- Trong các buổi lễ tổng kết các khóa đào tạo và phát bằng tốt nghiệp SV các khóa [H11.11.02.05], Phòng Giáo vụ tiến hành thống kê, phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học ngành QTKD. Báo cáo đã phân tích, đánh giá tỷ lệ SVTN, tốt nghiệp đúng kế hoạch, thảo luận, phân tích nguyên nhân sinh viên chậm tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học và các kiến nghị, đề xuất.

- Trong các hội nghị tổ chức hàng năm, thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm của Học viện, Đoàn Thanh niên, các GVCN, CVHT tham gia sinh hoạt Đoàn Thanh niên đã có các ý kiến tham luận, đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.06]. Đồng thời, Báo cáo tại Hội nghị CBVC và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD hàng năm, các GV cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập [H11.11.02.07].

- Học viện phối hợp với Công ty IIG tổ chức các CTĐT tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế cho SV CTĐT ngành QTKD để hỗ trợ chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.08].

- Thông qua hồ sơ đại hội lớp - chi đoàn; báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động Đoàn Thanh niên theo năm học, các ý kiến tham luận, các CVHT, GVCN đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong học tập và NCKH [H11.11.02.09].

Mặc dù Học viện có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CDR.

2. Điểm mạnh

Học viện và khoa QTKD có quy định rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, kịp thời để đáp ứng nhu cầu tốt nghiệp của SV.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa QTKD vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2023-2024, Khoa QTKD chỉ đạo đội ngũ CVHT tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp muộn và có được SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng CT&CTSV (QĐ số 622/QĐ-HV ngày 08/08/2018) [H11.11.03.01] và Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng CTSV thuộc cơ sở đào tạo Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh (QĐ số 326/QĐ-HV ngày 31/3/2016) [H11.11.03.02], Phòng CT&CTSV có chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện khảo sát tình trạng việc làm SV Học viện sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo của Học viện.

Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện (QĐ số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018) [H10.10.06.03] đã quy định cụ thể về Quy trình, biểu mẫu khảo sát; đối tượng khảo sát; phương pháp khảo sát và các tiêu chí khảo sát. Theo đó, quy trình khảo sát việc làm của cựu SV gồm các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch khảo sát; (ii) Trình Giám đốc phê duyệt; (iii) Thực hiện khảo sát; (iv) Xử lý, thống kê số liệu; (v) Viết báo cáo; (vi) Trình BGH phê duyệt; (vii) Công bố kết quả khảo sát; (viii) Các đơn vị lập kế hoạch cải tiến; (ix) Lưu hồ sơ. Đối tượng khảo sát là SV hệ đại học chính quy đã tốt nghiệp tại Học viện; phương pháp khảo sát bằng hai phương pháp: Khảo sát trực tiếp bằng Phiếu khảo sát và gián tiếp qua mã QR CODE.

Theo Mẫu phiếu khảo sát SVTN của Học viện; các tiêu chí khảo sát: tình trạng việc làm, mức thu nhập, lĩnh vực công tác, loại hình làm việc của SV sau khi tốt nghiệp ra trường, vấn đề SV ra trường làm “đúng nghề” (liên quan tới ngành được đào tạo) hoặc “trái nghề” (những công việc ít hoặc không liên quan tới kiến thức được ĐT), thu nhập bình quân/ tháng của SV tốt nghiệp, Mức độ ứng dụng kiến thức được đào tạo vào công việc,... [H11.11.03.03].

Từ năm 2017, Phòng CT&CTSV định kỳ 2 lần trong một năm, tổ chức khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Lễ phát bằng định kỳ vào khoảng tháng 4 và tháng 11 hàng năm với các hình thức: Khảo sát trực tiếp bằng Phiếu khảo sát và khảo sát trực tuyến qua mã QR CODE về các nội dung: tình trạng việc làm, mức thu nhập, lĩnh vực công tác, loại hình làm việc của SV sau khi tốt nghiệp ra trường, vấn đề SV ra trường làm “đúng ngành” hoặc “trái ngành”, thu nhập bình quân/tháng của SV tốt nghiệp, mức độ ứng dụng kiến thức được đào tạo vào công việc. Đối với những SV không dự lễ phát bằng mà nhận bằng trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Học viện cũng tổ chức phát phiếu khảo sát khi SV tốt nghiệp đến nhận bằng để đảm bảo SV cung cấp dữ liệu về tình trạng việc làm khi đến nhận bằng. Qua đó nắm bắt được tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường từ 6 đến 12 tháng, đặc biệt lưu ý đến các thông tin về sự phù hợp công việc với CTĐT, những kỹ năng còn thiếu cần bổ sung trong quá trình làm việc, những góp ý liên quan đến chương trình đào tạo ngành QTKD và các ngành khác tổ chức đào tạo tại Học viện [H11.11.03.04]. Báo cáo kết quả khảo sát SVTN tại Học viện trong các năm từ 2017-2021 của Phòng CT&CTSV cho thấy: tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát dao động từ 90% - 93% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ SV ngành QTKD có việc làm 89% - 95% (Các báo cáo: số 1051/HV-CTSV ngày 22/12/2016; số 1051/HV-CTSV ngày 29/12/2017; số 1015/HV-CTSV ngày 28/12/2018; số 968/HV-CTSV ngày 31/12/2019; số 1051/HV-CTSV ngày 31/12/2020; 1226/HV-CTSV ngày 31/12/2021).

Định kỳ vào cuối tháng 12 hàng năm, Học viện đã tổng hợp báo cáo khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp từ các số liệu khảo sát được thực hiện trong năm và gửi cho Bộ GD&ĐT [H11.11.03.05] và công khai danh sách việc làm SV sau tốt nghiệp trên Website của Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/bao-caotinh->

hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2020-cua-hoc-vien-cong-nghe-buuchinh-vien-thong/.

Các số liệu thống kê khảo sát được tổng hợp, lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp [H11.11.03.06] và có thể xuất file dữ liệu dưới định dạng excel thành Danh sách SV tốt nghiệp tại Học viện có việc làm giai đoạn 2017 - 2021 khi thực hiện các báo cáo theo yêu cầu [H11.11.03.07]. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành QTKD được trình bày ở Bảng 11.8, (*Phụ lục 2*) Tỷ lệ thu nhập bình quân của SV ngành QTKD tốt nghiệp giai đoạn 2017-2022 tại Học viện được thể hiện ở Bảng 11.9, (*Phụ lục 2*)

Học viện đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm giữa ngành QTKD trình độ đại học với tỷ lệ SV có việc làm các CTĐT trình độ đại học khác tại Học viện, cụ thể tại Bảng 11.10, *Phụ lục 02*. Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ SV có việc làm ngành QTKD luôn tương đương với các CTĐT thuộc khối ngành kinh tế và thấp hơn khối ngành kỹ thuật trong Học viện.

Học viện cũng tiến hành đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành QTKD với cùng ngành đào tạo của các trường đại học khác như Đại học Công đoàn, Đại học Thương mại, Đại học Giao thông, Đại học Lâm nghiệp, Đại học An Giang và Đại học Cần Thơ), cụ thể tại Bảng 11.11, *Phụ lục 2*. Kết quả đối sánh cho thấy: Tỷ lệ SV ngành QTKD có việc làm của Học viện khá cao so với SV ngành QTKD tốt nghiệp có việc làm của các trường khác.

Để hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm, hàng năm, Học viện và khoa QTKD tổ chức các hội nghị, hội thảo với các doanh nghiệp ngành QTKD có tiếp nhận SV tốt nghiệp để thảo luận về tình hình việc làm của SV ngành QTKD [H11.11.03.08].

Học viện triển khai công tác tư vấn hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các ngày hội việc làm, chương trình thực tập sinh, hội thảo tuyển dụng [H11.11.03.09]. Ví dụ, Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động được tổ chức ngày 18 tháng 11 năm 2020 với sự tham gia của đại diện của 21 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh phía Bắc (Biên bản ngày 18/11/2020). Tại hội nghị nhiều nội dung được các đưa ra thảo luận phân tích nguyên nhân, biện pháp để hỗ trợ hiệu quả SV trong tìm kiếm việc làm: Bổ sung cho SVTN các kỹ năng mềm (viết email, làm việc theo deadline, giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh,..); hỗ trợ SV trong bồi dưỡng kỹ năng mềm; hỗ trợ nâng cấp phòng học; phối hợp tham gia giảng dạy.

Học viện và Khoa QTKD thực hiện các giải pháp hỗ trợ SV tìm việc làm [H11.11.03.10]: (i) Tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc; (ii) Tổ chức mời đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên; (iii) Định kỳ hàng năm tổ chức “Chương trình hội thảo tuyển dụng” với sự tham gia của các doanh nghiệp (Các Tờ trình: số 20/TTr-CT&CTSV ngày 23/3/2017; số 63A/TTr-CT&CTSV ngày 24/4/2017; số 111/TTr-CT&CTSV ngày 24/9/2018; số 124/TTr-CT&CT ngày 10/10/2018; số 27/TTr-CT&CTSV ngày 05/3/2018; số 32/TTr-CT&CTSV ngày 12/3/2018; số 06/TTr-CT&CTSV ngày 15/01/2018; số 45/TTr-CT&CTSV ngày 30/3/2018; số 101/TTr-CTSV ngày 08/10/2019; số 85/TTr-CT&CTSV ngày 22/8/2019; số 46/TTr-CT&CTSV ngày 12/10/2020; số 42/TTr-CT&CTSV ngày 25/4/2022; số 51/TTr-CT&CTSV ngày 27/9/2021); (iv) Hợp tác với doanh nghiệp tiếp nhận SV đến thực tập cuối khóa (Biên bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ CMC; Công ty TNHH HINORI TECHNO; ...). Thông qua các hoạt động này, Phòng CT&CTSV và khoa QTKD thường xuyên trao đổi với các doanh nghiệp nhằm nắm bắt thông tin về chất lượng đào tạo của Học viện, đánh giá năng lực, phẩm chất của SV tốt nghiệp của Học viện từ đó tiếp thu và có biện pháp cải tiến, khắc phục các bất cập nếu có nhằm mục tiêu nâng cao tỷ lệ SV có việc làm và có năng lực, kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc của doanh nghiệp. Tuy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành QTKD khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

2. Điểm mạnh

Công tác khảo sát, báo cáo, phân tích về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp đã được thực hiện thường xuyên và có hệ thống CNTT hỗ trợ đảm bảo số liệu khách quan, trung thực và khoa học. Tỷ lệ có việc làm cao và tăng dần hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa và Đoàn Thanh niên Học viện tiếp tục nghiên cứu đưa thêm các giải pháp mới phù hợp với sự

phát triển của thị trường lao động để hỗ trợ SVTN tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành nghề đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học của SV là hoạt động trí tuệ giúp SV: (i) Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; (ii) Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; (iii) Góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường; (iv) vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học một cách tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra.

Loại hình hoạt động NCKH của SV được quy định tại Điều 4 của Quy định về hoạt động NCKH của SV (QĐ số 630/QĐ-HV ngày 21/8/2008; số 521/QĐ-HV ngày 17/7/2020) [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Theo đó, hàng năm người học thực hiện các loại hình NCKH: (i) Tham gia thực hiện đề tài NCKH dành cho SV; (ii) Tham gia các hội thảo khoa học dành cho SV ở các cấp; (iii) Công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học; (iv) Tham gia các cuộc thi về KHCN; (v) Tham gia nhóm nghiên cứu do GV làm chủ nhiệm; (vi) Tham dự các buổi báo cáo seminar được tổ chức ở các cấp Học viện (Bộ môn, khoa, Học viện).

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã quy định trình tự thủ tục, quy trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của SV. Việc triển khai NCKH thực hiện theo Quy trình gồm các bước: (i) Khoa thông báo cho GV và SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH; (ii) Đề xuất đề tài, xác định danh mục đề tài; (iii) Hội đồng khoa học của Khoa sẽ duyệt danh mục đề tài, đề xuất kinh phí, phân công GV hướng dẫn; (iv) Khoa đăng ký kế hoạch với Học viện; (v) Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối tổng hợp, trình Lãnh đạo Học viện; (vi) Lãnh đạo Học viện phê duyệt kế hoạch thực hiện đề tài NCKH của SV từng đơn vị. SV tham gia các hoạt động KHCN dưới sự định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn của GV, điều này được quy định cụ thể trong quy định của Học viện.

Căn cứ Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV trong các cơ sở giáo dục [H11.11.04.03] và để định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, NH, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 [H11.11.04.04]. Sau khi thành lập Hội đồng Học viện, Hội đồng đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, trong đó xác định cụ thể các hoạt động KHCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV và NH tại Học viện phải thực hiện [H1.01.01.08].

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý các hoạt động NCKH của NH, cụ thể: Khoa được giao nhiệm vụ tổ chức cho SV của Khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện và nội dung này được quy định cụ thể tại Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa QTKD [H11.11.04.05] và Phòng QLKHCN&HTQT là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, các hoạt động NCKH của người học, có nhiệm vụ xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với NH trong toàn Học viện [H11.11.04.06].

Phòng QLKHCN&HTQT, Khoa và GV hướng dẫn có trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động nghiên cứu của SV, nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý đề tài KHCN được Học viện ban hành năm 2020 [H11.11.04.07]. Theo đó việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định, thể hiện tại Hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm được lưu tại Phòng QLKHCN & HTQT. Sau khi được giao nhiệm vụ nghiên cứu, chủ trì đề tài và GV hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài theo quy trình: xây dựng và bảo vệ đề cương; sau khi đề cương được thông qua, GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài; sau đó phối hợp Phòng QLKHCN&HTQT kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài NCKH của SV, theo dõi tiến độ NCKH của SV. Sau khi hoàn thành nghiên cứu, chủ trì đề tài tổ chức hội thảo báo cáo hướng thực hiện/kết quả đạt được; GV hướng dẫn góp ý hoàn thiện đề tài; Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài với sự tham gia của Phòng QLKHCN&HTQT; Khoa gửi hồ sơ xác nhận hoàn thành đề tài cho Phòng QLKHCN&HTQT và thanh quyết toán đề tài theo quy định. Nội dung này được thể hiện qua quyết định giao kế hoạch kinh phí đề tài NCKH của SV các năm từ

2017 đến năm 2022 cho Khoa QTKD [H11.11.04.08] và Hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm lưu tại Khoa, Phòng QLKHCN&HTQT (bộ phận thư viện) [H11.11.04.09].

Đối với các đề tài đạt kết quả loại xuất sắc, Học viện sẽ in ấn trong các tài liệu báo cáo tại Hội nghị NCKH SV hàng năm [H11.11.04.10], trao thưởng cho SV [H11.11.04.11] và đăng ký dự thi NCKH SV hàng năm ở cấp Bộ GD&ĐT [H11.11.04.12].

Để đảm bảo nguyên tắc trong việc tham gia hoạt động KH&CN của GV, NH, Học viện ban hành Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KH&CN của Học viên CNBCVT theo QĐ số 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H11.11.04.13] và thường xuyên, kiểm tra nhắc nhở GV hướng dẫn và SV thực hiện đề tài hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả, chất lượng, nên SV của Khoa QTKD không có tình trạng thực hiện chậm tiến độ hay nghiệm thu không đạt.

Tổng kết giai đoạn 2017-2021 về hoạt động KH&CN của NH ngành QTKD: có 181 SV tham gia thực hiện 78 đề tài NCKH (chiếm tỷ lệ 17,54% tổng số SV ngành QTKD), trong đó 02 SV tham gia đề tài cấp bộ và đạt giải tại các cuộc thi ngành QTKD [H11.11.04.14]; đạt 07 giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo [H11.11.04.15].

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện của Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H11.11.04.16], kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện được huy động từ nhiều nguồn như khác nhau: kinh phí sự nghiệp của nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ. Trong 5 năm, Học viện đã đầu tư trên 1,365 tỷ VNĐ để thực hiện đề tài, tham gia hội nghị hội thảo, đăng bài báo trên tạp chí khoa học, mua trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động NCKH của SV, trong đó đầu tư cho SV ngành QTKD là 585 triệu VNĐ.

Để hỗ trợ hoạt động KH&CN của SV, năm 2019, 2020 Học viện xúc tiến 03 chương trình Khởi nghiệp theo đề án 844 của Nhà nước với kinh phí tương đương 3 tỷ VNĐ [H11.11.04.17] và thành lập Trung tâm Khởi nghiệp đối với SV Học viện vào tháng 06 năm 2021 để qua đó phát động phong trào sáng tạo và khởi nghiệp của SV Học viện [H11.11.04.18].

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH hàng năm của người học CTĐT ngành QTKD với kết quả NCKH của người học các CTĐT khác của Học viện, cụ thể tại Bảng 11.12 (*Phụ lục 2*). Kết quả đối sánh cho thấy hàng năm, SV ngành QTKD của Học viện thực hiện được từ 8-20 đề tài NCKH.

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV NCKH ngành QTKD của Học viện với ngành QTKD của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.13 (*Phụ lục 2*). Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành QTKD của Học viện tham gia đề tài NCKH chỉ ở mức trung bình khá so với các trường đại học khác và chỉ tập trung ở các SV khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan tỏa đến mọi đối tượng SV của ngành QTKD. Việc đối sánh kết quả NCKH của người học với các chương trình tương ứng quốc tế chưa được thực hiện.

2. Điểm mạnh

Sinh viên ngành QTKD rất tích cực tham gia và đạt các giải thưởng về NCKH dành cho SV và đạt được nhiều thành tích cao trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH SV ngành QTKD chỉ tập trung ở các SV khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan tỏa đến mọi đối tượng SV của ngành QTKD .

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa QTKD nghiên cứu, đề xuất các giải pháp và tuyên truyền thông qua các câu lạc bộ SV để tăng tỷ lệ SV của ngành QTKD tham gia NCKH hàng năm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất được thực hiện theo các văn bản: Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện (QĐ số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019) [H10.10.05.03]; Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện CNBCVT (QĐ số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018) [H10.10.06.02]; Quy định tạm thời

lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan (QĐ số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H7.07.03.06], ...

Căn cứ theo mục đích và đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi, việc khảo sát được tiến hành theo các hình thức khảo trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp với công cụ sử dụng lấy ý kiến phản hồi là phiếu khảo sát, được thiết kế ở dạng câu hỏi về mức hài lòng/mức đồng ý của người được hỏi được thể hiện qua giá trị thang đo 4 hoặc 5 bậc về các nội dung: Mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất, mức độ hài lòng đối với công tác phục vụ học tập SV, mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, mức độ hài lòng về hoạt động khoa học công nghệ; mức độ hài lòng về môi trường làm việc, ... [H11.11.05.01].

Sau mỗi đợt khảo sát, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì hoạt động khảo sát đều tiến hành xử lý thông tin phản hồi thu thập được, viết báo cáo kết quả, gửi về Ban Giám đốc Học viện (Các báo cáo: số 82/BC-CTSV ngày 21/12/2021; số 259/BC-HVCS ngày 27/12/2021; số 06/BC-CTSV ngày 30/11/2018; số 260/BC-HVCS ngày 27/12/2021; số 96/BC-CTSV ngày 27/9/2019; số 93/BC-CTSV ngày 29/12/2020; số 82/BC-CTSV ngày 21/12/2021.). Ngoài ra, việc thu thập thông tin phản hồi còn được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo giữa Học viện/ Khoa với các tổ chức, doanh nghiệp, ... [H11.11.05.02]. Để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng tiếp ứng công việc khi ra trường, Học viện cũng đã triển khai một số đợt khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp về khả năng chuyên môn, kỹ năng mềm, ý thức trách nhiệm với vị trí công việc được giao trong đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả đa số các doanh nghiệp đều đánh giá tốt về khả năng chuyên môn của SV ngành QTKD tốt nghiệp tại Học viện. Tuy nhiên, Học viện chưa đưa vào nội dung khảo sát doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học của trường và phân tích tác động của nó đến người học hoặc doanh nghiệp.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện và Khoa QTKD đã triển khai thực hiện các hoạt động khảo sát và kết quả được thể hiện qua các báo cáo về các nội dung:

- Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.03]: Mỗi học kỳ, Trung tâm KT&ĐBCLGD đã khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Theo kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV qua các học kỳ, tỷ lệ hài lòng trung bình qua các năm (từ 2017 đến 2021) của SV đối với các nội dung khảo sát đạt 96%. Điều này cho thấy SV hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

- Khảo sát SV về về đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo tại Học viện [H11.11.05.04].

- Khảo sát SV chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo toàn khoá học [H11.11.05.05].

+ Mức độ hài lòng của SV ngành QTKD sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo toàn khóa học được khảo sát hàng năm. Kết quả cho thấy tỷ lệ SV sắp tốt nghiệp hài lòng với CTĐT có xu hướng tăng dần qua các năm từ 2017-2021.

+ Học viện tham gia Dự án tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” VOYAGE” [H11.11.05.06], SV chuẩn bị tốt nghiệp cũng được khảo sát lấy ý kiến về cơ sở vật chất và sự hỗ trợ của GV đối với người học. Theo báo cáo dự án, hầu hết những người được hỏi cũng thể hiện sự chấp nhận của họ đối với cơ sở hạ tầng, tức là phòng học, thiết bị, cơ sở CNTT mà Học viện cung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể các câu trả lời chỉ ra rằng cơ sở hạ tầng được trang bị chưa được đầy đủ (dao động từ 9,2% đến 12,8% câu trả lời). Điều này dẫn đến thực tế là ban lãnh đạo của Học viện và những người phụ trách nên có cái nhìn tổng thể về sự đầy đủ của cơ sở hạ tầng để cung cấp và đầu tư tốt hơn cho SV. Tiếp thu những ý kiến này, trong những năm từ 2019 đến nay, Học viện đã và đang không ngừng cải thiện điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của người học.

- Khảo sát CBGV về môi trường làm việc [H11.11.05.07]:

+ GV tham gia giảng dạy chương trình QTKD được Văn phòng thực hiện khảo sát ý kiến về điều kiện, môi trường làm việc. Kết quả khảo sát cho thấy, 81% CBGV được khảo sát hài lòng về điều kiện, môi trường làm việc. Tuy nhiên, công cụ giảng dạy hay đáp ứng nhu cầu NCKH được đánh giá chưa cao.

+ Hoạt động khảo sát GV, nhân viên và chuyên viên về môi trường làm việc cho kết quả khá khả quan. Tiêu chí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 87,5% cho thấy Học viện đã có những chính sách về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, giúp cho người lao động nâng cao được chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình làm việc. Đối với hoạt động NCKH là 84,38%. Các tiêu chí còn lại về hệ thống phòng làm việc, phòng học phòng chức năng; các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công tác thư viện, tài liệu dạy và học, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công

tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần, công tác hành chính giáo vụ khoa và chế độ, chính sách cho người lao động đạt từ 68,75% đến 97,5%.

- Khảo sát SV về dịch vụ hỗ trợ SV tại Văn phòng Giao dịch một cửa và tư vấn việc làm cho SV [H11.11.05.08]. Định kỳ hàng năm, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định: có 96,7% đồng ý nội dung thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, có 93% đồng ý về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn: 76,6% đồng ý về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh, 93,3% đồng ý về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ, có 89,7% ý kiến đồng ý về phòng Thí nghiệm Thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong chương trình đào tạo. Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các bên liên quan đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng giao dịch một cửa.

- Khảo sát các bên liên quan về mục tiêu, CDR CTĐT, CTDH, chất lượng đào tạo, được Khoa QTKD thực hiện trước mỗi lần điều chỉnh CTĐT [H11.11.05.09]:

+ Các ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngành QTKD cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của SV ngành QTKD, khoảng 82% nhà sử dụng lao động hài lòng, đánh giá cao năng lực chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc.

+ Trong các lần điều chỉnh CDR/CTĐT các năm 2019, 2021, Khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV, các nhà khoa học... để điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CDR, đề cương học phần, cập nhật tài liệu học tập.

- Khảo sát cựu SV tốt nghiệp sau 3 tháng, 1 năm và khảo sát doanh nghiệp về tình hình sử dụng SV tốt nghiệp [H11.11.05.10].

- Khảo sát nhu cầu và kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ học tập cho SV lớp CLC năm 2020 và 2021 [H11.11.05.11].

- Ngoài ra, qua các báo cáo tổng kết của Khoa QTKD và Học viện, cũng như qua các hội nghị CBVC hàng năm tạo điều kiện CBGV đóng góp ý kiến về các hoạt động của Học viện [H11.11.05.12], [H11.11.05.13].

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện và Khoa QTKD đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Học viện được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng nhu cầu của người học. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của trường, các trang thiết bị đáp ứng tốt được nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp Học viện và Khoa QTKD có giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được các bên liên quan đánh giá cao. CTĐT có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho SV có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế.

3. Điểm tồn tại

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022-2023, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện. Đồng thời, trong kết cấu các báo cáo kết quả khảo sát nên bổ

sung thêm nội dung đề xuất, kiến nghị để tham mưu cho Giám đốc Học viện các chủ trương, giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT ngành QTKD đã được Học viện xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách học viên, SV tại Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của CTĐT ngành QTKD với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT ngành QTKD của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt mức khá cao.

Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của SV.

Định kỳ hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí: 4,80 /7 (4 tiêu chí đạt 5/7; 1 tiêu chí đạt 4/7)

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá lần thứ nhất CTĐT hệ đại học chính quy ngành QTKD, Học viện đã rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QTKD được xác định rõ ràng và được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2016 và năm 2021. Các mục tiêu của CTĐT ngành QTKD phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện qua các giai đoạn khác nhau. Các mục tiêu của CTĐT ngành QTKD Học viện Công nghệ phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH).

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành QTKD Học viện đã được xác định và được thể hiện cụ thể trong CTĐT ngành QTKD các năm 2016 và năm 2021. Học viện đã có 2 lần ban hành CĐR của CTĐT theo các quyết định ban hành CĐR trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành QTKD năm 2016 và năm 2021. CĐR của CTĐT ngành QTKD đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học (NH) tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Khoa QTKD đã lên kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan (bao gồm các nhà tuyển dụng; cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV); cựu SV (SV) và SV năm cuối) về CĐR của CTĐT ngành QTKD. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2021, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các bên liên quan, bao gồm cơ quan, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và cựu SV về bản Dự thảo CĐR đã được Ban Lãnh đạo Khoa đề xuất.

1.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD của Học viện ban hành năm 2021 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 còn có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và cấu trúc CTĐT.

CTĐT ngành QTKD có 91 học phần với các đề cương chi tiết học phần có đủ các thông tin theo quy định. Tất cả các đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các đề cương học phần được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương.

Bản mô tả CTĐT sau khi được Giám đốc Học viện phê duyệt chính thức đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Học viện; tất cả các đề cương chi tiết học phần cũng được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Học viện. Đồng thời, đề cương chi tiết học phần cũng được các GV giới thiệu với SV trong giờ học đầu tiên của mỗi học phần. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành QTKD trên website của Học viện.

1.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành QTKD của Học viện được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

Phiên bản CTDH năm 2021 được thiết kế với 91 học phần/130 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp. Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành QTKD được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi học phần cho CĐR của CTĐT, được mô tả trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021.

1.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”. Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: “Phát triển Học viện CNBCVT trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030”.

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được thiết kế và thực hiện trong các đề cương chi tiết học phần/môn học của CTĐT ngành QTKD tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR. Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng online có mô phỏng.

CTĐT ngành QTKD năm 2021 có 91/91 đề cương chi tiết học phần mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học được đa dạng hóa nhằm thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, kỹ năng thuyết trình, phản biện giải quyết vấn đề, giải quyết các bài toán thực tế. Mỗi bài giảng trong các đề cương chi tiết học phần

ngành QTKD đều nêu cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu và trong đó chỉ rõ nội dung chính, những yêu cầu đối với người học. Học viện và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu SV, để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần) áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Học viện đã ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và cuốn Sổ tay SV hằng năm. Hình thức, phương pháp, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả NH được trình bày tại đề cương chi tiết của mỗi học phần, được giảng viên phổ biến cho SV ngay trong tuần giảng dạy đầu tiên của học phần.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và đối với CDR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CDR học phần.

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay SV.

Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ. Tất cả các văn bản này đều được phổ biến tới SV qua “Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học”. Báo cáo kết quả

chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây (từ năm học 2017-2021) cho thấy tỷ lệ khiếu nại về kết quả học tập của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% SV được hỏi hài lòng với kết quả học tập.

1.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên (GV) của Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng được thực hiện theo đúng quy trình và phù hợp với cơ cấu đào tạo ngành QTKD. Khoa đủ đội ngũ GV để thực hiện CTĐT ngành QTKD. Tỷ lệ GV/SV đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển chọn giảng viên tuân thủ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng của Nhà nước và của Học viện. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ trong các văn bản quy định của Học viện. Việc đánh giá năng lực GV khá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai theo đúng quy định. Tất cả GV ngành QTKD đều hoàn thành các nhiệm vụ trong từng năm học. Hoạt động NCKH của GV được triển khai và giám sát chặt chẽ; kết quả NCKH được ghi nhận và làm căn cứ để cải tiến chất lượng. Số lượng và loại hình NCKH do đội ngũ GV thực hiện được xác lập rõ ràng và được thực hiện hằng năm, được đối sánh và đóng góp đáng kể vào công tác đào tạo, phát triển cộng đồng.

1.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên (NV) của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Học viện phê duyệt năm 2014 và năm 2020. Đội ngũ NV tại các bộ phận hỗ trợ đủ về số lượng, có năng lực đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc tuyển dụng, điều chuyển NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo

công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của NV. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, Học viện đã chi thu nhập tăng thêm góp phần tạo động lực cho cán bộ, viên chức, người lao động. Các cán bộ chuyên viên và nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với vị trí đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

1.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế của Học viện.

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Các chính sách và quy định tuyển sinh được Học viện công bố công khai thông qua các hình thức như: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện <https://ptit.edu.vn>; cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>; các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, [facebook.cpm/ptitwebsite](https://facebook.com/ptitwebsite); quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>).

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV/Công tác Sinh viên, TTKT&ĐBCLGD và CVHT. Học viện sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện có phân công các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, theo đó hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và

các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH đã được Học viện triển khai thực hiện.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

1.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có cơ sở đào tạo tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90 m² (trong đó miền Bắc là 63.464,70m², miền Nam là 64.230,20 m²) phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m², diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 6,337 m²/SV, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Học viện có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành/Lab đáp ứng yêu cầu cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng làm việc của Học viện được trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc và các tủ đựng tài liệu; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt treo tường. Các phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi, máy tính), hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng. Trong các phòng thí nghiệm, thực hành/LAB được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho các giờ học thực hành và phù hợp với CTĐT ngành QTKD.

Hệ thống CNTT của Học viện đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và NCKH. Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến thông qua phần mềm TranS và hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid 19.

Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển để SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT- Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu... trên tất cả các thiết bị di động. Trong giai đoạn 2017-2021, không xảy ra hiện tượng

mất dữ liệu, mất an toàn hệ thống CNTT, mất an ninh trật tự, không xảy ra dịch bệnh trong khuôn viên của Học viện.

Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy ký túc xá; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

1.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan. Trong các lần rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT, Học viện/Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT. Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT học phần; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dạy học.

Kết quả nghiên cứu của 70 đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các học phần của CTDH ngành QTKD.

Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ người học thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này. Học viện đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

1.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT ngành QTKD đã được Học viện xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách học viên, SV tại Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của CTĐT ngành QTKD với các CTĐT

trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT cùng ngành QTKD của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo ở mức khá cao.

Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của SV.

Định kỳ hằng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.

2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc khảo sát các nhà tuyển dụng về mục tiêu giáo dục của Học viện và mức độ phù hợp Mục tiêu và Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện chưa được triển khai trên diện rộng với đông đảo sự tham gia của các nhà tuyển dụng.

Học viện và Khoa đã khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, tuy nhiên mẫu khảo sát của các nhà tuyển dụng chưa đa dạng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, tổ chức nước ngoài) để đảm bảo tính đại diện cao.

Phương thức truyền thông về CĐR của ngành QTKD chưa đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2021 của các bên liên quan ở ngoài Học viện chưa thật sự sâu để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD.

Một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; điều này dẫn đến độ tin cậy của kết quả khảo sát không cao.

Học viện đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần, nhưng vẫn còn có bên liên quan chưa quan tâm đến bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần.

2.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Kết quả khảo sát SV đánh giá giảng viên chưa được xử lý một cách khoa học để có thể đúc kết ra được những khuyến nghị hữu ích phục vụ cho việc giảng viên cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khi đối sánh và tham khảo các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác, Khoa chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các học phần, tên gọi của các học phần, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng học phần, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần.

2.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thiết kế chưa khoa học, nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc đổi mới/cải tiến các phương pháp giảng dạy đáp ứng nhu cầu của SV.

Trong một một vài đề cương học phần, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

2.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện và Khoa chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CDR.

Học viện chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CDR của học phần.

Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

Phần mềm quản lý đào tạo của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của SV vào phần mềm.

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện có quy hoạch chung cho đội ngũ GV của Học viện, nhưng chưa chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo.

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi.

Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao (PGS, GS) chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều

hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Mức chi kinh phí hỗ trợ GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự cao để tạo được nhiều động lực hơn nữa cho việc GV luôn đam mê tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nghề nghiệp.

2.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD.

Nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm chưa thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên.

Nội hàm của các tiêu chí liên quan đến việc điều động/luân chuyển KTV, nhân viên, chuyên viên của Học viện chưa thể hiện rõ được tính đặc thù chuyên biệt của một số ngành đào tạo, đặc biệt đòi hỏi có những nhân viên am hiểu về lĩnh vực đặc thù của ngành đào tạo trong đó có ngành QTKD.

Mặc dù Học viện đã có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên nhưng tính phân loại chưa cao của các tiêu chí đánh giá năng lực giữa các nhóm KTV, chuyên viên và nhân viên có đặc thù công việc khác nhau dẫn đến khó khăn nhất định trong việc đối sánh năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả công tác và công nhận các mức thi đua khen thưởng đạt được.

Học viện chưa tách thành bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo từng nhóm nhân viên: Thư viện, quản lý ứng dụng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành, hành chính ...

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2021 do Học viện tổ chức, chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ; chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

2.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Minh chứng của Học viện cho thấy đội ngũ GV đảm nhận chức vụ CVHT chưa được định kỳ thường xuyên bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn cho người học vì thế hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao.

Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

2.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng học tại khu giảng đường ở cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh chưa lắp máy điều hoà không khí. Một số phòng học/giảng đường của Học viện đã cũ và bắt đầu xuống cấp.

Diện tích phòng đọc của Thư viện cơ sở Hà Nội còn hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít nếu so với quy mô SV của Học viện. Kinh phí chi mua bổ sung giáo trình, tài liệu của Thư viện trong giai đoạn KĐCLGD chỉ chiếm 0,07% tổng kinh phí chi của Học viện.

Học viện hiện còn 267 máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên (chiếm tỉ lệ 20,27%) đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH.

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm, nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

2.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Số lượng các nhà tuyển dụng, tổ chức xã hội nghề nghiệp được khảo sát ý kiến trong các đợt thiết kế/điều chỉnh CĐR/CTĐT ngành QTKD chưa được rộng rãi nên kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học của ngành QTKD, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài Học viện (Nhà sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế.

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đều đặn hàng năm cả ở cấp Học viện và cấp Khoa.

Trong một số báo cáo kết quả khảo sát, Học viện chưa tách xuất các dữ liệu khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đối với từng CTĐT, dẫn đến việc hạn chế những đề xuất cải tiến liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho từng CTĐT.

2.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp phần lớn là do SV chưa đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định của CTĐT.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Tuy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành QTKD khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo; hoạt động NCKH của SV ngành QTKD tập trung chủ yếu ở các SV có học lực khá, giỏi, mà chưa lan rộng đến mọi đối tượng SV ngành QTKD

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất.” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viện và Khoa cần định kỳ hàng năm huy động cựu SV tham gia vào việc thu hút đồng đảo các nhà tuyển dụng cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành QTKD, cũng như mức độ mục tiêu giáo dục phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện.

Khoa QTKD cần định kỳ hàng năm huy động các cựu SV tham gia truyền thông về CDR của CTĐT ngành QTKD và động viên đông đảo và đa dạng về thành phần các nhà tuyển dụng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, nước ngoài, cơ quan ...) tham gia các đợt khảo sát ý kiến của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao về CDR của CTĐT ngành QTKD.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2024, Khoa cần có những giải pháp hữu hiệu hơn thông qua các mối liên kết với các cựu SV để kết nối được đông đảo các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật nhất bản mô tả CTĐT ngành QTKD của Học viện.

Học viện cần rà soát lại các câu hỏi trong các loại phiếu khảo sát và bổ sung/hoàn thiện các câu hỏi theo sát mục tiêu khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng để đảm bảo người được khảo sát không hiểu nhầm ngữ nghĩa của câu hỏi hoặc bỏ trống không trả lời. Đồng thời, Học viện và Khoa cần có giải pháp thu hút và động viên các nhóm đối tượng được khảo sát nhiệt tình trả lời tất cả các câu hỏi trong phiếu khảo sát; cần có quy định cụ thể về những vấn đề Báo cáo kết quả khảo sát cần chỉ rõ để Học viện/Khoa có được các thông tin cần thiết cùng với những đề xuất để cập nhật các đề cương chi tiết học phần và các biện pháp cải tiến các hoạt động liên quan.

Học viện và Khoa cần nghiên cứu về phương thức truyền thông về bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần để các bên liên quan đều được biết về bản mô tả CTĐT ngành QTKD và các học phần của CTĐT để có thể có những đóng góp ý kiến cho việc rà soát và hoàn thiện hơn bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần trong lần rà soát và cập nhật tiếp theo.

3.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Học viện cần có quy định hướng dẫn chung về từng loại công cụ khảo sát, việc chọn mẫu khảo sát, định lượng thống kê, phân tích các kết quả khảo sát, biểu mẫu báo cáo kết quả khảo sát, trong đó nhất thiết cần có việc đánh giá được các thông tin và số liệu đã được phân tích và đưa ra các khuyến nghị hữu ích để các đối tượng liên quan có thể sử dụng phục vụ việc điều chỉnh và cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khoa và Bộ môn cần thông qua việc thảo luận lấy ý kiến các bên liên quan để xem xét một cách khoa học để thể hiện chính xác sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được của CDR của CTĐT.

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các CTĐT ngành QTKD của các trường ĐH khác, Khoa cần nghiên cứu sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, CDR của từng học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT ngành QTKD của Học viện.

3.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện và Khoa QTKD cần đa dạng hơn về các phương thức phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các bên liên quan đặc biệt là cán bộ, giảng viên và SV trong Học viện đều hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

Học viện cần rà soát và hoàn thiện lại các câu hỏi trong Phiếu khảo sát để đảm bảo các câu hỏi bám sát các mục tiêu khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy của GV.

Khoa cần có cơ chế đi kèm các chính sách hỗ trợ để khuyến khích SV tham gia NCKH; cần rà soát lại các đề cương học phần để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của học phần và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

3.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện cần tổ chức sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CDR với sự tham gia của các chuyên gia, các đồng nghiệp từ các trường ĐH khác.

Học viện cần rà soát và bổ sung thêm vào hệ thống văn bản hướng dẫn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để thống nhất sử dụng chung cho tất cả các CTĐT hiện hành của Học viện về kết cấu số lượng câu hỏi thi cũng như mức độ đánh giá với từng chương mục phù hợp với CDR của học phần thông qua ma trận tương quan giữa CDR của học phần và chương mục của học phần.

Học viện cần rà soát và bổ sung vào văn bản quản lý liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học nội dung quy định về việc định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi (đề thi) bằng các phần mềm chuyên dụng để đảm bảo các đề thi đo lường được chính xác mức độ SV đạt CDR của học phần.

Học viện cần có kế hoạch rà soát các văn bản hướng dẫn chi tiết về việc xây dựng đề thi, đáp án thi, tổ chức thi, chấm thi hết học phần và hướng dẫn về quy trình giám sát việc chấm thi, hậu kiểm sau mỗi kỳ thi để hạn chế tối đa những sai sót có thể có trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập từng học phần và đảm bảo việc người chấm thi tuân thủ các quy định về chấm thi hết học phần.

Học viện nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

3.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện cần chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo của Học viện; cần có chính sách hợp lý để thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

Học viện cần nghiên cứu để định mức khối lượng NCKH cho GV theo hạng bậc và chức danh GV; cần có quy định cụ thể về số lượng đề tài NCKH các cấp và số bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cho từng hạng bậc và chức danh giảng viên, ví dụ đối với GV là giáo sư, GV là phó giáo sư yêu cầu thực hiện đề tài NCKH cấp nào, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước ...

Học viện nên định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng giảng viên.

Học viện nên nghiên cứu để đưa ra được chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện, đặc biệt là GV ngành QTKD.

Học viện nên tăng cao hơn mức chi kinh phí hỗ trợ cho GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt cho việc bồi dưỡng về phát triển CTĐT, đo lường và đánh giá trong giáo dục cho đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện.

Học viện nên khai thác các nguồn thu hợp pháp và phân bổ thêm cho quỹ NCKH của Học viện để có thể tăng định mức chi cho hoạt động NCKH của giảng viên trong

Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện nhằm đạt được mức hấp dẫn cao đối với giảng viên khiến các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo ra thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao hơn.

3.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Học viện cần chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD khi quy hoạch đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên toàn Học viện.

Học viện cần nghiên cứu để có các phương thức thông báo tuyển dụng phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm cần thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên và được xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Học viện cần tách các tiêu chí đánh giá năng lực thành những bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá cụ thể năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo từng nhóm đối tượng nhân viên, như: nhân viên Thư viện; nhân viên CNTT; nhân viên các phòng thí nghiệm, nhân viên văn phòng, trung tâm dịch vụ, ...

Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT cần lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ NV do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự hoặc kế hoạch làm việc để đáp ứng được nhu cầu của SV.

Học viện cần thiết kế một lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT theo từng vị trí việc làm để đảm bảo số lượng các đợt đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ NV giữa các đơn vị phục vụ CTĐT được phân bổ đồng đều hơn; cần có cơ chế để nhân viên các phòng thực hành chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy; cần quan tâm hơn tới số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

3.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện nên đa dạng hơn trong các hình thức quảng bá truyền thông về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút được nhiều thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành QTKD của Học viện.

Học viện cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh nội dung trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cố vấn học tập tại Học viện Công nghệ Bru chính Viễn

thông để kịp thời cập nhật các quy định của Thông tư số 20/2020/TT- BGDĐT ngày 27/7/2020 nhằm khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ CVHT hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho NH.

Học viện nên định kỳ bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn/hỗ trợ cho người học đặc biệt là kỹ năng tư vấn trong học tập để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học trong thời gian tới.

Học viện cần tăng số mẫu khảo sát để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để có thể đưa ra được những giải pháp khắc phục góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm. Các thầy/cô là CVHT cần hỗ trợ nhiều hơn nữa cho SV trong việc tư vấn học tập và định hướng nghề nghiệp.

Học viện nên rà soát lại mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học, trong đó cần bổ sung thêm các câu hỏi để có thể bao quát được trên phổ rộng các nội dung liên quan đến môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để đảm bảo có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc cải tiến chất lượng; đảm bảo mỗi câu hỏi trong phiếu khảo sát đơn nghĩa và sát với nội dung cần khảo sát.

3.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện nên lập kế hoạch ngân sách để phân bổ kinh phí cho việc lắp đặt máy điều hoà không khí ở các phòng học chưa có, cũng như duy tu và nâng cấp các phòng học đã xuống cấp nhằm nâng cao chất lượng các phòng học của Học viện.

Học viện cần tăng kinh phí đầu tư để nâng cấp phần mềm quản lý Thư viện nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý cũng như phục vụ bạn đọc; cần có giải pháp để mở rộng diện tích và tăng số chỗ ngồi trong phòng đọc của Thư viện để có nhiều SV hơn nữa có thể đến học tập tại Thư viện, đặc biệt là vào những thời điểm chuẩn bị có các kỳ thi.

Học viện cần phân bổ thêm kinh phí hàng năm để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo để đảm bảo Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện trong giai đoạn tới.

Học viện nên có kế hoạch mua máy tính mới để thay thế dần các máy tính cũ đã hết thời gian khấu hao sử dụng; thanh lý các máy tính cũ không sử dụng.

Học viện nên rà soát và điều chỉnh các câu hỏi trong mẫu phiếu khảo sát để đảm bảo có thể thu thập được các thông tin giúp đánh giá đúng thực trạng về mức độ đáp

ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH nhằm tạo lập căn cứ đề xuất cải tiến sau mỗi lần khảo sát.

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật của Học viện cần được thể hiện bằng các văn bản để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

3.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện và Khoa cần mở rộng quy mô khảo sát đối với đối tượng là các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến đa chiều phục vụ cho việc điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành QTKD của Học viện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động rộng lớn.

Khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH, Học viện và Khoa nên có các giải pháp khác nhau để có thể huy động được đông đảo và rộng rãi các bên liên quan, như: các nhà tuyển dụng, cựu SV tham gia trả lời các phiếu khảo sát để có thể thu thập được các ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành QTKD.

Định kỳ hàng năm Học viện/Khoa nên tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng cá nhân.

Học viện cần định kỳ tổ chức các hội nghị/hội thảo/họp bàn đề rà soát, đổi mới cơ chế phản hồi với sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan (CB, GV, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng .) để thu được nhiều ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến cơ chế phản hồi.

3.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Học viện và Khoa cần tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá kỹ nguyên nhân vì sao tỷ lệ SV thôi học các khóa vẫn đang ở mức khá cao để đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học và chậm tốt nghiệp.

Học viện và Khoa QTKD nên mở rộng phạm vi đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tốt nghiệp đúng kế hoạch của ngành QTKD với cùng CTĐT trình độ đại học của các trường đại học khác để có được thông tin đầy đủ, chính xác hơn về chất lượng đào tạo của ngành QTKD của Học viện để có giải pháp phù hợp giảm tỷ lệ SV thôi học và tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng kế hoạch.

CVHT cần có các biện pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có SV tốt nghiệp sớm.

Học viện tiếp tục nghiên cứu đưa thêm các giải pháp mới phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động để hỗ trợ SVTN tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành nghề đào tạo.

TTKT&ĐBCLGD cần phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện. Trong kết cấu các báo cáo kết quả khảo sát nên bổ sung thêm nội dung đề xuất, kiến nghị để tham mưu cho Giám đốc Học viện các chủ trương, giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành QTKD

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016, Phụ lục 6.a)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Mã: BVH (BVS)

Tên CTĐT: Quản trị kinh doanh

Mã CTĐT: 7340101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,84	50	100

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Đặng Hoài Bắc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành QTKD

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/ 6/ 2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông

Tiếng Anh: Posts & Telecommunications Institute of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HV CN BCVT

Tiếng Anh: PTIT

3. Tên trước đây (nếu có): Không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

5. Địa chỉ: Số 122 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: +84.24.3756.2186 Số fax: +84.24.3756.2036

E-mail: vanphonghv@ptit.edu.vn Website: <http://www.ptit.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1997

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2002

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: QTKD

Tiếng Anh: Business administration

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: QTKD

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Khoa QTKD 1: Tầng 9, nhà A2, Km10 Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.

Khoa QTKD 2: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

18. Số điện thoại liên hệ:

Khoa QTKD 1: Điện thoại: 024.38548333

Email:@ptit.edu.vn; Website: <https://.....ptit.edu.vn>.

Khoa QTKD 2: Điện thoại: 02.837305314; 02.838229372;

E-mail: qtkd2@ptithcm.edu.vn ; Website: <https://fba.ptithcm.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Khoa QTKD 1: 1997

Khoa QTKD 2: 1999

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (ngành QTKD): 1997 đối với K QTKD1 và 1999 đối với K QTKD2

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (ngành QTKD): 2002 đối với K QTKD1 và 2004 đối với K QTKD2

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Các Khoa QTKD 1&2 là đơn vị trực thuộc Học viện, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực QTKD Sau đây gọi chung là Khoa QTKD trong các nội dung tiếp theo của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD.

Khoa QTKD 1 được thành lập năm 1997, Khoa QTKD 2 được thành lập năm 1999. Khoa tổ chức đào tạo tất cả các trình độ từ đại học, thạc sỹ đến tiến sỹ với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Trong đó, trình độ *cử nhân* có 4 chuyên ngành đào tạo.

Sứ mệnh của Khoa QTKD: Xây dựng Khoa QTKD trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực kinh doanh và quản lý có chất lượng toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong các lĩnh vực QTKD, đáp ứng nhu cầu quản lý kinh tế xã hội;

Một môi trường học tập, nghiên cứu chất lượng, năng động và chuyên nghiệp giúp SV phát triển tối đa năng lực sáng tạo của bản thân; Một trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức nằm trong tốp đầu quốc gia, khu vực và trên thế giới; Một địa chỉ tin cậy trong hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tầm nhìn của Khoa QTKD: Đến năm 2030, Khoa QTKD trở thành một cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý góp phần đưa Học viện thuộc nhóm 300 Học viện hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia, trở thành đơn vị đầu ngành trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế của Việt Nam.

Nghiên cứu khoa học: Giai đoạn 2017-2022

**** Khoa QTKD 1***

- Thực hiện đề tài các cấp từ năm 2017 đến năm 2021: Khoa đã thực hiện 0 đề tài cấp Nhà nước, 0 đề tài cấp Bộ, tỉnh và 46 đề tài cấp Học viện.

- Bài báo khoa học từ năm 2017 đến năm 2021 (*Các Khoa có thể tính cả các đề tài của các Viện liên quan đến ngành đào tạo*): Công bố 79 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 79 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và Tạp chí/ tập san của Học viện.

**** Khoa QTKD 2***

Năm 2022 : 16 đề tài (14 loại A, 02 loại B)

Năm 2021 : 14 đề tài (12 loại A, 02 loại B)

Năm 2020 : 13 đề tài (11 loại A, 2 loại B)

Năm 2019 : 13 đề tài (11 loại A, 2 loại B)

Năm 2018 : 11 đề tài (9 loại A, 2 loại B)

Năm 2017 : 11 đề tài (2B, 9 loại C)

Năm 2016 : 11 đề tài (1 loại B, 10 loại C)

- Thực hiện đề tài các cấp: Khoa đã thực hiện 9 đề tài cấp Học viện.

- Bài báo khoa học(*Các Khoa có thể tính cả các đề tài của các Viện liên quan đến ngành đào tạo*): Công bố 24 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 40 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và...bài đăng Tạp chí/ tập san của Học viện.

Năm 2022 : 04 bài báo (1 quốc tế, 3 trong nước) (tính đến hết tháng 7/2022)

Năm 2021 : 17 bài báo (6 quốc tế, 11 trong nước)

Năm 2020 : 10 bài báo (2 quốc tế, 8 trong nước)

Năm 2019 : 13 bài báo (5 quốc tế, 8 trong nước)

Năm 2018 : 10 bài báo (7 quốc tế, 3 trong nước)

Năm 2017 : 07 bài báo (3 quốc tế, 4 trong nước)

Năm 2016: 03 bài báo (0 quốc tế, 3 trong nước)

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH

Khoa QTKD 1&2 có các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước, cụ thể:

- 1- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
- 2- Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui
- 3- Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo
- 4- Công ty Cổ phần Fado Việt Nam
- 5- Công ty Cổ phần iCheck
- 6- Công ty cổ phần MISA
- 7- Công ty TNHH MTV TMDT Viettel
- 8- Công ty cổ phần Ecom Group
- 9- Công ty CP Phát triển TMDT Việt Long
- 10- VNPT Fintech
- 11- Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ BBT Việt Nam.
- 12- Công ty TNHH Thang máy Hitachi Việt Nam
- 13- Trung tâm Kinh doanh VNPT _Hà Nội
- 14- Công ty Cổ phần Giải pháp và Công nghệ HBS
- 15- Công ty Cổ phần Công nghệ Maxbuy
- 16- Công Ty Hồng hạc Đại lãi
- 17- Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam
- 18- Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp
- 19- Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh
- 20- Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Sông Đáy
- 21- Công ty Cổ phần Nhanh.vn
- 22- Trung tâm Kinh Doanh VNPT TP.Hồ Chí Minh
- 23- Bưu điện TP. Hồ Chí Minh
- 24- Công ty cổ phần quảng cáo Công Việt Nam
- 25- Công ty Truyền thông Click Media&SEO

- 26- Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo Song Hành
- 27- Công ty TNHH công nghệ Thông tin Khuê Tú
- 28- Agility
- 29- Công ty TNHH công nghệ DiGi
- 30- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Miền Đông - TP. Hồ Chí Minh
- 31- Công ty cổ phần Misa
- 32- Công ty TNHH MeadJohnson Nutrition (VN)
- 33- Công ty DP EXPRESS
- 34- Bưu điện Tỉnh Vĩnh Long
- 35- Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trực Tuyến (M-Service)

Danh sách các trường đại học và Học viện hợp tác với Khoa QTKD :

- 1- Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- 2- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội
- 3- Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
- 4- Học viện Phụ nữ

f) Tổ chức phong trào sinh viên

- 367 sinh viên ngành Quản trị doanh nghiệp được đơn vị trao học bổng Tài năng hàng năm (từ năm 2016-2022)

Năm 2016: 56 SV (HK2 năm 2015-2016)

Năm 2017: 88 SV

Năm 2018: 54 SV

Năm 2019: 38 SV

Năm 2020: 59 SV

Năm 2021: 52 SV

Năm 2022: 20 SV (HK2 năm 2021-2022)

Tổ chức phong trào SV: Sinh viên của Khoa tham dự và đạt các nhiều thành tích cao trong các cuộc thi như:

- Trong năm 2017 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi:

+ “ Kiến thức và kỹ năng chuyên môn về Thương mại điện tử (E-Commeceer Race). Đây là cuộc thi đầu tiên về Thương mại Điện tử do Học viện chủ trì, Khoa triển khai tổ chức với sự tham dự của các đội thi đến các trường Đại học tại Hà Nội.

+ Phối hợp tổ chức cuộc thi “P-STARTUP” ý tưởng khởi nghiệp SV Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Nhóm SV của Khoa đã được ban tổ chức trao giải Nhì (không có giải nhất) cho ý tưởng Farm Mall - phân phối nông sản sạch do SV Tống Hương Giang, lớp D15QT3 làm trưởng nhóm và 03 giải Ba thuộc về các ý tưởng: “AZHome - Ứng dụng tìm phòng trọ” do SV Đinh Văn Kinh, lớp D15CQQT2 làm trưởng nhóm.

+ Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2017

- Trong năm 2018 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi “King & Queen” dành cho SV, Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2018.

- Trong năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp Sinh viên – Startup 2019” kết quả SV của khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề “Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo” do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức.

Khoa tổ chức thành công “Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2019”

- Trong năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ “Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2020”.

+ Tham gia: cuộc thi “Tài năng trẻ logistic Việt Nam năm 2020” kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020” kết quả đạt giải Tăng trưởng, Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp Sinh viên – Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và Thương mại điện tử.

+ Thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi “Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp Sinh viên – Startup 2020” kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba.

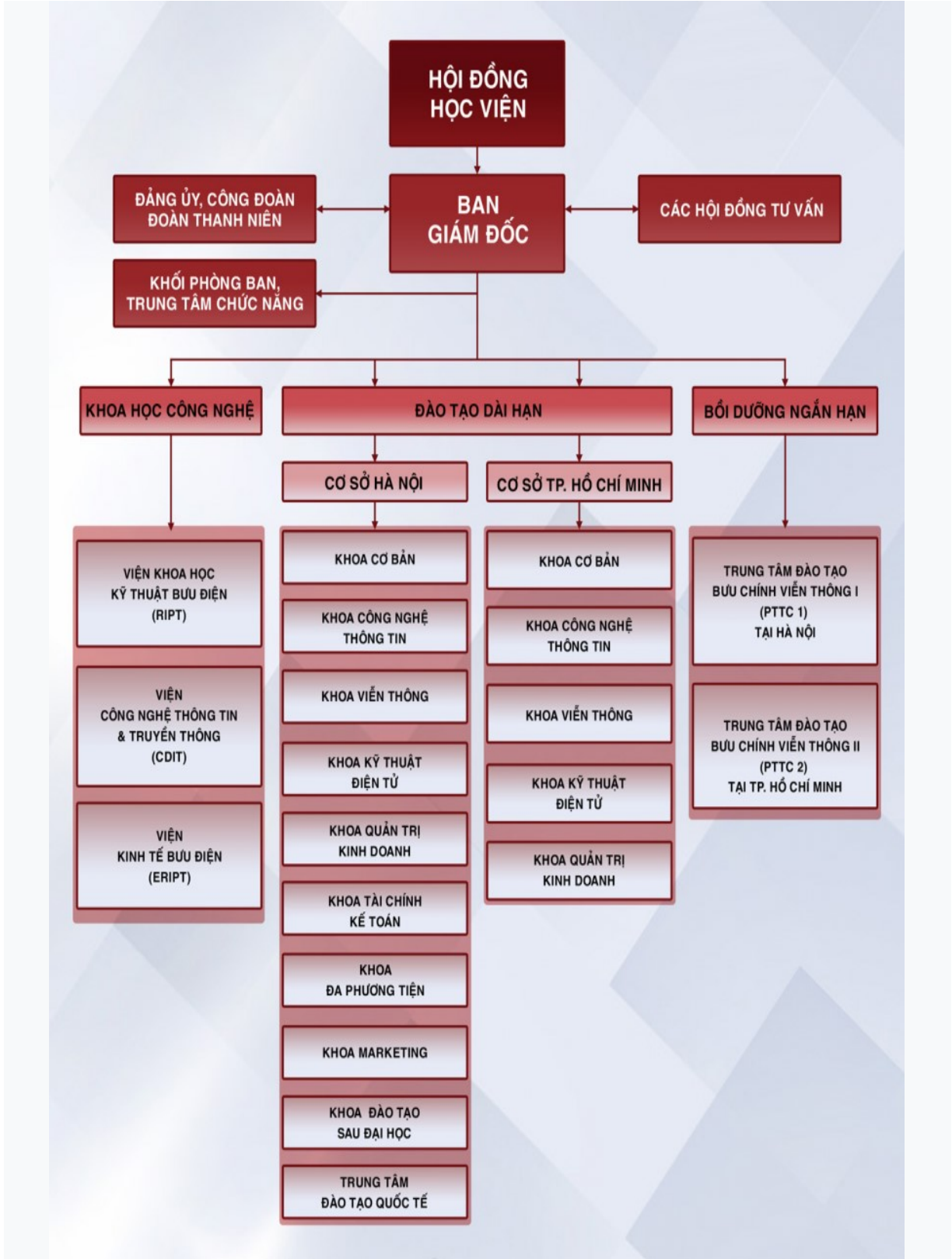
- Trong năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như “Tài năng trẻ logistics Việt Nam năm 2021”. Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 và đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như

những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thấp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

**Tổ chức phong trào sinh viên QTKD 2*

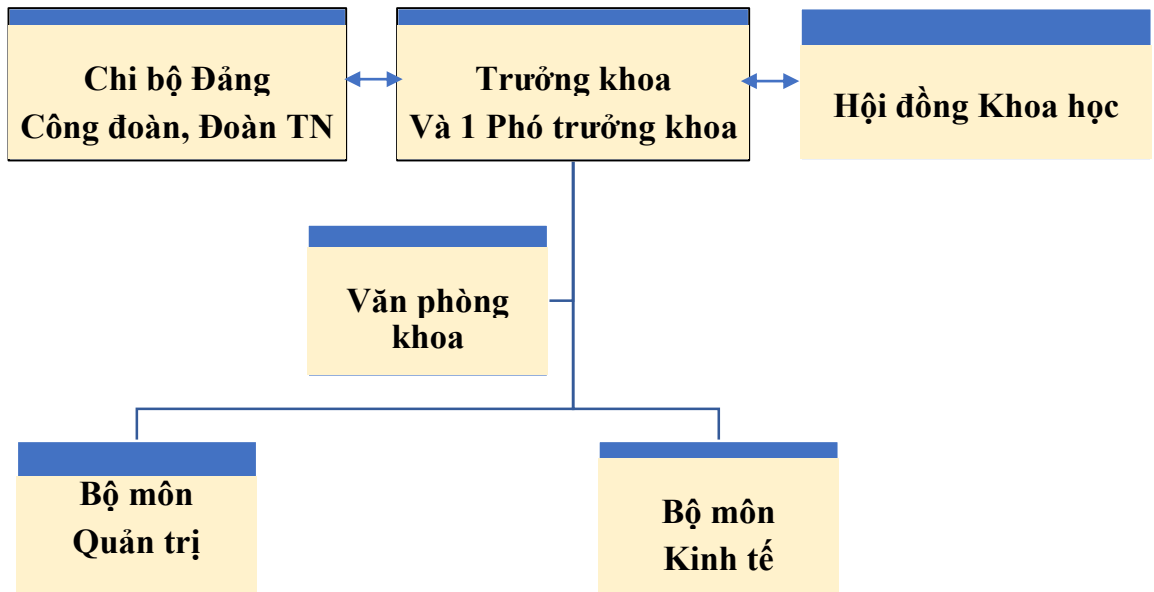
1. Tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam cho các bạn nữ của LCĐ (20/10/2018)
2. Tổ chức ngày Gặp mặt đầu xuân (08/03/2019)
3. Tổ chức Hội trại Disconnect to Connect cùng LCĐ khoa Viễn Thông (06/04 - 07/04/2019)
4. Giao lưu cùng Sinh viên khóa D19 (01/09/2019)
5. Tổ chức chương trình Chuyển xe trao trắng cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện xuống Long An (07/09/2019)
6. Tổ chức chương trình gặp mặt LCĐ nhằm chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10/2019)
7. Tổ chức chương trình "Sinh hoạt hè" cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện (07/2020)
8. Tuyển CTV cho LCĐ (26/08 - 06/09/2020)
9. Cuộc thi thiết kế logo chào mừng D20 trên fanpage LCĐ (06/09 - 26/09/2020)
10. Cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện tổ chức chương trình "Chuyển xe trao trắng" về Trung tâm dạy nghề người khuyết tật và mồ côi TP.HCM ấp 6, xã Xuân Thời Thượng, huyện Hóc Môn, TP.HCM (04/10/2020)
11. Tổ chức buổi gặp mặt tân SV D20
12. Tổ chức chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2020)
13. Tổ chức minigame "Phụ nữ là đề yêu thương" (08/03/2021)
14. Tổ chức chương trình "Thay đổi nhỏ tạo hành trình lớn" (05/06 - 20/6/2021)
15. Tổ chức chương trình "Minigame trung thu - Minigame liên hoàn" (21-22/09/2021)
16. Tổ chức giao lưu Tân SV khóa D21
17. Tổ chức chương trình "Khoảnh khắc yêu thương" (17/10 - 19/10/2021)
18. Tổ chức Minigame "Giải đố liền ngay - Phúc Long liền tay" (09/12/2021)
19. Tổ chức Minigame Năm cũ điếu kì - Lì xì năm mới (01/01/2022)
20. Tổ chức Workshop "Học Quản trị ra làm Giám đốc?" (13/03/2022)

21. Tổ chức chương trình 8/3 dành cho các bạn nữ trong LCD (08/03/2022)
22. Tổ chức chương trình "Hoa nở muộn" (04/08 - 11/08/2022)
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT
- 23.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục

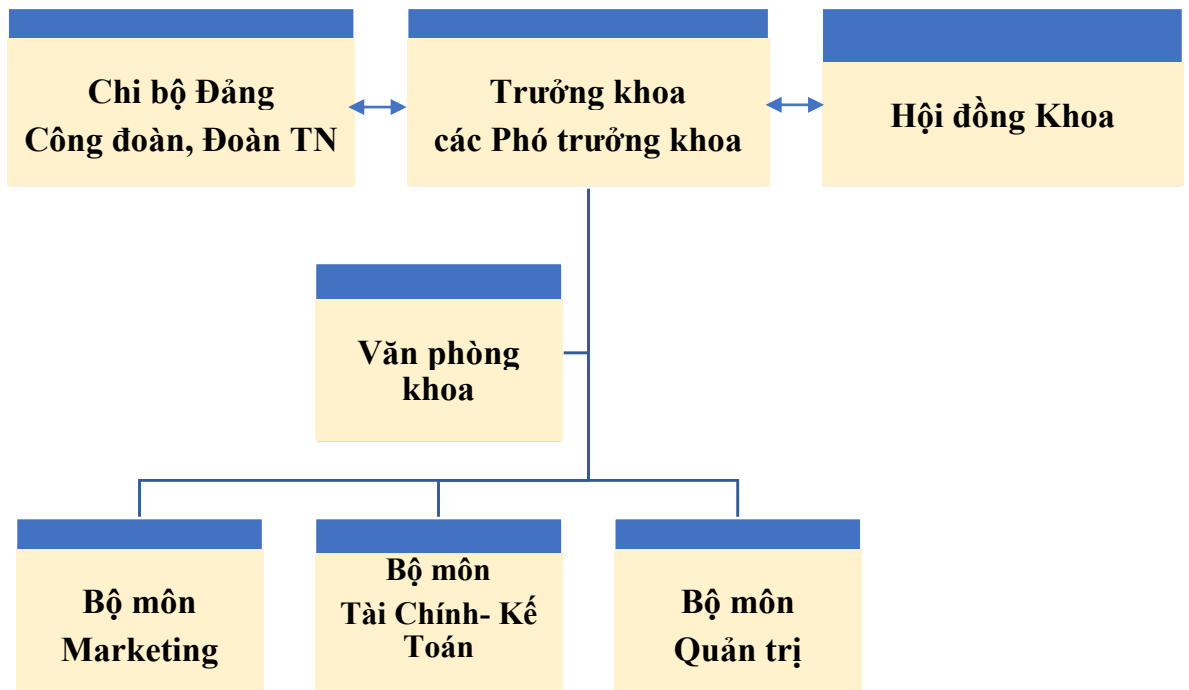


23.2 Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT

23.2.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa QTKD 1



Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 1



(3) Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 2

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng Học viện	Từ Minh Phương	1971	GS.TS. Chủ tịch Hội đồng	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn
2	Ban Giám đốc	Đặng Hoài Bắc	1976	PGS.TS. Giám đốc	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn
		Vũ Tuấn Lâm	1962	TS. Phó giám đốc	0903426232	lamViễn thông@ptit.edu.vn
		Trần Quang Anh	1974	PGS.TS. Phó giám đốc	0911762222	tqanh@ptit.edu.vn
		Tân Hạnh	1964	TS. Phó giám đốc	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn
II	Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
	Khoa QTKD 1					
1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.1	Trưởng khoa	Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
1.2	Phó trưởng khoa	Trần Thị Thập	1973		0912212929	thaptt@ptit.edu.vn
2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội sinh viên					
2.1	Bí thư Chi bộ	Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
2.2	Chủ tịch Công đoàn	Trần Đoàn Hạnh	1977	TS, Phó trưởng Khoa	0913083399	hanhtd@ptit.edu.vn
2.3	Đoàn Thanh niên	ThS. Dương Thúy Hằng	1994		0936963388	hang_dt@ptit.edu.vn
3	Các bộ môn					
3.1	BM Kinh tế	Vũ Trọng Phong	1972	TS. Trưởng Bộ môn	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
3.2	BM Quản trị	Trần Thị Thập	1973	TS. Trưởng Bộ môn	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Khoa QTKD 2					
1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.1		TS. Trương Đức Nga	1967	TS, Trưởng Khoa	0902.354.069	tdnga@ptithcm.edu.vn
2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội sinh viên					
2.1	Bí thư Chi bộ	ThS. Trần Thanh Trà	1992	Bí thư chi bộ, Giảng viên	0906.715.356	tranthanhtra@ptithcm.edu.vn
2.2	Chủ tịch Công đoàn	ThS. Đỗ Như Lỵ	1969	Giảng viên	0918.444.123	dnluc@ptithcm.edu.vn
2.3.	Bí thư Đoàn TN	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	2002	Sinh viên	0962.569.104	n20dcqt039@student.ptithcm.edu.vn
3	Các bộ môn					
1.	Quản trị	TS. Hồ Thị Sáng	1967	TS. Trưởng Bộ Môn Quản trị	0938050839	htsang@ptithcm.edu.vn
2.	Tài chính – QTKD	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	1971	Ths. Trưởng Bộ Môn	0918.444.123	dnuminh@ptithcm.edu.vn
3.	Marketing	TS. Nguyễn Văn Phước	1985	TS. Trưởng Bộ Môn	0935.061.439	nguyenvanphuoc@ptithcm.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

+ Với Khoa QTKD 1 Ngành QTKD gồm có 2 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp và TMĐT

+ Với Khoa QTKD 2 Ngành QTKD gồm có 2 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không.

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33a. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của toàn Học viện

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu[1]	373	337	710
	<i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	373	337	710
II	Các đối tượng khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng[2])	12	8	20
	Tổng số	385	345	730

33b. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Khoa QTKD thực

hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	11	19	30
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	11	19	30
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	11	19	30

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0			
2	Phó Giáo sư	1		1			
3	Tiến sĩ khoa học	0		0			
4	Tiến sĩ	7		7			
5	Thạc sĩ	20		20			
6	Đại học	0		0			
7	Cao đẳng	0		0			
8	Trình độ khác	0		0			
	Tổng số	28		28			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $28/30 = 93,33\%$

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên ché trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, VS	5,0	4		13				16,5
2	PGS	3,0	31		29				88,8
3	TSKH	3,0	0		0				0
4	Tiến sĩ	2	141		139	2			279,2
5	Thạc sĩ	1	257		257				257
6	Đại học	0,3	26		26				7,8
	Tổng		459		454	5			649,3

Cách tính: $Cột\ 10 = cột\ 3 * (cột\ 5 + cột\ 6 + 0,3 * cột\ 7 + 0,2 * cột\ 8 + 0,2 * cột\ 9)$

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, VS	4	0,87	4	0	0	0	0	1	3
2	PGS	31	6,75	28	3	0	3	10	4	14
3	TSKH	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	141	30,72	84	57	0	37	62	26	16
5	Thạc sĩ	257	55,99	133	124	19	107	97	32	2
6	Đại học	26	5,66	17	9	10	6	7	3	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Tổng	459	100	266	193	29	153	176	66	35

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45,96 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $7/28 = 25\%$

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $20/28 = 71,43\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Khoa QTKD 1 & 2 luôn sử dụng (trên 80 % thời gian của công việc)	100	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80 % thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60 % thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40 % thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20 % thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (%)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018	703	217	323,96	203	BVH: 21,25 BVS: 19,25	21,19	0
2018-2019	1532	246	6,23	238	BVH: 21,50 BVS: 19,75	22,10	0

2019-2020	1740	285	6,11	271	BVH: 19,65 BVS: 17,70	19,47	0
2020-2021	3033	287	10,57	281	BVH: 21,35 BVS: 18,00	21,04	0
2021-2022	2031	296	6,86	293	BVH: 24,35 BVS: 21,70	24,43	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	5	9	11	9	10
2. Học viên cao học	129	148	130	135	151
3. SV đại học	1682	1587	1691	1259	1192
Trong đó:					
Hệ chính quy	939	882	874	851	876
Hệ không chính quy	743	705	817	408	316
4. SV cao đẳng	151	72	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	151	72	0	0	0
Hệ không chính quy					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.727	5.727	5.727	5.727	5.727

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	520	570	639	573	599
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	120	150	140	140	130
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,3	3,8	4,6	4,1	4,6

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	91	73	64	79	72
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	10,04%	8,06%	7,06%	8,72%	7,95%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	1	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	112	23	72	54	31	44
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	477	238	413	458	186	192
Trong đó:						
Hệ chính quy	477	238	186	372	122	111
Hệ không chính quy			227	86	64	81
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	83	41	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	83	41	0	0	0	0
Hệ không chính quy						
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp						
Trong đó:						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Khác...						

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017 (TN năm 2017)	2017-2018 (TN năm 2018)	2018-2019 (TN năm 2019)	2019-2020 (TN năm 2020)	2020-2021 (TN năm 2021)
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	414	463	476	467	355
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	42,5	42,98	39,44	57,42	47,43
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	86,89	91,36
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	11,11	9,57
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	100	88,00	91,49	94,02	93,30
1 - Sau 6 tháng tốt nghiệp.	7,14	20,00	19,3	15,66	5,68
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	5-10tr (48.29%)	5-10tr (84%)	5-15tr (84.34%)	5-15tr (69.33%)	6-15tr (89.4%)

4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	100	88,00	91,49	94,02	93,30
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	7,14	20,00	19,3	15,66	5,68
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Ứng dụng cao và phù hợp: 54,8	Ứng dụng cao và phù hợp: 67,3	Ứng dụng cao và phù hợp: 68,35	Ứng dụng cao và phù hợp: 75	Ứng dụng cao và phù hợp: 75
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	Ứng dụng không cao: 21	Ứng dụng không cao: 31,7	Ứng dụng không cao: 30,75	Ứng dụng không cao: 15,2	Ứng dụng không cao: 15,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	Không ứng dụng: 7,5	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 9,8	Không ứng dụng: 9,8

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: (Đã cập nhật từ Khoa QTKD)

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0						
3	Đề tài cấp Học viện-Khoa QTKD1	0,5	8	9	9	10	10	23
	Đề tài cấp Học viện-Khoa QTKD2	0,5	11	11	11	13	14	30
	Tổng		19	20	20	23	24	53

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 53 đề tài

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $53/30 = 1,77$

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	1.240	2%	0,02
2	2018	1.356	1,9%	0,02
3	2019	880	0,6%	0,03
4	2020	128	0,2%	0,18
5	2021	425	0,4%	0,07

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	25	
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	30	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	1	1	0	2	0	4
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	1	0	3	0	6

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/0 = 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	0	3	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	0	3	0

50. Số lượng bài báo của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	6	4	5	4	31,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	12	12	17	13	9	63
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	1		2	7	11	10,5
Tổng			15	18	23	25	24	105

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 105

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $105/30 = 3,5$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	27	5
Từ 6 đến 10 bài báo	2	3	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	30	5

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	1	0	0	1
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	1	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường (BCCĐ)	0,25	0	0	0	0	0	0
Tổng					2			1,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã

được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1,5 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $1,5/30 = 0,05$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Học viện
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	96	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	96	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	0	2	1	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 127.694,90 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 79.376 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 26.402,0 m² Nơi học: 46.640,0 m² Nơi vui chơi giải trí: 4.335 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11.991 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/12.107 = 0,98 \text{ m}^2/\text{SV}$.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 79 giáo trình và tài liệu tham khảo

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 477

- Dùng cho người học học tập: 840

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $840/3695 = 0,23$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 30

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $28/30 = 93,33\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $7/28 = 25\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $20/28 = 71,43\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 906 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 20,4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 79,21

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90,36.

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9,64

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 65,67 (TB cộng của các năm)

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 15,52 (TB cộng của các năm)

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 81,76 % thu nhập bình quân từ 5-15 triệu đồng/tháng (TB cộng của các năm)

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 76,15

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 14,12

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $53/30 = 1,77$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,38

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $105/30 = 3,5$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $1,5/30 = 0,05$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $926/12.107 = 0,076$.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/12.107 = 0,98 \text{ m}^2/\text{SV}$.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $24.834/14.107 = 1,76$.

Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan

1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán (gồm Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách)
(*Xem trang 266*)
2. Kế hoạch Tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh
(*Xem trang 271*)

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

Số: 921 /QĐ-HV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động và Trường trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông/ Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công.


Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Trường Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường khoa Quản trị kinh doanh 1&2, Trưởng các đơn vị có liên quan và và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐHV để (b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. Đặng Hoài Bắc


DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Kèm theo Quyết định số 924/QĐ-HV ngày 15/7/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch
4.	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCTI	Ủy viên thường trực
6.	TS. Trần Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên
7.	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên
8.	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên
9.	TS. Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Ủy viên
10.	ThS. Trần Thị Khánh Ly	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên
11.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyển trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên
14.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
15.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng QLKHCN&HTQT	Ủy viên
16.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Ủy viên
17.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị & CTSV	Ủy viên
18.	ThS. Trần Vũ Hải	Phó chánh văn phòng, Phụ trách VPHV	Ủy viên
19.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng Trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
20.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
21.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Ủy viên
22.	Bùi Việt Hà	Sinh viên Lớp D20CQQT3	Ủy viên
23.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 23 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15 / 7 /2022 của Giám đốc
 Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I	Trưởng Ban
2	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
3	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Hải Yến	CV Phòng QLKH-CN&HTQT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
7	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng HV	Thành viên
8	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
9	CN. Hà Hương Giang	Văn thư Học viện	Thành viên
10	CN. Võ Thị Diễm	Văn thư Cơ sở Học viện	Thành viên
11	CN. Ngô Thị Lê Vân	Trợ lý Khoa QTKD1	Thành viên
12	CN. Đỗ Kim Tân	Trợ lý Khoa QTKD2	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thùy Dung	Giảng viên chính Khoa QTKD1	Thành viên
13	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng TT KT&ĐBCLGD Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
15	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 15 người)



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số 94 / QĐ-HV ngày 15 / 7 /2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Nhóm 1: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 1, 2 và 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Thành viên
3	ThS. Đặng Văn Tùng	Q. trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	TS Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Thành viên
5	CN. Ngô Thị Lê Văn	Trợ lý Khoa QTKD1	Thư ký

Nhóm 2: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 4 và Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên khoa CNTT2	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVC khoa QTKD 1	Thư ký

Nhóm 3: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 5 và các tiêu chí 10.6 và 11.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng TT. KT&ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
3	ThS. Lê Thị Cẩm Thuận	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thành viên
4	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
5	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

Nhóm 4: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 6 và 7 (trừ tiêu chí 6.7).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Trưởng nhóm
2	KS. Phan Văn Soát	Trưởng phòng TCHC Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
3	ThS. Vũ Tuấn Anh	CV Phòng TCCB-LĐ	Thành viên
4	CN. Cao Hải Yến	CV Phòng TCCB-LĐ	Thành viên
5	ThS. Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB-LĐ	Thư ký

Nhóm 5: Viết báo cáo Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng P. QL KHCN&HTQT	Trưởng nhóm
2	ThS. Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
3	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
4	CN. Bùi Minh Huệ	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hải Yến	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thư ký

Nhóm 6: Viết báo cáo Tiêu chí 8.1 và 8.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	ThS. Đinh Thị Bích Hạnh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
3	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Thành viên
4	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thư ký

Nhóm 7: Viết báo cáo Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS Lâm Nguyễn Kỳ Thư	Phó trưởng khoa CNTT2	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Trung Hiếu	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
5	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thư ký

Nhóm 8: Viết báo cáo Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Trưởng nhóm
2	ThS. Trần Quang Thuận	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Công tác Sinh viên CSHV	Thành viên
3	CN Vương Đình Bách	CVC Văn phòng HV	Thành viên
4	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Thành viên
5	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thư ký

Nhóm 9: Viết báo cáo Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Vũ Hải	Phó chánh văn phòng, Phụ trách Văn phòng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng CSVCSHVC	Thành viên
3	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng TT Thí nghiệm TH	Thành viên
4	ThS. Trần Quang Hưng	Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
5	KS. Cao Xuân Hiến	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Thành viên
6	CN. Vũ Thị Huyền	Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
7	ThS. Lê Thị Cẩm Thuận	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thư ký

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 693 /KH-HV

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

I. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị kinh doanh sẽ giúp Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh (QTKD) so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Học viện; tự xem xét, đánh giá CTĐT của Học viện để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Quản trị kinh doanh để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Học viện đối với xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện việc giải trình với cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá (TĐG) CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch. Giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành QTKD theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành QTKD hiệu quả hơn.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Khoa Quản trị kinh doanh tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin, minh chứng của các đơn vị chức năng Học viện, qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2018-2022 (Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2022).

III. Công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh của Khoa Quản trị kinh doanh và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KDCL CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được thành lập theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện), Hội đồng gồm có 23 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

- Phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tổ chức thu thập thông tin minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn theo tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDDH) tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức biên soạn phần I. Tổng quan và phần IV. Cơ sở dữ liệu kiểm định của Báo cáo TDG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

b) Các nhóm công tác chuyên trách, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2 và 3	Mục 13 đến 21 Mục 25 đến 32	Nhóm 1	15/7/2022 - 15/8/2022	
2	- Tiêu chuẩn 4 - Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3		Nhóm 2	15/7/2022 - 15/8/2022	
3	- Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 10.6 và 11.5		Nhóm 3	15/7/2022 - 15/8/2022	
4	- Tiêu chuẩn 6 (trừ tiêu chí 6.7). - Tiêu chuẩn 7	Mục 22, 23, 24 Mục 33 đến 37	Nhóm 4	15/7/2022 - 15/8/2022	
5	Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4	Mục 42, 60 Mục 45 đến 55	Nhóm 5	15/7/2022 - 15/8/2022	

6	Tiêu chí 8.1 và 8.2	Mục 38, 39, 40	Nhóm 6	15/7/2022 - 15/8/2022	
TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
7	Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2	Mục 43	Nhóm 7	15/7/2022 - 15/8/2022	
8	Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3	Mục 44	Nhóm 8	15/7/2022 - 15/8/2022	
9	Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5	Mục 41, 56, 57, 58, 59, 61	Nhóm 9	15/7/2022 - 15/8/2022	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 05 ngày, dự kiến trong tháng 8/2022

2. Thành phần: Lãnh đạo Học viện; cán bộ giảng viên làm công tác đảm bảo CLGD; thành viên hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của các chương trình đào tạo đăng ký tự đánh giá năm 2022.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

Tập huấn về kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 14/3/2016. Các nội dung chính của khóa tập huấn gồm:

- Hướng dẫn xác định minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT theo từng nhóm.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Giao Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác TĐG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh (Nhân sự, tài chính, CSVC, trang thiết bị, ...) báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các thông tin cần thu thập từ bên ngoài do các nhóm chuyên trách đề nghị (cụ thể về nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Thuê chuyên gia hướng dẫn tìm minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.

Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán tại Học viện

Đối sánh tỷ lệ sinh viên NCKH, tốt nghiệp, thôi học với cùng chuyên ngành của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

....

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (18/7/2022+ 24/7/2022)	<ol style="list-style-type: none"> Họp Ban giám đốc Học viện và lãnh đạo Khoa Quản trị kinh doanh để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập Hội đồng TĐT. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG. Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách. Trao đổi, thống nhất Kế hoạch TĐG CTĐT. Thông nhất dự thảo Đề cương báo cáo TĐG.
Tuần 2-3 (25/7/2022+ 07/8/2022)	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo Giám đốc Học viện phê duyệt và công bố kế hoạch TĐG. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện TĐG CTĐT. Tổ chức hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ cán bộ tham gia Hội đồng TĐG và cán bộ chủ chốt các đơn vị có liên quan. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; phân tích và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 4-5 (08/8/2022+ 21/8/2022)	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 6 (22/8/2022+ 28/8/2022)	<p>Hội đồng TĐG CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét các báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; Thư ký HĐ tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 7	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh

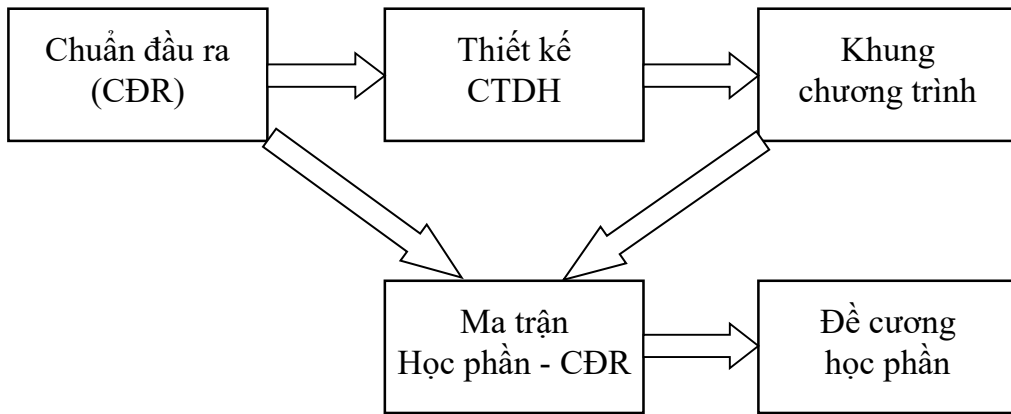
Thời gian	Nội dung hoạt động
(29/8/2022+ 04/9/2022)	sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các khoa, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 8 (05/9/2022+ 11/9/2022)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các khoa, bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh. 2. Các khoa, bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 9 (12/9/2022+ 18/9/2022)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG, hoàn thiện báo cáo TĐG và trình Giám đốc Học viện phê duyệt.
Tuần 10 (19/9/2022+ 25/9/2022)	1. Học viện gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT để đăng ký đánh giá ngoài. 2. Học viện báo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

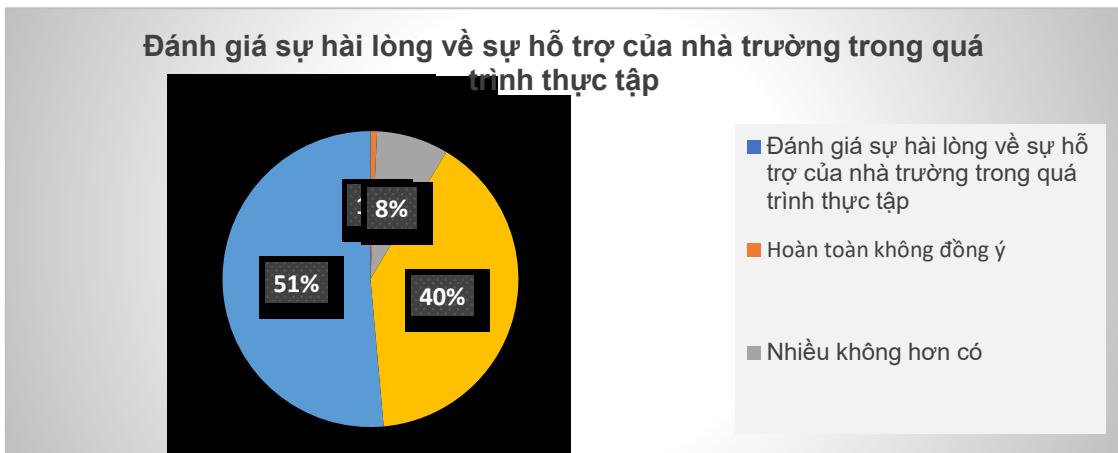
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để v/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện (để v/h);
- Lưu VT, KT&DBCLGD

**Đặng Hoài Bắc**

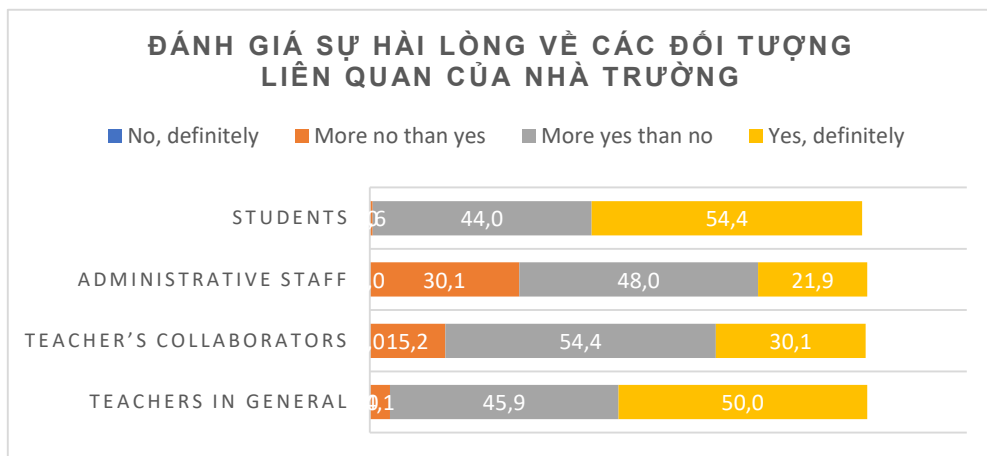
3. Các bảng biểu tổng hợp, thống kê,... phục vụ tự đánh giá CTĐT



(4) Hình 3. 1: Quy trình thiết kế, xây dựng CTDH



(5) Hình 8.1: Đánh giá sự hài lòng của SV đối với hoạt động thực tập



(6) Hình 8.2: Đánh giá mức độ hài lòng của SV về sự hỗ trợ của các đối tượng liên quan

(7) Bảng 3. 1: Cấu trúc các khối kiến thức của khung CTDH ngành QTKD năm 2021.

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	45	34,6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75	57,7
	<i>Trong đó:</i>		
	- Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	58	44,6
	- Kiến thức chuyên ngành	17	13,1
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10	7,6
	Cộng	130	100

(8) Bảng 3. 2: Khối kiến thức chung

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập / Thảo luận			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6			
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)(*)	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
	Tổng:		31					
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	7,5					
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(*): Điều kiện để đăng ký học học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là SV phải đạt trình độ tiếng Anh từ 150 điểm theo bài thi TOEIC Placement test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156).

(9)

(10) Bảng 3. 3: Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
13	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
14	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			
15	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	
16	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
17	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
18	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	24	6			
Tổng:			14					

(11) Bảng 3. 4: Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số Môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
19	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
20	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	
21	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
22	Nguyên lý QTKD	FIA1321	3	36	8		1	
23	Kinh tế lượng	BSA1309	3	36	8		1	
24	Quản trị học	BSA1328	3	36	8		1	
25	Quản trị chiến lược	BSA1325	3	36	8		1	BSA1328
26	Quản trị nhân lực	BSA1331	3	36	8		1	BSA1328
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp	FIA1324	3	36	8		1	BSA1328

TT	Tên môn học	Mã số Môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
28	Quản trị sản xuất	BSA1333	3	36	8		1	BSA1328
29	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	BSA1354	2	24	6			BSA1328
30	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			
31	Logistics căn bản	BSA1351	2	24	6			
32	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
33	Hệ thống thông tin quản lý	BSA1307	2	24	6			
34	Giao tiếp trong kinh doanh	BSA 1448	2	24	6			
35	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3	36	8		1	
36	Tài chính tiền tệ	FIA1326	3	36	8		1	
37	Thống kê doanh nghiệp	BSA1338	3	36	8		1	
38	QTKD quản trị	FIA1332	3	36	8		1	
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)								
39	Quản trị dự án	BSA 1364	2	24	6			
40	Đàm phán kinh doanh	BSA1304	2	24	6			
41	Quản trị công nghệ	BSA1326	2	24	6			
42	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	BSA1305	2	24	6			
43	Quản trị văn phòng	BSA1335	2	24	6			
44	Quản trị quan hệ khách hàng	BSA1336	2	24	6			
45	Hành vi tổ chức	BSA1337	2	24	6			
	Tổng:		58					

Kiến thức chuyên ngành

(12) Bảng 3. 5: Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
48	Quản trị marketing	MAR1424	2	24	6			MAR1322
49	Khởi sự kinh doanh	BSA1412	2	18	12			BSA1328

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
50	Kinh doanh quốc tế	BSA1353	2	24	6			BSA1328
51	Chuyên đề QTDN	BSA1402	2	6	24			
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)								
52	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
53	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
54	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
55	Thương mại di động	BSA1461	2	24	6			
56	Quản trị quan hệ đối tác	BSA1470	2	24	6			
57	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
58	Quản trị Logistics	BSA1471	2	24	6			
	Tổng:		17					

(13)

(14) Bảng 3. 6 Chuyên ngành Thương mại điện tử

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Pháp luật thương mại điện tử và AATT	BSA1355	2	24	6			BSA1365
48	Xây dựng website thương mại điện tử	BSA1408	2	24	6			BSA1365
49	Bán lẻ trực tuyến	BSA1457	2	24	6			BSA1365
50	Thanh toán điện tử	BSA1437	2	24	6			BSA1365
51	Chuyên đề TMDT	BSA1403	2	6	24			
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)								
52	E-Marketing	MAR1427	2	24	6			
53	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
54	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
55	Thương mại di động	BSA1461	2	24	6			
56	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
57	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
58	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
	Tổng:		17					

(15) Bảng 3. 7: Chuyên ngành Quản trị Logistics

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Quản trị Logistics	BSA1471	2	24	6			BSA1351
48	Quản trị vận chuyển và giao nhận	BSA1472	2	24	6			BSA1351
49	Quản trị dự trữ	BSA1473	2	24	6			BSA1351
50	Quản trị mua và nguồn cung ứng	BSA1474	2	24	6			BSA1351
51	Chuyên đề Quản trị Logistics	BSA1475	2	6	24			
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)								
52	Quản trị hệ thống thông tin Logistics	BSA1476	2	24	6			
53	Nghiệp vụ hải quan	BSA1477	2	24	6			
54	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
55	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
56	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
57	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
58	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
	Tổng:		17					

(16)

(17) Bảng 3. 8: Chuyên ngành Quản trị Marketing

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
46	Quản trị marketing	MAR1424	2	24	6			MAR1322
47	Marketing công nghiệp	MAR1426	2	24	6			MAR1322
48	Nghiên cứu marketing	MAR1430	2	24	6			MAR1322
49	Truyền thông marketing tích hợp	MAR1314	3	36	8		1	MAR1322
50	E- Marketing	MAR1427	2	24	6			MAR1322
51	Chuyên đề Quản trị Marketing	MAR1432	2	6	24			
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)								
52	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	MAR1318	2	24	6			
53	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	MAR1312	2	24	6			

Học phần và mã học phần		Chuẩn đầu ra PLOs																													
		Kiến thức								Kỹ năng						Tự chủ tự chịu TN				Hành vi đạo đức			Trình độ NN								
										Kỹ năng chuyên môn															Kỹ năng mềm						
		1	2	3	4	5	6a	6b	6c	6d	7	8	9a	9b	9c	9d	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
Quản trị dự án	BSA1364					x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x					
Đàm phán kinh doanh	BSA1304						x	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x				
Quản trị công nghệ	BSA1326					x	x	x	x		x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x					
Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	BSA1305				x	x	x	x	x		x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Quản trị văn phòng	BSA1335						x	x	x		x	x	x	x	x		x			x	x	x									
Quản trị quan hệ khách hàng	BSA1336					x	x	x	x		x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x					
Hành vi tổ chức	BSA1337			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
Kiến thức chuyên ngành																															
Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp																															
Quản trị doanh nghiệp	BSA1427				x	x	x				x	x	x								x	x	x	x	x						
Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Quản trị marketing	MAR1424				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Khởi sự kinh doanh	BSA1412				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Kinh doanh quốc tế	BSA1353				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Chuyên đề QTĐN	BSA1402				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)																															
Quản trị chất lượng	BSA1324				x	x	x				x	x	x	x		x	x					x	x	x	x	x					
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x	x				x	x	x	x		x	x					x	x	x	x	x					
Chính phủ điện tử	BSA1463				x	x	x				x	x	x	x		x	x					x	x	x	x	x					
Thương mại di động	BSA1461				x	x	x				x	x	x	x		x	x					x	x	x	x	x					
Quản trị quan hệ đối tác	BSA1470				x	x	x				x	x	x									x	x	x	x	x					
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462				x	x	x				x	x	x										x	x	x	x	x				
Quản trị Logistics	BSA1471				x	x	x				x	x	x										x	x	x	x	x				
Chuyên ngành Thương mại điện tử																															
Quản trị doanh nghiệp	BSA1427				x	x		x				x		x	x											x		x			
Pháp luật thương mại điện tử và ATTT	BSA1355				x	x		x				x		x	x											x		x			
Xây dựng website thương mại điện tử	BSA1408				x	x		x				x		x	x											x		x			
Bán lẻ trực tuyến	BSA1457				x	x		x				x		x	x											x		x			
Thanh toán điện tử	BSA1437				x	x		x				x		x	x											x		x			
Chuyên đề TMĐT	BSA1403				x	x		x				x		x	x											x		x			
Các học phần tự chọn (chọn 2/7)																															
E-Marketing	MAR1427				x	x		x				x		x	x											x		x			
Chính phủ điện tử	BSA1463				x	x		x				x		x	x											x		x			
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462				x	x		x				x		x	x											x		x			
Thương mại di động	BSA1461				x	x		x				x		x	x											x		x			
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x		x				x		x	x											x		x			

(19) Bảng 3. 10: Tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan (Giảng viên, cựu SV, chuyên gia/nhà khoa học và Doanh nghiệp) về CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021

TT	Nội dung khảo sát	Năm	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	Chương trình dạy học đã được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
2	Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của 100% các học phần trong chương trình dạy học đã phù hợp và đã góp phần đạt chuẩn đầu ra	2019	27 (82%)	6 (18%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
3	Chương trình dạy học có 100% các học phần trong đã tương thích về nội dung và đã thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chương trình dạy học có 100% các học phần đã được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, đã có phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt chuẩn đầu ra và được bố trí hợp lý	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Nội dung các học phần trong chương trình dạy học đã thể hiện được việc đạt được chuẩn đầu ra và định kỳ đã được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	2019	25 (76%)	8 (24%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
6	CTDH có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đã đảm bảo chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)
7	Chương trình dạy học đã được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật; khi điều chỉnh, có tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)

TT	Nội dung khảo sát	Năm	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý
8	Khoa/bộ môn, giảng viên xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra; giảng viên hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra; giảng viên/người học hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
9	Chương trình dạy học có 100% đề cương chi tiết các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm; nhấn mạnh đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng tới việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
10	Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra, đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng	2019	25 (76%)	8 (24%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)

Nguồn tổng hợp từ Báo cáo khảo sát các bên liên quan của Khoa QTKD về CTDH

(20) Bảng 6. 1: Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa QTKD.

Năm	Giấy khen của GDHV	Giấy khen của Bộ TT&TT	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp bộ
2017	2	0	5	1
2018	1	1	2	0
2019	1	0	2	0
2020	1	1	2	0
2021	1	1	2	0
Tổng	6	3	13	1

(21) Bảng 6. 2: Bảng thống kê số lượng đề tài nghiên cứu các cấp giai đoạn 2017 - 2022 do Giảng viên Khoa QTKD thực hiện

TT	Phân loại đề tài	Năm học					Tổng
		2017	2018	2019	2020	2021	
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ và tương đương	1	1	1	1	1	5
3	Đề tài cấp Học viện	10	8	6	7	6	37

(22) Bảng 6. 3: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố giai đoạn 2017 - 2021 do giảng viên Khoa QTKD thực hiện

TT	Phân loại	Năm học					Tổng
		2017	2018	2019	2020	2021	
1	Bài báo trong nước	15	11	16	12	18	72
2	Bài báo quốc tế	-	-	-	5	7	12
	<i>Bài ISI/Scopus</i>				4	4	8
Tổng		15	11	16	17	25	84

(23)

(24) Bảng 6. 4: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus 2017 - 2021 do GV Khoa QTKD thực hiện.

STT	Năm học	ISI/Scopus	Q2	Ghi chú
1	2017	0	0	
2	2018	0	0	
3	2019	0	0	
4	2020	4	4	
5	2021	4	4	
Tổng		8	8	

(25) Bảng 7. 1: Danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Trung cấp	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên Thư viện	0	0	5	0	0
Nhân viên phòng TNTH	3	1	8	0	0
Nhân viên CNTT	1	0	0	2	0
Nhân viên hành chính	28	2	11	1	0
Nhân viên hỗ trợ người học (Trung tâm 1 cửa, Trạm y tế, TTDV, các đơn vị chức năng có liên quan đến việc hỗ trợ SV, ...)	4	0	12	2	0
Tổng số	36	3	36	5	0

* Ghi chú: Trình độ trung cấp là lái xe, trực KTX, giảng đường.

(26) Bảng 8. 1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT các ngành, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2016-2017	584	206	2,83	197	BVH: 21,00 BVS: 19,75	21,18
2017-2018	2.210	233	9,48	221	BVH: 21,50 TTNV ≤ 3 BVS: 20,50 TTNV ≤ 3	22,12
2018-2019		255	0,00	246	BVH: 19,65 TTNV ≤ 2 BVS: 18,20 TTNV ≤ 9	19,73
2019-2020	4.644	279	16,65	268	BVH: 21,65 TTNV = 1 BVS: 19,70 TTNV ≤ 3	21,55
2020-2021	3.357	218	15,40	214	BVH: 24,60 TTNV ≤ 2 BVS: 23,50 TTNV ≤ 6	24,78
2021-2022	6.897	239	28,86	234	BVH: 25,90 TTNV ≤ 4 BVS: 25,00 TTNV ≤ 11	25,94

(27) Bảng 8. 2: Mức kinh phí cấp bù hàng năm

TT	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số tiền cấp bù (VNĐ)	338.582.000	348.364.000	373.216.350	360.087.780	307.757.320

(28) Bảng 8. 3: Kết quả khen thưởng SV ngành QTKD giai đoạn 2017-2021

TT	Ngành QTKD	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Số SV được khen thưởng	212	213	186	260	372
2	Số tiền khen thưởng (đồng)	28.300.000	34.000.000	41.200.000	57.300.000	76.650.000

(29) Bảng 8. 4: Tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành QTKD

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ %	91,20	91,18	90,0	92,68	92,72

(30) Bảng 10. 1: Các đề tài NCKH ứng dụng vào hoạt động giảng dạy chương trình đào tạo ngành QTKD .

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	Khoa QTKD 1			
1.	Phát triển dịch vụ logistics của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2017	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	Hệ thống thông tin quản lý
2.	Xu hướng phát triển các loại hình giao dịch thương mại điện tử trên thế giới và một số khuyến nghị cho Việt Nam.	2017	TS. Trần Thị Thập	TMĐT
3.	Ứng dụng Thẻ điểm cân bằng tại Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông VNPT – Vinaphone.	2017	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT Doanh nghiệp. QT Chiến lược, QT học
4.	Phân tích chiến lược cạnh tranh của tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	2017	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Quản trị Chiến lược, Quản trị học
5.	Nghiên cứu phát triển các gói dịch vụ cho tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2017	TS. Trần Thị Hòa	Quản trị DN, TCSX trong DN
6.	Nghiên cứu thực trạng và xu hướng phát triển thị trường Viễn Thông Việt Nam	2017	TS. Vũ Trọng Phong	QT chiến lược
7.	Nghiên cứu áp dụng 5S tạo môi trường làm việc tại Công ty vận chuyển và kho vận bưu điện	2017	Th.S Phạm Thị Minh Lan	QT chất lượng
8.	Giải pháp hoàn thiện tổ chức mạng điểm Bưu điện văn hóa xã đa dịch vụ tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	2017	TS. Trần Ngọc Minh	Quản trị DN, TCSX trong DN
9.	Phát triển thương mại điện tử tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2018	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	TMĐT
10.	Phát triển thương mại điện tử trong các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam	2018	TS. Trần Thị Thập	TMĐT
11.	Nghiên cứu phát triển thị trường truyền hình OTT tại Việt Nam	2018	TS. Vũ Trọng Phong	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
12.	Nghiên cứu chất lượng dịch vụ COD của	2018	TS. Trần Thị	QT chất lượng

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	Tổng công ty bưu điện Việt Nam		Hòa	
13.	Nghiên cứu sự tham gia của các nhà quản trị trong ứng dụng Thẻ điểm cân bằng tại Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông.	2018	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT Doanh nghiệp, QT Chiến lược, QT học
14.	Nghiên cứu mô hình bán hàng đa kênh ứng dụng vào các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đồ uống tại Việt Nam	2018	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	QT bán hàng
15.	Nghiên cứu triển khai cung ứng dịch vụ số liệu thống kê tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2018	Th.S Phạm Thị Minh Lan	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
16.	Nghiên cứu, đề xuất chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ cho nhân viên công tác tại các điểm bưu điện văn hóa xã đa dịch vụ tại Tổng công ty bưu điện Việt Nam	2018	TS. Trần Ngọc Minh	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
17.	Cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất đổi mới với hoạt động giáo dục đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2019	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	PPL NCKH
18.	Nghiên cứu sự tham gia của các cơ sở đào tạo đại học vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) tại Việt Nam.	2019	TS. Trần Thị Thập	Khởi sự kinh doanh
19.	Nghiên cứu đánh giá thị trường nội dung số tại Việt Nam	2019	TS. Vũ Trọng Phong	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
20.	Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực logistics cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2019	TS. Trần Thị Hòa	QT Nhân lực
21.	Nghiên cứu ảnh hưởng của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên khối ngành kinh tế và QTKD tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	2019	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	PPL NCKH, QT Marketing
22.	Nghiên cứu chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng di động của Tổng công ty VNPT - Vinaphone	2019	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
23.	Nghiên cứu triển khai dịch vụ hành chính công tại mạng điểm Bưu điện văn hóa xã đa dịch vụ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	2019	Th.S Phạm Thị Minh Lan	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
24.	Phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên khối ngành kinh tế tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2019	TS. Trần Ngọc Minh	QT nhân lực
25.	Đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong hoạt động thương mại điện tử	2019	TS. Trần Đoàn	Thương mại

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	tử tại Việt Nam.		Hạnh	điện tử
26.	Cách mạng công nghiệp 4.0 và liên kết giữa trường đại học - doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực công nghệ thông tin	2020	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	QT Nhân lực
27.	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ phát triển Thương mại điện tử trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.	2020	TS. Trần Thị Thập	Thương mại điện tử
28.	Nghiên cứu đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp VT-CNTT tại Việt Nam	2020	TS. Vũ Trọng Phong	Thương mại điện tử
29.	Nghiên cứu chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công của Tổng công ty bưu điện Việt Nam	2020	TS. Trần Thị Hòa	Thương mại điện tử, QT chất lượng
30.	Nghiên cứu sự công bằng trong tổ chức và động lực làm việc của giảng viên Học viện CNBCVT	2020	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT nhân lực
31.	Mô hình tổ chức ký túc xá sinh viên thời đại cách mạng công nghệ 4.0 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	2020	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Tổ chức sx trong DN
32.	Phát triển dịch vụ truyền thông nông thôn tại Tổng công ty bưu điện Việt Nam.	2020	Th.S Phạm Thị Minh Lan	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
33.	Nghiên cứu lòng trung thành khách hàng dịch vụ chuyển phát của các doanh nghiệp bưu chính Việt Nam	2020	Th.S Đỗ Thị Lan Anh	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
34.	Nghiên cứu các giải pháp trong xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử tại Việt Nam	2020	TS. Trần Đoàn Hạnh	Quản trị Chiến lược, Thương mại Điện tử
35.	Chiến lược kinh doanh quốc tế cho các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống Việt Nam	2020	Th.S. Trần Thị Tuấn Anh	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
36.	Chuyển đổi số trong giáo dục đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2021	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	QT nhân lực
37.	Kinh nghiệm phát triển thương mại di động (mobi commerce) của Trung Quốc và đề xuất cho Việt Nam.	2021	TS. Trần Thị Thập	Thương mại Điện tử
38.	Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Viễn Thông Việt Nam trong cung cấp dịch vụ internet băng rộng.	2021	TS. Vũ Trọng Phong	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
39.	Nghiên cứu hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Logistics của Việt Nam.	2021	TS. Trần Thị Hòa	QT nhân lực
40.	Nghiên cứu khả năng ứng dụng Thẻ điểm cân bằng tại Học viện Công nghệ Bưu	2021	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT Doanh nghiệp. QT Chiến lược, QT

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	chính Viễn thông.			học
41.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập tình huống phục vụ cho môn học “Đàm phán kinh doanh” tại Học viện công nghệ BCVT	2021	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Đàm phán kinh doanh
42.	Giải pháp phát triển dịch vụ tài chính bưu chính tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã của VNPost.	2021	Th.S Phạm Thị Minh Lan	Quản trị Chiến lược, QT Marketing
43.	Nghiên cứu Hoạt động tái cấu trúc tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	2021	Th.S Đỗ Thị Lan Anh	Quản trị Chiến lược, QT Doanh nghiệp
44.	Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động bán hàng online tại Việt Nam	2021	TS. Trần Đoàn Hạnh	Thương mại Điện tử; Luật Kinh doanh
45.	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến quyết định sử dụng các phương tiện thanh toán điện tử của người dân trên địa bàn Hà Nội.	2021	TS. Nguyễn Thùy Dung	Thương mại Điện tử; Thanh toán điện tử
	Khoa QTKD 2			
46.	Giải pháp ứng dụng lý thuyết Tâm lý trong Đàm phán Kinh doanh trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh	2018	Th.S. Phạm Mỹ Hạnh	Tâm lý quản lý, Quản trị học, Quản trị nhân lực
47.	Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên đại học khối ngành kinh tế tại Tp. Hồ Chí Minh	2018	TS. Hồ Thị Sáng	Khởi sự kinh doanh
48.	Đánh giá hoạt động Quản trị Logistics tại Công ty TNHH Logistics Việt Phát	2018	TS. Nguyễn Văn Phước	Quản trị sản xuất
49.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng của người tiêu dùng tại Tp. Hồ Chí Minh	2018	Th.S. Lê Nguyễn Nam Trân	Quản trị Marketing
50.	Ảnh hưởng của động lực giá trị thiết thực trong tra cứu thông tin trực tuyến đến dự định mua hàng – Nghiên cứu trường hợp thị trường tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh	2019	TS. Hoàng Lệ Chi	Quản trị Marketing, Thương mại điện tử
51.	Đánh giá chất lượng dịch vụ Internet cáp quang VNPT trên địa bàn TP Hồ Chí Minh từ phía khách hàng	2019	TS. Trương Đức Nga	Quản trị chất lượng, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị công nghệ
52.	Ứng dụng tâm lý trong bán hàng tại một số doanh nghiệp trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh	2019	Th.S. Phạm Mỹ Hạnh	Tâm lý quản lý, Quản trị học, Quản trị nhân lực
53.	Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự	2019	TS. Hồ Thị Sáng	Khởi sự kinh

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	doanh nghiệp của sinh viên tại TP. HCM - Sinh viên Khối ngành Kỹ thuật			doanh, Quản trị doanh nghiệp
54.	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ 4G của Mobifone khu vực TP. Hồ Chí Minh	2019	Th.S. Nguyễn Bảo Lâm	Quản trị chất lượng, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị công nghệ
55.	Đánh giá tính hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng Trách nhiệm Xã hội SA 8000 (Social Accountability 8000) tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	2019	Th.S. Đỗ Như Lực	Quản trị chất lượng
56.	Đánh giá công tác quản lý chuỗi cung ứng tại các công ty sản xuất tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh	2019	TS. Nguyễn Văn Phước	Quản trị sản xuất
57.	Vai trò của tính vị chủng tiêu dùng đến uy tín thương hiệu Việt - Nghiên cứu đối với sản phẩm thời trang thương hiệu Việt	2019	Th.S. Lê Nguyễn Nam Trân	Quản trị Marketing
58.	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT - Vietravel	2019	Th.S. Đỗ Duy Trọng	Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp
59.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng online của giới trẻ tại Tp. Hồ Chí Minh	2019	Th.S. Nguyễn Thị Hải Uyên	Quản trị Marketing
60.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU - kiểm chứng bằng mô hình trọng lực	2020	Th.S. Trần Thị Khánh Li	Kinh doanh quốc tế
61.	Phát triển dịch vụ Vinaphone tại VNPT TPHCM	2020	Th.S. Phạm Mỹ Hạnh	Quản trị doanh nghiệp
62.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm điện thoại Vsmart của người tiêu dùng Thành phố Hồ Chí Minh	2020	Th.S. Nguyễn Bảo Lâm	Quản trị quan hệ khách hàng
63.	Đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14000, những lợi ích và tồn tại cho các doanh nghiệp tại TP Hồ Chí Minh	2020	Th.S. Đỗ Như Lực	Quản trị chất lượng
64.	Đánh giá công tác quản lý chất lượng trong chuỗi cung ứng tại các công ty sản xuất tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh	2020	TS. Nguyễn Văn Phước	Quản trị chất lượng, Logistics căn bản
65.	Tác động của nhận thức đối với các ứng dụng tiếp thị truyền thông mạng xã hội đến lòng trung thành thương hiệu và ý định mua tại Tp. Hồ Chí Minh	2020	Th.S. Lê Nguyễn Nam Trân	Quản trị Marketing

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
66.	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Lữ hành FIDITOUR	2020	Th.S. Đỗ Duy Trọng	Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp
67.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng khi thực hiện mua hàng online tại Tp. HCM	2020	Th.S. Nguyễn Thị Hải Uyên	Quản trị chất lượng
68.	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua vé máy bay trực tuyến của khách hàng khu vực TP.HCM	2021	Th.S. Nguyễn Trung Thành	Quản trị quan hệ khách hàng, Thương mại điện tử
69.	Đánh giá dịch vụ vận tải Container nội địa bằng đường biển tại Tp. Hồ Chí Minh	2021	TS. Nguyễn Văn Phước	Logistics căn bản
70.	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các Công ty du lịch lữ hành niêm yết tại Tp. Hồ Chí Minh	2021	Th.S. Đỗ Duy Trọng	Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị rủi ro

(31) Bảng 11. 1: Tỷ lệ SV các ngành QTKD thôi học, nghỉ học theo năm học

Năm học	Tổng số SV	Số SV thôi học	Tỉ lệ (%)
2016 - 2017	197	39	3,44
2017 - 2018	221	28	3,12
2018 - 2019	246	33	3,42
2019 - 2020	268	28	2,54
2020 - 2021	214	22	3,27

(32) Bảng 11. 2: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD giai đoạn 2017 - 2021

Năm tốt nghiệp	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ (%)	88,0	79,0	67,0	47,0	40,0

(Nguồn báo cáo tình hình tốt nghiệp của SV hệ ĐHCQ ngày 07/09/2022)

(33) Bảng 11. 3: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành QTKD với các ngành đào tạo khác của Học viện

CTĐT	Tỉ lệ thôi học theo năm học (%)					Trung bình
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
Ngành QTKD	3,44	3,12	3,42	2,54	3,27	3,12
Ngành Kế toán	3,98	3,05	3,51	2,96	2,13	3,13
Ngành CNTT	4,08	5,92	4,35	2,18	2,37	3,78
Ngành KTĐTVT	3,36	4,34	3,32	1,13	0,96	2,62
Ngành ATTT	4,61	3,16	4,12	2,24	1,78	3,19

(34) Bảng 11. 4: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp (TN) và thôi học (TH) giữa ngành QTKD của Học viện với ngành QTKD của các trường đại học khác (đơn vị tính %).

Cơ sở Giáo dục	2017		2018		2018		2020		2021		TB	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Học viện CNBCVT	91,25	3,95	86,24	3,45	86,9	3,56	90,87	3,46	92,3	2,18	89,51	3,32
ĐH Công đoàn	90,54	8,9	98,65	10,2	84,53	12,6	84,68	18,42	83,5	16,64	88,38	13,35
Học viện Hàng không VN	82,25	7,35	78,85	6,58	74,35	15,85	76,36	17,65	75,12	15,92	77,39	12,67
ĐH Cần Thơ	90,05	3,8	76,95	8,15	93,8	1,96	97,8	10,68	88,54	8,78	89,43	6,67

(35) Bảng 11. 5: Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD theo khóa học giai đoạn 2027-2021

Năm học	2013-2017	2014-2018	2015-2019	2016-2020	2017-2021	Trung bình
Tỷ lệ (%)	4,20	4,03	4,13	4,24	4,06	4,13

(36) Bảng 11. 6: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành QTKD của Học viện với một số ngành đào tạo khác trong Học viện

TT	Năm nhập học	Năm tốt nghiệp	Thời gian TN trung bình các ngành (năm)		
			QTKD	Kế toán	MAR
1	2013	2017	4,20	4,03	4,07
2	2014	2018	4,03	4,01	4,15
3	2015	2019	4,13	4,12	4,16
4	2016	2020	4,24	4,07	4,02
5	2017	2021	4,06	4,02	4,04

(Nguồn: Tổng hợp của phòng Giáo vụ)

(37) Bảng 11. 7: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành QTKD của Học viện với với ngành QTKD của các trường đại học khác

Trường	Khóa học					Trung bình
	2013-2017	2014-2018	2015-2019	2016-2020	2017-2021	
Học viện CNBCVT	4,20	4,03	4,13	4,24	4,06	4,13
Đại học Cần Thơ	4,10	4,70	4,40	4,20	4,10	4,30
Đại học Sao Đỏ	4,04	4,03	4,06	4,04	4,00	4,03
Học viện Hàng không Việt Nam	4,19	4,20	4,32	4,00	4,23	4,19

(38) Bảng 11. 8: Tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành QTKD

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm (%)	Đúng ngành (%)	Liên quan ngành (%)	Không đúng ngành, %	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)			
						Cơ sở nhà nước	Cơ sở Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
Năm 2017	88,17	96,28	86,16	0,59	13,25	21,26	62,03	3,32	13,39
Năm 2018	92,24	95,25	87,12	0,94	11,94	14,07	53,27	5,27	27,39
Năm 2019	76,50	93,58	83,74	1,79	16,47	14,66	65,45	4,14	15,75
Năm 2020	90,22	93,54	78,45	9,53	12,02	11,25	68,04	3,32	17,39
Năm 2021	96,12	100	84,43	6,82	8,75	16,94	67,74	1,21	14,11

(39) Bảng 11. 9: Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tháng của SV ngành QTKD

Năm	Thu nhập bình quân dưới 5 triệu	Thu nhập bình quân từ 5-15 triệu	Trên 15 triệu
2017	4,40%	86%	9,60%
2018	7,76%	87,52%	5%
2019	7,60%	87%	5,20%
2020	6,32%	81,28%	12,40%
2021	5,50%	79,50%	15%

(40) Bảng 11. 10: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm ngành QTKD với các ngành đào tạo khác tại Học viện.

Ngành đào tạo	Tỷ lệ SV có việc làm (%)				
	2017	2018	2019	2020	2021
QTKD	94,50	90,58	92,35	95,15	94,29
Kế toán	95,17	93,54	93,58	96,28	95,23
Marketing	88,78	96,37	94,16	91,74	92,34
Công nghệ thông tin	98,67	93,54	93,58	96,28	95,25
Kỹ thuật Điện tử viễn thông	88,14	87,62	91,49	94,02	93,33
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	85,66	89,72	88,24	92,66	93,29

(41) Bảng 11. 11: Đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành QTKD với cùng ngành QTKD của các trường đại học khác

Cơ sở giáo dục	Tỷ lệ SV có việc làm (%)					
	2017	2018	2019	2020	2021	Trung bình
Học viện Công nghệ BCVT	94,50	90,58	92,35	95,15	94,29	93,37
Đại học Cần Thơ	95,29	94,52	96,68	98,21	97,75	96,49
Học viện Hàng không Việt Nam	97,26	93,35	87,00	90,58	93,85	92,40

(42) Bảng 11. 12: Đối sánh số lượng đề tài, số SV tham gia NCKH của SV CTĐT ngành QTKD với các ngành đào tạo khác của Học viện

Năm	Ngành đào tạo					
	QTKD		Kế toán		Marketing	
	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia
2017	17	36	16	34	16	31
2018	10	22	20	46	9	22
2019	10	25	8	21	8	25
2020	13	30	24	49	25	41
2021	23	48	10	31	35	51
Tổng	73	161	78	181	93	170

(43) Bảng 11. 13: Đối sánh tỷ lệ % số lượng SV ngành QTKD của Học viện tham gia NCKH với ngành QTKD của các trường đại học khác (tỷ lệ SV/ĐT)

TT	Cơ sở giáo dục	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Trung bình
1	Học viện CN BCVT	1,52	1,26	1,1	1,9	2,26	1,60
2	Đại học Cần Thơ	1,48	1,30	1,1	1,8	2,45	1,62
3	Học viện Hàng không Việt Nam	0,23	2,99	2,29	1,75	2,23	2,23

Nguồn dữ liệu báo cáo TDG CTĐT được công bố trên website của các trường đại học.

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TDG và viết báo cáo TDG (Kèm theo quyển Danh mục minh chứng)